

Hành Trình Trên Đất Phật



TT Thích Phước Thái

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 11-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Thành Kính Tri Ân

Lời Giới Thiệu

Lời Đầu Sách

A. Phần Vào Chuyện

I. Một Tâm Nguyên

II. Những Ngày Chuẩn Bị

III. Khởi Hành

01. Phi trường Melbourne (hình số 1)
02. Phi Trường Bangkok (hình số 2)
03. Phi Trường Tân Đề Li (Newdheli)
04. Khách Sạn New Sakya
05. Một Đêm Trên Xe lửa (hình số 3)
06. Trạm Xe Lửa Ba La Nại

B. Tham Quan Các Nơi

I. Ba La Nại

01. Vài nét về thành phố Ba La Nại (Baranasi)
02. Ngôi chùa Tây Tạng
03. Viện Bảo Tàng
04. Vườn Lộc Uyển (hình số 4)
05. Hạp Chủng (hình số 5)
06. Sông Hằng (hình số 5)
07. Vườn Lộc Uyển (lần thứ 2) (Hình số 6)
08. Bảo Tháp của người Miến Điện
09. Nơi Đức Phật gặp 5 anh em Kiều Trần Như

II. Xá Vệ Quốc

01. Tinh Xá Kỳ Viên (hình số 7)
02. Trưởng giả Cấp Cô Độc
03. Cây Bồ Đề của Ngài A Nan
04. Ngôi Tháp của Vô Nã
05. Nơi Phật Hiện Thân Thông (hình số 8)

III. Hành Trình đến Nepal

01. Tập tục của người dân Ấn
02. Bò đi giữa phố (hình số 9)
03. Chuyện tưới cây
04. Biên giới Ấn Độ Và Nepal (hình số 10)
05. Ngôi Chùa Đại Hàn

IV. Lâm Tỳ Ni (Lumbini)

01. Vài nét về Lâm Tỳ Ni (hình số 11)
02. Sinh hoạt (hình số 12)
03. Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) (hình số 13)
04. Hai Ngôi Mộ: Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Gia (hình số 14)
05. Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni (hình số 15)
06. Vườn Kudan (Nigrodha)
07. Việt Nam Phật Quốc Tự (hình số 16)
08. Bảo Tháp Hòa Bình (hình số 17)
09. Trên đường đến Câu Thi Na
10. Khách Sạn Buddha Hotel

V. Câu Thi Na

01. Vài nét về Câu Thi Na
02. Dâng y cúng Phật (hình số 18)
03. Sinh hoạt (hình số 19)
04. Bảo Tháp Trà Tỳ (hình số 20)
05. Ngôi Chùa Thái Lan

06.Ngôi Chùa Miến Điện

07.Ngôi chùa Việt Nam

VI.Tỳ Xá Li (Vaishali)

01. Vài nét về thành phố Tỳ xá lý

02.Dòng Sông Nơi Phật Tắm Lần Cuối (hình số 21)

03.Nền Nhà Cư Sĩ Thuần Đà (Cunda) (hình 22)

04.Nơi Đức Phật Cứu Đói (hình số (23)

05.Phát Tiền Cho Trẻ Em (hình số 24)

06.Dâng Nước Phật Uống

07.Nền Nhà Duy Ma Cật

08.Chùa Kiều Đàm Di

VII.Tiểu Bang Bihar

01.Đại Học Na Lan Đà (hình số 25)

02.Ngôi Chùa Thái (gần núi Linh Thứu)

03.Núi Linh Thứu (hình số 26)

04.Jivika (hình số 27)

05. Ngục thất Bình Sa Vương (Bimbisàra) (hình số 28)

06.Bồ Đề Đạo Tràng (Bodha gaya) (hình số 29)

07.Chùa Phật giáo Tây Tạng.

08.Chùa Phật giáo Trung Quốc

09.Chùa Phật giáo Thái Lan

10.Chùa Phật giáo Nhật Bản

11.Lễ phát nguyện quy y và gieo chủng duyên xuất gia (hình 30)

12.Phát quà cho những hộ nghèo (hình số 31 & 32)

13.Kê Túc Sơn (hình số 33 & 34)

14.Khổ Hạnh Lâm (hình số 35)

15.Đền Thờ Sujata (hình số 36)

16.Tặng quà các em mồ côi

17.Từ giả Bồ Đề Đạo Tràng

18.Một buổi họp bất thường (hình số 37)

19.Cúng dường tịnh tài và đạo phở

20.Ga xe lửa Ga Ya (hình số 38)

21.Trên đường về khách sạn

VIII.Tân Đề Li (lần thứ 2)

01.Thời Kinh cầu nguyện (hình số 39)

02.Thời công phu khuya

03.Nhà hàng Đại Hàn

04.Phi trường chờ đợi

IX.Aurangabad - Nam Ấn

01.Nhà trọ

- 02.Hang động Ajanta (hình số 40)
- 03.Hang động Ellora (hình số 41)
- XX.Tân Đề Li (lần thứ 3)
 - 01.Mộ Thánh Gandhi (hình số 42)
 - 02.Bảo Tàng Viện (Newdehli) (hình số 43)
 - 03.Nhà Hàng Ấn Độ
 - 04.Akshardham, Nơi Tổng Hợp Văn Hóa Ấn (hình số 44)
 - 05.Phát Quà
 - 06.Món bánh canh đặc sản
 - 07.Đi Shop mua quà
 - 08.Buổi tiệc chia tay
 - 09.Trên máy bay

C. Nhìn Lại

---o0o---

Thành Kính Tri Ân

Sách này được hình thành là nhờ công ơn của:

- Quý Đại Đức Thích Phước Viên, Thích Phước Quảng. Sư Cô Thích Phước An và quý đạo hữu Hồ Sĩ Trung, Minh Quang, Lê Phượng đã tận tình giúp cho phần đánh máy, kỹ thuật trình bày, sửa bản in và in ấn.

- Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý liên hữu trong hai đạo tràng: Phước Huệ và Quang Minh cùng quý Phật tử xa gần phát tâm hỷ cúng tịnh tài ấn tống.

- Nhà Xuất Bản Quang Minh.

- Quý vị đồng hành đã cung cấp bài vở và đóng góp tịnh tài.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng tri ân chân thành của soạn giả.

Nguyện đem công đức này hồi hướng cho quý ân nhân cùng pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Trân Kính

Thích Phước Thái

Lời Giới Thiệu

Ai cũng biết, Ấn Độ là một nước có một nền văn minh rất lâu đời. Hơn thế nữa, nơi đó còn sản sinh ra các triết gia, các đạo gia và có rất nhiều tôn giáo và thần linh. Có thể nói Ấn Độ là một nước tôn giáo, triết học và thi ca. Tôn giáo nổi tiếng và thanh hành nhất trước khi Đức Phật Thích Ca ra đời, phải nói đó là Bà La Môn Giáo, mà hiện nay gọi là Ấn Độ giáo. Đồng thời, Ấn Độ còn có nhiều danh lam thắng cảnh với ngọn núi Hy mã Lạp sơn hùng vĩ cao nhất thế giới. Đất đai rộng rãi là một bán đảo lớn có trên 5 triệu cây số vuông và với một dân số hơn cả tỷ người. Dân số được xếp loại đứng hàng thứ nhì chỉ sau Trung Quốc. Có thể nói, vị thế Ấn Độ giống như hình tam giác mênh mông, đáy ở phía Bắc, tức dãy núi Hy mã Lạp sơn quanh năm tuyết phủ; đỉnh thì ở phía Nam, tức đầu đảo Tích Lan, quanh năm nóng như thiêu. Phía Tây là Ba Tư mà dân chúng, ngôn ngữ, thần thánh đều rất gần với Ấn Độ.

Muốn tìm hiểu một đất nước, tất nhiên, người ta phải tìm hiểu qua mọi lĩnh vực: từ địa lý, nguồn gốc nhân chủng, sử ký, tôn giáo, triết học, chánh trị, giáo dục, mỹ thuật, văn học, thi ca v.v... và nhất là những phong tục tập quán có từ lâu đời ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống của dân chúng.

Kể từ khi Đức Phật ra đời, phần lớn mọi cơ cấu xã hội Ấn Độ đều có phần biến chuyển thay đổi. Nhất là những giai cấp bất công, những tập tục lạc hậu hủ bại lỗi thời... tất cả đều đã được Đức Phật phơi bày và đả phá triệt để. Ngài đã làm một cuộc cách mạng vĩ đại, phá tan mọi kiến chấp sai lầm, mà đã hơn một thời những giáo chủ của các đạo giáo, những nhà cầm quyền đã gây ra nhiều nổi thống khổ mà người dân, nhất là những người ở vào giai cấp thấp hèn hạ tiện phải bị chà đạp mất hết những nhân phẩm giá trị làm người. Đó là những tiếng kêu than trầm thống của những người dân bị trị. Sống giữa đêm dài tối tăm chịu đựng nhiều nỗi bức xúc khô nhục, Đức Phật là người mang nguồn ánh sáng chân lý đến xoa dịu cho họ. Từ đó, đời sống của người dân, của những giai cấp bị trị thấp hèn như đã khôi phục lại giá trị làm người. Và tất nhiên, đời sống của họ sẽ được bảo đảm và dễ thở hơn.

Khoảng hơn hai trăm năm sau Phật nhập diệt, có một vị hoàng đế khi mới lên ngôi, ông ta rất hung tàn bạo ngược, nhưng sau khi quy y Phật pháp, ông trở nên nhân từ đức hạnh và trở thành một Phật tử quân vương hộ trì

chánh pháp. Ông đã cho xây dựng nhiều ngôi chùa và bảo tháp. Ông đã xiển dương Phật pháp phổ cập khắp xứ Ấn Độ và lan rộng đến những vùng phụ cận. Công lớn lao của ông là ông đã đứng ra triệu tập một đại hội để kết tập pháp tạng lần thứ ba tại thành Ba Tra Ly Phát. Chủ tọa đại hội của kỳ kết tập này là Tôn giả Mục Liên Đệ Tu. Cuộc kết tập đã diễn ra trong thời gian chín tháng. Từ đó mới có văn tự chữ viết và lập thành tam tạng giáo điển. Đó là hoàng đế Asoka, tức A Dục Vương. Chính ông là người đã trồng sâu các trụ đá ở những nơi thánh tích, mà về sau các nhà khảo cổ học mới khám phá khai quật tìm thấy những dấu tích mà ông đã khắc ghi lại. Và cũng chính nhờ đó mà cả thế giới mới biết được những nơi Thánh địa. Trong số đó có “bốn Thánh địa” hay “Tứ Động Tâm” quan trọng mà ngày nay người ta đổ xô về Ấn Độ để tham quan chiêm bái.

Qua những nơi Thánh tích: Lâm Tỳ Ni (Lumbini) Bồ Đề đạo tràng (Bodhi Gaya) Vườn Lộc Uyển (Sarnath) và Câu Thi Na (Kusinagara) cũng như một vài thánh tích khác, xưa nay đã có nhiều tác phẩm viết về những nơi này. Mỗi tác phẩm đều có mỗi cách nhìn diễn đạt khác nhau. Tùy theo trình độ nhận thức của mỗi người mà sự diễn đạt sâu cạn có khác. Tuy nhiên, dù diễn đạt dưới hình thức nào, tựu trung, cũng nhằm nói lên sự hiện hữu của Đức Phật đã từng lưu trú và đi qua.

Tác phẩm Hành Trình Trên Đất Phật của thầy Thích Phước Thái, không đặt nặng chuyên sâu phần khảo cứu, phần lớn tác giả chỉ ghi lại những kỷ niệm trên bước đường hành hương chiêm bái và tu tập. Đồng thời, nó cũng còn tập hợp một vài bài viết hay những bài thơ mà những người trong đoàn do cảm hứng sáng tác. Vì thế, tác phẩm này mang tính ký sự hơn là một tác phẩm chuyên sâu trong lãnh vực khảo cứu. Tuy nhiên, nội dung của sách cũng mang lại cho chúng ta nhiều tài liệu quý giá mà tác giả đã có công sưu tầm ghi lại. Sách còn cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm thực tế quý giá mà đoàn đã trải nghiệm. Thiết nghĩ, cũng rất bổ ích cho sự tìm hiểu và giúp thêm kinh nghiệm cho những ai muốn hành hương trở về xứ Phật.

Mong rằng, trong tập sách nhỏ này độc giả (nhất là các bạn đồng hành) sẽ tìm thấy những điều ghi nhận rất bình dị, thật thà của tác giả qua những điều hay dở, thuận nghịch mà chính tác giả đã kinh nghiệm mục kích ghi lại.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nhà Xuất Bản Quang Minh

Lời Đầu Sách

Tập sách nhỏ này, chúng tôi ghi lại những ngày hành hương chiêm bái tu học ở Ấn Độ. Dù đã trải qua hai lần hành hương, một lần vào năm 2003 và một lần vào năm 2009. Tuy nhiên, qua hai lần hành hương đó, thú thật, chúng tôi cũng không mấy hài lòng. Vì chúng tôi chỉ đi theo đoàn mang tính cách du lịch hơn là nghiên cứu tu học. Khác nào như người cỡi ngựa xem hoa. Đi trong sự vội vã hấp tấp gấp rút vì quá lệ thuộc vào thời gian. Điều đó cũng không trách được, vì thời gian hành trình ngắn mà những nơi chiêm bái thì nhiều. Bởi do không cân xứng tương đối như thế, nên đoàn đi vừa thăm mệt mà lại không được chiêm nghiệm tu tập nhiều. Do đó, chúng tôi có ước vọng nếu sau này có đủ cơ duyên thuận tiện, thì chúng tôi sẽ thực hiện một chuyến đi tu học tự túc không hề lệ thuộc vào thời gian. Có thể, thì mới có hứng thú trong việc nghiên cứu tìm hiểu tu tập. Nhất là có đủ thời giờ để đi sâu vào lãnh vực thiền quán, chiêm nghiệm qua những nơi mà Đức Phật và các thánh chúng thường cư trú, thuyết pháp, tu tập. Như các nơi: Bồ Đề Đạo Tràng, Vườn Lộc Uyển, Tinh xá Kỳ Viên, Tinh xá Trúc Lâm, núi Linh Thứu v.v... Nhất là Tứ Thánh Địa hay Tứ Động Tâm, cần phải lưu lại những nơi này lâu hơn.

Do nghĩ thế, nên chúng tôi kết hợp một số Tăng Ni và Phật tử có tâm huyết tu học để thực hiện chuyến đi hành hương tự túc này. Nói tự túc là vì chúng tôi không có đứng ra tổ chức thu tiền ai cả. Tự mỗi người liên lạc với đại lý bán vé và mua vé cũng như các điều kiện khác như đóng tiền visa, bảo hiểm v.v... Còn về nơi ăn chốn ở và di chuyển ở bên Ấn Độ, thì cũng chính do mỗi người tự bỏ tiền ra đóng góp vào. Đồng thời, tôi cũng cho mọi người biết là chuyến đi này không có ở khách sạn sang trọng, phần nhiều là tạm trú ở các chùa và ăn uống thì phần lớn là tự túc nấu ăn. Nếu ai đồng ý thì đi còn không thì thôi. Đó là điều mà chúng tôi thật tình báo trước cho quý vị đó biết. Lúc đầu, chúng tôi dự tính số người đi tối đa là 15 người, nhưng không ngờ số người xin đi lại gia tăng gấp đôi, tất cả là 24 vị. Nếu tính luôn sáu người ở Ấn Độ nữa thì đúng ba mươi vị.

Mục đích của chuyến đi này, như chúng tôi đã thưa, chủ yếu của chúng tôi là hướng dẫn tu tập. Đến mỗi nơi đều có tụng kinh, lễ bái, niệm Phật, thiền quán và giảng pháp. Tùy theo khung cảnh và thời gian mà linh động áp dụng mỗi nơi cho thích hợp. Ngoài những nơi thánh tích ra, khi đến mỗi chùa, (phần nhiều là chúng tôi ngủ nghỉ và ăn uống trong chùa), đều có những thời khóa lễ hành trì tụng niệm cả.

Khi lên xe đi tham quan chiêm bái mỗi thánh tích, như là tuyến đường xa, chúng tôi đều có chương trình tu học và giải trí trên xe. Như luân phiên niệm Phật, nghe trình bày về cuộc đời của Đức Phật cũng như thuyết trình về nền văn minh, văn hóa, tôn giáo, triết học và những phong tục tập quán đời sống của người dân Ấn. Sau đó, kể chuyện vui và văn nghệ. Nói chung, chúng tôi tận dụng thời gian để cho đoàn tu tập, học hỏi và giải trí. Chúng tôi thường gọi chiếc xe là ngôi chùa lưu động và sân khấu di chuyển. Ngồi trong xe niệm Phật, nghe pháp, thì đâu có khác gì ngồi trong chánh điện. Tâm thanh tịnh thì nơi nào cũng thanh tịnh cả. Nói theo Ngài Duy Ma Cật thì: “Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh”. Nhờ đó mà cả đoàn đã học hỏi rất nhiều. Cũng như giải trí bằng cách ca hát những bài hát đạo, phần lớn do chúng tôi sáng tác. Kể những câu chuyện vui mang tính khôi hài lạnh mạnh. Như vậy, cũng chẳng khác nào như một sân khấu luôn luôn di động.

Ngoài ra, chúng tôi còn có những cuộc phỏng vấn với các tăng ni sinh đang du học ở Ấn Độ. Chúng tôi phỏng vấn qua nhiều lãnh vực, nhiều khía cạnh của nền văn hóa Ấn Độ. Từ tôn giáo, triết học, xã hội, cho đến giáo dục, y phục và những phong tục tập quán đời sống của dân chúng. Đó là chúng tôi lợi dụng thời gian để trao đổi học hỏi thêm ở trên xe. Đồng thời mỗi người phát biểu cảm tưởng và chia sẻ những gì mà họ học hỏi thu thập được qua kinh nghiệm của bản thân. Chúng tôi cũng dành cho mọi người có những thời giờ trò chuyện tâm sự riêng tư thoải mái và nếu ai cảm thấy mệt mỏi thì cứ ngủ nghỉ để dưỡng sức. Nhờ thế mà mọi người cảm thấy vừa vui khỏe mà cũng vừa rất thích thú bổ ích. Do đó, mọi người không nghĩ đến thời gian, nên tới nơi khi nào cũng không hay biết.

Nhân đây, thay mặt đoàn, chúng tôi xin chân thành cảm ơn ba vị ở Ấn Độ: Thầy Thích Minh Đức, Sư Cô Phước Sinh và Sư Cô Huệ Hòa. Phải nói ba vị này đã tận lực giúp cho đoàn rất nhiều. Mỗi vị chia mỗi công việc phần vụ khác nhau để phụ lo cho đoàn. Như thầy Minh Đức thì lo liên lạc các nơi và tiếp xúc với những vị có trách nhiệm ở mỗi nơi khi đoàn đến. Sư Cô Phước Sinh thì lo về sổ sách thu xuất cho chuyến đi và lo thuê xe buýt, mua vé xe lửa và đặt vé máy bay, cũng như những nhu cầu linh tinh cần thiết khác. Sư Cô Huệ Hòa thì lo về việc trai soạn, mua thực phẩm và nấu nướng thức ăn cho đoàn. Mỗi công việc, tuy đều có những vị trong đoàn phụ giúp, nhưng vai trò chính yếu vẫn do quý vị ở bên đó phụ trách. Và chúng tôi cũng không quên cảm ơn Thầy Phước Nhơn (từ Mỹ quốc sang) và quý vị trong đoàn đã tận tâm phụ lực với nhau. Nhờ thế, mà chuyến đi kỳ này đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Được thế, cũng do mỗi người tự ý thức bổn phận và tích cực tương trợ lẫn nhau, nên mọi việc mới được suôn sẻ an ổn.

Lời sau cùng, vì chúng tôi không phải là một nhà văn chuyên nghiệp, nên việc ghi chép hành văn của chúng tôi, chắc chắn còn rất vụng về và nhiều lỗi lầm thiếu sót. Chúng tôi kính mong quý độc giả, các bậc cao minh thức giả thương tình lượng thứ và chỉ giáo cho. Người viết xin hết lòng tri ân và đa tạ.

Một lần nữa, chúng tôi thành kính tri ân chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Phật tử cũng như các bạn đồng hành đã hỗ trợ tinh thần, bài vở và nhứt là ủng hộ đóng góp phần tịnh tài, nên quyển sách này mới sớm được hoàn thành.

Kính nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho chư Tôn liệt vị vạn sự an khang, kiết tường như ý.

Kính

Thích Phước Thái

---o0o---

A. Phần Vào Chuyện

I.Một Tâm Nguyện

Từ lâu, chúng tôi hằng mong mỏi ao ước, nếu có đủ cơ duyên thuận lợi thì, chúng tôi sẽ thực hiện một chuyến đi hành hương chiêm bái tu học tự túc (tự mỗi người bỏ tiền ra mua vé máy bay và các thứ khác) ở Ấn Độ. Nhờ trải qua hai lần hành hương mà chúng tôi có thêm chút ít kinh nghiệm. Chúng tôi nhận thấy, đi với tánh cách như đi du lịch thì thật không hưởng được thú vị gì cho đời sống tâm linh. Đến những nơi Thánh Địa hoặc ở một vài thánh tích khác, mà đi như người cỡi ngựa xem hoa thì thật là uổng phí!

Suốt mấy năm qua, tôi hằng ôm ấp cái tâm nguyện đó. Nhớ lại, cách đây vài năm, tôi có trình bày với chú Minh Quang về tâm nguyện của tôi. Đồng thời, tôi cũng có nói rõ về cách thức tổ chức và nội dung của chuyến đi. Tôi không ngờ chú Minh Quang cũng có đồng tâm nguyện như tôi. Chú nói: “Thưa thầy, đã lâu rồi, con cũng hằng ôm ấp cái tâm nguyện giống như thầy, nhưng rất tiếc là từ trước tới giờ chưa có người nào đứng ra tổ chức thực hiện chuyến đi đúng như thầy nói. Con thấy, những đoàn khác mà họ đã tổ chức, phần lớn là họ đi với tánh cách du lịch hơn là đi tu học. Do đó, nên con không thích và cũng không muốn đi. Vì đó không phải là cái mong

muốn sở nguyện của con. Nếu như thầy đứng ra tổ chức, thì con sẽ hết lòng ủng hộ và tình nguyện đi với thầy”. Như vậy, tôi lại có thêm một đồng minh có cùng một tâm nguyện giống như tôi.

Từ đó, tôi luôn nghĩ tới và mong muốn sẽ có một ngày thực hiện ý nguyện đó.

Tình cờ một nhân duyên đưa đến, nhân mùa holiday tháng 12 năm rồi (2010), tôi lên Phước Huệ để hướng dẫn giúp cho khóa tu xuất gia ngắn hạn, không ngờ tôi lại gặp sư cô Phước Sinh, một vị học trò cũ của tôi khi cô chưa xuất gia. Sư cô Phước Sinh đã và đang du học ở Ấn Độ. Và tôi được biết, những lúc nghỉ học, thỉnh thoảng, cô cũng có hướng dẫn một vài người đi theo dạng thức tu học hơn là du lịch. Nhân đó, tôi trình bày tất cả những ý nguyện của tôi và tôi nhờ cô giúp giùm. Nghĩa là cô sẽ lo tất cả mọi thủ tục ở bên Ấn Độ. Như visa vào ra Nepal và mọi thứ khác như: nơi ăn, chỗ ở và sự di chuyển v.v...Sau khi nghe qua tôi trình bày về mọi thứ, nhất là đặt nặng phần tu tập hành trì ở những nơi Thánh địa, cô liền đồng ý và hứa sẽ giúp cho tôi được tròn sở nguyện. Cô nói thêm, nếu như thầy muốn thực hiện chuyên đi có tánh cách tự túc như thế, thì xin thầy đừng có nhận số người đông, tốt nhất là khoảng 15 người thôi. Vì số người càng đông thì càng khó cho mình sắp xếp nơi ăn chỗ ở, nhất là vấn đề di chuyển tới lui. Tôi nói, như vậy cũng tốt. Tôi sẽ không kêu gọi công bố rộng rãi. Tôi chỉ nói riêng những vị nào có tâm huyết thật lòng muốn đi tu học mà thôi.

Thế là, tôi yên tâm vì đã có người giúp tôi. Và tôi rất tin tưởng vào việc làm của sư cô Phước Sinh. Vì cô đã du học ở Ấn Độ cũng nhiều năm. Và lại, cô cũng có chút ít kinh nghiệm về việc hướng dẫn đoàn.

Một vài người nghe tôi trình bày, thì họ liền hưởng ứng ghi tên tham gia. Tuy tôi không có phổ biến rộng rãi cho hai đạo tràng Quang Minh và Phước Huệ biết, nhưng cuối cùng thì ai cũng biết. Tuy nhiên, tôi giới hạn khi nhận người. Một vài sư cô ở Phước Huệ cũng ngỏ ý muốn đi. Tôi giới hạn những vị trọng tuổi, sức khỏe kém. Có người lúc đầu thì hăng hái ghi tên tham dự, nhưng họ nghe nói chuyện đi của tôi là mang balô vật và cực khổ, nên có một vài vị rút tên không đi. Nhưng số này thì rất ít. Khi nhận người đi, tôi cũng có báo trước cho họ biết về mọi việc trong khi đi. Tôi nhấn mạnh, chuyên đi này chủ yếu là tu học, chớ không phải đi theo dạng thức du lịch hưởng thụ. Nếu quý vị nào cảm thấy không thích hợp, thì tốt hơn hết là không nên đi.

Theo dự định lúc đầu chỉ nhận tối đa là 15 người, nhưng cuối cùng thì con số lại gia tăng lên đến 24 vị. Bởi lẽ, thời gian gần đi thì lại có một số người năn nỉ xin đi. Vì số người tăng lên gần gấp đôi, nên tôi phải thương lượng lại với sư cô Phước Sinh. Cô nói với tôi, nếu như quý vị đó có tâm nguyện đi tu học theo như ý thầy nói, thì thầy cứ nhận cho họ đi. Có gì chúng con ở bên đây lo cho không sao đâu. Nghe nói thế, tôi liền chấp nhận cho họ đi. Từ đó, tôi khóa sổ lại quyết định không còn nhận thêm người nữa. Vì con số đã vượt quá sự dự định rồi.

Sau khi nhận đủ số người đi, tôi liền sưu tầm một số tài liệu để biên soạn thành tập “Cẩm Nang Hành Hương”, nhằm để giúp cho mọi người tiện bề tìm hiểu. Vì tôi nghĩ, nếu như có tập Cẩm Nang thì rất tiện lợi cho mọi người tìm hiểu hơn. Trong tập Cẩm Nang, chúng tôi trình bày về cách thức tổ chức, chương trình của mỗi ngày đi mỗi nơi, và đặc biệt là giải thích rõ về Tứ Thánh Địa hay Tứ Động Tâm, và một vài thắng cảnh khác, cũng như những nhân vật nổi tiếng thời Phật. Những vị này có liên quan đến những di tích mà chúng tôi đến thăm viếng. Biên soạn xong, tôi nhờ chú Minh Quang in ra và đóng lại thành tập để phân phát cho mọi người. Đồng thời, kèm theo một bản kinh tụng và những bài hát sinh hoạt của đạo tràng.

Nói đến Tứ Thánh Địa, thì ai cũng mong muốn đến tận nơi một lần để tham quan chiêm bái. Vì những nơi ấy chính là những nơi mà Đức Phật sanh ra (Lâm Tỳ Ni) lớn lên (Ca Tỳ La Vệ) tu khổ hạnh (Khổ Hạnh Lâm thuộc thôn Ưu Lâu Tần Loa) thành đạo (Bồ Đề Đạo Tràng) chuyển pháp luân (Vườn Lộc Uyển) và cuối cùng Ngài nhập Niết Bàn (Kusinagara Câu Thi Na) Ngoài ra, còn những nơi khác như Tinh xá Kỳ Hoàn, Tinh xá Trúc Lâm, núi Linh Thứu v.v.. mà Đức Phật thường tới lui hoặc lưu trú để thuyết pháp độ sanh. Đó là những nơi quan trọng làm người đệ tử Phật, ít nhất trong cuộc đời cũng nên một lần đến tận nơi chiêm bái. Đó là nguyện vọng chung của người con Phật. Vì thế, trong đoàn của chúng tôi đi lần này, ngoài tôi ra, còn có ba vị đã đi qua một lần. Đó là ni cô Huệ Thanh, cô Diệu Phủ và cô Diệu Hòa. Còn lại, tất cả đều mới đi lần đầu. Mọi người ai nấy đều nôn nóng mong đợi cho mau tới ngày khởi hành, vì đó là tâm nguyện chung của mọi người.

---o0o---

II. Những Ngày Chuẩn Bị

Muốn thực hiện chuyến đi cho được chu đáo tương đối có kết quả tốt đẹp, tất nhiên, mọi việc phải có sự sắp xếp tổ chức chuẩn bị trước. Chuẩn bị đủ mọi thứ: từ việc nhỏ đến việc lớn. Trước tiên, là phải dò hỏi giá cả các đại lý bán vé để đặt mua vé. Điều may mắn là có cô Oanh em ruột của sư cô Phước Sinh đứng ra lo giúp cho phần đặt vé này. Vì cô là người đại diện cho đại lý bán vé có tên là: YesTravel PTY LTD địa chỉ số 218 B Main Road St Albans Vic 3021. Tôi đã nhờ cô Oanh theo dõi để mua vé sale khi cần. Đây là thể theo ý kiến chung của những người đã ghi tên đi. Họ nói, mình tiết kiệm được phần nào thì tốt phần đó. Sở dĩ họ góp ý như thế, như tôi đã nói, chuyến đi này do mọi người tự động đóng góp tiền, chớ tuyệt nhiên, tôi không có lấy tiền của ai cả. Và cũng không có ra giá chuyến đi là bao nhiêu. Tôi chỉ là người đứng ra đại diện để giúp cho mọi người thôi. Dĩ nhiên, tôi cũng là một thành viên như mọi người, nghĩa là cũng phải mua vé và đóng tiền đủ mọi thứ y như họ. Điều may mắn là mọi người đều mua giá sale mỗi vé \$1.290 (một ngàn hai trăm chín mươi đồng).

Ngoài việc theo dõi để mua vé sale ra, tôi cũng còn nhờ Oanh lo hết mọi thủ tục giấy tờ và giao dịch với các hãng máy bay cho chuyến đi. Cô Oanh đã hoan hỷ nhận lấy trách nhiệm và cô rất sốt sắng lo cho vấn đề này. Từ đó, mọi liên lạc tôi nói với cô là cứ liên lạc thẳng với những vị mà tôi đã nhờ giúp thay tôi. Ở vùng Springvale thì có một nhóm 5 người, do ni cô Huệ Thanh giới thiệu. Do đó, mọi liên lạc phổ biến tin tức liên quan đến chuyến đi thì Oanh trực tiếp liên lạc với cô Huệ Thanh. Một nhóm người trong đạo tràng Quang Minh và các vị khác không ở trong đạo tràng, thì liên lạc với Minh Quang. Vì tôi đã nhờ Minh Quang liên lạc với họ mỗi khi Oanh phổ biến tin tức. Trên chùa Phước Huệ ở Sydney, thì liên lạc với thầy Phước Viên. Nghĩa là ở mỗi nơi, tôi nhờ một vị thay tôi để thông báo mọi tin tức cho những vị trong nhóm. Tuy nhiên, khi có việc gì thay đổi, thì Oanh đều điện thoại hoặc gửi email báo tin cho tôi biết.

Danh sách số người đi từ Úc đến Ấn Độ gồm có 24 người. Chư Tăng Ni gồm có: Thầy Phước Thái, Thầy Phước Nhơn (từ Mỹ sang), Sư Cô Phước Liễu, Sư Cô Phước Trường, Sư Cô Phước Hòa, Ni Cô Huệ Thanh.

Quý vị Ưu bà tặc (nam cư sĩ) gồm có: Minh Quang Lê Văn Diễm Chánh Giác Nguyễn Minh Hồng và Thiện Giác Lý Ngô Liêu.

Quý vị Ưu bà di (nữ cư sĩ) gồm có: Huỳnh Diệp Hoa, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Phạm Thị Hưng, Ann Yong, Đỗ Lang Hương, Trương Ngọc Dung, Hồ Thị Nhan, Châu Thị Đẹt, Nguyễn

Nhật Tiến, Nguyên Nhật Huyền, Nguyễn Thị Thời, Trần Kim Huê, Lê Thị Lê, Huỳnh Ngọc Sương, Lê Thị Cúc.

Vì muốn tiện bề thức nhắc kiểm soát trong khi đi, nên chúng tôi y cứ vào danh sách trên mà chia thành hai chúng. Mỗi chúng 12 người. Đứng đầu mỗi chúng là một chúng trưởng. Chúng tôi lấy tên của hai vị Tổ: Ca Diếp và A Nan mà đặt tên gọi cho mỗi chúng.

Chúng Trưởng chúng Ca Diếp là Sư cô Phước Liễu. Các chúng viên gồm có: Sư Cô Phước Trường, Sư Cô Phước Hòa, Huỳnh Diệp Hoa, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Lý Ngô Liêu, Phạm Thị Hưng, Ann Yong, Đỗ Hương Lan, Trương Ngọc Dung.

Chúng Trưởng chúng A Nan là Ni Cô Huệ Thanh. Các chúng viên gồm có: Minh Quang, Diệu Hoa, Diệu Hòa, Nguyên Nhật Tiến, Nguyên Nhật Huyền, Nguyễn Thị Thời, Trần Kim Huê, Lê Thị Lê, Nguyễn Minh Hồng, Huỳnh Ngọc Sương, Lê Thị Cúc.

Sau khi lo mọi thủ tục giấy tờ xong, tôi mời một số vị vào trong Ban Tổ Chức. (Việc này đã được công bố trong một buổi họp phân công tác tại chùa Tây Tạng thuộc thành phố Ba la Nại). Mọi người rất vui vẻ nhận việc.

Thành Phần Ban Tổ Chức gồm có:

Trưởng phái đoàn:

-ĐĐ Thích Phước Thái

Thư Ký:

- Diệu Phủ.

- Ngọc Tuyền.

Thủ Quỹ:

-Sư Cô Phước Hòa,.

-Nguyễn Thị Thời.

Trai Soạn:

- Sư Cô Huệ Hòa
- Nguyễn Nhật Tiến.
- Nguyễn Thị Thờì.
- Lê Thị Lê.

Hướng Dẫn & sắp xếp:

- ĐĐ Thích Minh Đức.
- Sư Cô Thích Phước Sinh.
- Sư Cô Thích Huệ Hòa.

Giảng huấn & Thuyết trình

- ĐĐ Thích Phước Thái
- Sư Cô Thích Phước Sinh.
- Sư Cô Thích Huệ Hòa.

Quay phim & Nhiếp ảnh:

- Chánh Giác.
- Thiện Giác.

Ghi chép & Thâu băng:

- Huệ Thanh.
- Minh Quang.
- Nhật Tiến.
- Diệu Phủ.

Về phần kỹ luật, đại khái gồm có 9 điều:

Luôn luôn thể hiện tinh thần yêu thương tương kính hòa ái giúp đỡ lẫn nhau.

Trên đường đi không được tự động ghé vào shop mua đồ, nếu không có sự đồng ý của vị Trưởng Đoàn.

Đến mỗi nơi Già lam (chùa) không được tự ý cúng dường riêng rẽ mà nên cúng dường tịnh tài tập thể, nếu xét thấy cần.

Trên đường đi gặp những người ăn xin không được tự ý móc tiền cho, vì như thế sẽ gây trở ngại khó khăn cho đoàn.

Khi tụng niệm chiêm bái, hành lễ phải giữ hết sức hết sức thành kính trang nghiêm.

Giờ học tập, nghe pháp phải hết lòng chăm chú lắng nghe, tuyệt đối không được nói chuyện riêng tư.

Phải tương trợ giúp đỡ chăm sóc lẫn nhau trong khi có người đau yếu, hoặc phân công giúp nhau trong lúc nấu nướng khi cần.

Trường hợp khi ngủ nghỉ ở trong chùa, mỗi người nên cố gắng gìn giữ ba nghiệp: Thân, khẩu, ý cho thanh tịnh.

Khi có gặp trở ngại khó khăn gì mà cần phải giải quyết, thì nên trình bày cho vị Trưởng Đoàn hoặc Ban Hướng Dẫn biết.

Đó là 9 điều luật mà mỗi người tự ý thức và tuân hành. Nhờ đó, nên đoàn đến mỗi nơi tu học rất trang nghiêm và trật tự. Nhất là những lúc ở trong chùa, mỗi đoàn viên đều gìn giữ oai nghi hạnh kiểm rất tốt.

Chuyến đi nào khi làm thủ tục giấy tờ, ít nhiều gì cũng không tránh khỏi một vài trở ngại khó khăn nhỏ nhỏ. Theo dự định là chúng tôi sẽ ở Ấn Độ thời gian 20 ngày và sau đó về lại Thái Lan và ở Thái Lan 4 ngày. Đối với hãng máy bay Thái, từ trước tới sau, theo Oanh cho biết, thì không có gì trục trặc xảy ra cả. Riêng về tour Thái Lan 4 ngày, thì lúc đầu có hơi gặp khó khăn trở ngại một chút về vấn đề giá cả. Bởi lẽ, khi đặt vé, thì họ cho mình một danh sách tham quan những nơi theo ý họ sắp đặt. Nhưng rất tiếc, những nơi này không phù hợp với đoàn muốn đến. Chủ yếu của đoàn là chỉ muốn đi tham quan chiêm bái ở các ngôi chùa nhiều hơn. Do đó, mà có sự thay đổi khó khăn về giá cả. Tuy nhiên, cuối cùng rồi cũng đầu vào đó. Phải

chăng điều này cũng là điểm báo trước mà đoàn không thể đến tham quan ở Thái Lan được, vì đã xảy ra bão lụt ở nơi đó. Con bão lụt đã gây ra thiệt hại tài sản và sinh mạng thật khá nặng nề.

Để duyệt lại và bàn thảo thêm một số vấn đề thiết yếu trước và trong khi đi, tôi mời các đoàn viên đến chùa Quang Minh tham dự buổi họp. Trong buổi họp này, rất tiếc là những vị ở xa không đến tham dự được. Như những vị ở trên Sydney cũng như một số vị ở Springvale. Tuy họ không đến dự, nhưng sau đó, tôi đều có điện thoại trình bày đại khái cho mỗi người biết qua. Đồng thời, tôi cũng có gửi cho họ một danh sách về những vật dụng cần thiết mang theo. Những điều tôi trình bày không ngoài những vấn đề cần thiết cho mỗi cá nhân chuẩn bị mang theo trong khi đi, như là vấn đề thức ăn. Vì tránh sự trùng hợp mang theo nhiều quá, nên tôi bảo mỗi người mang theo thức ăn những gì, nên cho mọi người cùng biết. Nhờ vậy, mà thức ăn khi qua Ấn Độ, mọi người đều giao hết cho nhà bếp để nhà bếp trọn quyền quản lý phân phối sử dụng. Sau khi mọi việc đã chuẩn bị sắp xếp xong, mọi người chỉ còn chờ đợi đúng theo ngày giờ đã định mà khởi hành.

---o0o---

III. Khởi Hành

Bao nhiêu ngày chờ đợi ước mong, cuối cùng rồi cũng phải đến. Có điều trùng hợp thật không thể ngờ trước. Sự quyết định ngày giờ và đặt vé máy bay trước khi chùa Quang Minh quyết định ngày đại lễ khánh thành. Nhưng không ngờ lại có một sự trùng hợp, ngày chủ nhật 16.10. 2011. là ngày chánh thức đại lễ khánh thành và chiều lại là chúng tôi phải ra phi trường để làm thủ tục check in hành lý. Thú thật, qua 3 ngày đại lễ khánh thành, tôi rất mệt mỏi, không được nghỉ ngơi lại còn phải ngồi trên máy bay suốt mười mấy tiếng đồng hồ. Do đó, nên những ngày đầu khi tới Ấn Độ, tôi bị ngã bệnh, cơn bệnh dây dưa kéo dài khoảng hơn một tuần lễ.

Ngày giờ khởi hành mọi người không xuất phát cùng một địa điểm. Lúc đầu, chúng tôi dự định tất cả đều tập trung về chùa Quang Minh rồi cùng đi ra phi trường một lượt. Nhưng giờ chót có một số người bất tiện không thể đến được. Do đó, nên có một số người xuất phát khởi hành từ chùa Quang Minh. Số này rất ít, chỉ có những vị ở Sydney về dự lễ khánh thành chùa Quang Minh mà thôi. Như quý sư cô: Phước Trường, Phước Hòa và hai Phật tử: Huỳnh Diệp Hoa và Nguyễn Thị Hồng Phượng. Còn lại, những vị ở các nơi khác mỗi người tự động ra phi trường. Riêng cô Diệu

Phủ cũng xuất phát từ chùa Quang Minh như chúng tôi. Chúng tôi hẹn gặp nhau tại phi trường Melbourne vào lúc 9 giờ tối ngày 16. 10. 2011, tức nhằm ngày 20 tháng 9 năm Tân Mão.

---o0o---

01. Phi trường Melbourne (hình số 1)

Mỗi người đến phi trường không đồng nhút, kẻ đến trước người đến sau. Tuy nhiên, không có ai đến trễ. Tất cả đều đến kịp giờ để cân hành lý. Nơi đây, chú Minh Quang phân phát cho mỗi người một quyển Cẩm Nang do tôi biên soạn và có người tặng cho đoàn mỗi người một cái mũ trắng cũng như một cái túi xách vải nhỏ gọn để đựng đồ lặt vặt khi cần. Sau khi làm thủ tục check in xong, chúng tôi vào bên trong chờ đợi. Tôi bảo mỗi người nên kiểm lại giấy tờ, tiền bạc, hành lý xách tay v.v... Nhìn thấy trên gương mặt mọi người ai nấy đều lộ vẻ hân hoan hơn hẳn vui tươi. Họ trò chuyện tâm tình với nhau một cách rất là cởi mở thân mật. Vì tất cả đều có chung một ý hướng, một tâm nguyện. Ý nguyện đó họ đã hằng ôm ấp từ lâu, nay đã trở thành sự thật. Họ ra đi như trút bỏ mọi vương vấn gút mắc trong lòng. Họ chỉ có một ước mong là cầu nguyện cho chuyến đi được thành công tốt đẹp. Tất cả đều hướng về đất Phật, nơi mà họ sẽ đặt chân đến trong niềm hoài vọng ước mong.

Đúng 11 giờ tối, tất cả đều mang hành lý xách tay lên máy bay. Chiếc phi cơ airlines Thái mang số TG 0462 rất rộng rãi tiện nghi. Đoàn chúng tôi 24 người đều được sắp chỗ ngồi gần nhau. Sau khi ổn định chỗ ngồi, phi cơ cất cánh an toàn. Ngồi trên máy bay có thể tâm tư mỗi người suy tư mỗi khác. Nhưng tựu trung cũng đều hướng lòng về Tứ Thánh Địa nơi mà họ sẽ đặt chân đến. Người nào dễ ngủ, thì ngã lưng ra ngủ. Còn ai khó ngủ chẳng hạn như tôi, thì thức trọn cả đêm. Dù vậy, nhưng tôi cũng nhắm nghiền đôi mắt lại để dưỡng thần cho khỏe. Đó cũng là thói quen của tôi.

Ta vui bước trong tinh thần tha thiết

Hướng tâm thành đất Phật quyết hành hương

Đoàn người đi họp mặt tại phi trường

Ngày mười sáu lên đường mau kéo trễ

Tương trợ giúp nạn hà nào sá kể

*Hành lý xong toàn thể bước vào trong
Đoàn người đi cùng chí hướng tâm đồng
Trên gương mặt mọi người vui hơn hờ
Đoàn cất bước hành trình theo nhịp thở
Chờ máy bay trặc trở chẳng hề nao
Đến Thái Lan hành lý chẳng lãng xao
Người tay xách vai mang đầy háo hức...*

Ngày 1, tức ngày 17/10/2011/

---o0o---

02. Phi Trường Bangkok (hình số 2)

Chúng tôi đến phi trường Bangkok vào lúc 4 giờ 30 sáng (giờ địa phương). Nơi đây, chúng tôi phải chờ đợi để chuyển máy bay đến thủ đô Tân Đê Li. Chúng tôi phải chờ đợi nơi đây mất khoảng 3 tiếng đồng hồ. Trong quyển nhật ký của cô Diệu Phủ có đoạn cô viết: “Phi trường Thái ngày nay hoành tráng quá, vừa sang trọng vừa rộng lớn và tiện nghi tối đa cho hành khách. Phải đi bộ thật nhiều, thật xa nhưng nhờ có những đường băng máy cuốn trợ lực nên cũng đỡ cho ai yếu sức hay mỏi mệt. Tuy vậy, vẫn phải vừa đi vừa chạy nên ai cũng thở hào hển khi đến điểm hẹn – nơi có trang trí cây kiềng băng ghé ngồi xung quanh một ngôi tháp vàng khá to, lộng lẫy. Đang mệt vì đường xa, đi bộ nhiều lại suốt đêm không ngủ, mọi người cảm thấy thèm khát ngã lưng trên những chiếc ghế massage êm ái tại một khu vực có trên 10 cái ghế như vậy dành cho hành khách thư giãn”.

Trong khi chờ đợi, lợi dụng chút thời gian này, chúng tôi trình bày và nhắc nhở trong đoàn một số việc trong khi đi. Nhất là giải thích thêm về phần kỹ luật của đoàn. Những điều kỹ luật này đã ghi rõ trong tập Cẩm Nang. Sở dĩ chúng tôi nhắc nhở và giải thích về những vấn đề này, là vì trong buổi họp mặt hôm trước thiếu vắng một số người. Do đó, nên những vị này chưa nắm vững được những gì mà chúng tôi đã loan báo căn dặn. Tuy một số đã nghe qua, nhưng hôm nay tôi trình bày thêm theo lịch trình của những nơi đến. Chúng tôi giải thích những điều mà trong tập Cẩm Nang đã

nêu ra. Mọi người ngồi yên lặng lắng nghe tôi trình bày. Sau đó, tôi lần lượt giải đáp một số thắc mắc những gì mà họ đã nêu ra. Thật không ngờ tự nhiên biến nơi đây thành một cuộc họp rất lý thú. Vì chỗ này, ngoài đoàn chúng tôi ra không có ai cả. Chúng tôi chọn một nơi rất yên tĩnh thanh vắng. Sau đó mọi người tự do tâm tình cởi mở và chờ đợi lên máy bay đến thủ đô Tân Đề Li.

---o0o---

03. Phi Trường Tân Đề Li (Newdheli)

Chúng tôi đến phi trường Tân Đề Li khoảng 10 giờ sáng (giờ địa phương). Tân Đề Li (Newdheli) là thủ đô Ấn Độ. Nhìn thấy cách thiết trí trang bị đầy đủ tiện nghi đâu có thua gì những phi trường tân tiến khác. Tôi đã nghe danh tiếng Tân Đề Li rất lâu, nay mới có dịp chứng kiến. Nếu so với những phi trường khác mà tôi có dịp đã đi qua, như phi trường singapore, Thái Lan v.v... thì phải nói phi trường này cũng có tầm cỡ quốc tế. Hai lần trước, lần nào đến Ấn Độ, tôi cũng đáp phi cơ tại phi trường Calcutta. Vì thế, tôi nghĩ phi trường Tân Đề Li cũng không hơn gì phi trường calcutta là bao nhiêu.

Thế nhưng khi tới đây rồi, tôi mới biết là ý nghĩ qua sự đánh giá của mình thật là hết sức sai lầm. Ở đời, có nhiều việc mình đánh giá sai lầm lắm. Vào bên trong phi trường, tôi vô cùng ngạc nhiên, nhìn thấy mọi thứ đều sạch sẽ, thứ tự, ngăn nắp. Từ sự ăn mặc đồng phục của các nhân viên làm việc, đến các phòng vệ sinh, rồi những nơi bày bán các thứ đồ dùng, đồ ăn lật vật v.v... phải nói mỗi mỗi đều có ngăn nắp thứ tự sạch sẽ. Nơi đâu cũng bóng loáng trang hoàng đẹp mắt. Đó là điều đáng mừng cho một đất nước, mà lâu nay, khi nghe nói đến đi Ấn Độ là người ta nghĩ ngay tới những vấn đề vệ sinh và ăn uống.

Tuy nhiên, đất nước nào cũng vậy, cũng có mặt phải và mặt trái của nó. Những nơi mà thường tiếp xúc với những du khách ngoại quốc, bao giờ chánh phủ cũng phải tân trang sửa sang mọi thứ cho thật sang trọng. Nhất là vấn đề vệ sinh sạch sẽ và những thứ tiện nghi khác cần phải thiết bị cho chu đáo. Vì đó là bộ mặt ngoại diện thể thống của một quốc gia. Nếu như bê bối, thì người ta sẽ đánh giá quốc gia đó thiếu văn minh và văn hóa. Và từ đó dẫn đến bao nhiêu sự thiệt hại đến những phương diện khác. Vì vậy cho nên quốc gia nào cũng phải gìn giữ cái bộ mặt xã giao trình diện bên ngoài cho có văn minh và văn hóa. Ấn Độ là một đất nước cũng không tránh khỏi cái

công lệ đó. Đi sâu vào bề trái của nó thì ta mới thấy được những cái giả tạo bề ngoài. Đó là cái nổi thống khổ chung của những con người bất hạnh thấp hèn kém phước đức.

Về cách làm việc của những nhân viên ở đây, chúng tôi thấy họ giải quyết vấn đề thủ tục giấy tờ một cách lè mề chậm chạp và khó khăn. Việc họ xét kỹ hành lý hay người thì không nói, vì đó là vấn đề bảo vệ sự an ninh của họ. Đó là điều tôi nghĩ du khách nào cũng phải thông cảm và chấp nhận. Bởi đó là vấn đề an toàn của một quốc gia cần phải làm. Tuy nhiên, có điều họ làm chậm chạp làm mất thời gian rất nhiều.

Sau khi làm thủ tục check out hành lý xong, chúng tôi đẩy xe hành lý ra ngoài. Khi bước ra ngoài thì thật là thất vọng. Một sự thất vọng tràn trề. Việc này, cũng cho tôi và đoàn một bài học tuy vỡ lòng nhưng rất thực tế. Bài học đó là đừng bao giờ nuôi hy vọng bất cứ điều gì. Nhưng ở đời phần nhiều người ta vui sống là nhờ vào hy vọng. Tuy biết rằng có những hy vọng xa vời thực tế, nhưng mà người ta cũng vẫn ước mong. Thú thật, lúc còn ở phi trường Thái Lan cũng như lúc ngồi trên máy bay, tôi nghĩ, khi chúng tôi đến phi trường Tân Đề Li, chắc chắn sẽ được những vị trong Ban Tổ Chức ra chào đón phái đoàn và lúc đó tay bắt mặt mừng thật là vui vẻ. Tôi còn tưởng tượng thêm là quý vị đó sẽ choàng vào cổ mỗi người chúng tôi một tràng hoa thân thiết chào mừng. Bởi choàng tràng hoa cũng là phong tục đẹp của người Ấn. Nhưng những gì tôi hy vọng liên tưởng đến tất cả đều trở thành không tưởng và thất vọng.

Chúng tôi phải chờ đợi gần nửa tiếng đồng hồ mà không thấy bóng dáng một ai. Có người còn nói: “Phe ta đâu mất rồi không thấy vậy”. Nói phe ta là vì nhìn chung quanh toàn thấy những người xa lạ. Đến một nơi xa lạ có người thân quen đón rước mình thì thật là vui sướng hãnh diện biết bao! Thôi rồi, tôi đoán chắc nhứt định là phải có chuyện gì bị trục trặc xảy ra không ổn. Chớ có lý nào phe ta lại làm như vậy. Bởi trước khi đi, tôi có liên lạc với sư cô Phước Sinh là sẽ ra phi trường đón rước chúng tôi. Cô còn nói với tôi là thầy yên tâm đừng có lo, chúng con sẽ đón rước thầy và phái đoàn về khách sạn, mọi việc chúng con đã chuẩn bị sẵn sàng hết rồi. Đã hẹn thế, thì đâu có lý gì mà cô lại bỏ chúng tôi. Có thể là bị trục trặc về vấn đề xe cô chẳng! Ở Ấn Độ việc này thường hay xảy ra lắm. Ai nấy đều nóng lòng, không thể đứng chờ hoài, nên cô Nguyên Nhật Tiên liền mượn điện thoại của một nhân viên cảnh sát đứng gần bên để gọi cho sư cô Phước Sinh. Lần đầu, gọi không được, đến lần thứ hai mới nghe được tiếng của sư cô Phước Sinh trả lời. Đúng như tôi đã dự đoán là bị trục trặc xe cô.

Tôi nhìn thấy bốn vị từ xa đi tới chỗ chúng tôi đứng chờ đợi. Người đi đầu là sư cô Huệ Hòa, người cô tuy thấp nhỏ, nhưng rất bén nhạy hoạt bát lanh lẹ. Thấy chúng tôi cô chào hỏi lia lịa. Người đi kế là sư cô Phước Sinh. Sư cô này cũng không cao hơn sư cô Huệ Hòa là bao nhiêu cũng có thể là thấp hơn không chừng. Cô rất hiền hòa nói năng từ tốn khiêm cung ai thấy cũng dễ cảm mến. Cô là người mà tôi nhờ lo lắng mọi thứ ở Ấn Độ. Từ việc di chuyển, chỗ ở cho đến vấn đề ăn uống v.v... Kế đến là thầy Minh Đức, thầy này do sư cô Phước Sinh nhờ phụ giúp cho đoàn. Cuối cùng là thầy Phước Nhơn. Thầy từ Mỹ quốc về Việt Nam và từ Việt Nam qua Ấn để tháp tùng cùng đi với chúng tôi.

Tôi chưa kịp hỏi thì sư cô Phước Sinh đã lên tiếng trước, xin lỗi tôi và đoàn đã phải chờ đợi hơi lâu. Lý do là vì mình thuê chiếc xe này, thì họ lại đổi chiếc xe khác. Chiếc xe hơi tệ nên bị chết máy. Thêm khổ nỗi, tài xế không rành đường nên chạy vòng vo nên tới trễ. Xin lỗi thầy và xin lỗi quý vị. Tôi biết quý vị đó cũng xôn xang nóng lòng khó chịu lắm. Tôi chỉ biết an ủi và coi như chuyện xảy ra không may thế thôi! Quý vị cũng đừng buồn. Đoàn chờ đợi một chút cũng không sao!

Thế là, mọi người vui vẻ lên xe về khách sạn. Từ phi trường tới khách sạn xe chạy mất khoảng gần cả tiếng đồng hồ. Tới khách sạn lúc đó khoảng gần 12 giờ trưa. Giờ này mọi người chắc đang đói bụng. Vì ở phi trường Thái Lan không có ai ăn gì cả.

---o0o---

04. Khách Sạn New Sakya

Đường vào khách sạn thật quanh co khó đi. Đường đi chật hẹp sỏi đá gồ ghề lổm chổm. Đã thế mà người ta lại còn chưng bày bán đủ các thứ đồ lặt vặt hai bên đường. Do đó đường đã nhỏ hẹp lại càng nhỏ hẹp hơn. Chúng tôi chỉ mang trên vai hoặc xách tay những hành lý nhẹ đi bộ vào, còn những hành lý lớn nặng thì thuê người khuân vác. Chỉ tạm nghỉ ở đây vài tiếng đồng hồ, chiều lại đoàn phải ra ga xe lửa để đi Ba La Nại (Baranesi). Khách sạn này là của người Tây Tạng. Khách sạn có tên là New Sakya House số 193, New Aruna Nagar, Majnu-ka-Tila Delhi 11005. Khách sạn tương đối cũng khá rộng lớn, gồm có ba tầng lầu. Bên trên có sân thượng rất tiện cho việc phơi quần áo. Tầng lầu nào cũng có đoàn chúng tôi ở cả. Phòng ở tương đối rộng rãi thoáng sạch, mỗi phòng có hai giường ngủ. Hai người ở chung một phòng thật thoải mái. Mỗi phòng đều có quạt máy

trên trần, không có máy lạnh. Chỉ có khách sạn cao cấp mới có máy lạnh. Khi trở lại Tân Đề Li trước khi về lại Úc, chúng tôi cũng tạm trú trong khách sạn này.

Sau khi nhận phòng xong, mọi người tắm rửa và rồi chuẩn bị dùng trưa. Khách sạn này tắm rửa thoải mái vì có hệ thống nước nóng cung cấp rất đầy đủ, không sợ tắm nửa chừng bị thiếu nước nóng. Tắm rửa xong, chúng tôi dùng trưa. Thật tôi không ngờ, bữa ăn trưa hôm nay, đầu bếp đã chuẩn bị sẵn cho đoàn một món ăn rất đặc sắc. Ai cũng biết thức ăn ở xứ Ấn Độ thật không phải dễ nuốt. Thế nhưng, bữa ăn trưa hôm nay, thức ăn hoàn toàn đặc sản thuần túy Việt Nam. Đó là món bánh canh thật hảo hạng. Được biết, nồi bánh canh này chính do ba sư cô: Sư cô Hạnh Quang, sư cô Huệ Hòa và sư cô Phước Sinh đích thân nấu (hiện ba vị này đang du học tại Ấn Độ). Đang lúc bụng đói, mà lại gặp món bánh canh thơm ngon như thế này, thì đâu còn gì phải nói. Ai nấy đều thưởng thức một cách rất ngon lành. Song có điều chúng tôi phải ăn lén. Vì trong khách sạn họ cấm không cho mình tự nấu như thế. Do đó, mỗi người tự lấy rồi đem về phòng ăn. Quý sư cô đã chuẩn bị tô nhựa và muống dừa sẵn sàng. Tôi biết những người nào mạnh ăn thì chắc chắn phải ăn hai tô mới đủ sức. Thật ra, tô cũng không bị lấm. Phải thành thật mà nói, nồi bánh canh thật thơm ngon đủ mùi gia vị. Tôi không hiểu ở cái xứ khó tìm gia vị này, mà sao quý sư cô lại biến chế nấu ngon lành như thế. Riêng tôi, thì tôi cảm thấy rất ngon. Không phải vì bụng đói ăn thấy ngon, mà thực sự là do người khéo nấu. Thật là hợp khẩu vị với mọi người. Tôi nghe ai cũng tấm tắc khen ngợi nồi bánh canh này. Đó là bữa ăn đầu tiên, khi đoàn vừa mới đặt chân đến xứ Ấn Độ.

---o0o---

05. Một Đêm Trên Xe lửa (hình số 3)

Ăn xong, chúng tôi nghỉ ngơi vài tiếng đồng hồ để chuẩn bị tối lại đi xe lửa đến thành phố Ba La Nại (Baranesi). Chúng tôi rời khách sạn đến ga xe lửa Tân Đề Li (Newdelhi) vào lúc 5 giờ chiều. Đúng 7 giờ 30, đoàn lên xe lửa. Mỗi gian phòng trên xe lửa gồm có 8 cái giường. Nổi giường chớ thật ra chỉ là những miếng nệm cứng bọc sắt câu móc vào tường. Mỗi cái giường vừa đủ một người nằm. Người nào lớn tuổi chân yếu thì nằm ở dưới, còn người nào đôi chân còn khoẻ mạnh thì leo lên trên. Mỗi bên tường từ dưới lên trên có 3 cái giường. Đây là lần thứ ba đến Ấn Độ, tôi mới có dịp đi xe lửa. Hai lần trước chưa có dịp nếm qua mùi vị này. Có điều khó khăn cho đoàn là hành lý quá nhiều, nên khi lên xe thì hành lý không biết phải để đâu

cho hết. Do đó, Thầy Minh Đức và một vài người phải phụ khiêng vác dồn một số hành lý vào một gian phòng. Thế là hành lý đã chiếm hết 6 cái giường chông, chất đầy hành lý từ dưới lên trên. Còn một số khác thì kéo đống rai rác ở những gian phòng có đoàn ở. Nội việc thu xếp hành lý không thôi đã mất rất nhiều thời giờ.

Ở đây, người bán vé xe lửa đòi hỏi phải có danh sách hẳn hoi họ mới bán. Họ căn cứ vào danh sách mà bán vé. Bởi vậy mà mình không thể mua thêm chỗ để hành lý được. Khi lên xe một lúc là có nhân viên đến xét vé và người. Vì vậy, nên mới xảy ra việc giải quyết khó khăn này. Đây cũng là một kinh nghiệm cho những ai khi đi không nên mang hành lý nhiều. Từ kinh nghiệm này, nên khi chuyển về lại Tân Đề Li, mọi người thu xếp hành lý một cách gọn gàng đỡ phải tốn mất nhiều thời gian. Nghĩa là, hành lý của ai thì người đó kéo đi thẳng đến chỗ giường của mình. Nhờ vậy, nên việc phân tán sắp xếp hành lý đâu vào đó một cách gọn ghẽ dễ dàng.

Sắp xếp hành lý xong, Ban trai soạn chuẩn bị cho buổi ăn tối. Thức ăn do Ban trai soạn nấu sẵn mang theo. Thức ăn rất đơn giản chỉ có cơm, nước tương, một ít đồ kho và rau luộc. Thế mà ai nấy ăn rất ngon lành. Có lẽ một phần vì bụng đói, một phần vì lạ chỗ, nên ăn chung với nhau rất vui. Nhờ vui nên ăn cảm thấy ngon miệng. Cần nói rõ, chúng tôi ở một gian phòng có tám người. Đôi khi cũng có một hai người khác xen vào. Nhưng sau đó mình tìm chỗ đôi cho họ để đoàn được ở chung nhau cho dễ. Họ cũng rất dễ dãi, khi mình tìm được chỗ thì họ cũng chịu dời đi. Nhờ vậy mà đoàn được ở chung với nhau. Vì đi trong đêm tối, nên chúng tôi không có dịp nhìn ngắm cảnh hai bên. Điều thú vị, là mọi người có dịp hàn huyên tâm sự với nhau vui cười hỷ hả thoải mái.

Suốt đêm trên xe lửa ai dễ ngủ thì có thể ngủ được. Còn ai khó ngủ thì thức suốt đêm. Riêng tôi, thì nằm nghe tiếng kèn xe lửa và tiếng kèn ngáy ngủ của những người bên cạnh. Lại khổ nỗi, cái giường mình nằm sát lối đi, có treo tấm màn ngang qua để khỏi nhìn thấy bên ngoài và ánh đèn không dội vào dễ ngủ một chút. Ấy thế mà kẻ đi qua kéo tấm màn, người đi lại thì quệt vô chân mình. Thử hỏi cứ suốt đêm như vậy làm sao mà ngủ được? Đó là chưa nói những tiếng kèn thổi vang tai inh ỏi rền trời. Nhưng nghe tiếng kèn xe lửa thì ít mà nghe tiếng kèn ngáy ngủ thì nhiều. Âm thanh vang dội khác nào như một đại nhạc hội hòa tấu. Mỗi người ngáy mỗi kiểu khác nhau. Không gì khổ bằng nằm nghe người ta ngáy. Cứ thế mà nghe tiếng ngáy đều đều suốt đêm.

Nằm trên xe lửa lắng tai nghe

Tiếng vọng đầu đây bản nhạc hè

Tấu nhạc rền trời vang inh ỏi

Y như kèn thổi tí tò te

Cứ thế, suốt đêm trường không ngủ. Do không ngủ được nên tôi bỗng nhớ lại trong kinh Pháp Cú ở Phẩm Ngũ Phật dạy: “Đêm rất dài đối với kẻ mất ngủ, đường rất xa đối với kẻ lữ hành mỗi mệt. Cũng thế, vòng luân hồi sẽ tiếp nối vô tận đối với kẻ ngu si không minh đạt chánh pháp”. Cùng một thời gian, nhưng đối với người mất ngủ như tôi, thì quả thấy thời gian rất dài. Nhưng đối với người ngủ được, thì họ không thấy có ngắn hay dài gì cả. Mà họ chỉ thấy những giấc mộng đẹp hoặc xấu, lành hoặc dữ mà thôi. Đức Phật lấy thời gian trong đêm để so sánh với kẻ mất ngủ thì thấy thời gian rất dài. Phật quy kết cũng thế, đường sanh tử luân hồi bất tận là đối với những kẻ ngu si. Người thấu rõ chánh pháp và sống với chánh pháp, thì sẽ không còn nổi trôi trong vòng sanh tử luân hồi chịu nhiều khổ đau nữa.

Nghiền ngẫm lời Phật dạy trên, nhìn lại mình thật quá ngu si. Do ngu si nên tạo nghiệp để rồi nổi trôi theo dòng đời, khác nào như chiếc xe lửa cứ lao đầu chạy tới mãi. Tuy nhiên, đến những trạm cũng phải dừng lại. Nhưng chỉ dừng lại thời gian ngắn rồi lại tiếp tục chạy tới nữa. Chiếc xe đời của chúng ta cũng thế. Cứ chạy mãi trong vòng lục đạo luân hồi, khi thì dừng lại ở trạm người, lúc thì dừng lại ở trạm trời, rồi cũng có khi dừng ở các trạm: A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Mỗi trạm đều có tốt xấu phước báo khác nhau. Cái tâm của chúng ta giống như anh tài xế cứ lái mãi chiếc xe đời trong vòng sống chết khổ đau.

Thế là, một đêm dài tăm tối đã trôi qua, nhường lại cho ánh bình minh trở về. Trời sáng, mọi người đều thức dậy. Mặt trời lên, ánh sáng chiếu tỏa chan hòa khắp nơi. Vạn vật sau một đêm dài yên ngủ, giờ đây bắt đầu chuyển mình hoạt động. Theo thói quen, những ai ghiền café, thì tìm ấm để nấu nước. Trên xe lửa mà nấu được ấm nước cũng không phải dễ. Nhưng con ghiền thúc đẩy, thì dù có khó khăn cách mấy cũng chẳng ngại gian lao. Nếu không thì cứ ngồi đó mà ngáp gió. Bởi ghiền là khổ. Bất cứ ghiền thứ gì cũng đều khổ cả. Ghiền là một thói quen, chính thói quen đó trở thành nghiệp. Nghiệp là nhân, khổ là quả. Tuy vậy, đối với những người ghiền nặng khi đáp ứng được nhu cầu cho họ thì họ lại cảm thấy vui tươi.

Lúc ghiền thì cảm thấy khó chịu, nhưng khi thỏa mãn thì vui. Chính đó mới là cái nỗi thống khổ của con người. Bởi thú vui nào mà lại không mở đường cho đau khổ. Và có cuộc họp mặt nào mà lại chẳng chia ly! Đâu phải chờ tan rồi mới khổ. Nó tan từng sát na trong khi đang họp. Nếu nó không tan như thế, thì đâu có cái cảnh chia tay mỗi người một ngã. Cái khổ nó nằm sẵn tiềm tàng trong khi ghiền. Như có người nghiện ngập ma túy quá nặng, khi có được thì lại hút hay chích quá liều lượng nên bị tử vong. Tuy nhiên, đã gọi là nghiện, thì có nghiện thiện và nghiện ác. Như ghiền, thì cũng có ghiền (thói quen) xấu và tốt. Như ghiền cờ bạc, rượu chè say sưa hút xách v.v... thì đó là ghiền xấu có tác hại cho bản thân, gia đình, và xã hội. Ngược lại, nếu là ghiền đọc sách, thể thao, tụng kinh, bái sám, đi chùa v.v... thì đó là ghiền tốt, có lợi ích cho mình và người thì nên duy trì và phát triển. Người xưa nói: *“Thói quen ban đầu chỉ là khách lạ qua đường, sau trở thành người bạn thân và cuối cùng nó làm ông chủ khó tách”*. Người nào bị ghiền nặng, thì cơn ghiền nó sẽ trở thành ông chủ khó tách luôn sai sử mình.

Thú thật, riêng tôi, thì không quen uống trà và café. Bởi cơ thể của tôi không mấy thích hợp. Cũng có thể là do tôi không tập đó thôi. Nếu tập thì cũng ghiền như ai. Sáng ngồi trên xe lửa, nhâm nhi ly café rồi ngắm nhìn cảnh vật hai bên đường của cảnh bình minh cũng cảm thấy thú vị lắm. Nhìn những ngọn núi xa xa, cánh đồng lúa vàng, con đường sắt thẳng tắp về chôn xa xăm dưới những tia nắng đầu ngày thật tươi đẹp...

Nắng vàng trải lá rừng xanh

Nhuộm màu hoa lá trên cành chim reo

Đường về xứ Phật vàng gieo

Non cao biển rộng giàu nghèo chẳng lo

Lên bờ bỏ lại con đò

Tìm vé lối cũ so đo không còn

Những là sông núi nước non

Nước non sông núi đường mòn ta đi.

Ngày 2, tức ngày 18/10/2011

---o0o---

06. Trạm Xe Lửa Ba La Nại

Đoàn đến trạm xe lửa Ba La Nại, vào khoảng 9 giờ 30 sáng. Đây là trạm cuối cùng. Nơi đây, đã có chiếc xe buýt đang chờ sẵn. Nhưng xe buýt đậu hơi xa, nên đoàn phải thuê những người cu li khuân vác mang hành lý đến xe buýt. Ở đây, những người chuyên khuân vác hàng hóa cũng nhiều. Cứ mỗi cái vali lớn hay nhỏ gì mình cũng phải trả tiền cho họ \$50 rupies (một đồng Úc đổi ra được 50 rupies) Vali của ai thì người đó theo giữ. Tuy họ không phải là kẻ gian tham lường gạt tráo trở để lấy của mình, nhưng theo thói quen thì mình cũng nên gìn giữ, người đầu của đó cho chắc ăn. Cảnh người sinh hoạt ở sân ga xe lửa này cũng tấp nập rộn rịp, kẻ qua người lại thật là ồn náo phức tạp. Người Ấn Độ họ có thói quen nói chuyện với nhau rất lớn tiếng. Ngoài những du khách mới tới, còn lại phần lớn là những phu khuân vác cũng như một vài người đẩy những chiếc xe chất đầy hàng hóa tới lui qua lại...

---o0o---

B. Tham Quan Các Nơi

I. Ba La Nại

01. Vài nét về thành phố Ba La Nại (Baranasi)

Sử ghi lại, Ba La Nại (Baranasi) hay còn gọi Banares, Banaras, Kasi, nằm bên bờ phía Tây của sông Hằng, cách sông Sarnath nơi Đức Phật chuyển pháp luân đầu tiên khoảng 10 km. Đây là một thành phố có chiều dài lịch sử rất lâu đời khoảng 3000 năm trước công nguyên. Có thể nói thành phố này rất cũ kỹ hơn các thành phố nào khác trên hành tinh này. Theo huyền thoại Ấn Độ cho rằng Baranasi là do thần Shiva tạo dựng lên. Một thành phố mà nó mang nhiều tính chất thiêng liêng huyền bí trong sự phát triển nhất là về mặt học thuật. Có rất nhiều đạo sĩ, triết gia, thi sĩ, nhạc sĩ, đã sinh sống và tạo nên nhiều thành tích để lại nhiều dấu ấn ở thành phố này. Theo các sử gia cho biết, trước công nguyên một ngàn năm, chủng tộc Aryen đã đến Bắc Ấn và truyền đạt cho dân bản xứ thành phố Baranasi một nền văn minh và học thuật rất cao.

Vào khoảng thế kỷ thứ bảy, khi Huyền Trang đến đây Ngài đã ghi nhận về những hiện trạng của rất nhiều giáo phái Ấn Độ tập trung nơi đây. Nhiều

đạo sĩ hình thù cổ quái, bôi phấn, vẽ mặt, búi tóc, xỏa tóc, lỏa thể... thực hiện đủ mọi nghi lễ thần bí lạ lùng. Chính nơi đây, đã ghi đậm nét về một sự kiện sau ngày thành đạo, Đức Phật đến thành phố này và Ngài ngự tại Sarnath (Lộc Uyển) để thuyết giảng bài kinh đầu tiên độ cho năm anh em Kiều Trần Như đều chứng đạo quả. Sự kiện này, nhìn theo bối cảnh lịch sử của thành phố nổi danh như Baranasi, việc Đức Phật đến đây đầu tiên để hoàng khai chánh pháp, nhằm chuyển hóa những hàng ngoại đạo nơi này hướng về chân lý của đạo giải thoát, hẳn không phải là không có lý do chánh đáng. Đó là Đức Phật khai thông cho họ một lộ trình mới mẻ và một hướng tiến tâm linh sáng ngời, nhằm phá tan mọi kiến chấp bảo thủ sai lầm. Bài pháp Tứ Diệu Đế có thể nói như là một bản tuyên ngôn đánh thẳng vào lòng người của toàn thể dân chúng tại thành phố nổi tiếng thiêng liêng này.

Chiếc xe buýt 45 chỗ ngồi có trang bị máy điều hòa không khí. Xe tương đối còn mới và khá tốt. Đây là chiếc xe chở chúng tôi đi gần suốt cuộc hành trình. Suốt lộ trình xe chạy an toàn không có gì xảy ra bị trục trặc giữa đường. Ngày nào mình cũng đưa tiền cho tài xế và chú lơ xe. Mỗi người 150 rupies (khoảng 3 đô Úc) để cho họ mua thức ăn. Khi thuê xe mình phải ký hợp đồng với họ. Có điều là không phải mình thuê bao họ hoàn toàn, chỉ thuê theo những tuyến đường dài ngắn mà mình đi thôi. Không được đi ngoài những tuyến đường mà mình đã giao kèo ký kết. Nếu như mình muốn đi thêm ngoài lộ trình đã giao kết, thì phải trả thêm tiền cho họ. Căn cứ theo hợp đồng, thì mình sẽ chấm dứt, khi họ đưa đoàn ra ga xe lửa Ga Ya (gần Bồ Đề Đạo Tràng) để trở về lại thủ đô Tân Đề Li.

---o0o---

02. Ngôi chùa Tây Tạng

Xe chở chúng tôi đến chùa Vajra Vidya House của người Tây Tạng, hiện do Thượng Tọa Khenchen Trungu Rinpoche trụ trì. Chúng tôi tạm trú nơi đây một thời gian ngắn. Mọi người nhận phòng xong, tắm rửa rồi dùng cơm trưa. Thường các chùa ở đây, họ thiết kế xây dựng giống như một khách sạn. Ngoài chánh điện thờ Phật chính ra, còn có rất nhiều phòng ốc. Có những chùa chánh điện không lớn lắm, nhưng phòng xá thì nhiều. Thường một phòng vừa đủ cho hai người ở. Những phòng này họ cho thuê để lấy tiền nhằm để bảo trì và xây dựng thêm. Chuyến đi kỳ này phần nhiều là chúng tôi tạm trú ở các chùa hơn là ở khách sạn. Đoàn chúng tôi gồm có 30 người tính luôn 6 vị bên Ấn Độ. Vì thế, thường mỗi nơi chúng tôi phải thuê 16 phòng, mỗi phòng 2 người.

Chùa này, tương đối có nhiều tiện nghi và thoải mái. Tuy nhiên, từ ngoài đường đi vào xe lớn hơi khó vô. Vì con đường vào chùa không rộng lắm, lại hơi quanh co, nên xe lớn chạy vào rất khó. Mỗi lần xe chạy ra vô phải mất thời gian hơi lâu. Cứ de tới de lui một hồi mới ra được. Phải nói chú tài xế này lái xe cũng khá chuyên nghiệp. Khi lái, chú rất cẩn thận. Tánh tình của chú tương đối cũng dễ chịu, không đến nỗi quạu quọ rắc rối khó khăn lắm. Tuy nhiên, chú rất là quy tắc. Nếu muốn chú vượt qua quy tắc, thì đòi hỏi mình phải biết điều lo “thủ tục đầu tiên”. Có thể, thì chú mới vui và làm theo ý mình. Thầy Minh Đức cho chúng tôi biết, khi ký hợp đồng họ ghi rất rõ về các tuyến đường theo những lộ trình cố định. Nghĩa là họ không chạy theo ý mình muốn. Nếu muốn thì phải trả thêm tiền. Đúng là “*tiền đi trước người bước theo sau*”.

Đến nơi, việc đầu tiên là chia phòng. Việc làm này rất nhanh. Bởi nhờ chia người trước nên khi đến mỗi nơi thì không có gì trở ngại. Mỗi người tự ý thức và thông cảm nhau. Người nào cao tuổi chân yếu thì ở tầng thấp. Ai khỏe mạnh thì ở tầng trên cao. Đến đâu cũng như thế. Nhờ vậy, mà suốt cuộc hành trình việc phân phối chia phòng rất là êm đẹp. Không có gì xảy ra bất như ý cả. Đó là điều thật đáng khen ngợi trong tinh thần tương trợ và thông cảm cho nhau.

Khu nhà bếp tương đối rộng rãi thoải mái. Họ cho chúng tôi hoàn toàn sử dụng tự do nấu nướng. Những thực phẩm mang theo đồ tươi, đồ khô đều có. Phải nói Ban trai soạn rất vất vả cực khổ. Vì đồ ăn và những dụng cụ để nấu cũng như đồ đựng thức ăn tất cả đều phải mang theo xe suốt cuộc hành trình, tôi thường gọi đùa là nhà bếp lưu động. Do đó mỗi lần di chuyển đi đâu thì Ban trai soạn phải lo thu dọn. Họ làm trong tinh thần tương trợ vui vẻ. Người đứng ra điều động chính trong việc này là hai sư cô Phước Sinh và Huệ Hòa. Riêng sư cô Huệ Hòa tuy thấp nhỏ người, nhưng sức khỏe dẻo dai rất tốt. Điều hành công việc rất khéo léo và nhanh nhẹn. Như đã nói, hiện cô đang du học ở Ấn Độ. Nơi cô học thuộc miền Nam Ấn Độ. Cô cho biết còn vài năm nữa mới tốt nghiệp ra trường. Cô làm việc phục vụ cho đại chúng một cách rất hoan hỷ vui vẻ và tích cực.

Ngoài hai cô là người đầu bếp chính ra, bên cạnh còn có một số quý cô trong đoàn phụ giúp. Không nói, thì quý vị cũng biết thức ăn của người Ấn thật khó nuốt. Có thể lâu lâu mình ăn một lần thì cảm thấy ngon. Nhưng nếu dùng thường thì chắc chắn không thể nào chịu nổi. Tuy nhiên, nếu so với thức ăn của người Trung Hoa, thì chắc là đỡ hơn nhiều. Vì họ nấu cũng ít dầu. Song có điều họ thường bỏ hương vị cay. Ngoài cà ri là món ăn chính

của họ ra, còn lại những thức ăn khác phần nhiều cũng đều cay cả. Chúng tôi dùng thức ăn rất đơn giản đạm bạc. Nói đơn giản chớ không đến nỗi tệ lắm. Tuy không sang trọng như ở nhà hàng, nhưng cũng không đến nỗi khó nuốt. Thức ăn căn bản thường xuyên, chủ yếu vẫn là rau luộc và nước tương. Ngoài ra, cũng còn những thứ phụ thuộc khác. Ban trai soạn cũng thường thay đổi món ăn. Hôm nào trời khá nóng thì cho ăn bún canh chua. Món ăn này vừa mang đậm tình quê hương nồng nàn lại cũng vừa dễ nuốt. Tuy ăn đạm bạc, nhưng ai cũng cảm thấy ngon miệng. Đó là một sự thật. Có lẽ, nhờ ăn như thế mà sức khỏe của mọi người bảo dưỡng rất tốt.

Cần nói thêm, những ngày sắp gần về, vì muốn cho nhà bếp lưu động được nghỉ ngơi cho khỏe, nên tất cả đều ăn trong nhà hàng. Nhà hàng Thái, Đại Hàn, Ấn Độ... mỗi nơi đoàn đều có thử qua. Có những lúc đi tuyến đường xa, thì chúng tôi dùng cơm trưa trên xe. Thú thật, ăn trên xe vậy mà cảm thấy rất ngon. Có người nói, ít mấy khi mình được thưởng thức ăn như thế này. Ông Bảy Lý Ngô Liêu pháp danh Thiện Giác là người rất vui tánh. Ông là người từ trước tới giờ chưa bao giờ bước chân đến chùa. Thế mà đi lần này hai ông bà đều phát tâm mạnh mẽ xin quy y Tam Bảo tại Bồ Đề Đạo Tràng. Ngoài ông bà ra, còn có một vài vị khác cũng phát tâm quy y và xuống tóc. Việc này, chúng tôi sẽ nói đến ở phần sau.

Ông Bảy thường khen ngợi quý vị nhà bếp, nhất là sư cô Huệ Hòa. Ông nói: “Dù cơm lạnh đồ ăn nguội, nhưng trong đời không mấy khi mình được ăn như thế này. Không biết quý vị thấy sao, chớ riêng tôi thì tôi ăn cảm thấy ngon quá chừng. Mình đi tu học chớ đâu phải mình đi dự lễ tiệc tùng đâu mà đòi hỏi ăn ngon ngủ kỹ. Nếu như vậy, thì ở nhà sướng hơn. Mình chỉ ăn thôi, còn quý cô phải lo nấu nướng thức khuya dậy sớm rất cực khổ. Mỗi khi tôi ăn như thế này, là tôi thường nghĩ tới mà thương quý cô lắm”. Ông nói một cách chân tình thật thà và làm cho mọi người rất cảm động. Ai cũng nói, chuyên đi tu học của mình quả thật đúng với ý nghĩa tu học. Nghĩ lại, mình còn sướng hơn Đức Phật và các vị đệ tử của Phật ngày xưa rất nhiều. Ngày xưa, Phật đâu có đi xe, máy bay, tàu lửa, ăn ngon mặc đẹp như mình. Bây giờ mình đi ra ngoài thì đầu đội nón lá, chân mang giày dép, ăn thì món này, món kia, ngủ thì có nệm mà phải nệm dày nữa, vì sợ đau lưng, còn ông Phật thì đầu trần, chân không, ăn bờ, ngủ bụi, lấy đất làm chiếu, lấy sương làm mền, đâu có ở khách sạn năm sao mười sao cao sang gì (ngàn sao thì có), so với chúng mình bây giờ phải nói thật sướng hơn ông Phật nhiều lắm. Đã nói đến đây chiêm bái tu tập mà ăn uống ngủ nghỉ sướng quá thì, thử hỏi mình có xứng đáng tham quan chiêm bái tu tập theo Ngài không? Thật sự mà nói, ăn uống như thế này có gì gọi là kham khổ đâu. Có ăn ngủ cực khổ một chút

thì mình mới nếm được chút ít mùi vị mà ngày xưa Phật Tổ và các vị đệ tử đã từng trải qua.

Chúng tôi lắng nghe mọi người phát biểu. Được nghe họ thốt ra những lời chân thật như thế, thật tình tôi vừa thán phục họ mà cũng vừa cảm thấy rất vui. Vui là vì biết họ đã ý thức được trong chuyến đi này. Trước khi đi là họ đã cương mang tâm nguyện và đã có một sự quyết tâm rồi. Như lời cô Diệu Hương Đỗ Lan Hương phát biểu: “Chuyến đi này, thật con cảm thấy rất vui. Tuy có hơi vất vả một chút, nhưng con cảm thấy cũng chưa xứng đáng chút nào so với đời sống của Phật Tổ ngày xưa”.

Nhà ăn (traị đường) nơi đây cũng khá thoáng rộng. Bàn ghế đầy đủ rất tiện lợi. Cần nói rõ, khi thuê phòng mình chỉ thuê phòng thôi, chứ không có đặt nhà bếp nấu thức ăn. Vì có chùa không có người phục vụ nấu nướng. Do đó, nên mình phải tự túc mượn nhà bếp của chùa để nấu. Xong rồi, mình tính tiền trả cho chùa. Đến mỗi chùa, chúng tôi thuê phòng đều trả tiền đúng theo giá cả thị trường như ở khách sạn. Phần khác, trước khi rời khỏi, chúng tôi đều có cúng dường tịnh tài cho chùa. Chùa nào cũng như thế cả. Tuy nhiên, phần cúng dường nhiều hay ít, (ít lắm cũng \$10.000 rupies), còn tùy thuộc vào sự sinh hoạt của mỗi ngôi chùa cũng như cách đối xử giao tiếp của họ.

Dùng trưa xong, đoàn nghỉ ngơi cho khỏe để chuẩn bị đi tham quan chiêm bái một vài nơi.

---o0o---

03. Viện Bảo Tàng

Đến 2 giờ 30 chiều, đoàn lên xe đi tham quan viện bảo tàng. Viện bảo tàng này không rộng lớn lắm, nằm trong địa hạt của thành phố Ba La Nại. Như đã nói, Ba La Nại (Baranasi) hay còn gọi Banares, Banaras, Kasi, nằm bên bờ phía Tây của sông Hằng, cách sông Sarnath nơi Đức Phật chuyển pháp luân đầu tiên khoảng 10 km. Đây là một thành phố có chiều dài lịch sử rất lâu đời khoảng ba ngàn năm trước công nguyên. Khi đến đây, vì dành thời gian để đi tham quan chiêm bái những nơi thắng tích nhiều, nên chúng tôi không có đủ thời gian để đi dạo xem cảnh trí chung quanh trong thành phố này.

Viện bảo tàng này cũng như các viện bảo tàng khác, người ta trưng bày các bảo vật, phần lớn là các tượng Phật và các vị thần. Có tượng Phật rất lâu đời có trên một ngàn năm. Khi nhìn thấy các bảo vật được trưng bày nơi đây

một cách kỹ lưỡng cẩn thận, chúng tôi liên tưởng đến câu nói của người xưa: “Giáo lý của đạo Phật nếu không được đem ra áp dụng trong đời sống thực tế hằng ngày, thì chẳng khác gì nó được trưng bày nơi bảo tàng điện để cho mọi người vào xem mà thôi”. Bởi vậy, lời Phật dạy là để cho mọi người ứng dụng thật hành chớ không phải là để lý thuyết huyền đàm suông.

---o0o---

04. Vườn Lộc Uyển (hình số 4)

Rời viện bảo tàng, đoàn đến vườn Lộc Uyển. Lộc uyển hay Lộc dã uyển, tiếng Phạn: Mrgandava, còn gọi Tiên nhân Lộc Dã Uyển, Tiên Uyển, Tiên Nhân Viên.

Vườn Nai, nơi Đức Thế Tôn lần đầu tiên chuyển pháp luân sau khi thành đạo, nay là Sarnath, nằm cách Varanasi Bắc Ấn Độ về phía Bắc khoảng 6 km.

Về nguồn gốc của địa danh này có nhiều thuyết khác nhau:

Theo Kinh Xuất Diệu 14, Lộc Dã Uyển là nơi các thần tiên và những người đắc ngũ thông thường tới lui, không phải chỗ ở của phàm phu, nên gọi là Tiên nhân trụ xứ. Có thuyết nói, xưa có vua nước Ba la nại săn bắn đến đây, bắt được 1000 con nai, sau nhờ nai chúa xin vua mỗi ngày dâng một con để vua ăn thịt, vua mới bày nai ra, nên đất được đặt là Lộc Dã Uyển.

Theo Luận Tỳ Bà Sa 183, Đức Phật ở đời quá khứ là tiên nhân Tối Thắng, thường ở đất này chuyển pháp luân, nên gọi là “Tiên nhân luận xứ”. Nơi này, lúc Đức Phật chưa ra đời, thường có các vị tiên, nên gọi là Tiên nhân trụ xứ, vì có 500 tiên nhân bay trên không, đến chỗ này thấy thể nữ của vua, khởi tâm tham đắm nên mất thần thông, rơi xuống, nên gọi là Tiên nhân đọa xứ.

Theo Đại Đường Tây Vực Ký 7, Lộc vương vì xả thân chết thế cho nai mẹ đang có thai, làm cho vua nước Phạm Đạt ma cảm động, khiến vua thả bày nai mà còn bố thí cho rừng cây nên gọi là Thí Lộc Lâm.

Vườn Lộc Dã phát triển từ thời vua A Dục, rất được sự sùng bái tín ngưỡng. Đầu thế kỷ VIII, lúc Ngài Huyền Trang qua Ấn Độ nơi này còn rất nhiều điện đường, lầu các, tường vách bao bọc chung quanh, bên trong có tinh xá cao 200 thước, phía Tây nam có trụ cao 70 thước do vua A Dục

dựng, có khảm ngọc thạch rất đẹp, chiếu sáng lóng lánh, tăng đồ hơn nghìn người, rất hưng thịnh. Đến khoảng thế kỷ XIII, nơi này lần lượt bị tín đồ Hồi Giáo và Ấn Độ Giáo tàn phá, trở thành hoang phế, nay chỉ còn một vòng tròn hai tầng có chạm chữ Vạn chung quanh vách và trụ đá của vua A Dục.

Hiện nay trong vườn Lộc Dã có rất nhiều chùa, như Trung Hoa Phật tự do ông Lý Tuấn Thừa xây dựng. Miếu Điện Phật Tự, Hiệp Hội Ma Ha Bồ Đề, Viện Bảo Tàng Ấn Độ Giáo, giáo đường của Kỳ Na Giáo và Viện Bảo Tàng Phật giáo. Trong đó, Viện Bảo Tàng Phật giáo có giữ tượng Phật cách nay 1000 năm, các loại pháp khí và trụ đá đều là những di vật quý báu của Phật giáo. (Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 5 trang 3809).

Đoàn đến nơi này vào khoảng gần 4 giờ chiều. Đoàn đi thẳng đến bảo tháp để tụng kinh và đi kinh hành niệm Phật chung quanh bảo tháp. Sau đó, đến một nơi thanh vắng mọi người ngồi trên nền gạch để lắng nghe chúng tôi thuyết giảng. Lúc đó, nhìn đồng hồ tay, là 4 giờ 30, và theo luật lệ ở đây thì họ sẽ đóng cửa vào lúc 5 giờ chiều. Vì thế, nên chúng tôi chỉ trình bày trao đổi một cách ngắn gọn qua đề tài: “Con Đường Chấm Dứt Khổ Đau” qua bốn chân lý tối thượng, cùng với quý vị trong đoàn chỉ được khoảng 30 phút. Sau đó, chúng tôi trở về chùa để dùng cơm tối.

---o0o---

05. Họp Chúng (hình số 5)

Dùng cơm xong, khoảng 7 giờ 30 tối, chúng tôi có một buổi họp chúng. Trọng tâm của buổi họp này, đại khái nhằm nêu ra một số vấn đề để đại chúng bàn thảo. Những vấn đề gồm có:

1. Thức nhắc chung về kỷ luật và những giờ giấc: ăn uống, ngủ nghỉ, thức chúng, thời khóa tụng niệm, tập họp ra xe, khi đi lên xe v.v... Nói chung, mọi giờ giấc cần phải giữ cho đúng không được chậm trễ.

2. Ban Tổ Chức báo cáo tổng quát về nơi ăn chỗ ở và xe cộ di chuyển cũng như những nơi đến tham quan lễ bái tu học.

3. Vấn đề cúng dường các chùa và bố thí làm việc từ thiện v.v...

4. Phân nhiệm công tác sắp xếp việc nấu nướng ở nhà bếp.

5. Công bố danh sách và tiền của những Phật tử đã gửi để cúng chùa và làm việc từ thiện. Cộng chung với số tiền trong đoàn hỷ cúng tất cả là \$20.545 (hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi lăm đồng Úc và Mỹ kim). Và cộng thêm 1.350 rupies.

6. Vấn đề chi phí tổng số cho chuyến đi bao gồm: vé, bảo hiểm, Visa, Tour 4 ngày Thái Lan, Ăn uống, nơi ở và di chuyển...

Cuộc họp bàn thảo góp ý xây dựng rất hào hứng phấn khởi. Với tinh thần hòa hợp và lo chung nên mỗi người thật tâm đóng góp qua từng chi tiết của mỗi vấn đề. Cuộc họp kết thúc rất vui vẻ tốt đẹp vào lúc 9 giờ tối cùng ngày.

Ngày 3, tức ngày 19/10/2011/

---o0o---

06. Sông Hằng (hình số 5)

Sau một đêm không ngủ và một ngày mệt mỏi, tối đêm qua mọi người ngủ rất ngon. Tuy nhiên, đoàn phải thức dậy sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng. Sáng sớm khí trời mát mẻ. Hôm nay, đoàn đi ngắm cảnh bình minh ở sông Hằng.

Theo tài liệu Bách Khoa Toàn Thư Mở Wikipedia có đề cập đến con sông Hằng như sau:

“**Sông Hằng** (tiếng Phạn: गङ्गा **Ganga**) là con sông quan trọng nhất của tiểu lục địa Ấn Độ. Sông Hằng dài 2.510 km bắt nguồn từ dãy **Himalaya** của Bắc Trung Bộ Ấn Độ, chảy theo hướng Đông Nam qua **Bangladesh** và chảy vào **vịnh Bengal**. Tên của sông được đặt theo tên vị nữ thần Hindu Ganga. Sông Hằng có lưu vực rộng 907.000 km², một trong những khu vực phì nhiêu và có mật độ dân cao nhất **thế giới**.

sửa Dòng chảy

Sông Hằng được tạo thành bởi hai con sông đầu nguồn là **sông Bhagirathi** và **sông Alaknanda** ở dãy núi **Himalaya** của bang **Uttaranchal** thuộc Ấn Độ. Nguồn nước thường được mọi người thừa nhận là **Bhagirathi**, một con sông bắt nguồn từ một động băng tại độ cao 4.000 m và là con sông nhỏ hơn trong hai chi lưu của sông Hằng. Sông Alaknanda bắt nguồn từ khu

vực nằm dưới đỉnh [Nanda Devi](#) (7.817 m/25.646 ft) gần biên giới [Tây Tạng](#). Được tạo thành từ những khối băng tuyết tan ra từ các địa điểm như Gangotri và các đỉnh như [Nanda Devi](#) và [Kamet](#) (7.756 m/25.446 ft), hai sông nhánh này chảy về phía Nam qua trung độ Himalaya đến nơi hội tụ của chúng để tạo nên sông Hằng. Sau khi chảy hơn 200 km (125 dặm), sông Hằng đến thành phố [Haridwar](#) (độ cao 310 m/1.020 ft), nơi nó xẻ dọc [Dãy núi Siwalik](#) và bắt đầu chảy theo hướng nhìn chung là Đông-Nam qua [Đồng bằng sông Hằng](#). Tại Haridwar, một con đập đã chuyển hướng nước đến Kênh thượng lưu sông Hằng. Giữa [Haridwar](#) và [Allahabad](#), một khoảng cách gần 800 km (500 dặm), sông Hằng theo một đường ngoằn ngoèo và không thể lưu thông bằng tàu thuyền được do có nhiều chỗ nông và thác ghềnh. Tại [Allahabad](#), sông Hằng được [sông Yamuna](#) chảy từ Tây Nam nhập vào, sau đó sông Hằng chảy theo hướng Đông qua các thành phố [Mirzapur](#), [Varanasi](#), [Patna](#), và [Bhagalpur](#) gần biên giới với [Bangladesh](#). Tại đoạn này, sông Hằng cũng nhận được nước đổ thêm vào từ [sông Son](#) từ phía Nam, [sông Gumti](#), [sông Ghaghra](#), [sông Gandak](#), và [sông Kosi](#) từ phía Bắc. Qua [Bhagalpur](#), sông chạy quanh dãy đồi [Rajmahal](#) tại biên giới Bangladesh. Ở đây, qua hướng Nam là [Đồng bằng châu thổ sông Hằng](#), cách [Allahabad](#) khoảng 900 km về phía thượng lưu và cách [Vịnh Bengal](#) 450 km về phía hạ lưu. Gần Pakaur, Ấn Độ, sông Hằng chia nhánh. Nhánh [Bhagirathi](#) chảy về hướng Nam để tạo nên [sông Hugli](#), là nhánh cực Tây của đồng bằng châu thổ, cũng như là kênh vận chuyển đường thủy chính của khu vực đồng bằng này. Các tàu biển có thể chạy vào Hugli từ cửa sông Hằng ở [Vịnh Bengal](#) đến thành phố [Kolkata](#) nằm cách cửa sông khoảng 130 km phía thượng lưu. Từ giữa thập niên 1970, Ấn Độ đã chuyển hướng nước vào sông Hugli hay lắng bùn để tăng khả năng vận chuyển đến [Kolkata](#) nhưng điều này đã dẫn đến tranh chấp về quyền sử dụng nước với quốc gia láng giềng Bangladesh.

Nhánh chính của sông Hằng tiếp tục chảy qua [Bangladesh](#), nơi có đoạn nó được gọi là [sông Padma](#). Sông Hằng đã tạo ra nhiều nhánh sông tạo thành một mạng lưới đường thủy cũng như tạo ra một trong những đồng bằng châu thổ rộng lớn và phì nhiêu nhất thế giới. Dòng chính của sông Hằng tiếp tục chảy theo hướng Nam và được nhận thêm nước từ sông [Brahmaputra](#) đổ vào và tiếp nữa là từ [sông Meghna](#) (tên mà kể từ đoạn này nó được gọi) trước khi đổ vào [Vịnh Bengal](#). Tại Vịnh Bengal, cửa sông Meghna có bề rộng 30 km. Lưu lượng nước hàng năm của sông Hằng chỉ xếp sau [sông Amazon](#) và [sông Congo](#). Do sông hằng mang theo trong mình lượng phù sa lớn nên vùng đồng bằng châu thổ do nó tạo ra tiếp tục mở rộng về phía vịnh.

Một tài liệu khác cũng có đề cập đến con sông này, xin được dẫn chứng nguyên văn như sau:

“Sông Hằng dài 2510 km, theo huyền thoại chảy ra từ búi tóc của thần Shiva hay từ bàn chân của thần Vishnu. “Ganga” là tên một nữ thần con của thần núi Himalaya. Phát xuất từ nhiều nguồn chính trên dãy Himalaya, sông Hằng chảy xuống Bắc Ấn xuyên qua tiểu bang Bihar, qua các thành phố lớn như Varanasi, Patna, Allahabad, Murshidabad... rồi đổ ra vịnh Bengale. Mọi câu chuyện về sông Hằng trong lịch sử, từ xưa cho đến nay, đều nói về nền văn minh hay văn hóa của nước Ấn, đều gắn liền với sự thăng trầm của các quốc gia hay sự thịnh suy của các thành phố đã có mặt hai bên bờ sông. Sông Hằng là dòng sông biểu tượng cho Ấn Độ, hàng năm đã lôi kéo hàng triệu người dân Ấn và du khách từ mọi quốc gia đến viếng thăm. Sông Hằng là dòng sông tâm linh của Ấn giáo. Người Ấn giáo luôn mong muốn rằng trong đời mình phải có ít nhất một lần được đến và tắm gội trong dòng sông linh thiêng này. Người ta tin rằng, nước sông Hằng có thể rửa sạch mọi tội lỗi và có thể chữa được cả bệnh tật! Nhiều gia đình Ấn để sẵn trong nhà một vại nước đem về từ sông Hằng. Nếu người hấp hối được cho uống một ít nước sông Hằng thì đó là một điều phước báo. Sau khi chết, nếu tro thiêu được rải xuống sông Hằng, thì linh hồn sẽ được thăng hoa trong cõi thánh thần”.

Đến sông Hằng vào buổi sáng sớm, chúng ta sẽ chứng kiến nhiều việc xảy ra hai bên bờ sông cũng như trên sông một cách rất lý thú. Họ tụ tập đốt lửa như để sưởi ấm và những người bán hoa, du khách mua hoa, những chiếc xuồng qua lại bám sát vào những chiếc xuồng chở đầy du khách ngắm cảnh. Mọi người đều thích ngắm cảnh sông Hằng vào buổi bình minh hay hoàng hôn, vì mặt trời mọc nhô lên tròn trịa ửng hồng đỏ ối rất đẹp. Cảnh mặt trời lặn cũng không thua kém gì lúc mặt trời mới mọc. Chúng tôi đến tham quan sông Hằng vào lúc rạng sáng. Sáng sớm sương mù rất lạnh. Người dân lao động họ dậy rất sớm. Các hàng quán nhỏ, những người bán hoa đèn rong, những người lái đò và những người ăn xin, tất cả đều như sẵn sàng đón chờ du khách.

Khi đến nơi, mọi người chờ thầy Minh Đức thuê hai chiếc xuồng để chở chúng tôi ra sông. Chúng tôi chia làm hai nhóm. Khi cả đoàn lên xuồng ổn định chỗ ngồi rồi, mọi người bắt đầu thấp nền và tụng kinh. Xuồng chúng tôi đi tới đâu, thì đều có những chiếc xuồng kè sát bên để họ mời mọc bán hoa và bán cá. Họ bám sát chúng tôi khác nào như những con đĩa bám vào

người. Vì đó là nghề nghiệp sinh sống của họ. Tất nhiên, chúng ta cũng nên thông cảm cho họ. Dù họ đã làm cản trở chiếc xuồng của mình không ít.

Ngoài hai chiếc xuồng của chúng tôi ra, còn nhiều chiếc xuồng du khách khác cũng lần lượt rời Ghat chạy dọc theo bờ. Chỉ riêng đoạn sông này có đến mấy cái Ghat. Thịnh thoảng, nhìn thấy người ta thiêu xác người chết. Gần bờ sông có nhiều rác rến bần thỉu, có lẽ đó cũng là do thói quen của cư dân ở đây. Họ thường vứt rác bừa bãi xuống sông. Rời khỏi bờ ra giữa sông nước có vẻ trong sạch hơn. Tụng kinh xong, mọi người thả những cây nến xuống nước. Những ngọn nến trôi theo dòng sông linh thiêng này. Phải chăng đó cũng là cách cúng dường như để tưởng niệm ngày xưa Đức Phật và các hàng Thánh chúng cũng thường đến nơi đây để tắm gội.

Dọc theo bờ sông có những đền thờ và các bậc xây bằng đá để cho những tín đồ của một vài tôn giáo bước xuống để tắm. Người ta gọi những kiến trúc này là Ghat (có lẽ giống như chữ gate của tiếng Anh). Có những Ghat rất cũ kỹ xây cả hàng ngàn năm trước. Chúng tôi nhìn thấy phần lớn những tín đồ Ấn giáo thực hiện các nghi lễ hai bên bờ sông tại các Ghat này. Lễ thiêu (Cremation) của họ thật đơn giản trông thấy thật đáng xót xa buồn tủi của kiếp người. Họ không có những lò thiêu điện như những nước tân tiến. Mục đích của các lò thiêu là để che giấu không cho người ta nhìn thấy cảnh tượng phơi bày thật ghê tởm này. Đó cũng là một cách tán cho tiêu tan thân xác một cách có văn minh.

Người dân Ấn lúc sống họ sống đơn giản không cầu kỳ và khi chết bó thân thiêu xác cũng thật đơn giản. Họ chỉ cần chất củi ở dưới và để xác lên trên rồi đốt. Chỉ cần một ngọn lửa hồng là cháy tan thân xác thành tro bụi. Xong rồi, họ lấy tro quăng xuống sông. Họ cho đó là rất linh thiêng. Và linh hồn người chết sẽ được siêu thăng về một cảnh giới an lành nào đó. Những người già cả cô đơn bệnh tật sắp chết thì, người ta hay đưa đến đây để tạm trú trong một căn nhà nhỏ. Căn nhà này thật thô sơ nghèo nàn rách nát. Họ ở đây để chờ chết thiêu xác.

Theo quan niệm của họ, cuộc sống càng đơn giản chừng nào thì, càng đỡ tốn kém chừng nấy. Và như thế thì, họ cảm thấy rất an vui hạnh phúc. Thế giới văn minh của nền kỹ thuật máy móc tân tiến vật chất, tạo cho con người có nhiều nỗi đam mê đắm nhiễm và sa đọa. Người ta đua đòi chạy theo vật chất không bao giờ biết chán dừng lại. Bởi lòng tham lam quá độ, chính đó là động cơ thúc đẩy con người luôn sống trong quay cuồng điên đảo. Từ đó, gây ra cho người ta nhiều nỗi bức xúc căng thẳng và tâm thần

luôn luôn bất an. Đó là một hệ quả mà thế giới loài người chịu rất nhiều đau khổ. Càng hưởng thụ vật chất nhiều chừng nào, càng chuốc thêm khổ lụy nhiều chừng nấy. Cuộc sống càng giảm bớt những nhu cầu đòi hỏi, có lẽ người ta sẽ có nhiều hạnh phúc an lạc thoải mái hơn.

Đọc kinh điển Phật giáo, chúng ta thường hay gặp cụm từ: “Hằng hà sa số”. Như kinh Di Đà chẳng hạn. “Hằng hà sa số chư Phật các u kỳ quốc” v.v... Đó là Đức Phật dùng số cát sông Hằng để diễn tả những điều gì mà người ta không thể tính đếm được.

Trên chiếc xuồng của chúng tôi, một vài người mua cá để phóng sanh. Nhìn cảnh tượng này, tôi có cảm hứng ghi lại bài thơ lưu niệm:

*Bình minh cảnh đẹp nước sông Hằng
Lơ lửng thuyền đi sương phủ giăng
Trên thuyền thành kính tâm cầu nguyện
Thế giới an bình sáng huệ đăng
Phóng sanh mãi vật nhiều ngư thủy
Cứu thoát chúng sanh được an lành
Sông Hằng lạc cảnh tan niềm tục
Kỷ niệm duyên xưa một chữ thành.*

Hai chiếc xuồng của chúng tôi cặp vào một bãi cát, cả đoàn bước lên bãi cát để ngắm cảnh mặt trời hồng và đồng thời chụp một vài bô hình chung để kỷ niệm. Sau đó, chúng tôi trở lại Ghat để lên bờ trở về lại khách sạn để dùng sáng và sẽ đi viếng thăm một vài nơi.

---o0o---

07.Vườn Lộc Uyển (lần thứ 2) (Hình số 6)

Đúng 10 giờ sáng, đoàn lên xe trở lại vườn Lộc Uyển một lần nữa trước khi đi Nepal. Nơi đây, chúng tôi giảng tiếp bài pháp hôm qua chưa hết. Giảng xong, đúng 11 giờ, chúng tôi đến bảo tháp làm lễ, đi kinh hành vòng

quanh bảo tháp niệm Phật. Khóa lễ xong, chúng tôi ra xe trở về lại khách sạn dùng cơm trưa và nghỉ ngơi.

Có một Phật tử sáng tác hai bài thơ đề lưu niệm viếng thăm nơi đây. Bài thơ với danh đề là:

Vườn Hạnh Ngộ

*Về đây cùng vượt những đường dài
Viếng “Tứ động tâm” mây trắng bay
Tợ kẻ tha hương lòng khắc khoải
Như người viễn xứ dạ mong hoài
Nhìn lên nhớ đến Vô Thượng Giác
Cúi xuống trầm tư cảnh đổi thay
Nơi chuyển pháp luân trầm phảng phất
Con về quỳ lạy dưới chân Ngài.*

*Con về quỳ lạy dưới chân Ngài
Muôn thuở lòng này dám lạt phai
Diệu Đế chỉ bày cho ngộ đạo
Nhân duyên quán chiếu để tâm khai
Bao lần đau khổ vì mê chấp
Lắm kiếp luân hồi bởi hiểu sai
Từ Phụ Như Lai khai đạo cả
Con quỳ khẩn nguyện thoát trần ai.*

---o0o---

08. Bảo Tháp của người Miến Điện

Chiều lại, khoảng 3 giờ, chúng tôi đi viếng thăm bảo tháp do người Miến Điện xây dựng. Đây là bảo tháp để tôn thờ Xá Lợi Phất. Tới nơi, chúng tôi đi thẳng vào bên trong điện Phật. Thầy Minh Đức đại diện đoàn xin phép một vị sư người Miến để hành lễ. Được biết, vị sư này có trách nhiệm quản lý trông coi ngôi bảo tháp này. Khi đoàn chúng tôi đến, bấy giờ đã có mặt hai phái đoàn Phật giáo khác ở đây. Một phái đoàn Phật giáo Miến Điện và phái đoàn Phật giáo Tích Lan. Phái đoàn nào cũng đông người cả. Được vị trụ trì cho phép, chúng tôi tụng một thời kinh ngắn và sau đó đi kinh hành chung quanh nơi tôn thờ Xá Lợi Phất. Chúng tôi vừa đi vừa niệm Phật. Có một vị sư đứng ở phía sau, mỗi người chúng tôi đi qua, ông đều để Xá Lợi Phất đứng trong một cái tháp nhỏ lên trên đầu mỗi người. Có lẽ, đó là một phong tục của người Miến Điện. Mục đích là để chúc phúc cho mọi người. Thay mặt đoàn, chúng tôi dâng tịnh tài cúng dường Tam Bảo. Đồng thời cũng cúng dường cho các vị sư trông coi ở đây.

Hành lễ xong, chúng tôi bước ra ngoài phía bên hông bảo tháp để tham quan chiêm bái cây Bồ đề to lớn. Được biết, cây Bồ đề này là do một vị công chúa, con gái của Vua A Dục chiết nhánh từ cây Bồ đề mẹ đem về đây trồng. Nơi đây, còn có khắc ghi những bài kinh rút ra từ trong Đại Tạng thánh điển Pali. Những bài kinh này khắc ghi trên những tảng đá sơn mài tuyệt đẹp. Mỗi bài được viết bằng những thứ ngôn ngữ riêng của mỗi nước theo Phật giáo. Cũng có những bài kinh thuộc hệ tư tưởng Phật giáo Đại Thừa. Tiêu biểu như Phật giáo Việt Nam và Trung Quốc. Chúng tôi say sưa nhìn những bản kinh này một cách rất thích thú, vì kỹ thuật khắc ghi rất công phu tinh xảo. Mọi người đều chắp lưỡi thán phục và khen ngợi hết lời. Việc này được xem như là một sự tổng hợp giữa hai nguồn giáo lý chính yếu cơ bản: Nam Tông và Bắc Tông. Nói cách khác là tổng hợp hai hệ thống giáo điển: Nguyên Thủy và Phát Triển vậy.

---o0o---

09. Nơi Đức Phật gặp 5 anh em Kiều Trần Như

Đoàn rời nơi đây vào lúc 4 giờ 30 chiều và đến viếng thăm bảo tháp đánh dấu nơi Đức Phật gặp năm vị đạo sĩ, tức năm anh em Kiều Trần Như (Kondanna). Trước khi đến vườn Lộc Uyển, Đức Phật đến nơi đây.

Theo truyền thuyết cho rằng, lúc đó năm anh em Kiều Trần Như đang ăn tu khổ hạnh nơi này. Được tin Phật đến, năm người hẹn ước với nhau nhứt quyết là không ai đứng lên thi lễ đón chào. Vì họ cho rằng Đức Phật không thể nào chịu nổi lối tu khổ hạnh khi xưa. Cho nên Đức Phật mới từ bỏ họ để thọ bát sữa của nàng Sujata, một người chăn cừu. Có thể nói, họ đã hiểu lầm thái độ của Phật. Từ đó, họ tỏ ra khinh thường Đức Phật. Vì thế, hôm nay nghe nói có Sa Môn Cồ Đàm đến, họ nhứt quyết cam kết với nhau là không ai đứng dậy để thi lễ chào hỏi. Tuy nhiên, khi Phật đến nơi, với oai nghi đĩnh đạc, tướng hảo trang nghiêm, cốt cách phi phàm của một con người xuất trần thượng sĩ, bất giác, năm vị đó, không ai bảo ai tự động mỗi người làm mỗi việc. Kẻ thì đến rước lấy y và bát, người thì dọn dẹp chỗ ngồi, kẻ thì đi lấy nước cho Ngài rửa chân. Phải chăng đó cũng là nhờ oai thần của Phật, chưa nói mà đã dùng thân cảm hóa họ rồi. Dù vậy, năm vị này vẫn gọi Đức Phật bằng danh hiệu là “avuso” (đạo hữu).

Nhân đó, Đức Phật khuyên bảo:

“Này các đạo sĩ, không nên gọi Như Lai bằng tên hay bằng danh từ “đạo hữu”. Như Lai là Đức Thế Tôn, là Đấng Toàn Giác. Nghe đây, các đạo sĩ, Như Lai thành đạt đạo quả Vô Sanh Bất Diệt và sẽ giảng dạy Giáo Pháp. Nếu hành đúng theo lời giáo huấn của Như Lai, các thầy cũng sẽ sớm chứng ngộ, do nhờ trí tuệ trực giác, và trong kiếp sống này, các thầy sẽ hưởng một đời sống cùng tột thiêng liêng trong sạch. Cũng vì muốn đi tìm đời sống cao thượng ấy nhiều người con trong các gia tộc quý phái sẽ rời bỏ gia đình, sự nghiệp, để trở thành người không nhà cửa”

Và Đức Phật giải thích thêm:

“Này các đạo sĩ, Như Lai không xa hoa, không hề ngừng cố gắng và không trở về đời sống lợi dưỡng. Như Lai là Đức Thế Tôn, là Đấng Toàn Giác. Nghe này các đạo sĩ! Như Lai đã thành đạt đạo quả Vô Sanh Bất Diệt và sẽ giảng dạy Giáo Pháp. Nếu hành đúng theo lời giáo huấn của Như Lai, các thầy cũng sẽ sớm chứng ngộ, do nhờ trí tuệ trực giác và trong kiếp sống này các thầy sẽ hưởng một đời sống cùng tột thiêng liêng trong sạch. Cũng vì muốn đi tìm đời sống cao thượng ấy nhiều người con trong các gia tộc quý phái sẽ rời bỏ gia đình sự nghiệp để trở thành người không nhà cửa”. (1)

Dù đã nghe qua những lời giảng dạy của Phật, nhưng năm vị đạo sĩ này vẫn cố chấp giữ nguyên thành kiến. Tuy nhiên, Đức Phật vẫn kiên nhẫn giải

thích và sau đó Phật thuyết giảng một bài pháp “Tứ Diệu Đế”. Cuối cùng, tất cả đều chứng được đạo quả thành tựu quả vị A la hán.

Đến nơi đây, chúng tôi bỗng nhớ lại một câu chuyện như thế. Vì vậy, mà người sau đánh dấu nơi đây qua cuộc hội ngộ giữa Đức Phật và năm vị này. Ngày xưa Đức Phật và năm vị này đã từng tu khổ hạnh, sống chung với nhau trải qua thời gian sáu năm trời ở trong rừng. Do đó, cuộc gặp gỡ này cũng rất quan trọng. Từ đó, Đức Phật đã thuyết pháp Tứ Diệu Đế để độ cho họ trở thành Tăng bảo đầu tiên trong Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Phật là Phật bảo; Pháp là giáo lý Tứ Thánh Đế, Tăng là năm anh em Kiều Trần Như. Tam Bảo có mặt ở thế gian bắt đầu từ đó.

Sau khi tham quan nơi đây, đoàn về dùng cơm chiều và nghỉ ngơi sớm để dưỡng sức sáng lại đi Xá Vệ (Sravasti). Đoàn về lại khách sạn vào lúc 5 giờ.

Ngày 4, tức ngày 20/10/2011/

---o0o---

II.Xá Vệ Quốc

Đoàn thức dậy sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng. Hôm nay, đoàn sẽ đến viếng thăm một vài thánh tích ở thành Xá Vệ. “Xá Vệ quốc, tọa lạc ở vùng Gonda về phía tây của tiểu bang Uttar Pradesh cách Lucknow (thủ phủ của bang U.P) khoảng 100 km, là thủ đô của nước Kosala (Kiều Tát La) và cũng từng một thời là hòn ngọc của vương quốc dưới sự trị vì của vua Pasenadi (Ba Tư Nặc), khoảng thế kỷ thứ 6 trước công nguyên. Xá Vệ quốc là một thị trấn phồn thịnh và lớn nhất khu vực đồng bằng Gangetic vào thời Đức Phật. Nơi đây, ghi dấu Đức Phật cùng chư tăng thường dừng chân tu tập trong nhiều mùa an cư kiết hạ. Từ thành vương xá của vua Tân Bà Sa La (Bimbisara) đến nơi đây phải nói rất xa xôi. Thế mà, ngày xưa Phật và chư tăng thường tới lui hai nơi này. Có lẽ hai thành phố này có nhiều địa lợi, tạo nên địa bàn sinh hoạt rộng lớn, nên Đức Phật và chư tăng thường dừng chân ở lại hai nơi này”. (Tài liệu trên trang mạng)

Từ thành phố Ba La Nại đến kinh thành Xá Vệ, tuyến đường rất xa, xe chạy gần mất cả ngày trời. Hơn nữa, đường xá ở Ấn Độ ai đã từng đi qua đều biết rõ cái cảnh xe giồng đưa người mình lên như bay bổng. Nhất là những ai ngồi ở phía sau xe thì trọn hưởng mùi vị này. Phải nói con đường thật xấu lổ hang gồ ghề, tránh đâu cũng bị giồng người cả. Chính vì thế, mà

mỗi lần đi tuyến đường xa như thế phải mất rất nhiều thời gian. Cũng may, không phải đoạn đường nào cũng xấu tồi tệ hết. Có đoạn đường xe chạy cảm thấy cũng khỏe vì ít bị dẫn.

Tôi nghĩ, nếu như chánh phủ Ấn chịu sửa sang đường xá như các nước Âu, Mỹ, Úc, thì đi đâu có mất thời gian nhiều và cũng không bị cái cảnh giồng nhảy tung người lên muốn bay thẳng ra phía trước. Nếu ngồi xe nhỏ có khi giồng người bị đụng đầu lên mũi xe nữa không chừng. Không hiểu sao, năm nào tới mùa hành hương, có biết bao đoàn hành hương đến Ấn Độ. Thế nhưng, chánh phủ vẫn không đếm xỉa gì tới việc sửa sang đường xá cả. Chắc có lẽ chánh phủ muốn để cho những người tới đây nếm mùi khổ hạnh cho biết thời của Đức Phật, Ngài đã đi bộ còn khổ gấp hơn mấy ngàn lần đi xe nữa. Thôi thì, cứ nghĩ thế mà cảm thấy an ủi phần nào và thực tế là như vậy. Chớ không có lý do nào mà họ không chịu sửa sang đường xá. Họ cũng đâu có lỗ lỗ gì khi thu tiền ngoại tệ. Âu đó cũng là một thử thách đối với những ai có mang tâm nguyện đến xứ Phật. Đoàn người chúng tôi đi hôm nay, không nghe ai than thở về những con đường xấu bị giồng dẫn cả. Phải chăng mọi người ý thức đến sự tu tập và cảm nhớ đến sự hành hóa của Phật thời xưa, thì hôm nay có chịu khổ hay khó khăn vất vả một chút cũng đâu có thấm thía ăn thua gì. Có thể, mới đánh giá được sự kiên nhẫn và tâm nguyện của mình.

Trên đường đi, đoàn có ghé viếng thăm một cái tháp, đánh dấu nơi Phật nhập định và lên cung trời Đao Lợi để giảng kinh Địa Tạng cho thánh mẫu Ma Gia nghe. Nơi đây, chúng tôi có trình bày sơ về ba thân của Phật. Đôi khi, chúng ta quá nệ vào xác thân tứ đại thì thật khó hiểu tại sao Đức Phật lại đi lên cõi trời được? Điều này, tại vì chúng ta chưa có tu chứng đắc thần thông, và chưa hiểu việc hóa hiện phân thân của Phật, nên mới khó hiểu đó thôi. Nếu như một người tu hành đạt đạo có được thần thông rồi, thì việc ứng quá phi hành qua lại tới lui, chẳng có gì là chướng ngại cả. Trong sáu phép thần thông trong kinh thường nói, có một loại thần thông gọi là Thần túc thông. Người chứng được thông này rồi, thì sự biến hóa phi thường, tới lui vô ngại.

Sau đó, chúng tôi về chùa Đại Hàn để dùng cơm chiều và nghỉ ngơi. Chùa này có tên là Korean Buddhist Temple Sravasti – Chun Chook Zen Center, do Thượng Tọa Daein làm trụ trì.

Ngày 5, tức ngày 21/10/2011/

---o0o---

01. Tinh Xá Kỳ Viên (hình số 7)

Đọc tụng Kinh Di Đà cũng như một số kinh điển khác, chúng ta thường nghe trong kinh hay đề cập đến nơi này. Đây là khu vườn của hai nhân vật nổi tiếng thời Phật: Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà. Kỳ Viên (Jetavana): khu vườn này do thương gia giàu có Cấp Cô Độc mua lại của thái tử Kỳ Đà (Jeta), để xây dựng tinh xá cúng dường Đức Phật và tăng đoàn. Theo truyền thuyết, chính Trưởng giả Tu Đạt (tên thật của ông Cấp Cô Độc) dùng vàng trải lót trên mặt đất sau khi thỏa thuận giá cả với thái tử Kỳ Đà.

---o0o---

02. Trưởng giả Cấp Cô Độc

Vào tinh xá Kỳ Viên, mà chúng ta không tìm hiểu về vị đại thí chủ này thì quả là một điều thiếu sót. Ông là một thương gia rất giàu có và là một người có lòng thương quảng đại, được liệt vào một trong những vị đại thí chủ trong thời Đức Phật. Tên tộc của ông là Sudatta. Còn tên Cấp Cô Độc là do người đời đương thời tặng cho ông. Đó là biệt danh của ông. Vì ông có tấm lòng thương người rất rộng lớn hay nuôi dưỡng các trẻ mồ côi hoặc những người không được cấp dưỡng sống trong cảnh cô quạnh. Những người không may đó, ông đều đem về cấp dưỡng. Savatthi chính là quê hương nơi chôn nhau cắt rốn của ông.

Một hôm ông từ thành Xá Vệ đến thành Vương Xá để gặp ông anh rể. Thường lệ, khi hay tin ông đến thăm, thì ông anh rể ra tận ngoài cổng đón rước, nhưng hôm nay trái với lệ thường. Thế là ông tự đi vào nhà. Khi vào, ông thấy mọi người đang bận rộn lo chuẩn bị thức ăn đủ thứ, hỏi ra mới biết là họ đang sửa soạn chuẩn bị để đón tiếp Đức Phật. Đây là một nhân duyên đặc biệt mà ông biết đến Đức Phật. Khi gặp Đức Phật, ông cảm thấy như có một nhân duyên nhiều đời với Đức Phật. Sau khi đàm đạo, ông đã được Đức Phật chấp nhận cho quy y và ông trở thành một vị Ưu bà tắc hay một Cận sự nam thuần thành.

Từ đạo đó trở đi, ông thường tới lui thăm hỏi Đức Phật và nghe Phật thuyết pháp, không bao lâu ông đã chứng được Sơ quả Tu đà hoàn. Thế là ông trở thành một vị đại thí chủ tích cực ủng hộ Phật pháp và tăng đoàn. Bởi do ông là một thương gia giàu có nứt xức, nên ông đã tạo nhiều phước đức và cứu giúp không biết bao nhiêu người lâm vào hoàn cảnh khốn cùng.

Trước khi mua miếng đất này, ông cũng đã khổ công tìm kiếm, nhưng không thấy nơi nào thích hợp. Khi có dịp đi ngang qua nơi đây, ông đã nhìn thấy địa thế và phong cảnh nơi này rất xinh đẹp, phải thế xây dựng tịnh xá. Ông rất vừa ý hài lòng. Hỏi ra mới biết, khu vườn này là của thái tử Kỳ Đà con của vua Ba Tư Nặc. Ông quyết tâm mua cho kỳ được khu vườn này. Sau khi thương lượng giá cả, ông đã đồng ý bỏ vàng ra trải lót khắp khu vườn. Ông đã thực hiện đúng theo điều kiện mà chính thái tử Kỳ Đà đã đưa ra. Chính ông là người bỏ vàng ra mua miếng đất lịch sử này.

Ngày nay, khi đến nơi đây, chúng ta vẫn còn thấy một khuôn viên rộng lớn và xinh đẹp với rất nhiều nền móng tháp, tự viện, ở rải rác khắp nơi. Nơi đây vẫn còn là một địa điểm chính yếu rất hấp dẫn cho những ai hành hương muốn đến chiêm bái.

---o0o---

03. Cây Bồ Đề của Ngài A Nan

Chúng tôi đến nơi đây rất sớm, trời vẫn còn lờ mờ tối chưa sáng hẳn. Có người phải dùng đèn pin để soi sáng cho mọi người thấy đường đi. Khi đến cây Bồ đề, mọi người dừng lại và mỗi người tự thắp nến. Thắp nến xong, tất cả đứng vào hàng ngũ để đi chung quanh cây Bồ đề niệm Phật.

Theo truyền thuyết, thì cây Bồ đề trong khuôn viên tịnh xá Kỳ Viên là do ngài A Nan trồng. Tuy nhiên, lý do nào Ngài trồng cây Bồ đề này? Đó là điều thiết nghĩ, chúng ta cũng nên biết qua. Trong quyển Đức Phật Và Phật Pháp do Phạm Kim Khánh dịch từ nguyên tác của Đại Đức Narada, có đoạn nêu rõ lý do như sau: *“Cây Bồ Đề mang tên là Ananda vì chính Ngài đã trồng nó. Lúc bấy giờ thiện tín đến hầu Đức Phật thường mang theo bông hay những tràng bông để cúng dường. Trong những lúc Đức Phật đi vắng thì thiện tín đặt những thứ hoa ấy trước cửa tịnh thất Ngài rồi ra về. Trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika) thấy vậy thỉnh cầu Đại Đức Ananda bạch với Đức Phật xem có nơi nào khác để thiện tín có thể đến lễ bái cúng dường trong lúc Đức Phật châu du hoằng pháp.*

Đại Đức Ananda vào hầu Đức Phật và bạch:

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, có bao nhiêu vật để chúng sanh lễ bái cúng dường. Xin Ngài hoan hỷ giải thích.

- Nay Ananda, có tất cả ba, là: Những vật để chúng sanh lễ bái cúng dường có liên quan đến thân (Saririka, như ngọc Xá Lợi của Đức Phật), những vật liên quan đến đồ dùng riêng (Paribhogika) và những vật để tưởng nhớ Đức Phật (Uddesika).

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, trong lúc Ngài còn tại tiền, có nên xây dựng tháp thờ Ngài không?

- Không, vật để chúng sanh lễ bái cúng dường có liên quan đến thân chỉ nên được kiến tạo sau khi Như Lai nhập diệt. Vật lễ bái cúng dường để tưởng niệm Phật hoàn toàn thuộc về tinh thần, những vật kỷ niệm ấy chỉ là những tượng trưng, không có một căn bản vật chất. Nhưng cây Bồ Đề to lớn mà xưa kia đã có lần che mưa đỡ nắng cho Như Lai là vật để chúng sanh lễ bái cúng dường, dầu Phật còn tại tiền hay đã nhập diệt.

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, khi Ngài thuyết pháp phương xa, tịnh xá Kỳ Viên rộng lớn này không còn nơi nương tựa, và thiện tín đến đây không biết hướng vào đâu để lễ bái cúng dường. Bạch hóa Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ cho phép con lấy một hạt của cây Bồ Đề mẹ để gieo trồng trước cổng tịnh xá.

- Được lắm. Ananda hãy trồng đi. Làm thế ấy cũng như luôn luôn có mặt Như Lai ở đây.

- Đại Đức Ananda thuật câu chuyện lại cho những vị đại thí chủ như ông Cấp Cô Độc, bà Visakha và vua Kosala, rồi xin Đại Đức Mục Kiền Liên giữ lại một trái chín muồi từ cây rơi xuống và trao cho Đại Đức Ananda, đức Ananda dâng cho vua. Vua đưa cho Trưởng giả Cấp Cô Độc trồng. Một cây Bồ Đề sớm mọc lên tươi tốt, mang tên là Bồ Đề Ananda”.

Ở trên có đề cập đến vua Panesadi (Ba Tư Nặc) quốc vương Kosala, thiết nghĩ chúng ta cũng nên biết sơ qua vài nét về ông vua này. Vì ông cũng là một trong những vị đại thí chủ trong hàng vua chúa đã hết lòng ủng hộ Phật và tăng đoàn. Trong các kinh điển thuộc hệ tư tưởng Phật giáo Nguyên Thủy và Phát Triển thường hay đề cập đến ông. Ông con của vua Mahà Kosala, trị vì vương quốc Kosala, đóng đô tại thành Sàvatthi. Ông sanh đồng thời với Đức Phật và nhờ tài đức lỗi lạc của ông nên ông được may mắn nối ngôi lúc vua cha còn sanh tiền.

Ông quy y trong những năm đầu tiên sau khi Đức Phật hoằng dương giáo pháp.

Kinh Tạp A Hàm (Sarhyutta Nikaya) ghi rằng, một ngày nọ vua Pasenadi Kosala đến yết kiến Đức Phật và hỏi về đạo quả của Ngài, lúc ấy ông còn trẻ tuổi.

Đức Phật trả lời:

Tâu Đại Vương có bốn chuyện không nên gạt bỏ hay khinh thường. Đó là một hoàng tử hiếu chiến (khattiya) một con rắn, lửa và một Tỳ kheo. (Hoàng tử hiếu chiến, dầu trẻ tuổi, có thể là một đại họa. Con rắn dầu nhỏ bé có thể rắn độc. Một đốm lửa nhỏ có thể gây hỏa tai khốc liệt, Một vị Tỳ kheo trẻ tuổi có thể đắc quả Thánh hoặc có pháp học cao siêu, thông suốt giáo pháp).

Nhân đó, Đức Phật thuyết cho vua nghe một bài pháp liên quan đến bốn vấn đề nêu trên, nghe xong nhà vua liền xin quy y thọ giáo với Đức Phật. Sau khi quy y, nhà vua đã trở thành một đệ tử trung kiên của Đức Phật. Ngoài ra, ông cũng đã được hoàng hậu Mallika là một người rất sùng đạo tin Phật và luôn hỗ trợ khuyến khích nhà vua làm nhiều việc phước thiện. Khác với vua Tần Bà Sa La, ông là người đầy đủ phước duyên được nghe Đức Phật thuyết rất nhiều bài pháp. Tuy ông không thích gây hấn tạo thành chiến tranh, nhưng vì cai trị của một vương quốc nên ông cũng không thể tránh khỏi sự tranh chấp. Có lần, ông đã tuyên chiến với người cháu là A xà thế, nhưng thất bại và lần sau, thì ông chiến thắng và thu đoạt toàn thể quân đội của A xà thế. Nhưng mỗi lần thân chinh ông đều có thỉnh ý Đức Phật và ông đã được Đức Phật dạy cho ông rất nhiều bài học của một vị quốc vương. Phải nói ông vừa là một đại thí chủ và cũng là một vị đệ tử thân tín thuần thành của Đức Phật.

Sau khi kinh hành niệm Phật, chúng tôi đến nơi trung tâm chính của khuôn viên này để tụng thời kinh Di Đà. Chúng tôi có mang theo quyển Kinh A Di Đà Nghĩa. Lúc này trời đã sáng hẳn. Tuy nhiên, trước khi tụng kinh, đoàn đi nhiều chung quanh ba vòng niệm Phật rồi mới bước lên trên để hành lễ. Trời sáng sớm yên tĩnh. Khí trời mát mẻ êm dịu. Đoàn người chúng tôi cũng cảm thấy rất mát mẻ an lạc. Mọi người dốc hết tâm thành để tụng niệm. Tụng niệm để nhớ lại, chính nơi đây, xưa kia, Đức Phật đã từng thuyết giảng giới thiệu Kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà được gọi là một bộ kinh “Vô Vấn Tự Thuyết” và cũng là “nan tín chi pháp”. Nghĩa là không ai hỏi mà chính Đức Phật kêu Ngài A Nan để nói. Bởi kinh này rất khó tin nên đối với những ai không có chủng duyên với pháp môn Tịnh độ, thì không phải dễ dàng tin nhận thọ trì. Niềm tin rất quan trọng. Cho nên, người tu Tịnh độ lấy

lòng tin làm đầu. Thiếu lòng tin vững chắc, thì Nguyên lực không thiết và thật hành không chuyên, thật khó bảo đảm vãng sanh được.

Buổi tụng kinh hôm nay, tôi cảm nhận như có điều gì rất khác lạ. Cũng ngần ấy người, cũng là quyển kinh đó và cũng thường đọc tụng hằng ngày, nhưng sao hôm nay bỗng nhiên thấy mình như sống lại thời Phật. Có lẽ do khung cảnh quá đặc biệt màu nhiệm nơi đây và cộng thêm sự thành tín tha thiết nhiếp tâm của đại chúng. Do đó, tôi cảm thấy rất an lạc. Một sự an lạc mà tôi không thể dùng lời diễn tả hết được. Chỉ có thàm cảm nhận mà thôi. Như người uống nước lạnh nóng tự biết. Tôi nghĩ rằng, những vị tụng niệm hôm đó hẳn họ cũng có ít nhiều cảm nhận như tôi. Tôi thấy họ rất thành tâm tha thiết, như có Đức Phật đang hiện diện chứng minh và xoa đầu cho họ.

Bằng sự tín thành cảm nhận đó, tôi mời mọi người ngồi lại để tôi trình bày qua một vài cảm nghĩ của mình. Tôi muốn chia sẻ một chút tâm tư và trình bày một vài cảm niệm về ý nghĩa nơi đây. Nhất là những gì mà đoàn đã thật hành trong buổi sáng sớm. Từ việc đi thiền hành từ ngoài cổng đi vào, đến kinh hành niệm Phật chung quanh cây Bồ Đề, rồi đến thời tụng kinh A Di Đà và thêm vào đó là những giây phút thiền quán tĩnh tọa v.v... Bấy nhiêu đó đã tạo cho đoàn chúng tôi thật có quá nhiều an lạc hạnh phúc. Những giây phút thiêng liêng màu nhiệm như thế này, thử hỏi làm sao có thể nói hết được. Ngôn ngữ chỉ là thứ rỗng tuếch mà thực chất của nó cũng chỉ là những tín hiệu biểu lộ những nét ngoài da. Còn cái tinh túy khúc ruột sâu xa bên trong, thử hỏi có ai tài nào diễn tả hết được?

Chỉ có những ai thiền quán sâu sắc, tiếp xúc thực sự với đời sống tâm linh, những giây phút hiện tại nhiệm màu, thì mới có thể tương cảm với nhau phần nào đó thôi. Làm sao chúng ta có thể diễn tả được mùi vị thơm tho của sàu riêng? Muốn biết mùi vị của nó như thế nào, chỉ cần bạn ném vào thì sẽ biết ngay. Muốn biết nước lạnh ấm ra sao, thì bạn hãy nhảy xuống nước tắm thì biết. Đứng trên bờ nhìn hoặc phân tích thì làm sao bạn biết được? Bạn không cần phải nói diễn tả lời nào cả. Nếu cả hai đồng ném, thì ngay giây phút đó, chỉ nhìn nhau mỉm cười là đủ rồi. Thiền vị là thế đó! Còn diễn tả nói năng, thì đó cũng chỉ là làm cái việc của kẻ mò trăng dưới nước hay bắt bóng trong gương chơi mà thôi!

---o0o---

04.Ngôi Tháp của Vô Nã

Sau thời thuyết giảng của chúng tôi, đoàn lần lượt từ giả nơi đây. Những bước chân trở ra, sao cảm thấy nó nhẹ nhàng an lạc thanh thoát làm sao! Nhưng không sao tránh khỏi pha chút vương vấn lưu luyến...

Trên đường về lại khách sạn, chúng tôi ghé thăm tháp của một kẻ sát nơn trước khi được Đức Phật hóa độ. Đó là anh chàng Vô Nã (Angulimala) Đây là một tên sát nơn hung tợn khủng khiếp. Lúc nhỏ ông có tên là Ahimsakha (người vô tội). Cha ông là quốc sư của vua xứ Kosala. Thuở nhỏ, ông rất thông minh và học rất giỏi. Vì học giỏi và được thầy dạy thương mến, nên bạn bè đâm ra ganh tỵ ghét ông. Đây là một tâm lý rất thường tình của con người mang nặng tính phàm phu tiểu nơn. Từ sự ganh ghét đó, họ tìm cách mưu hại ông. Họ đâm thọc gièm pha bày trò chụp mũ vu khống. Họ cho Ahimsakha có dã tâm ác ý ngầm mưu hại ông thầy. Do đó, ông thầy sanh tâm nghi ngờ và ra lệnh hành phạt, bắt ông phải dâng nạp một ngàn ngón tay người. Nhưng phải là ngón tay út ở bàn tay mặt mới được. Thật là quá ác độc! Có thể, thì vị thầy mới tha tội và cho ông thọ giáo. Mặc dù không vui, nhưng Ahimsaka gượng gạo đi vào rừng Jalini, tại Kosala, và bắt đầu chuỗi dài cuộc sát nơn ghê tởm để chặt lấy ngón tay.

Lúc đầu ông xỏ râu những ngón tay chặt được treo trên cành cây, nhưng bị kên kên quạ quạ tha hết. Lần sau, khi chặt được ngón tay nào thì ông đeo vào cổ để giữ cho khỏi mất. Khi ông đã chặt được chín trăm chín mươi chín ngón thì bấy giờ Đức Phật xuất hiện. Khi gặp Phật, ông mừng rỡ vì sẽ có một ngón tay nữa để có đủ một ngàn ngón dâng lên cho thầy. Ông đã đuổi theo Đức Phật, nhưng càng gắng sức đuổi rượt theo thì ông lại càng thất vọng vì theo không kịp. Cuối cùng, ông hét lớn lên bảo nầy Gotama Sa Môn Cù Đàm hãy dừng lại. Đức Phật ôn tồn đáp: *“Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chỉ có người chưa dừng lại đó thôi”*. Và qua những lời đối đáp giữa ông với Đức Phật, cuối cùng, ông được Đức Phật cảm hóa và độ cho ông xuất gia, gia nhập vào trong tăng đoàn.

Thế là từ một tên sát nơn hung bạo lại trở thành một vị Sa môn gương mẫu. Đúng là: *“Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật”*. Dù một người có ác độc đến đâu, nhưng tự bản chất của họ vẫn tiềm tàng hạt giống thiện. Nói cách khác vẫn có hạt giống Phật. Bởi trong kho A lại da thức của mỗi người có hai hạt giống thiện, ác, xấu, tốt hay nhiễm, tịnh. Bởi sẵn có hai thứ hạt giống đó nên tùy cảnh duyên môi trường tốt xấu mà nó có ảnh hưởng tác động hiện hành khác nhau. Môi trường tốt thì huân tập tốt, ngược lại gặp

môi trường xấu thì ảnh hưởng xấu. Vì lẽ đó, nên người xưa nói: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Môi trường sống chung quanh rất là quan trọng.

Có nhiều trẻ em khi ở trong nhà hiền lành rất dễ thương mến, nhưng khi ra ngoài giao du gặp bạn xấu ác, tất nhiên, sẽ bị ảnh hưởng và từ đó em trở nên hung dữ khi nào cũng không hay biết. Hoàn cảnh đôi khi cũng tạo cho con người có sự thay đổi tánh tình. Bởi hiểu được lẽ này, nên ngày xưa mẹ của thầy Mạnh Tử lựa nơi xóm làng làng làng hoàng tốt đẹp để sinh sống. Bà thường chọn gần nơi trường học để cho con bà hấp thụ huân tập những đức tánh tốt. Ngày nay, những nơi trường học cũng chưa chắc bảo đảm, bởi có nhiều hiện tượng xấu xâm nhập len lỏi vào trong nhà trường mà thầy cô không hề hay biết. Khi biết được, thì việc đã quá trễ. Tình trạng bất hảo xảy ra như hút chích xì ke ma túy hay buôn bán á phiện tạo thành bạo động gây hấn chém giết lẫn nhau v.v... Việc này báo chí thường hay loan tin đăng tải báo động cảnh giác nghiêm trọng. Đó là gì? Có phải là do môi trường xã hội tạo nên như thế không? Hễ hạt giống ác tăng mạnh, thì hạt giống thiện bị lấn át mờ yếu. Nhưng không phải vì thế mà hạt giống lành bị mất đi, nó chỉ tiềm tàng chờ khi gặp cơ hội môi trường tốt thì nó sẽ phát khởi. Trường hợp của chàng Vô Nã cũng thế. Vì bạn bè xấu ác và ông thầy lại thiếu lương tâm đạo đức, không sáng suốt để thẩm định vấn đề, nên đưa đẩy từ một con người hiền hòa lương thiện trở thành một kẻ sát nhơn ghê gớm. Đó phải chăng là do hoàn cảnh thúc đẩy chàng ta đi vào con đường tội lỗi?!

Vì thế, một khi gặp được một bậc cao đức cảm hóa thuyết phục thì sẽ trở thành một con người lương thiện. Cuộc đời này thiện ác lẫn lộn với nhau, tùy theo cảnh duyên mà tâm thiện hoặc tâm ác phát khởi.

Bởi thế, đối với người Phật tử, Phật dạy nên lấy trí huệ và lòng từ bi đối xử với người. khi thấy ai có những thái độ hung ác hại người, ta không nên oán trách thù ghét họ. Biết đâu họ cũng có hoàn cảnh và nỗi khổ đau riêng, mà ta chưa tìm hiểu biết rõ đó thôi. Lấy ân trả oán thì oán sẽ tiêu tan. Ngược lại, lấy oán báo oán thì oán kia sẽ chất chồng và không biết bao giờ mới tháo gỡ cho hết được. “*Hận thù không bao giờ diệt được hận thù, mà chỉ có tình thương mới diệt được hận thù đó là định luật của ngàn xưa*”. Đó là lời Phật dạy trong Kinh Pháp Cú. Thiết nghĩ, chúng ta cũng nên lấy đó mà chiêm nghiệm suy gẫm...

05.Nơi Phật Hiện Thần Thông (hình số 8)

Sau khi thăm viếng ngôi tháp kỷ niệm này, chúng tôi viếng thăm nền nhà của ông Cấp Cô Độc và đi đến nơi Đức Phật hóa hiện thần thông. Thần thông trong đạo Phật không phải do công phu luyện tập mà có. Chính là do sự tu chứng mà có ra. Không phải như ngoại đạo họ chuyên luyện tập để có được thần thông. Đó là thứ thần thông giả tạo bề ngoài. Đức Phật ít khi nào Ngài thi thố thần thông. Nếu có, chẳng qua cũng chỉ trong một trường hợp đặc biệt bất đắc dĩ nào đó thôi. Bởi chính Đức Phật cũng thường răn cấm các hàng đệ tử không được vô cớ hiện thần thông. Vì như thế, dễ làm mê hoặc lòng người. Người ta do đam mê thần thông mà quên đi cội gốc của sự tu hành. Người tu là do dứt trừ hết vô minh phiền não mà được giải thoát. Chính sự giác ngộ giải thoát đó, mới đích thực là cái mục tiêu mà người tu hành nhắm tới. Còn thần thông không thể làm cho mình giải thoát sanh tử khổ đau được. Bằng chứng cụ thể như tôn giả Mục Kiền Liên là một vị thần thông đệ nhất. Nhưng Ngài cũng không thoát khỏi nghiệp báo. Cuối cùng, Ngài phải chết dưới tay của bọn côn đồ.

Thời nay, có lắm người tu hành chạy theo ngọn mà quên hẳn đi cái gốc. Ngọn là thích cái gì mới lạ bên ngoài. Gốc là cái bên trong là phải quán chiếu thật sâu vào nội tâm để diệt trừ phiền não. Nhiều người tu hành thích có được phép lạ để lòe thiên hạ. Trong đạo Phật, nếu vô cớ mà thi triển thần thông thì coi như là đã phạm giới. Trường hợp như thiền sư Đặng Ấn Phong. Có lần, trên đường đến Ngũ Đài Sơn, Ngài thấy hai đội binh đang đánh nhau. Một đội binh phiếm loạn và một đội binh của triều đình. Thấy thế, Ngài muốn can họ không nỡ nhìn thấy họ chém giết lẫn nhau, cho nên Ngài quăng cây gậy lên trên hư không, rồi Ngài phi thân lên đứng trên cây gậy. Hai đội binh thấy thế tưởng đâu có một vị thần quái lạ nào xuất hiện quở trách, nên cả bọn hốt hoảng bỏ chạy tứ tán hết. Ngài biết làm như vậy là đã phạm lỗi phá giới, vì đã mê hoặc lòng người. Khi lên đến núi Ngũ Đài, Ngài tịch tại hang kim cang.

Sau khi nghe chúng tôi trình bày một vài điều như thế, đoàn rời khỏi nơi đây để về lại khách sạn dùng sáng. Nói khách sạn kỳ thật đây là một ngôi chùa của người Đại Hàn. Như đã nói, thường các chùa ở đây ngoài việc xây dựng nơi chánh điện thờ Phật ra, người ta còn xây thêm nhiều phòng ốc để cho du khách thuê. Mục đích là để có thêm lợi tức mà họ tu bổ hoặc phát triển thêm. Được biết các vị sư ở đây, không có vị nào ở lâu cả, mà thường thì họ hay thay đổi nhau luôn.

Khi đến đây, trời sắp tối, chúng tôi không có đem hành lý nặng lên phòng, chỉ mang hành lý nhẹ xách tay thôi. Chúng tôi đi thẳng vào điện Phật để đánh lễ Tam Bảo và sau đó chuẩn bị dùng cơm tối.

---o0o---

III.Hành Trình đến Nepal

Dùng điêm tâm xong, đoàn chuẩn bị lên đường đi Nepal. Đoàn khởi hành vào lúc 9 giờ sáng. Tuyến đường hành trình này khá xa. Như thường lệ, lên xe đầu đó ổn định mọi người bắt đầu niệm Phật. Luân phiên niệm Phật mỗi bên 5 câu. Chúng tôi cho mọi người áp dụng như khi ngồi niệm Phật trong chánh điện của những ngày thọ bát. Niệm Phật như thế, thời gian khoảng nửa tiếng đồng hồ. Sau đó, nghe đọc về cuộc đời hành hóa của Đức Phật. Nói về đời sống của người dân Ấn. Những phong hóa tập tục của họ xưa và nay. Ngoài ra, còn kể những mẫu chuyện vui rồi sau đó văn nghệ. Do đó, mọi người cảm thấy rất vui quên đi sự mệt mỏi.

---o0o---

01.Tập tục của người dân Ấn

Nói đến vấn đề phong tục tập quán, quốc gia nào cũng có những phong hóa tập tục riêng. Ấn Độ cũng thế. Họ cũng có những tập tục đặc thù theo bản sắc văn hóa riêng của họ. Cũng có những tập tục xưa lỗi thời lạc hậu, hủ bại, quá mê tín, thì họ không còn duy trì, và có một số tập tục hiện nay họ vẫn còn gìn giữ. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài tập tục thông thường, mà trong đời sống hằng ngày chúng ta thường gặp phải.

- Vấn đề vệ sinh, người Ấn đi cầu họ không có dùng giấy toilet như người mình, nhất là như ở các nước tân tiến. Khi vào các khách sạn, như ở trong các ngôi chùa mà chúng tôi tạm trú, ít khi nào tôi thấy có giấy toilet trong phòng vệ sinh. Thường họ chỉ để một cái xô và một cái ca để dội nước. Bởi khi đi cầu họ chỉ sử dụng bàn tay trái và phải rửa bằng nước. Điều buồn cười là nếu một người Tây phương nào đó vào nhà họ, thì họ cho rằng nhà họ bị ô uế, vì người Tây phương đi cầu chùi bằng giấy, chứ không rửa bằng nước. Tuy nhiên, đối với những người ở ngoài tập cấp hay ở tập cấp thấp hèn, thì không hẳn kỹ như vậy, có khi họ ngồi ngay bên đường mà “trút bầu tâm sự”. Thường trong khu xóm của những hạng dân đó, chẳng nhà nào có cầu tiêu. Họ chỉ cần đào một cái rãnh ở giữa đường để cho thoát đi, thế là xong. Do đó, khi tặng quà cho họ, bạn không nên dùng tay trái để đưa, vì họ

coi bàn tay đó là không sạch và như thế họ cho bạn là coi thường khi để họ. Cho nên bạn phải trao cho họ bàn tay mặt.

Có lần, trên đường đi, xe ngừng lại để dùng cơm trưa. Tôi thấy, chú tài xế, vào trong cái quán bên đường để mua thức ăn. Thức ăn gồm có: cơm, cà ri và một cái bánh patì. Chú ngồi trên bộ ván nhỏ cũ kỹ, dùng tay mặt trộn cơm và bốc ăn ngon lành. Tôi để ý, từ đầu chí cuối, chú không bao giờ sử dụng đến bàn tay trái. Hỏi ra, tôi mới biết họ không bao giờ sử dụng bàn tay trái để cầm bốc thức ăn.

- Khi bạn nói hay làm điều gì mà họ vừa ý hài lòng chấp nhận, thì họ lắc đầu. Cái lắc đầu của họ có nghĩa là bằng lòng. Ngược lại, cái lắc đầu của mình có nghĩa là từ chối, không bằng lòng.

- Nếu bạn đang ngồi trên xe, xe đang chạy, mà bạn muốn đi vệ sinh tiêu tiểu, bạn không cần nói chi hết, chỉ cần bạn đưa ngón tay út lên, thì họ sẽ biết và tìm chỗ ngừng xe lại để cho bạn đi giải quyết việc tiêu tiện ngay.

- Về vấn đề y phục, họ ăn mặc cũng rất là đơn giản. Càng đơn giản, họ càng cảm thấy mát mẻ thích thú. Bởi vào mùa nóng, trời nóng như thiêu đốt, cho nên có người còn muốn bỏ cả y phục. “Nhiều người đàn ông chỉ quấn một cái khăn ở dưới rốn; muốn che thêm thân thể thì họ khoác vào ngực một tấm vải nào đó mà một đầu vắt lên vai bên trái. Người Ấn theo tục đội khăn của người Hồi; mỗi tập cấp họ có lối quấn đặc biệt, nhưng người nào quấn cũng rất kỹ lưỡng, tài tình y như có ảo thuật, có những chiếc khăn sổ ra dài tới hai mươi mét. Phụ nữ bận một chiếc áo lòng thông - chiếc sari bằng lụa không có bông, hoặc chiếc khaddar bằng len - vắt qua hai vai, bó chặt lấy ngực rồi thông xuống chằm gót. Đôi khi họ để lộ một chút da sạm ở dưới vú. Tóc bôi dầu cho khỏi khô cứng vì sức nóng của mặt trời”. (2)

- Khi bạn thấy một người phụ nữ Ấn đeo một cái vòng vào cánh mũi bên trái chúng tỏ là họ đã có chồng. Nhiều khi trên trán họ vẽ một hình màu nào đó để người ta biết họ theo giáo phái nào. Tôi thấy có nhiều người Ấn họ hay vẽ như thế. Tuy nhiên, chúng tôi chưa rõ là mỗi màu họ vẽ là biểu trưng họ theo một tôn giáo nào.

- Vấn đề hôn nhân, họ có tục lệ tảo hôn, nghĩa là cưới gả rất sớm. Họ hứa hôn với nhau khi chú rể và cô dâu còn là một đứa con nít còn hôi sữa chưa biết gì cả. Vì họ cho rằng, có như thế, thì trai gái lớn lên không có chuyện lẳng nhăng lẳng nhặng bậy bạ. Như vậy, thì cặp trai gái này không cần phải tìm hiểu rồi mới yêu thương nhau. Tục này, cũng đã làm khổ cho

biết bao nhiêu nam nữ, khi lớn lên yêu thương không đúng đối tượng của mình đã chọn. Đây cũng là một cách theo kiểu cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, nhưng chỉ có điều là cha mẹ đặt quá sớm khi đôi trẻ chưa biết gì. Tục này hiện nay đôi khi vẫn còn.

Theo sử gia Will Durant viết trong quyển Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ Nguyễn Hiến Lê dịch, ông cho rằng: “Tục trùm kín mặt và tục cấm cung khi một người phụ nữ đã có chồng, đây không phải là tập tục cổ hữu của người Ấn, mà do người Ba Tư và người theo Hồi giáo đem vô Ấn Độ. Cho nên tục này đã được người phụ nữ Ấn theo đúng từ Bắc tới Nam. Một người đàn ông muốn cho vợ mình khỏi bị bọn theo Hồi giáo ngấm ghé, người Ấn bắt vợ phải trùm kín mặt; tục đó nghiêm khắc tới nỗi một người đàn bà đảng hoàng thì chỉ cho chồng và con thấy mặt thôi, và hễ tiếp xúc với người lạ thì phải trùm mặt bằng một tấm khăn “Voan” dày; ngay như y sĩ tới chẩn mạch cũng phải buông một tấm màn xuống ngăn cách, không cho y sĩ nhìn thấy. Trong vài giới, hỏi thăm người chồng về sức khỏe của người vợ là điều bất lịch sự, hoặc được mời tới nhà ai mà hỏi chuyện phụ nữ trong nhà đó cũng là khiếm nhã”.

---o0o---

02. Bò đi giữa phố (hình số 9)

Thú thật, lần đầu tiên mới đến Ấn Độ, khi xe chạy vào thành phố, tôi vô cùng ngạc nhiên, thấy có nhiều con bò đi nghênh ngang an nhiên giữa đường, không một ai dám đụng tới chúng. Như đã quen rồi, chúng cũng không bao giờ tỏ ra sợ xe hay sợ người. Khi gặp chúng đang đi, thì các bác tài xế cẩn thận chỉ tìm cách lách xe mà tránh chúng thôi. Thậm chí còn không dám bóp kèn cho chúng tránh, vì sợ chúng giật mình. Tôi còn nghe nói, ai mà đánh đập hoặc đụng tới chúng thì người đó sẽ bị trừng phạt. Thậm chí còn bị bỏ tù nữa là khác. Điều này, duy nhất chỉ có xứ Ấn Độ thôi. Ngoài ra, chưa từng thấy nước nào có tình trạng này. Lý do tại sao như thế? Tôi nghe mỗi người giải thích mỗi cách khác nhau. Có người cho rằng, con bò là hiện thân của Đấng phạm thiên Brahma. Nhưng vị này không giải thích rõ hiện thân như thế nào? và tại sao lại hiện thân vào con bò? Và cũng không biết là bò đực hay bò cái? Nói Brahma, nhưng Brahma là gì? vị đó cũng không giải thích. Tôi không hài lòng cách nói bâng quơ không giải thích rõ ràng này.

Sau khi về, tôi tra cứu trong Từ Điển Phật Học Huệ Quang, tập 1 trang 188, ở mục nói về Bà La Môn, trong đó giải thích: “Bà la môn là giai cấp đứng đầu và cũng là cao nhất trong bốn giai cấp (Bà la môn, Sát đế lợi, Phệ xá, Thủ đà la) ở xã hội Ấn Độ cổ. Họ tự cho họ là dòng dõi cao quý nhất và chủng tính của họ sanh ra từ miệng của Phạm Thiên, nên có dung mạo đoan chánh, thanh tịnh cao khiết, chuyên học tập Phệ Đà và chủ trì việc cúng tế.

Về tín ngưỡng, họ tin tưởng có nhiều vị thần gồm có thiên thần, Hư không thần và Địa thần. Các vị thần nổi tiếng nhất ở thiên giới gồm có: Đặc vụ tư thần, Bà lâu na thần và các vị thần thuộc về Thái dương. Thần Đặc vụ tư (S : Dyaua) đây là vị thần có hình thái nguyên thủy nhất biểu trưng bằng con bò đực của dân tộc Aryan, xuất hiện vào thời dân tộc Ấn Âu sống chung. Đây là thần cách hóa ánh sáng. Đối lại với Địa mẫu, vị thần này được gọi là thiên phụ. Từ đó, người ta tin rằng con bò đực là hiện thân của thần Dyaua”. Vì thế, hiện nay người dân Ấn vẫn còn tôn kính các con bò đực này và không ai dám đụng tới. Vì đụng tới nó là đụng tới thần và rồi sẽ bị thần quả phạt.

Trên đường đi, đoàn ghé thăm một ngôi tháp do các nhà khảo cổ tìm thấy Xá Lợi Phật. Và chính những viên Xá Lợi này đã được tôn thờ trong bảo tàng viện tại thủ đô Tân Đê Li. Việc này chúng tôi sẽ trình bày sau. Sau khi tìm thấy, người ta đánh dấu nơi đây bằng cách xây một bảo tháp lớn. Một ngôi tháp đứng sừng sững giữa trời đất bao la. Đoàn đến nơi đây, nhìn đồng hồ tay là đúng 2 giờ 15 phút chiều. Dĩ nhiên, trên tuyến đường đi xa gần mắt cả ngày trời như thế này là chúng tôi phải dùng cơm trên xe. Có thể nói, những bữa ăn trên xe, có nhiều điều thú vị.

---o0o---

03.Chuyện tưới cây

Như trên, chúng tôi cũng có nói sơ qua về vấn đề này. Mỗi lần ăn uống như thế, chúng tôi cảm thấy rất vui. Đó cũng là một không khí mới lạ. Chắc chắn ở Úc ít khi nào xảy ra chuyện này. Đã có ăn uống vào tất phải có tiêu hóa và bài tiết. Nói cách khác, hễ có mượn thì phải có trả. Mượn vào mà không trả ra, đó là điều nghịch lý và chắc chắn sẽ không tồn tại. Vậy trả bằng cách nào? Có thể nói, cách trả ở Ấn Độ rất thú vị và đặc biệt, duy nhất chỉ Ấn Độ mới có thôi. Chuyện này ai tới đây rồi, dù muốn hay không cũng phải tuân theo. Nếu không, thì chỉ còn có nước chịu chết. Nhưng mà làm sao có thể chết một cách oan uổng như vậy được? Bởi đó là một chuyện rất tự

nhiên của con người. Song có điều chỉ khác nhau chỗ nơi mà thôi. Đó là chuyện “tiểu đường” nói cách khác nghe êm tai hơn gọi là “tưới cây”. Nói rõ hơn là nhà vệ sinh Ấn Độ. Đi dọc đường, nơi nào cũng có thể là nhà vệ sinh công cộng được cả. Nói tưới cây, lần đầu tôi nghe rất lạ tai.

Tưới cây là chuyện bình thường, chớ có gì đâu mà nói lạ tai? Bởi trên đường đi làm gì có chuyện tưới cây? Có người lần đầu chưa biết lại thắc mắc như thế. Có lần, tôi nghe thầy Huyền Diệu kể, có một bà du khách Mỹ, khi xe dừng lại, thầy bảo mọi người xuống tưới cây. Bà đó bảo: Trời ơi! giữa đường thầy bảo xuống tưới cây, thùng nước đâu mà tưới? Thầy Huyền Diệu liền nói, thùng và nước trong bụng bà chớ đâu. Bấy giờ bà mới nhận ra và mọi người đều cười ngất.

Đối với phái nam, thì chuyện tưới cây không có gì khó khăn, nhưng đối với phái nữ thì hơi khó khăn hơn. Đã vậy, xe chạy một khoảng đường, thì mọi người bảo tài xế ngừng lại. Tuy là nhà cầu rất rộng rãi phóng khoáng, nhưng cũng phải tìm nơi ẩn khuất kín đáo một chút. Chính điều này, cũng làm mất thời gian khá nhiều. Bởi một lần đi cũng gần hết cả xe, có khi không còn ai trên xe cả. Nhưng có mất thời gian cũng phải đành chịu thôi! Chớ cái việc này dù cho quan có đòi thì cũng phải trể thôi, nói chi đến việc mất thời giờ. Thậm chí, đến như lệnh vua cũng phải chịu thôi, chớ đừng nói tới lệnh quan.

Nhân chuyện này, tôi lại trực nhớ trong luật có nêu ra một chuyện thật buồn cười. Có lần, một thầy Sa Di, do nín không đi mà bị mang bệnh. Có người mách Phật, Phật hỏi lý do tại sao? Thầy đáp: Bạch Đức Thế Tôn, trong luật Đức Thế Tôn có dạy, là Sa Di (chỉ có 10 giới) cái gì cũng phải kính nhường các vị Tỳ kheo, tức những vị đã thọ đại giới (250 giới). Bởi vậy, nên con chờ các thầy đi hết rồi mới tới con. Chịu hết nổi nên con phải bị như thế. Phật quở, chuyện gì thì ông cũng có thể nhường nhịn chờ đợi được, chớ cái chuyện mắc đi cầu, ta đâu có bảo ông phải nhường nhịn để đến đổi xảy ra như thế này. Từ đây về sau ông đừng có như thế nữa. Chuyện cần phải giải quyết cho nhanh mà ông chờ đợi sao được?

Đọc qua mẫu chuyện ngắn đó, ta thấy thương và tội nghiệp cho vị Sa Di này quá! Cái gì mình cũng có thể nhường nhịn được, chớ cái việc “giải phóng tình cảm” này làm sao mà có thể nhường nhịn được chớ?! Đó là câu chuyện mà chúng tôi thấy trong luật có nêu ra như vậy.

Có người còn nói, người nào không bị tiểu đường, đến Ấn Độ đều bị mắc phải chứng bệnh “tiểu đường” hết. Già trẻ bé lớn gì cũng không tránh khỏi.

Thấy cảnh thú vị này, có người hứng chí làm bài thơ trào phúng chọc cười cho vui. Bài thơ có tựa đề là:

Nhà Cầu Ấn Độ

*Nhà cầu Ấn Độ thấy mà thương
Du khách đến thăm phải tiểu đường
Rộng rãi cây che ngòi thoải mái
Bụi lùm mát rượi đứng tè mương
Thiên nhiên cung cấp người thụ hưởng
Nhơn tào sao bằng khắp mùi hương
Văn minh chưa chắc hơn tạo hóa
Ấn Độ đến thăm nhớ tiểu đường.*

Nhân lúc dùng cơm trên xe, có vị cảm hứng sáng tác một bài thơ pha trò để đọc lên cho đại chúng nghe vui.

*Đi Nepal đường gập ghềnh
Bữa cơm thanh đạm lại thêm đạo tình
Hai cô vất vả quên mình
Lo cho đại chúng Phước Sinh, Huệ Hòa
Cùng nhau niệm Phật Di Đà
Đường về xứ Phật trẻ già vui ca
Ăn no ngòi ngủ gật gà*

Thức dậy nói chuyện bị la tới ngày

Cảnh này cũng lắm vui thay

Làm sao có được những ngày Úc Châu

Quên đi những chuyện buồn rầu

Ăn cơm nghe chuyện hết sầu hết lo

Người nào người nấy ăn no

Có người lo sẵn còn lo nỗi gì.

---o0o---

04. Biên giới Ấn Độ Và Nepal (hình số 10)

Loay hoay rồi chúng tôi cũng đến biên giới giữa Ấn Độ và Nepal. Chúng tôi đến đây vào buổi chiều khoảng 4 giờ 30 phút. Ngồi trên xe chờ đợi làm thủ tục giấy tờ cũng hơi lâu. Ai cũng biết nhân viên làm việc ở đây, họ rà rà dê ngỗng lè mè lắm. Thủ tục hành chánh của họ thật không đơn giản. Họ đòi gì thì mình cũng biết. Cái “thủ tục đầu tiên” của họ là trước hết. Muốn cho mau thì phải khao thôi. Ai đã từng dẫn đoàn hành hương đến nơi đây, ít nhiều gì cũng trải qua kinh nghiệm này. Lâu hay mau tùy theo cách xử sự biết điều hay không của mình. Đã nói Ấn Độ là vậy mà! Việc lo thủ tục giấy tờ visa ra vô đều do thầy Minh Đức thay đoàn giúp giùm. Trong lúc chờ đợi, mọi người ngồi trên xe niệm Phật. Đó cũng là cách lợi dụng thời gian để hành sự hữu ích. Lúc nào cũng tận dụng thời gian cho có ý nghĩa cả. Dù có khó khăn rắc rối đến đâu, rồi thì cũng sẽ qua thôi...

Đoàn vượt qua biên giới chỉ cần qua một dãy phố thôi là ở bên kia rồi. Ranh giới giữa bên này qua bên kia chỉ ngăn cách có một tấm bảng. Hai dãy phố song song hai bên đường, họ bày bán đủ thứ hàng hóa. Hai dãy phố này nối liền nhau như không có gì ngăn cách. Thiên hạ qua lại dập dìu. Một vài người trong lúc chờ đợi đi dạo phố tìm mua một vài thức ăn. Các loại xe trọng tải chở hàng hóa đậu dài trên đường. Họ cũng đang chờ trình giấy để được đi qua. Mỗi lần qua biên giới như thế, thì mỗi người phải đóng 25 đô Mỹ và 2 tấm hình.

---o0o---

05.Ngôi Chùa Đại Hàn

Chỗ tạm nghỉ dừng chân để đi tham quan chiêm bái tu học nơi đây là chùa Đại Hàn. Chùa có tên là Korean Temple Bhairahawa Rupandehi Lumbini Nepal, thường gọi là Đại Thánh Thích Ca Tự. Ngôi chùa này có một khuôn viên tương đối khá rộng. Thường khi đoàn tới mỗi chùa dù sớm hay trễ, tôi cũng đều cho mọi người lên đánh lễ Phật trước. Chánh điện nơi đây khá rộng lớn. Việc thờ Phật của họ chùa nào cũng giống nhau. Chỉ có một vài chùa Tây Tạng cách thiết trí tôn thờ mỗi nơi có khác đôi chút. Còn chùa Đại Hàn, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, đại khái đều thờ Phật giống nhau. Lối kiến trúc của họ cũng không có gì khác lắm. Các nước Nguyên Thủy Phật giáo phần nhiều đều rập khuôn như thế. Cái Chánh điện của chùa này đối diện với dãy nhà chúng tôi ở. Phòng xá tuy rộng nhưng không có giường. Họ chỉ cho mỗi người một miếng nệm. Nệm thì mỏng chớ không có dày. Hai người một phòng. Quả đây mới thật là ăn chay nằm đất.

Có người nói với tôi, đi tu học mà ăn chay nằm đất như thế này mới thật là tu. Chẳng những họ không lộ vẻ than phiền mà trái lại họ còn thích như vậy. Có người còn nói thêm, mình đi qua đây là để tu học, chiêm nghiệm lại cuộc đời hành hóa của Đức Phật, chớ đâu phải mục đích mình đi là để hưởng thụ những điều sung sướng. Vì ở Úc mình cũng đâu có thiếu thốn gì. Cũng đã từng nệm ấm chăn êm rồi.

Các toilet ở đây không có bàn ngồi. Chỉ ngồi theo kiểu chồm hồm. Ấy thế mà, việc này đối với người Việt mình cũng không lạ lắm. Tuy vậy, ai nấy cũng cảm thấy vui không một tiếng than phiền. Được thế do đâu? Phải chăng do mọi người ý thức đến việc tu học và nhứt là biết rõ được nội dung của chuyến đi.

Sau khi dùng cơm tối xong, mọi người ngủ nghỉ dưỡng sức để chuẩn bị cho chương trình ngày mai.

Ngày 6, tức ngày 22/10/2011/

---o0o---

IV.Lâm Tỳ Ni (Lumbini)

Như thường lệ, đoàn thức dậy sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng. Nếu như hôm nào đi xa, thì không có công phu. Còn không có, thì sáng nào đoàn cũng có công phu. Mỗi người đều có sẵn một bản sao nghi thức tụng niệm thời khóa

công phu khuya. Hôm nay, đoàn lên chánh điện tụng năm đệ Lăng Nghiêm và Đại Bi Thập Chú. Khổ nổi, đèn ở chánh điện lò mờ không đủ ánh sáng để nhìn thấy rõ mặt chữ. Những người lớn tuổi mắt yếu hay mờ thì rất khó đọc. Chỉ có những người trẻ mắt còn sáng thì mới đọc được. Hơn nữa, không phải ai cũng có thể tụng đọc được thần chú Lăng Nghiêm dễ dàng. Trừ phi những người nào thường tụng đọc thì mới có thể tụng đọc được thôi.

Sau thời công phu, chúng tôi dùng điểm tâm. Xong rồi, chúng tôi đi bộ ra Lâm Tỳ Ni. Điều buồn cười, là thầy Minh Đức hướng dẫn đoàn đi sai đường. Thay vì, từ chùa đi ra quẹo mặt thì đúng hướng, nhưng thầy lại quẹo trái nên đi ngược xuống con sông dầu. Khi đi, tôi hơi nghi ngờ, nhưng cũng không nhớ rõ quyết chắc lắm. Đến chừng hỏi mấy chú xích lô đạp, thì mới biết là đi sai. Lúc khởi hành nhìn đồng hồ tay là đúng 6 giờ 30. Nhưng vì đi sai đường, nên loay hoay mất khoảng gần 1 tiếng đồng hồ mới tới vườn Lâm Tỳ Ni.

---o0o---

01.Vài nét về Lâm Tỳ Ni (hình số 11)

Vườn Lâm Tỳ Ni nằm trên một ngọn đồi, dưới chân của dãy Himalaya thuộc vương quốc Nepal ngày nay, cách biên giới Ấn Độ Nepal khoảng 27 km, với diện tích khoảng 990 ha. Đây là nơi ghi dấu hoàng hậu Ma Gia đã hạ sanh thái tử Siddharta (Tất Đạt Đa Đản sanh), và được nhà khảo cổ học người Đức Mr. Fuhrer phát hiện vào năm 1895 qua tàn tích trụ đá vua A Dục: Thăm viếng đền thờ Maya Devi, hồ nước thiêng, trụ đá vua A Dục, ngọn lửa thiêng Lumbini.

Thú thật, chúng tôi chưa tìm thấy sách sử nào ghi lại khu vườn này ở vào thời đại xa xưa trước khi Đức Phật ra đời. Về chu vi, diện tích, cây cảnh, hoa lá, ao hồ v.v... những cảnh vật nơi đây như thế nào, thì chúng tôi chưa tìm thấy có tài liệu nào ghi lại chính xác. Chỉ biết đại khái nơi đây có nhiều phong cảnh tươi đẹp. Có hồ tắm và nhiều loại hoa, nhất là hoa Simsaja (Vô Ưu).

Sử ghi lại: Theo phong tục của người phụ nữ Ấn thời xưa, trước khi sanh sản, các bà phải trở về quê mẹ của họ để sanh đẻ. Theo tục lệ đó, bà hoàng hậu Maya từ thành Ca tỳ la vệ về quê hương của bà, khi đi ngang qua khu vườn này (từ kinh thành đến nơi đây khoảng 25 cây số), bà liền ra lệnh mọi người dừng kiệu lại để bà vào bên trong ngắm cảnh dạo vườn.

Như thế, đủ biết là phong cảnh nơi đây, chắc chắn phải là hữu tình nên thơ ngoạn mục lắm. Nhiều kỳ hoa dị thảo, cây lá sum suê, ao hồ mát mẻ. Trong khi ngắm cảnh dạo vườn, đến cội cây Vô Ưu, bà liền đưa tay định bẻ một đóa, bỗng nhiên lúc đó thái tử chào đời. Ngài xuất hiện trong ánh nắng chan hòa của buổi sáng và trong mùi hương ngào ngạt của trăm hoa.

Điều mà ai đến đây chiêm bái cũng thắc mắc: Tại sao biết nơi này là nơi Đức Phật giáng sanh? Và ai là người quyết chắc cho chúng ta biết như thế? Sở dĩ ngày nay người ta biết được chính xác nơi đây là nơi mà Đức Phật đản sanh là nhờ ông vua A Dục (Asoka). Ông ra đời sau Phật nhập diệt khoảng 200 năm trước công nguyên. Và chính ông đã đặt trụ đá nơi đây vào khoảng năm 250 trước TL, để đánh dấu cho người sau biết chính nơi này là Phật ra đời. Vào khoảng thế kỷ thứ 7 sau Tây lịch, Ngài Huyền Trang từ Trung Hoa đến đây chiêm bái cũng đã ghi nhận chính nơi đây là nơi Đức Phật ra đời. Nhà khảo cổ người Đức, ông Fohrer phát hiện vào năm 1895 qua tàn tích trụ đá của vua A Dục.

Trải qua thời gian lâu xa, vùng đất này biến thành nơi cỏ dại hoang tàn, không ai ngó ngàng để ý chăm sóc. Theo thầy Huyền Diệu đã ghi lại trong quyển sách: “*Những Điều Màu Nhiệm*” của thầy, có đoạn thầy viết: “*Vào một ngày đầu xuân năm 1969, lần đầu tiên khi đặt chân đến chiêm bái Lâm Tỳ Ni, tôi thật sự bàng hoàng. Cảnh quan vùng đất thiêng thật điêu tàn, chung quanh trụ đá thánh tích kỷ niệm nơi đức Phật đản sinh bị người dân địa phương phóng uế bừa bãi. Tôi buồn rầu đi quanh nơi này lòng thầm khẩn nguyện, nếu quả thật đây là nơi linh thiêng và đúng là chỗ Phật đản sinh thì xin cho tôi được nhìn thấy thánh địa phát triển trước khi nhắm mắt từ giả cõi đời*”.

Khuôn viên Lâm tỳ ni hôm nay đã khác xa những gì mà trước đây như thầy Huyền Diệu đã nói. Mọi hiện tượng trên đời không có một hiện tượng nào mà không biến đổi theo dòng thời gian. Vạn vật đều trải qua những chu kỳ: Sinh, Trụ, Di, Diệt hay Thành, Trụ, Hoại, Không. Tất cả đều phải tuân theo luật định chu kỳ đó. Vườn Lâm tỳ ni cũng không thoát khỏi. Lâm tỳ ni ngày nay đã thực sự chuyển mình trong ý hướng phát triển ngày càng khởi sắc hơn. Nơi đây đang được phục hồi một cách nhanh chóng. Mọi thứ đều được chăm sóc chu đáo kỹ càng. Từ các thảm cỏ xanh, các bụi cây vô ưu, cây bồ đề cho đến những nền gạch và trạm bán vé cũng được xây cất lại. Đặc biệt là nền móng, nơi đánh dấu bà hoàng hậu Maya hạ sanh thái tử đã được bảo vệ một cách an toàn nghiêm mật. Hiện nay, Lâm Tỳ Ni được Unesco nhận là di sản văn hóa của nhân loại.

Buổi sáng hôm nay trời nắng đẹp, ánh nắng dịu hiền mát mẻ như đủ để sưởi ấm lòng người. Du khách thập phương đến đây chiêm bái rất đông. Chúng tôi đến ngồi chung quanh dưới tàng cây bồ đề. Những tàng lá xanh tươi đủ để che bóng mát cho đoàn chúng tôi. Nơi đây, chúng tôi trình bày vài nét về “Ý Nghĩa sự ra đời của Đức Phật”. Và nói sơ về ý nghĩa tên gọi của cây Vô ưu.

---o0o---

02. Sinh hoạt (hình số 12)

Xong rồi, chúng tôi đến trước trụ đá nơi đặc biệt dành cho các phái đoàn hành lễ. Chúng tôi tụng một thời kinh ngắn và kính hành niệm Phật. Sau thời kinh, chúng tôi đi vào bên trong nơi tôn thờ hình tượng bà hoàng hậu Maya hạ sanh thái tử Siddharta. Tham quan và cúng dường xong, chúng tôi đến ngồi chung quanh dưới cây vô ưu để sinh hoạt. Trước tiên, chúng tôi ngồi yên lặng trong vài phút đồng hồ để quán niệm. Sau đó, chúng tôi mời một vài người phát biểu cho biết cảm tưởng của mình khi đến đây, cũng như cho biết lý do nào thúc đẩy tham gia chuyên đi này. Mỗi người tuy trình bày mỗi cách khác nhau, tùy theo quan điểm nhận thức của mình, nhưng điểm chính yếu ai cũng muốn đến tận nơi để mục kích chứng kiến tận mắt những gì mà lâu nay vẫn nằm trong tâm tưởng. Như hôm nay được ngồi dưới cây bồ đề và cây vô ưu để lắng nghe chúng tôi trình bày về ý nghĩa Đức Phật ra đời cùng ý nghĩa của cây vô ưu. Hai cây này đã được ghi đậm nét vào trong lịch sử hơn loại. Đó là một phúc duyên thù thắng mới có được như thế này. Chúng tôi lắng nghe mỗi người lần lượt phát biểu ý kiến theo lời mời của chúng tôi. Thật là một buổi sinh hoạt rất hào hứng lý thú và vô cùng bổ ích.

Sau buổi sinh hoạt hữu ích này, chúng tôi đi bộ về chùa để dùng cơm trưa. Buổi sinh hoạt kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút. Một đoàn áo lam đi trong nắng ấm với những chiếc nón lá đội đầu thật xinh đẹp dễ thương. Những chiếc nón lá đối với chúng ta thì không có gì xa lạ, nhưng đối với người Ấn cũng như các sắc dân khác, thì họ nhìn thấy rất là lạ. Có người họ còn mượn đội để chụp vài bô hình kỷ niệm. Có khi thì họ xin được chụp chung với chúng tôi. Đôi khi nghĩ lại cũng vui. Đi giữa rừng người, nhìn lại chỉ có đoàn chúng tôi là nổi bật hơn hết. Đó cũng là nhờ những chiếc nón lá nên thơ dễ thương. Họ rất thích những chiếc nón lá và cứ mãi trầm trồ khen ngợi. Dưới mắt họ, họ coi những chiếc nón lá rất duyên dáng xinh đẹp nên thơ. Đi đến đâu họ cũng đưa mắt nhìn theo. Khi những vị trong đoàn mặc áo tràng đồng phục và trên đầu đội nón lá đi thành một hàng dài trông thật đẹp

mắt. Ngay cả chúng tôi cũng thích nhìn như thế, nói chỉ đến những cặp mắt xa lạ. Họ chăm chú nhìn là phải. Sở dĩ chúng tôi có được những chiếc nón lá xinh lịch nên thơ như thế này, phải nói là nhờ cô Diệu Hiền thân mẫu của thầy Minh Đức từ Việt Nam mang qua. Vì vậy, nên mỗi người mới có được chiếc nón lá che nắng che mưa. Nhân đây, thay mặt đoàn, chúng tôi cũng xin thành thật cảm ơn cô Diệu Hiền và chú Bửu Ngọc (con trai của Cô Diệu Hiền, tức em của thầy Minh Đức).

---o0o---

03.Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) (hình số 13)

Dùng cơm trưa xong, chúng tôi nghỉ ngơi để chuẩn bị chiều lại đi viếng thăm thành Ca tỳ la vệ. Chúng tôi khởi hành vào lúc 2 giờ chiều.

Ca tỳ la vệ là một trong những thánh tích quan trọng của Phật giáo, đánh dấu nơi Đức Phật sinh ra và lớn lên trong suốt thời gian (29 năm theo Nguyên Thủy và 19 năm theo Đại Thừa) khi Ngài còn là một vị đông cung thái tử. Thành này, cách khu vườn Lâm tỳ ni khoảng 27 km về phía tây, và cách Taulihawa 4.8 km về phía tây bắc. Và cũng chính nơi thành này, ghi dấu nơi thái tử Sĩ Đạt Ta đã từ giả cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan để xuất gia tầm đạo, tìm chân lý giải thoát cho muôn loài.

Vào năm 636 Ngài Huyền Trang cũng đến thăm viếng ngôi thành cổ này và diễn tả một cách chi tiết. Ngài viết: “*Thành Ca tỳ la vệ kiến trúc theo lối cổ kính, xây dựng toàn bằng gạch đá quý, bức tường thành vẫn còn, và kiến tạo rất kiên cố. Hiện tại (thời đó) chỉ còn 634 phố, nhà lơ thơ và một ít dân chúng đang sinh sống ở đó. Chung quanh có độ 100 tinh xá bị hư hỏng. Gần chỗ này có một ngôi tinh xá vĩ đại, 30 tu sĩ Tiểu thừa và 2 ngôi đền của Bà La Môn Giáo*” (Brahmanism).

Bà la môn giáo là một tôn giáo xuất hiện lâu đời nhất trên thế giới, bắt nguồn từ Ấn Độ khoảng 1.500 năm trước Tây lịch. Về sau Bà la môn giáo được cải cách canh tân thành Ấn Độ giáo. Điểm khác biệt của Ấn Độ giáo là không liên kết với đời sống của một cá nhân nào, hay nói cách khác là không có người sáng lập. “Tôn giáo này dựa trên tư tưởng chính thống của Ấn Độ thời xưa, tổng hợp giáo nghĩa Phật giáo, Kỳ na giáo cùng với tín ngưỡng phức tạp của dân gian để phát triển thành. Ấn Độ giáo gắn liền với sự phát triển lịch sử của xã hội Ấn Độ, do dung hợp các giáo nghĩa, nghi quỹ, chế độ, phong tục tập quán thai nghén mà thành cho nên có thể nói đó là một tôn

giáo mang tính xã hội thay vì, chỉ là một tôn giáo có hệ thống rõ ràng như các tôn giáo khác.

Quá trình phát triển của Bà la môn giáo có thể chia làm hai hoặc ba giai đoạn mà giai đoạn cuối cùng là Ấn Độ giáo. Gần thế kỷ trước Tây lịch, Ấn Độ giáo mới phát sinh. Trước đó sự hưng thịnh của Phật giáo làm cho Bà la môn giáo suy vi; về sau giáo này phục hưng thành Ấn Độ giáo.

Rồi do sự xuất hiện đông đảo các luận sư triết học của giai cấp Bà la môn giáo và sự kiên trì giữ chế độ chủng tìn của dân tộc Rajput ở miền Tây Bắc đã khiến cho thế lực Phật giáo dần dà suy thoái. Ngoài ra, do lấy sự dung hợp đồng hóa tôn giáo nhân gian và sự biên tập tân thánh điển làm trọng tâm, nên ngoài sự kế thừa truyền thống Bà la môn giáo, tôn giáo này còn đổi mới nội dung lẫn hình thức để trở thành một Ấn Độ giáo hiện đại.

Ấn Độ giáo có chừng 300 triệu tín đồ ở khắp các vùng Đông Tây, lấy liên bang Ấn Độ làm trung tâm. Sau thế chiến thứ hai, Ấn Độ được độc lập. Từ khi Ấn Độ tách thêm nước Hồi Giáo Pakistan, Ấn Độ giáo khơi lên một mối tranh chấp với Hồi Giáo đến nay vẫn chưa dứt” (3)

Đó là những di tích còn lại mà Ngài Huyền Trang đã chứng kiến và ghi lại. Chính nơi cung thành nguy nga tráng lệ này, đầy sức thu hút hấp dẫn đã tạo cho thái tử Siddhattha (có nghĩa là người toại nguyện) nhiều kỷ niệm êm đềm.

Khi chúng tôi đến nơi đây, nắng vẫn còn gay gắt chưa dịu hẳn. Nhìn thấy cảnh hoang phế điêu tàn mà đã hơn một thời huy hoàng lộng lẫy, bất giác tôi cảm thấy buồn ngủi và nhớ lại bài thơ “Thăng Long Thành Hoài Cổ” của bà Huyện Thanh Quan:

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường

Đến nay thắm thoát mấy tinh sương

Lối xưa xe cộ hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt

Nước còn cao mặt với tang thương

Nghìn năm gương cũ soi kim cổ

Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

“Cảnh đây người đây luống đoạn trường”. Ai đến nơi đây nhìn thấy cái cảnh cây cỏ mọc um tùm hoang vu đổ nát, đây đó chỉ còn lại lưa thưa những nền gạch vụn đánh dấu nơi này, nơi kia, nhà cao cửa rộng, phòng ốc sang trọng, chắc hẳn cũng phải chạnh lòng trong nỗi niềm hoài vọng tiếc thương! Qua một phút hồi tưởng thương tiếc đó, bỗng tôi nghĩ đến lý vô thường Phật dạy, trên đời không có vật gì tồn tại theo thời gian. Vạn vật luôn luôn biến chuyển khác nào như một dòng nước chảy trôi. Thương tiếc làm chi hoa vẫn rụng! Nhìn lại cái xác thân của mình cũng vô thường biến chuyển thay đổi từng sát na. Nghĩ thế, nhìn cảnh, nhìn người, bất giác tôi lại mỉm cười. Cười là vì mình đã để cho dòng tư tưởng phiêu lưu quá xa bị cuốn hút trôi theo quá khứ. Trong khi đó thực tại là mình đang đứng ở nơi đây. Quên hiện tại mà rơi vào quá khứ hoặc suy tưởng hướng vọng đến tương lai, tất cả đều bị thất niệm đau khổ.

Vào bên trong, chúng tôi dừng lại một nơi đất trống giữa những nền gạch cũ kỹ, tôi trình bày một vài nét đặc biệt về bốn cửa thành của cung thành này. Do đi dạo bốn cửa thành mà thái tử đã chứng kiến cảnh sanh, già, bệnh, chết, đó là những nỗi thống khổ của kiếp nhơn sinh. Từ đó, Ngài đã tỉnh giác và muốn giải quyết một lần cho xong, cái cảnh khổ đau triền miên sanh tử này. Với ý chí cương quyết hùng dũng phi thường, cuối cùng, Ngài đã đạt thành sở nguyện.

Sau đó, chúng tôi đi tham quan qua một vòng. Người hướng dẫn địa phương cho chúng tôi biết một vài chi tiết nơi đây. Ông ta chỉ một cửa thành về phía tây và phía sau là cửa thành phía đông, đó cũng là nơi thái tử thi bắn cung và vượt thành xuất gia tìm đạo. Nhân viếng thăm quan sát cảnh trí nơi đây, xúc cảnh sanh thơ, có một vị cảm hứng sáng tác bài thơ nói lên tâm cảm của mình.

Ca tỳ la vệ thuở xa xưa

Nguy nga tráng lệ kẻ sao vừa

Nhưng nay đổ nát đâu còn nữa

Thành quách điêu tàn dấu tích xưa.

*Một thuở vàng son Sĩ Đạt Ta
Con vua Tịnh Phạn với Ma Gia
Nói ngôi thiên tử bình thiên hạ
Kể vị truyền thừa lệnh vua cha
Nhưng khi thái tử dạo cửa thành
Đông, tây, nam, bắc khắp vòng quanh
Sanh, già, bệnh, chết vô cùng khổ
Chạnh lòng áo não kiếp phù sanh!
Giả từ con trẻ với Gia Du
Đêm tối ra đi nẻo mịt mù
Quyết chí vượt thành tìm ánh đạo
Cứu độ muôn loài mãi luân lưu
Tư duy suy gẫm phá lý tà
Giác ngộ đạo vàng “Tất Bát la”
Thấu rõ cội nguồn nhân sanh tử
Phật tử hoàn cầu niệm Thích Ca.*

---o0o---

04.Hai Ngôi Mộ: Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Gia (hình số 14)

Chúng tôi được người hướng dẫn đi viếng thăm hai ngôi mộ Tịnh Phạn Vương và hoàng hậu Ma Gia. Đến nơi, chúng tôi đi chung quanh ngôi mộ thành tâm niệm Phật. Chúng tôi đứng yên lặng hướng về hai ngôi mộ để tưởng niệm. Một vị hoàng đế thuộc dòng dõi Thích Ca đã trị vì thiên hạ suốt thời gian tại vị. Cai trị một quốc gia hùng cường giàu mạnh mang lại sự thái bình thịnh trị cho muôn dân. Nếu không có vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma

Gia, thì cũng không làm sao có thái tử Sĩ Đạt Ta. Sau vài giây phút tưởng niệm, chúng tôi rời khỏi nơi đây vào lúc 5 giờ chiều. Chúng tôi đi thăm trụ đá đánh dấu nơi Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni đản sanh.

---o0o---

05.Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni (hình số 15)

Câu Na Hàm, tiếng Phạn Kanakamuni, tiếng Pali Koagamana là vị Phật thứ 5 trong 7 vị Phật quá khứ, là Phật thứ 2 trong 1000 vị Phật ở Hiền Kiếp.

Theo Kinh Đại Bản trong Trường A Hàm 1, Đức Phật này ra đời vào lúc tuổi thọ con người 30.000 năm, ở thành Sobhavati (Thanh Tịnh), thuộc dòng Bà la môn, họ Ca Diếp. Cha tên Yannadatta (Đại Đức), mẹ tên Uttara (Thiện Thắng), Phật thành đạo dưới cây Udumbara (Ô tam bà la), từng có một hội thuyết pháp hóa độ 30.000 đệ tử. Đệ tử xuất sắc nhất là Bhiyyosa (Thư bàn na đa), Uttara (Uất đa la). Đệ tử thị giả tên Sotthija (An Hòa).

Phẩm Niệm Thất Phật trong Kinh Quán Phật Tam Muội Hải 7 (Đại 15, 693 hạ) ghi: “Phật Câu na hàm mâu ni phóng ánh sáng lớn ở trước hành giả, thân Phật cao 20 do tuần, ánh sáng rộng 30 do tuần, ánh sáng toàn thân chiếu xa 40 do tuần (500 km). Người thấy Đức Phật này được trăm ức môn tam muội, vô số đà la ni”.

Ngoài ra, theo Kinh Thất Phật, Câu na hàm mâu ni ra đời ở kiếp thứ 7 của Hiền Kiếp; Kinh Tăng Nhất A Hàm 45 ghi: “Phật này họ Ca Diếp và Bà la đọa. Vì Phật Câu na hàm, Câu lâu tần và Ca Diếp, đều ra đời ở kiếp hiện tại, nên ở Ấn Độ có truyền thuyết về di tích của các đức Phật này”.

Theo Cao Tăng Pháp Hiền Truyện, Ấp Nàbhika (Na tỳ già) cách thành Xá Vệ 240 km về phía Đông nam là nơi giáng sanh của Phật Câu Lâu Tần, cách khoảng 240 km về phía Bắc là nơi giáng sanh của Phật Câu na hàm.

Năm 2895, một trụ đá có khắc bài minh của Ngài Huyền Trang được phát hiện ở bên cạnh hồ Ni cách sa cách nhi, cách thôn Nigлива (Ni cách lu ngôa) 500m về phía nam. Thôn này cách vườn Lâm tỳ ni 9 km về phía tây bắc. Qua nội dung bài minh đó cho thấy, nơi đây là di tích của Phật Câu na hàm. Như thế trụ đá này không phải vua A Dục xây, vì tháp của Phật Câu na hàm đã có trước thời vua A Dục.

Sau khi chiêm bái đánh lễ xong nơi đây, trên đường về chúng tôi ghé thăm khu vườn xoài nơi đánh dấu cho Ngài La hâu la quy y với tôn giả Xá lợi phất. Vườn xoài này có tên là Kudan (Nigrodha) đây cũng là nơi Đức Phật gặp vua Tịnh Phạn, trên đường Ngài về thăm hoàng tộc Ca tỳ la vệ lần đầu tiên, sau khi Ngài chứng đắc quả Vô Thượng Bồ Đề.

---o0o---

06.Vườn Kudan (Nigrodha)

Cách Tilaurakot khoảng 1km về hướng tây nam là vườn cây Nigrodha thuộc làng Kudan, nơi vua Tịnh Phạn hội ngộ với Đức Phật mười ba năm xa cách với biết bao thương nhớ và hy vọng mà phụ hoàng đã dành cho Thái tử. Vì vậy, đức vua đã yêu cầu Đức Phật, sau này bất cứ ai muốn trở thành Sa môn thì phải được sự chấp thuận của cha mẹ, nếu họ còn sống. Đức Phật chấp nhận lời đề nghị của vua cha. Tại nơi đây, vua Tịnh Phạn đã sắc lệnh cho xây dựng ngôi tinh xá tên là Nigroghamma, làm nơi tu hành của Đức Phật và người cháu đích tôn là Ra hâu la (Rahula) khi trở về thăm bốn quốc. Tại ngôi tinh xá này, Đức Phật đã trải qua mùa an cư thứ 15 và thuyết một số kinh tiêu biểu như: Tiểu Kinh Khổ Uẩn (số 14) Kinh Mật Hoàn (số 18) thuộc Trung Bộ Kinh.

Thăm xong nơi đây, trời đã choạng vạng tối, chúng tôi về chùa để dùng cơm và nghỉ ngơi...

Ngày 7, tức ngày 23/10/2011/

---o0o---

07.Việt Nam Phật Quốc Tự (hình số 16)

Hôm nay, đoàn hành hương đã bước sang ngày thứ bảy. Như thường lệ, chúng tôi thức dậy sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng, để chuẩn bị lên đường về lại Ấn Độ. Trước khi rời khỏi nơi đây, chúng tôi lên chánh điện đánh lễ Tam Bảo. Vì hôm nay đi xa, nên chúng tôi đi sớm, do đó, nên không có thời khóa lễ công phu khuya.

Sau khi dùng điểm tâm sơ sài, chúng tôi bắt đầu khởi hành vào lúc 6 giờ 45 phút. Trước tiên, chúng tôi ghé viếng thăm một ngôi chùa Việt Nam, có tên là: “Việt Nam Phật Quốc Tự”, do thầy Huyền Diệu sáng lập. Đến nơi, chúng tôi đi thẳng lên chánh điện đánh lễ Phật và sau đó, được thầy Huyền

Diệu tiếp chúng tôi ở ngoài trời. Thầy hỏi thăm xã giao đôi điều và rồi thầy tặng cho đoàn chúng tôi 5 quyển sách. Danh đề của quyển sách là: “Tình Thương Và Lòng Độ Lượng: Sức Mạnh và Sự Nhiệm Mầu”. Rất tiếc, đoàn thì đông, mà thầy tặng chỉ vồn vẹn có 5 quyển, do đó, nên kẻ có người không. Ai đứng gần thầy thì có, còn đứng sau hoặc ở xa thì không có. Vì số sách quá ít không đủ tặng, nên có một vài vị mất vui cũng hơi than phiền về vấn đề này.

Thấy thế, để có sự công bằng hơn, tôi xin thu sách lại và định cho bắt thăm ai trúng thì nhận. Như vậy, thì rất công bằng và cũng không có ai than phiền. Đây cũng là một kinh nghiệm: Nếu đủ sách thì tặng cho mỗi người một quyển, còn nếu không đủ, thì chỉ tặng cho Ban Tổ Chức mà thôi. Như thế, tránh được sự mịch lòng phân bì kẻ có người không. Tuy nhiên, vì lu bu công việc, nên tôi cũng không nhớ đến việc làm này. Gần đến ngày về, tôi công bố cho mọi người thông cảm và hoàn sách lại cho chủ nhân đã nhận từ trước. Mọi người rất thông cảm và vui vẻ.

---o0o---

08. Bảo Tháp Hòa Bình (hình số 17)

Hôm nay, vì đi tuyến đường xa, nên chúng tôi cần phải tranh thủ thời gian để đi Kusiganara, nơi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn. Sau khi từ giả nơi đây, chúng tôi ghé viếng thăm bảo tháp Hòa Bình của người Nhật Bản. Bảo tháp hình bầu dục bên trên có 5 vòng tròn để tượng trưng cho thế giới năm châu mà tất cả nhơn loại hiện đang sinh sống. Theo tinh thần từ bi, vị tha, bình đẳng của đạo Phật, thì đạo Phật không có phân biệt màu da chủng tộc. Nhìn trên mặt hiện tượng hình thức thì có sai khác, nhưng bản thể thì chỉ có một. Như trăm ngàn lượng sóng lớn nhỏ có khác nhau, nhưng bản chất của sóng cũng vẫn là nước. Với cái nhìn bằng tuệ giác của đạo Phật, thì mọi hiện tượng có sinh, có diệt, nhưng bản thể thì bất sinh bất diệt. Đó là cái nhìn không dính mắc trên “Hữu Tướng” mà phải nhìn thâm thấu cái “Vô Tướng”.

Có nhìn như thế, mới không còn phân chia ranh giới nhân ngã bỉ thử, phá tan mọi thành kiến bảo thủ, kiến chấp sai lầm, để cùng hòa mình sống chung trong một thế giới yêu thương đại đồng. Đó là tinh thần đoàn kết yêu thương, tứ hải giai huynh đệ, bốn biển là nhà, sống chung hòa bình. Vì thế, đạo Phật đi đến đâu đều mang lại cho nhơn loại một nền hòa bình thực sự, không hận thù tranh chấp và không có kỳ thị màu da chủng tộc. Đó là biểu hiện tượng trưng bằng một cái tháp mang tên Hòa Bình. Nhìn vào cái tháp

tượng trưng này, qua màu sắc, hình thể, cũng như lối kiến trúc, cho chúng ta thấy rõ nét điều đó.

---o0o---

09. Trên đường đến Câu Thi Na

Sau khi viếng thăm nhiếp ảnh lưu niệm nơi đây, đoàn về lại Ấn Độ. Đoàn đến biên giới vào lúc 10 giờ sáng. Nơi đây, mất khá nhiều thời gian, bởi do trục trặc một vài thủ tục về vấn đề Visa. Vì có hai vị từ Việt Nam và một vị bên Mỹ sang, nên thủ tục Visa khi bận trở ra có hơi rắc rối một chút. Việc này, làm cho Thầy Minh Đức phải bị căng thẳng nhứt đầu. Tuy nhiên, cuối cùng rồi mọi việc cũng yên xuôi. Cho nên vấn đề xin Visa từ Ấn Độ qua Nepal, thì xin mọi người lưu ý cẩn thận. Bởi luật lệ ở đây hay thường thay đổi bất ngờ. Nên ai muốn đi Ấn Độ - Nepal, thì nên hỏi kỹ tòa đại sứ Ấn Độ ở nơi quốc gia của mình hiện đang cư trú.

Như thường lệ, những tuyến đường đi xa như thế này, chúng tôi dùng cơm trưa trên xe. Chúng tôi dừng xe nơi có cây xăng để mọi người đi vệ sinh cho tiện. Xe đậu bên lề đường phía trước cây xăng. Ăn xong, chúng tôi tiếp tục lên đường. Căn cứ theo đường chim bay, từ Lumbini ni đến Kusiganara khoảng 100 km, cách Vaishali khoảng 150 km, cách vườn Lộc Uyển (Sarnath) khoảng 200 km và cách Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) khoảng 300 km.

Như thế, thời xưa Đức Phật và các tăng đoàn thường đi bộ từ nơi này đến nơi kia, cách xa hàng mấy trăm cây số. Ngày nay, đi xe hơi có máy lạnh, chỉ hơi dần một chút thôi, mà chúng ta còn than dài thở vắn. Nếu như đi bộ thì sao? Chúng ta có đi được như Đức Phật và tăng đoàn không? Thế mới biết, thời nay vì có quá nhiều tiện nghi hưởng thụ, nên việc tu hành của chúng ta cũng khó đạt được kết quả thành tựu đạo nghiệp như các vị thời xưa. Người xưa, càng thiếu tiện nghi vật chất chừng nào, thì đời sống nội tâm càng phong phú nhiều chừng nấy. Bởi hưởng thụ là con đẻ của sự bê tha và không khéo sẽ trở thành phóng túng sa đọa!

Ngồi trên xe chúng tôi có viết bài Khúc Ca Câu Thi Na.

Rừng Câu Thi Na đường tuy xa

Không ngăn ngại lòng của ta

*Quyết đến nơi lòng thiết tha
Cùng chiêm bái niệm an hòa
Cùng chiêm bái niệm an hòa
Đời sóng gió nhiều phong ba
Chướng ngại nào cũng vượt qua
Lòng kiên cố kim cương tòa
Lòng kiên cố kim cương tòa
Phiền não hết dứt lệ sa
Phật Niết bàn tại Sa la
Huệ truyền đặng khắp sáng lò
Người con Phật cùng một nhà
Cùng nhau đi lòng thiết tha
Tâm an lạc niệm an hòa
Tâm an lạc niệm an hòa.
Tâm an lạc niệm an hòa...*

---o0o---

10. Khách Sạn Buddha Hotel

Chúng tôi đến khách sạn có tên là Buddha Hotel, vì thầy Minh Đức không rành địa chỉ nơi đây, nên thầy điện thoại cho một vị sư người Miến Điện lái xe đến hướng dẫn chúng tôi. Khách sạn này do người Miến Điện xây cất và họ quản lý. Phòng ốc tương đối cũng khá rộng rãi. Chúng tôi thuê 16 phòng, mỗi phòng hai người. Hệ thống nước nóng, nhà tắm, toilet cũng tạm cung ứng đầy đủ và sạch sẽ. Chiều hôm nay, đến trễ, nhà bếp không có chuẩn bị thức ăn kịp, do đó, chúng tôi đi tìm nhà hàng để dùng tối. Chúng tôi đến một nhà hàng người Ấn, nói nhà hàng kỳ thật như là một cái quán ăn,

vì không gian chật hẹp, bàn ghế chỉ đủ cho đoàn chúng tôi thôi. Chúng tôi chia ra ngồi thành ba nhóm. Một nhóm thì có bàn dài ken sát với nhau. Còn một nhóm khoảng 6 người ngồi bàn nhỏ và nhóm khác thì khoảng 4 người ngồi bàn ghế thấp. Thức ăn rất đơn giản theo kiểu đặc sản Ấn Độ. Không có lai Tàu hay pha Tây gì cả. Đang bụng đói, thức ăn gì cho vô cũng cảm thấy ngon lành.

Vì số người đông nên chờ đợi họ nấu nướng rất lâu. Do đó, chúng tôi thả bộ dọc theo bên lề đường để xem những thứ mà họ trưng bày để bán. Các shop ở đây không lớn lắm. Họ bày bán có tiệm thì ở trước cửa nhà, có tiệm thì bày bán ở ngoài sạp. Họ bán nhiều thứ hàng hóa lật vặt và một vài thức ăn. Có những thức ăn thì họ bày trên xe đẩy. Thú thật, đối với những thức ăn mà họ bày bán bên lề đường như thế này, thật không thể nào thưởng thức nổi. Có lẽ, vì một phần, mình không quen thức ăn của họ, phần khác, mình cũng không quen lối sống theo kiểu kém vệ sinh của họ. Do đó, đi từ tiệm này đến quán kia, mình cũng chỉ mua được một vài món lật vặt. Như tôi thì mua được đôi dép Nhựt màu xanh để mang trong phòng ngủ. Đi một vòng, chúng tôi trở lại nhà hàng. Khi vào trong nhà hàng, thì họ cũng làm chưa xong.

Có lẽ ít người nấu, nên họ làm hơi lâu. Thức ăn thì cũng đâu có gì sang trọng. Có muốn sang trọng cũng không được. Khả năng của họ chỉ chừng ấy thôi. Thế là, chúng tôi phải tiếp tục ngồi chờ. Lúc này, cũng là dịp để mọi người hàn huyên tâm sự. Riêng tôi, thì tôi bước ra phía sau nhà ngồi ngắm cảnh. Có cái ghế đay để sẵn nơi đó. Nhìn chung quanh chỉ thấy một vài cây cảnh lá lưa thưa không đủ che nắng. Cảnh vật chung quanh mỗi lúc mỗi chìm dần vào trong bóng tối. Những tia nắng vàng yếu ớt như đã tắt hẳn nhường lại cho hoàng hôn bao phủ. Lúc này nhìn cảnh vật lờ mờ không rõ lắm. Ánh đèn lại nhá nhem mờ ảo không đủ sức soi sáng cảnh vật chung quanh.

Xa xa bên kia, có một bảo tháp màu vàng ản hiện. Tôi trầm ngâm suy tư về đời sống của người dân bản xứ. Những lúc đi ngang qua những cánh đồng lúa mì, nhìn thấy một vài căn nhà nhỏ thấp lụp xụp rách nát xiêu vẹo, bất giác, tôi liên tưởng đến sự sống của họ. Chắc chắn là họ phải lam lũ cực khổ vất vả lắm. Rồi cũng có những căn nhà quá nhỏ thấp lè tè giống như mấy cái ụ hang chuột. Khi ra vào họ phải khum cong người cúi đầu sát xuống mới chui vào bên trong được. Thật là khổ khổ!

Con người sống loanh quanh lẫn lộn suốt đời, rốt lại, chỉ giải quyết có ba vấn đề then chốt: ăn, mặc, ở. Nếu có thêm nữa, thì làm việc, ngủ nghỉ, giải trí và vệ sinh, chấm hết. Đối với những người dân thuộc giai cấp hạ tiện cùng đinh, thì than ôi! suốt đời họ làm sao góc đầu lên nổi?! Hiện nay, ở Ấn Độ, người ta vẫn còn phân chia giai cấp rất rõ rệt. Tuy cường độ phân chia không ác liệt giống như thời Phật hay trước đó, nhưng trong nếp sống của họ vẫn còn đối xử phân chia sâu nặng. Một người ở giai cấp thấp hèn hạ tiện như thế, đi làm công cho những người khá giả giàu có, như lau quét dọn dẹp... thì họ sẽ đối xử với những người này không hơn gì là một kẻ tôi mọi. Và tiền lương mà họ trả một tháng cho những người làm công này chỉ có khoảng 200 rupies (bằng 4 đô Úc). Như vậy, thì thử hỏi sự sống của họ như thế nào? Thiết nghĩ, mỗi người đã có sẵn câu trả lời rồi vậy.

Đang suy nghĩ, bỗng có người đến bên và mời tôi vào dùng cơm. Tôi bước vào trong, thì một vài thức ăn đã dọn sẵn trên bàn. Mọi người ăn uống chuyện trò vui vẻ. Bữa ăn hôm nay, tuy thức ăn đơn giản nhưng sâu đậm tình người và tình đạo.

Dùng xong, chúng tôi ra lên xe trở về lại khách sạn. Về đến nơi là đã hơn 8 giờ tối. Chắc chắn đêm nay mọi người sẽ ngủ rất ngon giấc, vì suốt ngày nay ngồi xe khá thấm mệt.

Ngày 8, tức ngày 24/10/2011/

---o0o---

V.Câu Thi Na

01.Vài nét về Câu Thi Na

Câu Thi Na tiếng Phạn là Kusinagara, tiếng Pali là Kusinara. Câu thi na, còn gọi là Câu thi na già la, Cù sư la, Cù sư la, Câu thi thành.

Đô thành của nước Mạt La (S: Malla) Trung Ấn Độ, có tên đầu tiên là Câu xá bà đề (1 trong 16 nước Ấn Độ vào thời Đức Phật. Ngài đã nhập diệt tại nơi này).

Theo Cao Tăng Pháp Hiển Truyện, từ thành Ca tỳ la nơi Phật sinh ra, đi về phía Đông 100 km vào nước Lam Mạt, từ đây đi về phía Đông 140 km đến tháp thờ tro, lại đi về phía Đông 240 km là đến thành Câu di la kiệt.

Giữa 2 cây Ta la bên bờ sông Hi Liên về phía Bắc thành này, là nơi Đức Phật nhập Niết bàn.

Theo Đại Đường tây Vực Ký 6, chu vi thành này hơn 5 km, thành quách hư nát, làng xóm tiêu điều, dân cư thưa thớt. Phía Đông Bắc thành này có tháp Phật do vua Vô Ưu (Vua A Dục) xây. Bờ phía Tây có tinh xá xây bằng gạch, bên trong có tượng Như Lai Đại Bát Niết bàn.

Gần bên Câu thi na yết la còn có nhiều di tích như chỗ ở cũ của Chuẩn Đà, nơi cứu hỏa, nơi cứu nai lúc Phật tu hạnh Bồ tát, nơi Hiền Thiện đắc đạo, nơi Kim Cương Lực Sĩ vệt đất phóng chày và nơi dừng kim quan 7 ngày để cúng dường, nơi mẫu thân thái tử khóc Ngài, nơi Trà tỷ Phật, nơi 8 vị vua được chia Xá lợi Phật.

Ngoài ra, theo Vãng Ngũ Thiên Trúc Quốc Truyện của Ngài Huệ Siêu nước Tân La, nơi này thường có chúng tăng quét dọn tháp Phật; mỗi năm vào ngày 8 tháng 8 tăng ni đạo tục đều đến nơi này để thiết lễ cúng dường. Đây là 1 trong 8 nơi rất linh hiển ở Ấn Độ. Lúc các Ngài Pháp Hiền, Huyền Trang từ Trung Quốc sang Ấn Độ đều có đến viếng thánh tích tại nước này.

Vị trí hiện nay của đô thành Câu thi na yết la có nhiều thuyết khác nhau: Nhà khảo cổ A. Cunningham người Anh nhà Ấn Độ học Wilson đều cho rằng: “nền cũ của Sahankat là di tích của tháp thờ tro. Cách đây khoảng 25 km về phía Đông Bắc là Kasia tức đất cũ của Câu thi na yết la”.

Hai học giả người Anh như nhà Ấn Độ học V.A Smith; học giả Mukherji, sau khi phát hiện được vườn Lâm tỳ ni mới đoán rằng vùng rừng rậm ở xứ Tarai thuộc Nepal là nền cũ của Câu thi na yết la.

Ngoài ra, còn phát hiện được con dấu cũ bằng đất và 1 tấm bảng ở gần Niết bàn đường. Trên con dấu này có khắc chữ Đại Niết Bàn Tự, vì vậy phần lớn học giả cho rằng Kasia là đất cũ của Câu thi na yết la. (Tứ Điện Phật Học Huệ Quang tập 2, tr 145)

Kusinagara (kinh thành Câu Thi La), cách thành phố Gorakhpur khoảng 51km về phía đông của bang Uttar Pradesh. Là thủ đô của nước cộng hoà Malla, một trong những nước thuộc đảng cộng hoà 3 Bắc Ấn suốt thế kỷ 6 và 5 trước Công nguyên. Là nơi Đức Phật chọn điểm dừng chân lần cuối cùng trong suốt cuộc đời hoằng pháp độ sanh để vào Niết bàn.

Bình minh đã về trên khu rừng Câu Thi Na. Rừng Câu Thi Na hôm nay lặng lẽ hòa mình trong ánh sáng huy hoàng của một buổi bình minh đầy nắng ấm. Thỉnh thoảng, một vài cơn gió nhẹ thoảng qua, những cành lá đong đưa qua lại như đón chào du khách từ các nơi xa xôi ngàn dặm về đây. Tiếng chim kêu ríu rít hòa nhịp xen lẫn vào âm thanh của tiếng niệm Phật tụng kinh của đoàn người tạo thành một bản nhạc trầm hùng hòa kính dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn.

Đoàn chúng tôi đến đây thật sớm vào lúc 6 giờ 30 sáng. Ngồi trên xe từ khách sạn đến đây, tôi nghĩ chắc chỉ có đoàn mình tới sớm nhất. Tuy nhiên, không ngờ khi tới cổng vào, nhìn hai bên lề đường đã có nhiều chiếc xe buýt lớn đậu đó rồi. Sư cô Phước Sinh mua cho chúng tôi mỗi người một cành hoa. Bước vào trong cổng, chúng tôi đứng sắp thành hai hàng song song với nhau. Thầy Minh Đức có mua hai tấm vải màu vàng rộng lớn. Chúng tôi căng thẳng tấm vải ra và rồi mỗi người cầm vào tấm vải để lên ngang vai. Đây là hình thức dâng y cúng Phật. Thay vì mỗi cá nhân, ở đây, tạo thành một tập thể. Tôi đi trước và mọi người cất bước theo sau. Chúng tôi vừa đi vừa niệm Phật. Nhờ có máy hỗ trợ cho âm thanh chúng tôi. Chúng tôi đi trong tư thế rất nghiêm trang và niệm Phật một cách rất thành kính. Từ ngoài cổng đi vào bên trong nơi bảo tháp tôn thờ thánh tượng Đức Phật nhập Niết bàn, ước lượng thời gian cũng mất khoảng hơn 10 phút. Đến nơi, đã có nhiều đoàn thể Phật giáo từ các nước trên thế giới đến đây chiêm bái.

---o0o---

02. Dâng y cúng Phật (hình số 18)

Khi đoàn chúng tôi vào, thì những người bên trong bước ra ngoài. Chúng tôi đi qua một vòng chung quanh tôn tượng Phật nằm với tư thế nhập Niết bàn. Xong rồi, tất cả trùm tấm vải to lớn phủ lên trên thân hình Đức Phật. Phủ xong, chúng tôi quỳ xuống lạy và tụng một thời kinh ngắn. Sau đó mọi người giữ yên lặng để thành tâm tưởng niệm vài phút đồng hồ. Tưởng niệm xong, chúng tôi bước ra ngoài. Chúng tôi chọn một địa điểm bên hông ngoài bảo tháp tương đối yên tĩnh để chúng tôi hành lễ tụng thời kinh Di Đà. Sau thời kinh, mọi người đứng lên và đi kinh hành niệm Phật chung quanh bảo tháp 3 vòng. Xong rồi, mọi người trở lại vị trí cũ ngồi chung quanh để lắng nghe chúng tôi thuyết giảng. Đề tài chúng tôi mang ra trình bày trao đổi và chia sẻ với quý vị đó hôm nay là: “Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc”.

Khi đề cập đến thánh tích này, chúng tôi thấy rải rác có nhiều tài liệu nói về nơi đây. Bởi vì nơi đây đánh dấu cuối cuộc đời của Đức Phật. Sau ngày thành đạo dưới cội Bồ Đề, Đức Phật đã không ngừng thuyết pháp độ sanh. Ngài chu du khắp xứ Ấn Độ, cứ rày đây mai đó, đi từ nơi này đến nơi khác, từ thành thị đến thôn quê, mọi hang cùng ngõ hẻm, không nơi nào mà Ngài không đặt chân đến. Cứ thế trải qua gần năm mươi năm trường chu du hoằng hóa. Ngài đã đem ánh sáng giác ngộ tận lực phổ độ chúng sanh. Mãi cho đến khi già yếu mà Ngài cũng vẫn không chịu ngừng nghỉ. Với tấm lòng từ bi vị tha vô lượng vô biên, Ngài đã đem lại hạnh phúc cho nhơn gian. Cho đến lúc thân tàn sức kiệt, Ngài mới tuyên bố vào Niết bàn. Ngài đã chọn nơi đây để xả bỏ báo thân cần cõi.

Vào năm cuối cùng của cuộc đời, khi hướng dẫn tăng đoàn đến đền thờ Capala, thành Vaishali (Tỳ xá lý) Đức Phật đã tuyên bố với Ngài A Nan cùng thánh chúng đệ tử ba tháng sau sẽ nhập Niết bàn tại rừng cây Ta la thuộc thành Kusinagara hay Kusinara (Câu Thi Na). Đó là lời Đức Phật đã báo trước. Trước khi vào Niết bàn, Đức Phật gạn đi hỏi lại năm lần bảy lượt để tứ chúng có gì thắc mắc cứ thưa hỏi. Những gì dặn dò với các vị khất sĩ, đã được Đức Phật trình bày rõ trong quyển kinh Di Giáo. Trong quyển Đức Phật và Phật Pháp của Đại Đức Narada do Phạm Kim Khánh dịch, có đoạn viết:

“Hãy nhìn lại đây các Tỳ kheo, Như Lai dạy các con. Tất cả các pháp sanh ra do điều kiện (các pháp hữu lậu) đều là vô thường. hãy liên tục tận lực và chuyên cần. Như Lai đã sắp đến ngày nhập diệt. Còn ba tháng nữa là Như Lai sẽ từ giả các con.

Như Lai đã đến tuổi. Đời sống của Như Lai quả là ngắn ngủi. Rời các con, Như Lai sẽ ra đi. Như Lai đã tự mình làm chỗ nương tựa cho mình. Hỏi các con Tỳ khưu, hãy tinh tấn, giữ tâm niệm và sống đời đạo hạnh. Hãy giữ gìn tâm các con bằng những tư tưởng có chiều hướng tốt. Những ai kiên trì cố ghép nếp sống của mình trong những khuôn khổ dạy trên sẽ bước ra khỏi con đường phiêu bạt vô định của đời sống chầm dứt khổ não”.

Đó là những lời chí thiết, chí tình sau cùng trong suốt cuộc đời hành hóa của Đức Phật. Ngày nay, đọc lại những lời dạy đó, chúng ta thấy như là những lời di chúc trần trối của một người cha già đối với các con thơ. Thật là đầy lòng từ bi tha thiết!

Trong Tứ Thánh Địa hay Tứ Động Tâm mà chúng ta có dịp đi chiêm bái qua, thì chính nơi đây đã để lại trong lòng mọi người một ấn tượng thật sâu đậm khó quên. Một niềm xúc động trào dâng khi nhìn thấy tôn tượng Phật nằm với tư thế vào Niết bàn. Đã đi qua ba lần nơi đây, nhưng không lần nào mà chúng tôi không khỏi bồi ngùi xúc động rơi lệ. Lần đầu tiên, chúng tôi đã khóc và khóc nơi đây thật nhiều. Thú thật, lúc đó chúng tôi không ngăn che giấu được đôi dòng lệ tuôn trào. Chúng tôi không dằn được cơn xúc động mạnh từ trong tâm xuất phát ra. Lần này, chúng tôi nhìn thấy cũng có lắm người đầm lệ.

Để hiểu rõ hơn về nơi đây, chúng tôi xin được dẫn chứng một tài liệu nói về thành này của một thời xa xưa: “Thánh tích Kusinagara tọa lạc tại thành Kusinagara, thuộc tiểu bang Utta Pradhesh, cách ga xe lửa Gorakhpur khoảng 50 km. Nhấn vào bản đồ Ấn Độ, chúng ta có thể xác định vị trí của Kusinagara tọa lạc gần như là trung tâm của những thánh tích khác như Lumbini (Lâm tỳ ni thuộc quốc gia Nepal), Vaishāsali (Tỳ xá lý) Sarnath (Vườn lộc uyên).

Thành Kusinagara, từ thời Đức Phật cho đến hàng chục thế kỷ về sau, vẫn là một nơi xa xôi, hẻo lánh, dân cư thưa thớt. Kusinagara không có những vương thành lộng lẫy, những trung tâm thương mại, phố xá phồn hoa như thành Savatthi (Xá Vệ), thành Rajagaha (Vương Xá), thành Baranasi (Ba La Nại) v.v... Tuy nhiên, vào thời quá khứ xa xưa, Kusinagara là một vương thành giàu sang cùng tột, dân cư đông đúc, nhưng trải qua sự tàn phá của thời gian, của vô thường hủy diệt, đến thời của Đức Phật Thích Ca cũng như nhiều thế kỷ về sau, thành Kusinagara chỉ là những rừng cây Ta la xa vắng, dân cư thưa thớt... Điều đó chúng ta có thể biết được qua câu chuyện đối thoại giữa Đức Phật và tôn giả Ananda: Khi nghe Đức Phật tuyên bố ba tháng sau sẽ nhập Niết bàn tại thành Kusinagara, tôn giả Ananda đã vội thỉnh Đức Phật trụ thế:

- “*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thế hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài người*”. Nhưng lúc ấy đã quá muộn rồi, vì Đức Thế Tôn đã xả bỏ thọ mạng, đấy là một sự ân hận lớn của tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda đã ngán lệ thưa rằng:

- “*Bạch Thế Tôn, còn có những thành lớn khác. Một là Chiêm Bà, hai là Xá Vệ, ba là Bệ xá lý, bốn là Vương xá, năm là Ba la nại, sáu là Ca tỳ la vệ.*

Sao Thế Tôn không nhập Niết bàn ở các nơi ấy, mà quyết định tại thành bằng đất nhỏ hẹp này, một thành nhỏ hẹp nhất trong các thành. Vì sao? Vì thuở quá khứ, thành Câu Thi Na này tên là Câu thi Vương thành, giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc”.

Như vậy, trong thời quá khứ xa xưa, Kusinagara là một vương thành phần hoa, dân cư đông đúc và lúc Đức Phật nhập Niết bàn thì thành này chỉ là một thành nhỏ hoang vắng, dân cư thưa thớt, với những cánh rừng Ta la xanh ngắt.

Ngôi tháp Niết bàn to lớn mà chúng ta thấy hiện nay có chiều cao khoảng 45 mét, đường kính khoảng 10 mét. Đây là ngôi tháp có màu trắng, xây kín xung quanh, không có cửa ra vào. Tháp được xây trên nền gạch cao khoảng 2,7 mét; tháp có hình tròn trụ, với mái hình vòm tròn, phía trên vòm tròn ấy được xây một khối hình trụ nhọn dần lên tận đỉnh, hình trụ ấy gồm ba tầng, cao khoảng 5,5 mét”. (4)

---o0o---

03.Sinh hoạt (hình số 19)

Sau thời thuyết giảng, chúng tôi đi đến một nơi có bóng mát, vì lúc này nắng đã lên, nhìn đồng hồ tay là đúng 10 giờ 15 phút. Mọi người ngồi quay quần bên nhau để sinh hoạt phát biểu một vài cảm nghĩ của mình. Ai nấy đều không ngần ngại nói lên tất cả những nỗi lòng thầm kín nghẹn ngào xúc động khi nhìn thấy cảnh tượng nơi đây. Ý kiến phát biểu của mỗi người tuy diễn đạt mỗi khác, nhưng tựu trung cũng nhằm nói lên cái nỗi lòng sâu xa thầm kín của mình, khi nghĩ đến thâm ân giáo hóa độ sanh của Đức Phật. Đồng thời cũng nói lên cái tâm sự của chính mình khi nghĩ đến chuyến đi hữu ích này.

Nhớ lại, cuộc đời của Đức Phật đã trải qua nhiều gian nan cực khổ trên bước đường hoằng pháp lợi sanh. Ngài cũng đã chứng kiến bao cảnh lầm than chiến tranh tàn sát. Suốt cuộc đời giảng dạy của Ngài không biết mỏi mệt, chỉ vì mục đích khai thông tuệ nhãn cho chúng sanh. Những lời thuyết giáo của Ngài khác nào như ban cho chúng sanh những giọt nước cam lồ dịu ngọt, hầu xoa dịu những vết thương đau in hằn trong tâm khảm.

Hôm nay chúng con đến đây quỳ lạy Ngài, kính dâng lên Ngài bằng tất cả những tấm lòng chí thành tha thiết, ngưỡng mong Đức Phật từ bi thương xót chứng minh cho chúng con. Chúng con đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp

tạo bao nhiêu nghiệp ác, trôi nổi chìm đắm lặn hụp trong biển đời đầy đau khổ!

Không ngờ hôm nay chúng con lại được chút ít duyên lành, cùng thầy cùng bạn về tận nơi đây chiêm bái đánh lễ Đức Thế Tôn và còn được nghe những lời giảng dạy của thầy về con đường dẫn đến hạnh phúc. Hạnh phúc theo vật chất thế gian, những gì họ có để được hưởng thụ thì gọi là hạnh phúc. Tuy nhiên, đó có phải thực sự là hạnh phúc hay không? Hay đó chỉ là những thứ hạnh phúc giả trá, mà thực tế bản chất của nó vẫn là đau khổ. Bạch thầy, theo con, thì chỉ có con đường diệt khổ theo phương pháp “Tứ Diệu Đế” tức bốn chân lý tối thượng vi diệu, mà Phật đã dạy và thầy đã trình bày cho chúng con nghe, chính đó mới thực sự đưa người ta đến một chân trời hạnh phúc trọn hưởng quả vị Niết bàn. Ngoài ra, chỉ là những thứ hạnh phúc giả trá tạm bợ nhứt thời, không có gì bền chắc. Đại khái đó là những lời tâm sự chung chung của một số người.

Ngoài ra, có vị còn diễn đạt bằng những vần thơ để nói lên cái cảm xúc của mình. Như có một Phật tử đã viết:

*Ta la song thọ một thuở nào
Pháp Vương Vô Thượng đáng tối cao
Xả thân tứ đại lìa nhân thế
Để lại trần gian nổi ghen ngào!*

Một vị khác viết:

*Dâng y hoa cùng thầy lễ Phật
Lòng rưng rưng mắt lệ rơi thâm
Ngài nằm đó an nhiên thanh thản
Tuệ sáng ngời cứu độ chúng sanh
Cả tăng ni cùng hàng Phật tử
Cúi đầu đánh lễ đáng Đạo Sư
Nghe thầy giảng con đường hạnh phúc*

An lạc giải thoát thể nhập Vô Du

Ngàn xưa chỉ một chữ NHƯ

Ngàn sau đâu khác chữ NHƯ muôn đời.

Phật Nhập Niết Bàn

Viếng nơi Phật nhập Niết bàn

Cảnh đời đau khổ quá tang thương

Đây chỗ Bỏ Sư khuất tà dương

Đã lỡ sanh ra không cùng lúc

Nay xin đến chết phải theo đường

Tháp cao muôn thuở còn in dấu

Đèn cũ bao ngày với nguyệt sương

Rướm lệ quỳ đây bên hương khói

Trần ai nhân thế quá đoạn trường.

Một Phật tử khác lại viết tựa đề bài thơ:

Lời Khấn Nguyện

Bạch Thế Tôn con xin khấn nguyện

Nơi linh thiêng hương quyện khói vờn

Con nguyện bỏ vọng cầu chơn

Giúp con đủ sức thắng hơn ác tà

Con cố vượt ái hà ghềnh thác

Biển trầm luân dào dạt khổ thôi

Cho con diệt sạch cái “tôi”
Ghét thương buồn giận đập bồi bao phen
Con cứ mãi yếu hèn vương mắt
Nên bao lần đắc tội lún sâu
Đòi con trái lấm biển dâu
Còn chi hay chỉ mái đầu bạc phơ
Bây giờ con chỉ mong sớm tối
Niệm Phật và sám hối tội tình
Bao lần u ản vô minh
Con xin cố gắng soi mình sửa sai
Lạy Thế Tôn con nay quay gót
Nương tựa Ngài thương xót chứng minh
Muôn loài được sống an bình
Thế giới an lạc đao binh không còn

Tuy đó là những lời thơ thô sơ mộc mạc, nhưng ít ra họ cũng đã nói lên được cái tâm sự nổi lòng thầm kín chân thật của chính mình. Đó là điều mà chúng tôi thật đáng tán dương và khích lệ.

Sau buổi sinh hoạt nơi đây, chúng tôi về lại khách sạn dùng cơm trưa, chiều lại chúng tôi đi chiêm lễ nơi làm lễ trà tỳ Đức Phật.

---o0o---

04. Bảo Tháp Trà Tỳ (hình số 20)

Chúng tôi đến bảo tháp nơi làm lễ Trà tỳ Đức Phật vào lúc 2 giờ chiều. Tưởng cũng nên nhắc lại, sau khi Phật nhập Niết Bàn kim thân của Ngài được hỏa táng theo đúng nghi thức tang lễ của một vị chuyên luân thánh

vương. Chính nơi đây nếu không có sự dàn xếp của bộ tộc Malla tại Kusinagara thì sẽ xảy ra một sự tranh giành Xá Lợi Phật, và nếu không có sự dàn xếp đó, thì nơi đây sẽ xảy ra một cuộc chiến tranh tàn sát đẫm máu. Cũng may, là có sự hòa giải kịp thời. Sau khi điều đình giải hòa, tất cả đều đồng ý phân chia Xá Lợi của Phật ra làm tám phần, cho tám vị quốc vương của tám nước xây tháp cúng dường tôn thờ. Bộ tộc Malla cũng xây một bảo tháp tại nơi lễ Trà tỳ của Đức Phật để phụng thờ tro than lúc hỏa táng còn lại. Ngôi tháp này hiện nay vẫn còn và chính nơi đây đoàn hành hương chúng tôi tới chiêm bái đánh lễ.

Cần nói thêm, theo tài liệu do thầy Thích Trí Lộc viết đăng trong tờ Pháp Luân, có đoạn nói về ngôi tháp này. Chúng tôi xin được trích dẫn nguyên văn như sau:

“Tại khuôn viên diễn ra lễ trà tỳ của Đức Phật có một ngôi tháp thật lớn, hình dạng đặc biệt trông giống như một ngôi mộ cổ vĩ đại. Tháp có chiều cao khoảng hơn 8 mét, đường kính của tháp đến 34 mét. Niên đại của ngôi tháp chưa được xác định chính xác. Theo kinh Đại Niết Bàn thì, nguyên thủy của ngôi bảo tháp này được bộ tộc Malla gom tất cả tro than ấy để tôn thờ, lễ bái, cúng dường. Qua các thế kỷ về sau, rất có thể ngôi bảo tháp được xây dựng thêm cho cao và lớn hơn; cũng có thể trải qua thời gian ngôi bảo tháp bị đập phá bởi con người, hay sự bào mòn và tàn phá của thời gian làm cho ngôi tháp trở nên thấp và nhỏ đi. Ngài Huyền Trang khi đến chiêm bái thánh tích này có đề cập đến ngôi bảo tháp và các di vật, nhưng Ngài không có mô tả về hình dáng và niên đại của ngôi tháp: “Về phía Bắc của thành này, sau khi băng qua dòng sông Ajitavati (A tỳ ba phạt đế), và đi khoảng 300 bước có một bảo tháp. Đây là nơi trà tỳ kim thân của đức Như Lai. Đất chỗ này trộn lẫn giữa đất và than, có màu vàng đen. Bất cứ người nào với lòng chí thành nguyện cầu và tìm ở đây, chắc chắn sẽ tìm thấy một vài xá lợi của đức Như Lai”.

Dù đã gần 3 giờ chiều, trời vẫn còn nắng gay gắt, thật khó chịu. Chúng tôi y áo chỉnh tề, đứng chung quanh bảo tháp để hành lễ. Tụng một thời kinh ngắn và sau đó kinh hành chung quanh bảo tháp niệm Phật. Chúng tôi đứng dưới cơn nắng nóng bức như thiêu, nhưng lòng vẫn cảm thấy an vui, dù có pha lẫn chút ngậm ngùi thương tiếc...

05.Ngôi Chùa Thái Lan

Sau khi làm lễ xong, chúng tôi rời khỏi nơi đây để đến viếng thăm một ngôi chùa Thái Lan. Theo nhận xét của Thầy Thích Trí Lộc cho rằng, trong các ngôi chùa quốc tế chung quanh ở thành Kusinagara, có lẽ chùa Thái là nổi bật hơn hết. Ngôi chùa này được sự tài trợ của hoàng gia Thái Lan. Chùa có một khuôn viên rất rộng và cảnh trí chung quanh cũng khá xinh đẹp. Chánh điện cao rất thoáng mát mẻ. Đang đi ngoài nắng bước vào trong chánh điện cảm thấy thật mát mẻ dễ chịu. Ngoài ngôi chánh điện cao lớn ra, chùa còn có một bảo tháp rất đẹp bên trong có tôn thờ Xá Lợi Phất. Chúng tôi đứng trước bảo tháp đánh lễ Xá Lợi Phất. Nhìn chung quanh còn có giảng đường, Tăng phòng, khách xá và có nhiều hoa kiểng rất xinh tươi. Phải nói trông rất đẹp mắt. Có thể nói đây là ngôi chùa đẹp nhất của khu vực này.

Tham quan một vòng, chúng tôi đi thẳng vào văn phòng để cúng dường chút ít tịnh tài. Đây là số tiền do quý vị trong đoàn đóng góp. Đến mỗi nơi Già lam dù có tạm trú hay không, chúng tôi đều có cúng dường cả. Đặc biệt những ngôi chùa mà chúng tôi tạm trú dù là một đêm thôi, chúng tôi cũng cúng dường nhiều hơn những ngôi chùa chỉ đến thăm viếng. Chúng tôi đã được các vị sư trong chùa tiếp đãi niềm nở.

---o0o---

06.Ngôi Chùa Miến Điện

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì ngôi chùa Miến Điện này được xây dựng vào năm 1945. Lối kiến trúc của toàn thể ngôi chùa không khác mấy với những ngôi chùa Thái và Tích Lan, Lào, Campuchia v.v... Nói chung là các nước theo Phật giáo Nam Tông, tức hệ Phật giáo Nguyên Thủy. Khi du khách vào đây, điểm đặc biệt nổi bật nhất phải chú ý đó là ngôi tháp. Thật vậy, đây là một ngôi bảo tháp to lớn, nhọn hoắt và vàng rực nổi bật một vùng. Ngôi tháp này cũng là một lối kiến trúc độc đáo dựa theo một nền văn hóa đặc thù của quốc gia họ. Bởi mỗi quốc gia đều có một bản sắc văn hóa riêng.

Chúng tôi vào thì có một vị sư người Miến Điện đang ngồi tiếp chuyện với một vài vị cư sĩ mà những vị này đều có mang theo vũ khí súng ống trong người. Tôi cũng không biết họ thuộc thành phần nào, vì mình cũng không nên tò mò tìm hiểu chi chuyện này. Do đó, mà chúng tôi chỉ đến chào vị sư đang ngồi trên bồ đoàn (theo phong tục của họ) và tôi đoán đây

phải là vị sư lớn nhất, có thể là sư cả viện chủ của chùa này. Ông tiếp đãi chúng tôi rất tử tế. Chúng tôi quỳ và ông bảo một vị sư nhỏ mang những tấm vải màu vàng đậm để tặng cho tăng ni chúng tôi. Ông tặng cho mỗi vị một tấm vải lớn. Có thể đây là tấm vải để may y. Còn các vị cư sĩ trong đoàn, ông tặng cho mỗi người một tấm vải khăn màu vàng choàng cổ.

Sau khi đánh lễ và tiếp chuyện hỏi han trong giây lát, chúng tôi xin từ giả rời khỏi nơi đây để đến viếng thăm ngôi chùa Việt Nam, tức ngôi chùa Linh Sơn do Ni Sư Trí Thuận trụ trì.

---o0o---

07.Ngôi chùa Việt Nam

Khi đoàn đến nơi đây thì có một ông cư sĩ người Ấn, thân hình của ông ốm yếu tiêu tụy hốc hác, trông giống như một người bị bệnh nhiều năm, từ cổng ông hướng dẫn chúng tôi vào trong chùa. Ông chỉ dùng ngón tay ra dấu chỉ chỗ, lúc đầu tôi không biết, nhưng khi trở ra tôi mới biết ông là một người câm. Thật là tội nghiệp! Từ ngoài cổng chùa đi vô đâu có xa xôi gì, không cần ông hướng dẫn thì người ta cũng đi vô chùa được. Tuy nhiên, ông làm như vậy cũng là một hình thức xin tiền du khách đến viếng thăm chùa mà thôi. Khi ra xe, chúng tôi cho tiền ông và ông rất cảm động vui mừng.

Khi chúng tôi bước vào trong khuôn viên chùa, nhìn bên tay phải, chúng tôi thấy các em học sinh người Ấn rất đông ước chừng khoảng vài trăm em. Các em đang ngồi trên sân cỏ phía trước chánh điện. Tôi thấy có nhiều món quà để trên bàn dài, có lẽ hôm nay Sư cô Trí Thuận phát quà cho các em. Khi chúng tôi vừa tới thì Sư cô Trí Thuận bước đến chào tôi và đoàn.

Sau những lời chào hỏi xã giao, chúng tôi xin phép Sư cô để được đánh lễ Tam Bảo. Sư cô đứng hầu chuông cho chúng tôi đánh lễ. Lễ xong, chúng tôi bảo Sư cô Phước Hòa thủ quỹ của Ban Tổ Chức dâng bao thư cúng dường Tam bảo. Lúc đó mọi người đều bỏ thêm tiền vào cúng nhiều lắm, tôi không rõ tất cả là bao nhiêu. Điều mà chúng tôi thích thú nhất là khi đứng trên bực thềm trước chùa, các em đứng dậy và đồng hát bản “Kính Mừng Thầy”. Đây là bài hát của các em trong Gia Đình Phật Tử thường hát để kính tặng chư Tôn Đức Tăng Ni.

Như đã nói, chùa có tên là Linh Sơn, tên gọi Linh Sơn là do cố Hòa Thượng Huyền Vi đặt cho chùa danh hiệu này. Thật ra, trước đó chùa có tên

là Song Lâm (lấy tên hai cây Ta la song thọ mà đặt hiệu chùa) do người Trung Hoa xây dựng và một ni sư người Hoa làm trụ trì. Như vậy tiền thân của ngôi chùa này là của Trung Quốc. Sau khi ni sư người Hoa viên tịch, thì họ mới cúng cho cố Hòa Thượng Huyền Vi và HT cửu sư cô Trí Thuận làm trụ trì. Chùa có diện tích khá rộng và hiện đang tu bổ thêm chánh điện. Chùa nổi bật là qua lối kiến trúc Tứ động tâm thu hẹp và được xây dựng trong phạm vi khuôn viên chùa.

Rời khỏi nơi đây, chúng tôi lên xe đi thẳng về khách sạn để dùng cơm chiều và tối lại có buổi họp.

Ngày 9, tức ngày 25/10/2011/

Thường lệ, chúng tôi thức sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng. Hầu như ngày nào cũng vậy, ngoại trừ khi nào không có đi xa chỉ đi tham quan chiêm bái một vài nơi gần khách sạn, thì mới thức trễ hơn mọi khi thôi. Ngoài ra, tất cả đều giữ đúng giờ giấc như chương trình đã định. Nói đến giờ giấc, thú thật khi mới đến Ấn Độ thật là khó ngủ. Bởi Ấn Độ đi sau Úc khoảng hơn 5 tiếng đồng hồ. Như khoảng 6 giờ sáng bên Ấn Độ, thì tính ra là hơn 11 giờ trưa bên Úc. Như thế, thật khó ngủ. Tuy nhiên, những lúc mệt mỏi, thì việc sai giờ giấc không thành vấn đề nữa. Lúc mệt quá, chỉ cần ngã lưng xuống là ngủ ngay, dù có khó ngủ đến đâu cũng phải dễ ngủ thôi.

Theo chương trình thì hôm nay đoàn sẽ đến thành Tỳ xá lý (Vaishali), nơi mà xưa kia đã xảy ra một cuộc kết tập kinh điển tại thành phố này. Theo sử liệu ghi lại, thì đây là kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai, sau Phật nhập Niết bàn khoảng 100 năm trước công nguyên. Đây cũng là một thành phố quan trọng thời Phật, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua vài nét về thành phố này.

---o0o---

VI. Tỳ Xá Li (Vaishali)

01. Vài nét về thành phố Tỳ xá lý

Thành phố này có nhiều tên gọi: Tỳ xá lý, Tiết xá lý, Tỳ quán đa, Duy la, Duy tà, Quảng bác, Quảng nghiêm.

Tên một nước miền Trung Ấn Độ, một trong 16 nước lớn của Ấn Độ, là chỗ ở của dân tộc Li xa (Licchavi).

Theo kinh Đại Du Hành, Trường A Hàm 3, lúc Đức Phật còn tại thế, dân chúng Li xa ở nước này rất phồn vinh, Đức Phật nhiều lần du hành thuyết pháp, dân chúng đều kính tin Phật giáo.

Theo Đại Đường Tây Vực Kí 7, nước này rộng hơn 5000 dặm, đất đai phì nhiêu màu mỡ, phong tục thuần mỹ, có hơn vài mươi đền thờ trời, có nhiều đạo khác nhau, cách phía Tây Bắc của đô thành chừng 5, 6 dặm có một ngôi Già lam, chư tăng ở đây học theo pháp Chính Lượng Bộ; phía Đông của thành có tháp kỷ niệm những di tích chứng quả của ngài Xá lợi phất, cách phía Đông Bắc của thành 3 dặm có tháp của đại sĩ Duy ma cát, gần đó là chỗ hiện bệnh nói pháp của cư sĩ Duy ma và tháp kỷ niệm nhà cũ của nàng Am một la, phía Tây Bắc của thành là tháp kỷ niệm chỗ ở sau cùng của Đức Phật, Phật từng ở đây nói Kinh Duy Ma, Kinh Dược Sư. Sau khi Đức Phật nhập diệt 100 năm, 700 vị Hiền Thánh kết tập kinh điển lần thứ hai tại nơi đây.

Vị trí của thành này hiện nay tương đương vùng Besar thuộc bờ Đông sông Gandak, bờ Bắc sông Hằng ở Ấn Độ.

Trước khi đến thành phố này, chúng tôi trở lại nơi Đức Phật nhập Niết bàn để đánh lễ lần cuối từ giả nơi này. Chúng tôi khởi hành vào lúc 6 giờ 15 phút sáng. Đánh lễ nhiều tháp niệm Phật xong, chúng tôi lên đường.

---o0o---

02. Dòng Sông Nơi Phật Tắm Lần Cuối (hình số 21)

Trên đường đi, chúng tôi có ghé lại viếng thăm nơi dòng sông mà theo truyền thuyết thì chính nơi dòng sông này chỗ Đức Phật xuống tắm trước khi Ngài đến rừng Câu Thi Na để nhập diệt. Nơi đây có nhiều bia mộ nằm bên cạnh dòng sông. Chúng tôi đi ngang qua những bia mộ này và đứng nhìn dòng sông nước chảy lững lờ. Dòng sông từ bờ bên này sang bờ bên kia thì không rộng lắm. Dòng sông nước cạn không sâu. Chúng tôi đứng giữa bầu trời bao la rộng lớn, không gian yên tĩnh, nhìn lại chỉ thấy đoàn người chúng tôi đang tư lự ngắm nhìn dòng sông vật lý nơi kỷ niệm Đức Phật tắm gội. Dòng sông vật lý kia trải qua hơn hai ngàn mấy trăm năm, dĩ nhiên biết bao thay đổi thăng trầm nay chỉ còn lại một dòng nước lững lờ trôi chảy.

Nhìn lại dòng sông tâm lý của chúng ta cũng luôn tuôn chảy biến dịch thay đổi từng sát na. Theo dòng sông đó chúng ta trải qua bao đời vạn kiếp trôi nổi không biết đâu mà lường. Sự sống của con người đi như một dòng

sông. Không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông. Cuộc đời và thân hình giả tạm của chúng ta thử hỏi làm sao đứng yên? Chúng ta cũng không thể nào bắt nó phải đứng yên. Không ai ngu dại gì phải bắt dòng sông đứng yên. Sự sống mà định hình như thế, thì đâu còn gì là sự sống. Vì tất cả không có gì tiến bộ. Nếu như vạn vật đều định hình đứng yên một chỗ, thì sự sống của con người và vạn vật đã mất hết ý nghĩa. Nhờ có vô thường thay đổi như dòng sông, thì mọi vật mới hanh thông và tiến bộ.

Đó là đứng về mặt lợi ích của sự vô thường. Nhờ vô thường mà chúng ta từ Úc mới có mặt đứng đây để ngắm nhìn dòng sông này. Và nhờ vô thường mà chúng ta mới đi chiêm bái thánh tích các nơi. Vậy thì vô thường cũng có hai mặt lợi và hại. Từ đó suy ra, mọi vật đều như thế cả. Lợi dụng cái tương đối để phăng tìm cái tuyệt đối. Nhưng luận cho cùng, thì cái tuyệt đối cũng đâu có nơi chỗ mà tìm. Bạn còn khởi ý niệm tìm kiếm là bạn sẽ không bao giờ tìm thấy được cái chân lý tuyệt đối. Vì cái đó chính là bạn và nó luôn luôn có mặt với bạn trong từng hơi thở và trong từng sát na. Bạn không cần phải khổ công tìm kiếm đâu xa, chỉ cần bạn dừng lại và sống thực ngay trong giây phút hiện tại nhiệm màu, thì cái mà bạn muốn tìm sẽ hiện hữu ngay với bạn. Bởi còn khởi ý niệm tìm kiếm là bạn còn:

“Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh

Thú hướng chân như tổng thị tà”

Chỉ cần:

“Tùy thuận chúng duyên vô quái ngại

Niết bàn sanh tử đặng không hoa”

(Tú Tài Trương Chuyết)

Cũng như hiện tại chúng tôi đứng nhìn dòng sông chỉ “Biết” đó là dòng sông thôi, thì Đức Phật sẽ có mặt với chúng tôi ngay trong giây phút hiện tại nhiệm màu này. Hãy để dòng sông có mặt với chính nó và đừng bắt nó phải như thế này hay thế khác. Như thế thì chúng ta chưa thấy được dòng sông, không thấy được dòng sông thì làm sao thấy được Phật tắm trong dòng sông đó? Sau vài phút ngắm nhìn tượng niệm chúng tôi trở ra xe và tiếp tục đi thăm nền nhà của ông cư sĩ Thuận Đà.

03.Nền Nhà Cư Sĩ Thuần Đà (Cunda) (hình 22)

Thuần Đà còn có tên khác là Chuẩn Đà hay Chu Na. Ông sinh trưởng ở thành Ba Bà (Pava) thuộc miền Trung Ấn Độ, là người cúng dường bữa cơm cuối cùng lên Đức Phật trước khi Ngài nhập Niết bàn.

Kinh Du Hành trong Trường A Hàm 3 ghi: Thuần Đà cúng dường nắm cây chiên đàn lên Đức Phật. Nắm cây chiên đàn (Sukaramaddava) mà Thuần Đà cúng dường Phật là một loại nắm ở Trung Quốc gọi là Mộc Nhĩ. Kinh Trường A Hàm theo thuyết này, còn các bản kinh dịch như kinh Niết bàn... thì nói là món ăn thơm ngon. Thời gian gần đây, các học giả Tây phương y cứ vào kinh Đại bát niết bàn tiếng Pali, cho ông Thuần Đà cúng dường Phật thịt heo rừng.

“Sau khi thọ thực xong Đức Phật nhiễm bệnh lý huyết trầm trọng, rất đau đớn, gần như sắp chết. Nhưng Đức Phật vẫn nhẫn nại chịu đựng, điềm tĩnh, không một lời rên siết.

Mặc dù bệnh tình trầm trọng và người rất yếu, Đức Phật nhứt định đi bộ đến Kusinara (theo bản chú giải, Đức Phật chọn Kusinara để nhập diệt vì ba lý do: Lý do đầu tiên là để thuyết bài pháp về Mahasudasana Sutta để khuyến khích đời sống đạo hạnh. Thứ nhì là để dắt dẫn Subhadda, người đệ tử cuối cùng của Ngài, vì ngoài Đức Phật ra không ai có thể cảm hóa vị này được. Thứ ba là để cho vị Bà la môn Dona có thể phân chia xá lợi của Ngài một cách êm thấm giữa những người sùng mộ Ngài), nơi Ngài định nhập diệt, cách đó độ ba do tuần (khoảng chín cây số). Trên đoạn cuối cùng này, kinh sách ghi chép rằng Đức Phật phải ngồi lại nghỉ lồi hai mươi lăm nơi vì bệnh và yếu. Ở một chỗ nọ Ngài ngồi lại dưới gốc cây to và dạy Đại Đức Ananda đi tìm nước uống vì Ngài nghe khát. Rất là khó khăn Đại Đức Ananda mới tìm được chút ít nước trong một dòng suối nhỏ, nơi ấy năm trăm cỗ xe bò vừa đi qua, quậỵ đực cả nước” (5)

Thời gian chúng tôi dừng lại nơi đây tham quan không lâu, chỉ đưa mắt nhìn sơ qua mà ngày nay chỉ còn thấy người ta đánh dấu nơi này bằng một nền gạch cũ kỹ lâu đời.

04.Nơi Đức Phật Cứu Đói (hình số (23)

Xe tiếp tục chạy được một đôi, vào khoảng 11 giờ trưa, xe dừng lại, chúng tôi đến thăm một nơi, theo thầy Minh Đức hướng dẫn cho biết, đây là nơi đánh dấu mà Phật đã đến nơi này để cứu đói. Vì dân chúng ở làng này bị bệnh dịch tả qua một trận bão lụt thiên tai nặng nề. Người ta xây một nền gạch ở trên cao. Nền gạch xây theo dạng thức hình tròn khá lớn. Có vị chân khỏe thì leo lên trên, còn người chân yếu mệt mỏi thì đứng dưới chân nền nhìn lên.

Hiện nay, dân cư ở đây thưa thớt và họ rất nghèo nàn. Trên đường vào, chúng tôi nhìn thấy hai người khiêng một bao vôi bột trắng. Hai người Ấn này tuổi tác cũng cao, họ khiêng ì ạch và cứ đi một chút là để xuống nghỉ. Thân hình của họ ốm yếu già nua, trông thấy thật là bi thảm tội nghiệp!

---o0o---

05.Phát Tiền Cho Trẻ Em (hình số 24)

Khi trở ra, một đám trẻ nhỏ trong làng đi theo chúng tôi. Trông chúng hiền lành rất dễ thương. Có lẽ lần đầu tiên, chúng thấy đoàn người chúng tôi trên đầu đội những chiếc nón lá, nên chúng thấy lạ và cứ theo nhìn chăm chú vào những chiếc nón lá đó. Không phải trẻ con không thôi mà ngay cả người lớn cũng thế.

Chúng tôi đến một nơi có bóng mát để nghỉ chân một chút. Đây là cây cổ thụ có tàng rộng cành lá sum suê, che mát cả một vùng rộng lớn. Nơi đây, chúng tôi kêu các trẻ con trong ngôi làng nhỏ này tập trung ngồi lại một chỗ. Chúng tôi nhờ một người lớn trong làng điều khiển bọn chúng. Chúng không quậy phá và tất cả ngồi một hàng dài yên lặng. Chúng tôi lần lượt phát tiền cho mỗi em là 50 rupies. Năm mươi rupies đối với một gia đình rất nghèo túng như thế này để cho trẻ em cũng không phải là chuyện dễ dàng. Cho nên, khi nhận tiền, các em rất vui mừng và làm cho chúng tôi cũng vui lây theo. Vì làm bất cứ việc thiện nào, giúp đỡ cho ai; dù việc nhỏ hay việc lớn; dù ít hay nhiều gì, lòng mình cũng cảm thấy an vui. Chúng tôi bước chân lên xe trong niềm vui chung với những trẻ em trong làng.

---o0o---

06. Dâng Nước Phật Uống

Trên đường, chúng tôi có ghé viếng thăm nơi mà xưa kia Ngài A Nan, vị thị giả của Phật đã múc nước cho Phật uống lần cuối. Như trên có nói, trước khi Đức Phật vào Niết bàn, Ngài A Nan ngoài tình thân tộc với Đức Phật ra, ông còn là một vị thị giả chuyên cần luôn hầu cận bên Đức Phật. Ngài với Đề bà đạt đa (Devadatta) là hai anh em ruột, con của ông hoàng Amitodana, một người em của vua Tịnh Phạn. Ngài với Đức Phật là anh em chú bác. Sự ra đời của Ngài là một niềm vui lớn cho hoàng tộc. Vì Ngài sanh ra đúng lúc Đức Phật thành đạo, nên đặt tên cho Ngài là Ananda, có nghĩa là Khánh Hỷ.

Trong hàng thập đại đệ tử của Phật, Ngài là người đa văn đệ nhất. Trong cuộc kết tập kinh điển, Ngài là người trùng tuyên lại kinh tạng. Chính Ngài đã năn nỉ i ôi với Đức Phật cho bà Kiều Đàm Di mẫu xuất gia. Khi được các vị đệ tử lớn của Phật, như tôn giả Xá lợi phất, Mục kiền liên v.v... đề cử Ngài làm thị giả và Ngài đã được Đức Phật chấp thuận. Tuy nhiên, Ngài có thỉnh cầu Đức Phật tám điều kiện:

Đức Phật không ban cho Ngài những bộ y do thiện tín dâng cúng dường Đức Phật.

Đức Phật không ban cho Ngài vật thực do thiện tín dâng đến Đức Phật.

Đức Phật không cho phép Ngài cùng ở trong một tịnh thất với Đức Phật.

Đức Phật không cho phép Ngài đi cùng Đức Phật đến nơi nào mà thí chủ thỉnh Đức Phật.

Đức Phật sẽ hoan hỷ cùng Ngài đi đến nơi nào có một thí chủ thỉnh Ngài đến.

Đức Phật sẽ hoan hỷ cho phép Ngài được tiến dẫn những vị khách từ phương xa đến yết kiến Đức Phật.

Đức Phật sẽ hoan hỷ cho phép Ngài đến bạch Đức Phật mỗi khi có điều hoài nghi phát sanh.

Đức Phật sẽ hoan hỷ lập lại những bài pháp mà Đức Phật đã giảng lúc không có mặt Ngài tại đó. (6)

Tám điều thỉnh cầu của Ngài đã được Đức Phật chấp thuận. Từ đó Ngài trở thành một vị thị giả trung thành hầu cận suốt cuộc đời hành hóa của Đức Phật.

Sau khi Phật nhập diệt, Ngài đã được Tổ Ca Diếp truyền thừa y bát kế vị làm vị Tổ thứ hai trong 28 vị Tổ ở Ấn Độ.

---o0o---

07.Nền Nhà Duy Ma Cật

Kế tiếp, chúng tôi có ghé thăm nền nhà của ông Trưởng giả Duy Ma Cật.

Ngài là đệ tử tại gia của Đức Phật, là trưởng giả ở thành Tỳ Xá Li, Trung Ấn Độ. Ngài rất tinh thông giáo nghĩa Phật giáo Đại Thừa, thân chứng cảnh giới “Bất khả tư nghĩ”, nên Đức Phật có nhiều đệ tử xuất gia nhưng họ cũng vẫn không sánh kịp Ngài.

Theo Kinh Duy Ma, có lần Ngài thị hiện bị bệnh và nói: “Vì chúng sanh bệnh nên tôi bệnh”. Đức Phật sai Bồ Tát Văn Thù đến thăm Ngài, nhân đó diễn bày ý nghĩa sâu xa của Đại Thừa như: Không, Vô tướng, vô tác.

Ngài chính là vị Đại Bồ Tát ở cõi Bất Động, vì trợ duyên Đức Thích Ca mà hiện thân cư sĩ đến cõi Ta bà này.

Muốn hiển bản tánh “Bình Đẳng Chơn Thật Không Hai” của chúng sanh sẵn có, Ngài hiện thân có bệnh để chỉ bày các phương pháp phá chấp: Có, Không, Thường, Đoạn của Tiểu Thừa và phàm phu ngoại đạo vậy.

Đây là một vị cư sĩ nổi bật nhất trong hàng Phật tử tại gia. Ông đã trợ tuyên giáo hóa cùng với Đức Phật. Tiếng tăm của ông vang dội không những trong thời đại của Phật mà ngay cả mãi sau này và có thể nói mãi mãi ngàn sau. Ông thâm chứng chân lý rất sâu. Tuy là người Phật tử tại gia, có vợ con, nhưng ông không bị bất cứ thứ gì ràng buộc ông cả. Ông đã vượt ra ngoài vòng danh lợi bon chen, sống cuộc đời đơn giản của một con người siêu trần đạt đạo. Ở nước ta, thời nhà Trần, cũng có một vị cư sĩ nổi bật không thua gì cư sĩ Duy Ma bao nhiêu. Ông cũng có gia đình thê tử, nhưng ông đã sống một cuộc đời xuất cách, siêu thoát. Sống đi giữa dòng đời, nhưng rất hiên ngang tự tại, không có thứ gì làm ông say đắm. Vị cư sĩ đó không ai khác hơn là Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ. Một vị cư sĩ lỗi lạc siêu quần bạt tực

không ai có thể sánh vai ngang hàng với Ngài được. Cho nên, có nhiều vị cư sĩ, tuy thân xác họ sống trong gia đình, nhưng tâm hồn của họ thì rất giải thoát. Điều đó thật khó đánh giá chính xác được.

Hình bóng của Ông, tuy chúng ta không thấy bằng hình hài thể chất, nhưng chúng ta có thể thấy rõ những hóa thân của Ông ở khắp mọi nơi. Ông đi như một dòng sông. Một dòng sông vì tha nhân mà hiển hiện đủ mọi hình thức. Bỏ tất vì lợi ích chúng sanh đi trong dòng đời để độ sanh không bao giờ ngừng nghỉ. Như một dòng sông chảy mãi không bao giờ dừng lại. Dòng sông mang lại nguồn lợi ích cho mọi loài. Nền nhà của Ông còn đó, dù đã trải qua thời gian dài lâu, nhưng hình bóng ở nơi đây như đã khắc sâu vào trong tâm khảm của mọi người. Chúng ta không dính mắc vào cái nền nhà cũ kỹ, vì đó là pháp hữu vi vô thường sanh diệt, mà chúng ta phải nhìn thấu qua cái hữu tướng này để nhìn thẳng và thấy rõ cái Vô Tướng. Có cái nhìn thấu như thế, thì chúng ta mới có thể bắt gặp được hình ảnh của Ngài đã trải dài xuyên suốt thời gian và đi sâu vào lòng người muôn thuở.

---o0o---

08.Chùa Kiều Đàm Di

Thăm nơi này xong, chúng tôi đi thẳng tới chùa Kiều Đàm Di của Sư Cô Kiệt Minh. Nơi đây, chúng tôi chỉ tạm nghỉ qua đêm, sáng lại tiếp tục lên đường đi núi Linh Thứu. Ngôi chùa này nằm trong địa hạt của thành phố Tỳ xá li hay Phệ xá li. Lấy tên người dì mẫu của Đức Phật mà đặt danh hiệu chùa.

Kiều Đàm Di tức là bà Ma ha ba xà ba đề (Maha Pajapati Gotami). Bà là em gái út của vua Suppabuddha. Bà có hai người con, một gái tên Nanda và một trai là Nanda. Về sau cả hai đều xuất gia. Đến khi hoàng hậu Mahà Mayà mệnh chung, bà nuôi dưỡng cháu là thái tử Sĩ Đạt Ta. Con bà là Nanda, thì nhờ một bà vú cho bú và chăm sóc.

Tên tộc bà là Gotami, gọi là Mahà Pajàpati bởi vì các nhà tiên tri thời bấy giờ tiên đoán rằng về sau bà sẽ cầm đầu một đám đông người.

Bà là người xin Phật xuất gia đầu tiên, lúc đầu Phật không chấp nhận, nhưng nhờ Tôn giả A Nan nài nỉ van xin đôi ba phen, cuối cùng, Đức Phật mới ưng thuận nhận lời. Từ đó, mới có tăng đoàn Ni và bà là người lãnh đạo trong hàng Ni chúng.

Chúng tôi đến đây vào khoảng 3 giờ chiều. Sau khi nhận phòng, mọi người chuẩn bị dùng cơm chiều. Buổi cơm chiều hôm nay do chùa nấu, bởi đoàn đã đặt trước với chùa rồi. Dùng cơm xong, mọi người đi chiêm bái nơi tháp của Ngài A Nan. Riêng tôi, hôm nay trong người không mấy khỏe nên nằm nhà. Về Ngài A Nan, chúng tôi đã có đề cập sơ qua nói về Ngài ở phần trên.

Tham quan chiêm bái xong mọi người trở lại chùa trời đã tối. Minh Quang và Nguyễn Nhật Tiến đã giúp cho tôi nấu hai nồi nước xông. Tôi xông hai lần: tối và sáng sớm. Vì trong mấy ngày qua, bệnh cảm của tôi cũng chưa thiệt hết. Có lẽ do đi nhiều thiếu ngủ nên bệnh lâu hết.

Ngôi chùa này, ngoài sư cô trụ trì ra, còn có khoảng mười cô xuất gia và cư sĩ. Quý cô này từ Việt Nam sang qua đây du học. Chùa tương đối khá rộng và hiện đang tiếp tục xây cất thêm những phần còn lại. Phòng ốc tuy không sang trọng như trong các khách sạn, nhưng cũng không đến nỗi tệ lắm. Chúng tôi thuê ở đây 16 phòng.

Sáng sớm trước khi rời nơi đây, sư cô Kiệt Minh thiết đãi cho đoàn chúng tôi, cũng như phái đoàn bên Mỹ một nồi bún riêu thật đặc sắc. Tôi không ngờ nơi đây mà sư cô nấu được một nồi bún riêu đầy đủ hương vị như thế này. Nơi nhà thợ trai bàn ghế cũng khá đầy đủ. Tiện nghi ở bên đây, theo tôi, như thế này cũng là đã khá lắm rồi. Một công trình xây cất cũng khá quy mô. Tôi nghe một sư cô trẻ nói, là sư cô trụ trì thường qua lại Việt Nam nhiều lần. Sư cô cũng làm nhiều việc từ thiện, đa phần là giúp cho những gia đình nghèo khổ ở xứ này.

Dùng sáng xong, chúng tôi tính trả tiền phòng, nói chung, là mọi chi phí và rồi chúng tôi dâng lên một ít tịnh tài để cúng dường Tam bảo và ủng hộ một ít cho quý cô trong chùa. Hôm đó, có mặt sáu cô và vắng mặt bốn cô. Tất cả chúng tôi đều có cúng dường hết

Ngày 10, tức ngày 26/10/2011/

Chúng tôi rời khỏi nơi đây, vào lúc 6 giờ 30 sáng. Trong khi đó, thì sư cô Kiệt Minh đi chung với phái đoàn Mỹ để làm việc từ thiện. Chúng tôi từ giả nơi đây để đi đến núi Linh Thứu. Thay vì đến núi, thì tài xế chạy lạc đường đi thẳng đến trường Đại Học Nalanda.

---o0o---

VII. Tiểu Bang Bihar

01. Đại Học Na Lan Đà (hình số 25)

Hôm nay, đoàn bước sang ngày thứ mười của chuyến hành hương. Buổi sáng hôm nay khí trời tươi mát thật dễ chịu. Điềm tâm xong, chúng tôi chuẩn bị đi tham quan chiêm bái một vài nơi. Nơi chúng tôi đến đầu tiên là trường đại học Na Lan Đà. Chúng tôi đến đây khoảng 11 giờ trưa. Đây là một trường đại học rất nổi tiếng thời xưa. Thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua vài nét chính yếu về ngôi trường mang tầm vóc lịch sử vĩ đại có một không hai trong lịch sử nhân loại.

Theo sử liệu ghi lại: “Nalanda nguyên là một vườn xoài lớn, có tên gọi là Pavarika, tại làng Bragoan ở Bihar. Thuở Đức Phật còn tại thế, sau ngày thành đạo, trong các cuộc du hành Ngài thường nghỉ chân tại vườn xoài Pavarika này, khiến cho khu vườn này trở thành một thánh địa Phật giáo. Theo truyền thuyết, Mahavira, giáo chủ đạo Jain (Kỳ na giáo) đã từng nghỉ ngơi ở đây trong 14 mùa mưa.

Hoàng đế Asoka, 300 năm trước công nguyên, xây ở đây một tu viện lớn, và đến thời hoàng đế Harsha, khi Huyền Trang du học Ấn Độ, Nalanda trở thành một trường đại học Phật giáo quốc tế, thu hút hàng nghìn nhà bác học và sinh viên từ nhiều nước xa như Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam, Indonesia v.v...

Những khách hành hương kể lại rằng, xung quanh Nalanda, Rajgriha, và Vikramasila, tập trung nhiều tu viện và chùa chiền đến nỗi người ta gọi vùng này toàn là Bihara, và rất có thể tên của bang Bihar hiện nay, xuất phát từ Bihara. Nói cách khác, Nalanda có một bề dày truyền thống như là một tu viện (Vihara) trước khi nó trải qua một quá trình nhiều thế kỷ, trở thành một trường Đại học Phật giáo quốc tế, đồng thời cũng là một trung tâm văn hóa thế giới có tiếng tăm.

Thời bấy giờ, Nalanda là biểu tượng của tư duy tự do và học vấn phóng khoáng. Mặc dù mang tên là một trường Đại học Phật giáo, nhưng tại Nalanda cũng dạy và nghiên cứu các ngoại điển, và các kinh điển các tôn giáo khác. Thí dụ, ngoài Kinh, Luật, Luận Phật, ở đây cũng dạy kinh Veda, sách sử Puranas thuộc truyền thống Bà La Môn giáo.

Các môn học khác như Y học, môn học về phát âm, ngữ pháp của Panini, môn học về ngữ âm, (etymology), môn học Yoga đều được dạy có hệ

thống tại Nalanda. Chính Huyền Trang đã học bộ Yagasastra ở Nalanda. La lung thay, môn bản cung cũng được dạy ở Nalanda. Do đó không thể nói môn Thiên bản cung Nhật Bản là một sáng tạo riêng của Phật giáo Nhật Bản.

Việc thi tuyển vào học viện Nalanda rất nghiêm túc và khó khăn. Ban giám khảo cuộc thi tuyển gồm toàn những học giả rất thông thạo về ngành chuyên môn của mình, và nổi tiếng khắp toàn cõi Ấn Độ. Sử liệu cho biết thường có 8/10 số thí sinh bị đánh hỏng, nhiều thí sinh phải thi lại rất nhiều lần trước khi được Ban giám khảo công nhận có đủ tư cách nhập học. Các sử gia cho rằng cảnh thí sinh đến từ rất nhiều nơi trên thế giới, chen chân ở cửa trường Đại học Nalanda là một cảnh rất ngoạn mục, nói lên danh tiếng tầm cỡ quốc tế của trường Đại học này. Trình độ học vấn là tiêu chuẩn duy nhất để nhập học, ngay ngài Phó Hiệu trưởng (Vice-Chancellor) cũng không có quyền quyết định. Quyền quyết định là thuộc Ban giám khảo.

Nhiều Tăng sĩ Trung Hoa đã đến thăm, nghiên cứu và giảng dạy tại trường Đại học này. Chính những hồi ký của họ đã giúp nhiều cho việc khôi phục lại truyền thống quản lý, giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nalanda. Theo cao tăng Nghĩa Tịnh thì tuổi tối thiểu để nhập học là 20. Hạn tuổi này cho thấy có thể có nhiều sinh viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học khác cũng đến tu nghiệp ở đây để bồi dưỡng kiến thức. Pháp sư Huyền Trang cho biết là có nhiều học giả đến đây từ nhiều thành phố khác ở Ấn Độ, chỉ với mục đích hóa giải những mối nghi hoặc của mình. Thậm chí, họ đến trường Nalanda chỉ với dụng ý nêu ra các vấn đề tranh luận, mà vẫn được hoan nghênh và tiếp đón niềm nở. Không nên nhận thức Nalanda như một trung tâm học vấn tôn giáo chỉ dạy môn Phật học mà thôi. Ngược lại như đã nói trên, rất nhiều môn học không phải Phật giáo được dạy ở đây (kể cả y học, ngữ pháp học của Panini, phát âm học, ngữ nguyên học (etymology), các sách Vedas và Upanishas, Ấn Độ học và môn học về Yoga). Theo yêu cầu của vua Harsha, bốn nhà bác học của Nalanda được gửi tới Orissa để tham gia một cuộc tranh luận về giáo lý với ngoại đạo. Huyền Trang là một trong bốn nhà bác học được Ban điều hành học viện lựa chọn.

Huyền Trang đã ở lại học viện Nalanda đến 17 năm, đầu tiên như là sinh viên và sau đó như một giáo sư, được Ngài Hiệu trưởng Shilabhadra (Giới Hiền) trực tiếp hướng dẫn. Như điều đã biết, Huyền Trang vượt sa mạc Gobi vào Kashih mir ngang qua núi Hy Mã Lạp Sơn. Ông kể lại là khi đến Ấn Độ, được đón tiếp niềm nở cho đến khi ông đến Nalanda. Sau khi trở về,

ông viết cuốn “Tây Du Ký” kể lại cuộc hành trình của ông. Ông được tiếp đón ở Nalanda với 1000 ngọn đèn lồng. Có thể nói tiếng tăm của ông như một học giả đến Nalanda trước ông nữa. Ở đây, chỉ sau một thời gian tu học, ông được công nhận học vị Pháp sư và bổ nhiệm làm Hiệu phó trường Đại học Nalanda. Ngài Hiệu trưởng Shilabhadra trường Nalanda có danh hiệu “Pandita”, và khi Ngài Shilabhadra tiếp đón Huyền Trang tại Nalanda, thì đó có thể nói là cuộc gặp gỡ của hai nhà bác học tầm cỡ quốc tế, mặc dù trên danh nghĩa Shilabhadra là thầy và Huyền Trang là trò.

Shilabhadra thường gọi Huyền Trang đi tham gia những cuộc tranh luận giáo lý khó khăn và nguy hiểm như ở Orissa và Kumarupa. Ở đâu, Huyền Trang cũng thành công, được hoan nghênh, xứng đáng với niềm tin của Ngài Hiệu trưởng Shilabhadra.

Theo Huyền Trang, thời gian biểu một ngày ở Nalanda đại khái như sau:

Sáng sớm, theo tiếng còi, tất cả sinh viên nội trú ở Nalanda đều phải đi tắm. Việc đi tắm là bắt buộc vào giờ quy định. Sau đó là nghi lễ tắm tượng Phật, kèm theo cúng dường hoa, hương và tụng kinh. Sau đó là một buổi hành Thiền. Hành thiền xong là bữa ăn sáng đạm bạc. Ăn sáng xong, sinh viên đi vào các phòng đọc khác nhau, cùng tham gia tranh luận về những chủ đề đã học.

Buổi chiều, có một nghi lễ khác gọi là “Caitya Vandana”, trong đó các tăng sĩ tập hợp ở cổng trường chính và hát những bài Thánh ca cúng dường Phật Thích Ca.

Sau buổi lễ, nếu có việc thì họ có thể đi ra ngoài trường. Buổi tối dành cho nghỉ ngơi.

Sinh viên nhập học phải biết tiếng Sanskrit, mặc dù Đức Phật Thích Ca thuyết pháp bằng tiếng Pàli. Kiến thức tiếng Sanskrit đòi hỏi sinh viên nắm vững ngữ pháp tiếng Sanskrit, văn chương Sanskrit cũng như lối phát âm tiếng Sanskrit đúng đắn. Theo Huyền Trang cho biết, thì sinh viên nhập học cũng phải có kiến thức về sách Veda, về triết học Vedanta, triết học Nyaya, triết học Vaisesika, Shankya, v.v... tức là những bộ môn triết học chính của Ấn Độ giáo. Pháp sư Nghĩa Tịnh trong hồi ký hành trình của mình cũng nhất trí với những nhận xét của Huyền Trang đối với trường Đại học Nalanda.

Phương pháp giảng dạy ở Nalanda là giáo sư giảng bài, kèm theo thảo luận xung quanh các câu hỏi của sinh viên. Nhiều cuộc thảo luận kéo dài cả ngày, và cả ban đêm nữa. Đây là một dấu hiệu của nhiệt tình học tập của Nalanda, và bầu không khí dân chủ, thông thoáng tại trường Đại học này. Mặc dù bầu không khí tranh luận và thảo luận rất tự do và dân chủ, nhưng theo Huyền Trang, từ ngày thành lập cho đến khi Huyền Trang đến đây, đã trải qua hơn 700 năm, mà nề nếp kỷ luật vẫn được giữ vững, không có một cuộc bãi khóa hay lộn xộn nào. Pháp sư Nghĩa Tịnh cho biết là “mỗi ngày, trường bố trí có tới khoảng hơn một trăm bục giảng, dành cho thuyết trình và tranh luận”. Như vậy, đủ thấy bầu không khí giảng dạy và học tập ở Nalanda không những là dân chủ, thông thoáng mà còn náo nhiệt, sôi nổi dường nào, thật là rất khác với các trường Phật học ở ta, thầy giảng cứ giảng, sinh viên nghe cứ nghe, thầy trò như là hai thế giới khác nhau vậy. Hai nữa, chương trình học của một trường Đại học Phật giáo Nalanda thật là phong phú, đa dạng, bao gồm cả nhiều hệ triết học của Ấn Độ giáo như Nyaya, Vaisheshika, Sankhya, Yoga và Vedanta. Chúng ta không lấy làm lạ rằng khi trở về Trung Hoa, Huyền Trang có đem theo nhiều sách không phải là sách Phật, mà cả những sách Ấn Độ giáo nữa.

Ở Nalanda, sinh viên học hành và cư trú miễn phí. Ăn, mặc và mọi tiện nghi trong trường đều không phải trả tiền. Đó là nhờ sự cúng dường của 200 gia chủ, đến từ một trăm làng xa gần (theo tài liệu của cuốn “Cuộc đời của Huyền Trang” của tác giả Hwui Li, chuyển dẫn từ bài “Nalanda-The city of Knowledge” (Nalanda, đô thị của kiến thức) trong tạp chí Indian Perspectives số 4/2000).

Trong các trò giải trí cho sinh viên ở Nalanda, có đấu vật, nhưng tuyệt đối cấm đánh bài, tuy là trong xã hội Ấn Độ bấy giờ, người ta đánh bài khá phổ biến.

Nalanda rơi vào tay quân Thổ Hồi giáo vào năm 1205 sau Công nguyên. Không khác gì Nero, tên hoàng đế La Mã khét tiếng tàn ác, tướng Madmut đã cười sung sướng khi Nalanda cháy. Những Tăng sĩ lay van quân xâm lược đừng có đốt thư viện Nalanda, đều bị quăng vào lửa, bị thiêu sống cùng với sách vở. Nghe nói, thư viện Nalanda, có tên gọi Ratnabodhi cháy âm ỉ đến bảy tháng mới tàn lụi hẳn.

Thực là một mất mát lớn cho kho kiến thức lớn cho nhân loại.

Phụ lục:

Sự kiện triệt hạ trường Đại học Nalada được ghi lại bởi sử gia Hồi giáo Minhazad trong cuốn sách của ông mang đầu đề: Tavakata.

“Ở giữa thành phố có một ngôi đền to lớn hơn và vững chãi hơn những kiến trúc khác, khó mô tả hay vẽ lại được. Tướng Mahmut nói: Nếu có ai đó muốn xây dựng một ngôi đền như thế này thì phải tiêu tốn đến hàng trăm nghìn đồng Dinars đỏ (tiền cổ ở nước Hồi giáo như ở Iraq) và phải mất tới 200 năm mới có thể xây xong với những người thợ thành thạo và có kinh nghiệm nhất. Tướng Mahmut (chỉ huy đoàn quân Hồi) ra lệnh tiêu hủy tất cả mọi ngôi đền và kiến trúc khác bằng lửa và dầu và rồi san bằng tận mặt đất, rất nhiều cư dân trong thành phố bỏ trốn. Ai ở lại đều bị chém đầu. Tướng Mahmut tuyên bố: “Hoặc là theo đạo Hồi hoặc là chết”.

Tất cả cư dân ở đây đều bị giết. Có nhiều sách được tìm thấy nhưng không ai đọc hiểu được vì tất cả những người đọc đều bỏ trốn hay bị giết.

“Nếu họ theo đạo của chúng ta thì tốt, nếu không thì họ bị chém đầu. Thế rồi đạo quân Hồi bắt đầu tản ra chém giết bên tả, bên hữu không thương tiếc, khắp nơi trên đất nước như bản này (người Hồi giáo gọi những quốc gia không theo đạo Hồi là đất nước như bản. M.C chú). Vì vinh quang của Islam mà máu người chảy thành sông thành suối. Chúng ta bắt được vàng bạc không kể xiết và vô số đá quý chói sáng rực rỡ. Chúng ta cũng bắt được một số lớn cô gái đẹp và lịch sự, tất cả có đến hai vạn người, kể cả những em bé trai và gái”.

Có nơi tướng Mahmut tấn công bất ngờ bắt được 12.000 tù binh. “Tất cả đều bị chém do lệnh của Mahmut. Chúng tôi bắt được chiến lợi phẩm nhiều vô kể. Cảm tạ Thượng Đế vì chiến thắng này của Islam, khi trở về tướng Mahmut tuyên bố cho tất cả dân chúng đều biết về chiến thắng của Islam. Mọi người già cũng như trẻ đều vui vẻ và cảm tạ Thượng Đế” (chuyển dịch từ cuốn “Thai Buddhism in the Buddhist word”-“Phật giáo Thái trong thế giới Phật giáo”, trang 47. Anh ngữ).

Tất nhiên, nhiều học giả Hồi hiện nay giải thích rằng, cuộc tàn sát Tăng ni Phật tử ở Nalanda là lỗi của tướng Mahmut, và trái ngược với tinh thần của Hồi giáo, và họ đã dẫn chứng các đoạn kinh Coran như sau:

“Không được áp đặt trong tôn giáo” (Phẩm 2. Câu 256)

“Các người hãy tự bảo vệ chống lại kẻ thù, nhưng các người không được là kẻ tấn công đầu tiên, vì Thượng Đế Allah không yêu thương những kẻ tấn công” (Phẩm 2. Câu 190).

“Anh theo tôn giáo của anh, tôi theo tôn giáo của tôi” (Phẩm 109. câu 6).

Các học giả Hồi giáo khẳng định rằng đoàn quân Thổ của tướng Mahmut đã hành động để chiếm đất và cướp tài sản, chứ không phải vì vinh quang của đạo Hồi.

Nhưng vì cũng có nhân có quả. Vào thế kỷ XIII, quân Nguyên Mông, do Thành Cát Tư Hãn chỉ huy, tấn công đế quốc Hồi giáo từ phía Đông Bắc. Trong cuộc giáp chiến đầu tiên với quân Hồi trước cổng thành Bokkhara, 400.000 quân Hồi bị đánh bại. Thành Bokkhara bị chiếm, 30.000 thường dân bị giết. Khi Bagdad, thủ đô của đế quốc Hồi bị chiếm, 800.000 thường dân bị chém đầu! (Trích cuốn “Jews, God and history”-“Người Do Thái, Thượng Đế và lịch sử” của Max Dimont. Anh ngữ, trang 193). (Sưu tầm tài liệu trên trang mạng)

Khuôn viên của ngôi trường khá rộng lớn, ngày nay tuy chỉ còn là những nền móng hoang tàn đổ nát, những nền gạch được xây dựng lại, chúng tôi nhìn thấy cảnh tượng này thật không khỏi ngậm ngùi thương tiếc. Sự thật, thì chúng tôi không đi tham quan từng nơi và từng chi tiết hết được, chỉ đi một vài điểm quan trọng thôi.

Nhớ lại, lần đầu tiên, vào năm 2003, khi đặt chân đến nơi đây, lòng chúng tôi cảm thấy rất xót xa bù ngùi, khi nghĩ đến công trình tạo dựng của người xưa. Không ngờ phút chốc đã biến thành hoang phế. Tôi còn nghe nói, kinh sách được chứa trong thư viện của trường này, khi Hồi Giáo xâm chiếm tàn phá, họ mang đi đốt cháy cả mấy tháng trời, vì thời đó người ta viết chữ khắc vào những thanh gỗ. Do đó, nên họ gom chắt thành đồng để đốt.

Do sự cảm xúc bù ngùi thương tiếc, chúng tôi có làm một bài thơ với tựa đề là: “Na Lan Đà Hoài Cổ” để kỷ niệm.

Na Lan Đà Hoài Cổ

Đoàn đến tham quan cảnh Lan Đà

Bù ngùi xúc cảm lệ châu sa

Công trình tạo dựng bao năm tháng

Phút chốc tan tành bởi bọn ma

Long Thọ Tổ Sư khai đại pháp

Phá tà hiển chánh lý Phật Đà

Ngàn năm hơn loại ơn thừa hưởng

Tưởng niệm người xưa dạ xót xa!

Sau khi tham quan nơi đây, chúng tôi trở về lại khách sạn (chùa Thái) để dùng cơm trưa. Về tới nơi, nhìn đồng hồ tay là đúng 12 giờ 40 phút.

Dùng cơm xong, chúng tôi nghỉ ngơi cho đến 3 giờ 30 chiều, đoàn đi tham quan các nơi: Tinh xá trúc lâm, tháp và hồ nước nơi kỷ niệm bà Kiều Đàm Di được Phật cho xuất gia, nền nhà Ca Diếp và suối giếng nước nóng. Buổi chiều hôm nay, trong người không được khỏe nên tôi không có đi. Tôi nhờ thầy Minh Đức và hai sư cô Phước Sinh, Huệ Hòa hướng dẫn đoàn đi tham quan.

Nhắc lại, khi đoàn đến chùa Kiều Đàm Di của Sư cô Kiết Minh, tôi bị cảm hơi nặng. Tôi bắt đầu nhuộm bệnh cảm khi đoàn đến thành phố Ba La Nại. Tuy nhiên, lúc đó, tôi không cảm thấy trong người khó chịu lắm. Tôi nghĩ chỉ vì thiếu ngủ kiệt sức nên bị cảm thường thôi. Tôi chỉ uống thuốc cảm loại nhẹ cầm chừng, ngày nào cũng uống ba lần. Và cứ thế tôi uống trải qua mấy ngày liền mà bệnh vẫn không hết. Chẳng những không dứt hẳn mà ngày có vẻ hơi nặng thêm. Nhưng, thú thật, tôi cũng không quan tâm tới bệnh trạng lắm, vì mãi lo hướng dẫn giúp cho đoàn về việc trình bày diễn giảng ở mỗi nơi, nên cứ thế mà lây lất qua ngày như quên đi cơn bệnh.

Cho đến một hôm, khi đoàn tới Kusinagara nơi Đức Phật nhập Niết bàn, chiều lại, vào khoảng 2 giờ 30, chúng tôi đi chiêm bái nơi bảo tháp làm lễ Trà tỳ Đức Phật, lúc này trời vẫn còn nắng nóng rất gay gắt, nhưng chúng tôi bất chấp vẫn đứng dưới cơn nắng như thiêu đốt làm lễ. Sau đó, chúng tôi đi tham quan một vài ngôi chùa chung quanh, đến chiều tối về lại khách sạn, tôi cảm nghe trong người khó chịu hơn và ho nhiều. Mọi người nghĩ, có lẽ tôi đã bị trúng nắng nên bệnh tái phát nặng thêm.

Khi đi, tôi quên mang theo thuốc trụ sinh. Đến khi bệnh càng lúc càng nặng, nên một vài người khuyên tôi nên phải dùng thuốc trụ sinh mới hết. Nhất là ni cô Huệ Thanh thường khuyên tôi nhiều nhất, vì trước khi đi mấy ngày, cô cũng bị bệnh cảm giống như tôi. Cho nên cô cũng phải dùng thuốc trụ sinh. Cô còn nói bệnh cảm này kéo dài ít nhất cũng khoảng hai tuần mới hết. Tôi nghe cô nói mà phát rầu. Thời gian đi chỉ có 3 tuần lễ ở đây thôi, mà bệnh kéo dài gần hai tuần thì còn gì nữa mà đi tham bái tu học. Tuy vậy, nhưng tôi vẫn luôn cố gắng chống chọi lại cơn bệnh. Tôi không thể để ngã quy một cách dễ dàng như thế được. Trong lúc đang dùng cơm ở khách sạn Buddha Hotel, cô Huệ Thanh hỏi sư cô Phước Liễu có thuốc trụ sinh đưa cho tôi uống. Sư cô Phước Liễu liền đi lấy loại thuốc có tính chất Amoxilline đưa cho tôi và cô còn căn dặn tôi phải uống cho đều đặn, mỗi lần một viên ngày 3 lần, uống cho đến khi hết không được ngưng giữa chừng. Dù tôi vẫn biết như thế, nhưng quý cô sợ tôi lu bu với công việc rồi quên uống. Như thế, thì bệnh không thể hết được.

Cho nên, khi đoàn đến chùa Kiều Đàm Di, tôi nghỉ dưỡng sức một buổi chiều không cùng đoàn đi tham quan chiêm bái. Khi đoàn trở về, Minh Quang đến phòng thăm tôi thấy tôi không khỏe lắm, nên nói với tôi là chú sẽ đi kiếm hái một vài thứ lá như lá ổi và sả... để cho tôi xông hơi. Nguyên Nhật Tiến thì nấu nước xông. Tôi xông hai lần, một lần vào buổi tối và một lần vào buổi sáng sớm như tôi đã có nói qua ở trên.

Nhắc lại như thế, để tôi cảm ơn những vị này. Phải thành thật mà nói, khi tôi ngã bệnh, mọi người đều quan tâm lo lắng cho tôi. Nhất là cô Nguyên Nhật Tiến luôn giúp cho tôi rất nhiều. Giúp như là một người thị giá. Cô thường nói, cô coi tôi như một người cha ngoài đời và hơn thế nữa, là một người cha tinh thần. Do đó, mà cô đã tận tình lo cho tôi, nhất là khi tôi ngã bệnh. Không phải cô chỉ lo riêng cho tôi không, mà cô còn đem hết tâm lực ra lo giúp cho đoàn nữa. Phải công tâm mà nói, chuyến đi này đoàn nhờ cô rất nhiều. Bởi cô nói tiếng Anh khá thông thạo, và tánh tình vui vẻ năng nổ hoạt bát lanh lẹ, nên cô thường tiếp xúc với những nơi như: chùa chiền, các cơ quan an ninh kiểm soát, khách sạn, nhà hàng v.v... Nói chung, là cô lo giúp cho cá nhân tôi và cho đoàn rất nhiều. Điều này, trong đoàn ai cũng phải công tâm nhìn nhận và cảm ơn cô.

Nói chung, là họ sợ tôi ngã bệnh nửa chừng thì không ai tiếp tục giảng giải và hướng dẫn chỉ đạo cho họ. Nhất là ông bầy Thiện Giác thường hay nói như thế. Ông nói: “Thầy bệnh tui con lo lắng lắm, nhưng không biết làm sao, mọi việc cũng nhờ cô Nguyên Nhật Tiến lo giúp cho thầy. Thấy vậy, tui

con cũng rất yên tâm”. Ngoài Nguyên Nhật Tiến ra, cô Diệu Phủ, vợ chồng Minh Quang, nhất là Minh Quang cũng thường đến thăm và lo cho tôi. Không phải vì sự lo lắng đó mà tôi cảm động, mà tôi cảm động là vì mọi người thật lòng lo cho nhau. Ngoài tôi bệnh ra, trong đoàn cũng có một vài vị bị bệnh sơ sài. Chẳng hạn như sư cô Phước Liễu, cô Diệu Phủ. Cô Diệu Phủ thì bị say nắng khó chịu, nên nằm nghỉ ở khách sạn (lúc còn ở Kusinagara) Nguyên Nhật Tiến ở lại để lo chăm sóc cho cô. Nhưng cô chỉ bị hơi khó chịu chút thôi, chớ không đến đời nào, do đó, mà Nguyên Nhật Tiến cùng sư cô Huệ Hòa kêu xe honda để đi ra chỗ đoàn đang làm lễ nơi bảo tháp Trà tỳ của Đức Phật.

Còn sư cô Phước Liễu thì bị chóng mặt choáng váng khó chịu, khi đoàn đang đi tham quan các hang động ở Ajanta. Nhưng nhờ Phật lực gia hộ rồi thì cũng không sao cả. Trong đoàn, tôi chỉ lo sợ nhất là cô Ngọc Tuyên. Vì trước ngày đi cô bị bệnh, nhất là máu huyết của cô không mấy điều hòa nên hay bị chóng mặt. Do đó, cô cũng có ý là muốn bỏ vé không đi, vì đi sợ ngã bệnh mắc công trở ngại cho đoàn phải lo lắng. Ông xã của cô cũng có khuyên cô, nhưng cuối cùng, cô nhất quyết phải đi chớ không thể bỏ vé. Tưởng là cô yếu bệnh, nhưng thật ra suốt cuộc hành trình 20 ngày, cô còn khỏe mạnh hơn chúng tôi. Đó phải chăng là nhờ vào sự quyết tâm dũng mãnh và nhờ Phật lực gia hộ, nên tinh thần của cô rất vững mạnh. Nhờ thế, mà dù có bệnh cũng vượt qua tất cả.

Phải nói chuyện đi này, nói chung, sức khỏe của mọi người đều tốt cả. Ngay như sư cô Phước Trường, tuy già yếu mà cũng không bao giờ lùi bước, ai tới đâu thì sư cô cũng tới đó. Nhất là lúc đi lên núi Kê Túc, tuy đường lên núi dốc cao, người có sức khỏe mạnh đi vẫn còn thấy mệt, nói chi những người già yếu. Thế mà, sư cô vẫn cương quyết đi tới nơi về tới chốn, quyết không bỏ cuộc nửa chừng. Tuy rằng, khi đi cũng có người phụ giúp dìu dắt. Đó cũng là một tinh thần dũng cảm quyết tâm vượt qua tất cả mọi thử thách chướng ngại khó khăn. Thật đáng tán dương tinh thần đồng đội khéo biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.

Hôm nay, sau khi thăm viếng vài nơi, chúng tôi đi thẳng về khách sạn, tức ngôi chùa của người Thái để dùng cơm tối và ngủ nghỉ...

---o0o---

02.Ngôi Chùa Thái (gần núi Linh Thứu)

Đây là ngôi chùa Nam tông thuộc hệ phái Phật giáo Theravada (Nguyên Thủy). Ngôi chùa này tọa lạc gần núi Linh Thứu. Ngôi chùa có tên là Watthaisirirajgir. Chúng tôi tá túc nơi đây hai đêm. Khuôn viên ngôi chùa khá rộng, có nhiều cây cao bóng mát và hoa kiểng. Du khách từ cửa cổng ngoài đi vào rẽ sang bên tay phải, có một dãy nhà đặc biệt dành cho du khách tặng. Dãy nhà này được ngăn chia làm hai, dành cho chư tăng và chư ni. Tăng ni chúng tôi ở dãy nhà này. Ngoài ra, còn có một tòa nhà cao lớn gồm có 3 tầng lầu giống như một khách sạn. Nơi đây có rất nhiều phòng dành cho du khách nam nữ tạm trú. Hầu hết các vị cư sĩ trong đoàn của chúng tôi đều ở trong ngôi nhà có 3 tầng lầu này. Còn tăng ni thì họ cho ở tòa nhà khác. Chỉ ở nhà thường không có lầu. Họ nói, đây là những căn nhà đặc biệt dành cho du khách tặng tạm trú. Đứng ra, thì chỉ có chư tăng thôi không có chư ni, vì Phật giáo Nam tông không có ni chúng như Phật giáo Bắc tông, tức Phật giáo Phát triển. Nhưng vì trong đoàn có 6 sư cô, cho nên họ cho những vị này ở chung một căn nhà nhỏ gồm có ba phòng, mỗi phòng hai người. Nơi điện chánh thờ Phật của họ không lớn lắm. Cách thiết trí tôn thờ rất đơn giản. Chỉ có một tượng Phật Thích Ca chính giữa và hai bên là các vị Tổ sư của họ.

Hệ thống đèn điện trên trần nhà, tất cả đều là bóng tròn nhỏ, ánh sáng mờ mờ, không đủ tỏ để thấy chữ để đọc. Có lẽ, một phần, họ tiết kiệm điện, phần khác, khi tụng niệm họ không cần đèn sáng lắm, vì họ tụng thuộc lòng không có ai cầm bản kinh đọc như mình. Chúng ta nên nhớ tụng và đọc khác nhau. Tụng là thuộc lòng và có âm điệu không cần cầm kinh. Còn đọc là cầm bản kinh đọc mặt chữ. Bởi đa số những vị xuất gia, họ đều thuộc lòng kinh điển tụng niệm. Với ánh sáng mờ mờ như thế này, thì rất thích hợp cho việc ngồi thiền. Chúng tôi xin phép nhà sư trụ trì để tụng đọc hai thời kinh nơi đây.

Nhà ăn, tuy không rộng chiều ngang nhưng được có chiều dài, bàn ghế sắp xếp có ngăn nắp và đầy đủ, du khách đến đây ngồi ăn thoải mái. Trên những cây cột, cách mỗi khoảng đều có thiết bị quạt máy. Tuy không đủ mát, nhưng cũng không đến nỗi nóng lắm.

Điều hành công việc nấu nướng ở khu nhà bếp đều do các vị sư trẻ đảm trách. Có một vài thiện nam phụ giúp. Tuyệt đối, không có một người nữ nào làm việc ở khu nhà bếp này. Phải nói, những vị sư trẻ này nấu ăn cũng chuyên nghiệp lắm. Mình phải đặt thức ăn cho họ nấu. Thức ăn của Thái,

mặc dù có cay chút ít, nhưng không đến nỗi khó nuốt như thức ăn Ấn Độ. Lại càng dễ ăn hơn thức ăn của người Hoa. Vì họ nấu rất ít dầu và ít bột ngọt. Chúng tôi đặt thức ăn nơi đây chỉ có một bữa, còn lại, đa phần là chúng tôi dùng những thức ăn do chúng tôi mang theo.

Hệ thống nước nóng cũng cung cấp đầy đủ tắm rửa và giặt giũ thoải mái. Cảnh trí chung quanh cũng rất xinh lịch, có nhiều cây cối mát mẻ và xen lẫn những chậu hoa kiểng trông thấy cũng mát mắt lắm. Trước khi trả phòng rời khỏi đây, chúng tôi có đến gặp một vị sư trụ trì quản lý cơ sở này để cảm ơn và trả tiền phòng, tiền ăn và cúng dường Tam Bảo. Họ ghi vào hóa đơn rõ ràng và họ biểu lộ thái độ rất lịch sự.

Ngày 11, tức ngày 27/10/2011/

---o0o---

03.Núi Linh Thứu (hình số 26)

Chương trình hôm nay là chúng tôi đi núi Linh Thứu, một ngọn núi thiêng mà bất cứ ai hành hương xứ Phật cũng đều mong muốn được lên đến tận nơi này. Sáng nay, đoàn thức dậy sớm. Điểm tâm sơ sài xong, chúng tôi bắt đầu đi vào lúc 6 giờ 30. Từ khách sạn đến chân núi xe chạy mất khoảng hơn 10 phút.

“Linh Thứu sơn tiếng Pāli là Gijjhakuta, nghĩa là ngọn núi kên kên (Vulture's Peak), tức trên đỉnh núi có hình dạng của con kên kên là loài chim rất phổ biến ở Ấn Độ, gần thành Vương Xá (Rājagaha). Từ trên đỉnh núi này, chúng ta có thể ngắm nhìn toàn cảnh thành Vương Xá: những rặng núi chạy dài bao bọc xung quanh, các đồng ruộng mênh mông bát ngát, các làng mạc và những phố xá nằm rải rác quanh vùng. Tại Linh Thứu sơn này, nhiều bài kinh quan trọng đã được đức Phật tuyên thuyết khi Ngài còn tại thế.

Theo truyền thuyết của Đại thừa, tại núi này, Đức Phật đã thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharmapundarika Sutta), là bộ kinh quan trọng của Đại thừa Phật giáo, là kim chỉ nam của hành giả Pháp Hoa tông. Cho nên vào đầu kinh chúng ta thấy câu xưng lễ: Nam mô Linh Sơn hội thượng Phật Bồ tát, chính là nói đến pháp hội Tam thừa quy nhất tại núi Linh Thứu, đức Phật khuyến hóa hàng Thánh giả Tam thừa (Thịnh văn, Duyên giác và Bồ tát), nên hướng về Nhất thừa, tức là Phật thừa. Trong kinh này, đức Phật khẳng định Phật tính bình đẳng trong tất cả chúng sinh, không phân biệt nữ nam, quý tiện vì ai cũng có Phật tánh và sẽ thành Phật, thông qua lời tuyên

ngôn của Phật: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”. Một điều đặc biệt không thể không nhắc đến, đó là hình thức chiếc y của các thầy Tỳ kheo, là một bảo vật, là tấm bùa hộ mạng luôn mang bên mình không được xa rời dù chỉ một đêm. Sở dĩ y của các thầy Tỳ kheo được gọi là áo ruộng phước (phước điền y) chính là lời dạy từ kim khẩu của đức Thế Tôn.

Một hôm, đức Phật cùng với các môn đệ đứng trên núi Linh Thứu ngắm nhìn cảnh sinh hoạt của nông dân và những cánh đồng mênh mông dưới chân núi. Ngài thấy những thửa ruộng được chia thành từng luống cách ly với nhau, vừa để phân biệt quyền sở hữu của mỗi người đồng thời để canh tác, nhất là trong việc giữ nước. Từ hình ảnh này đức Phật liên tưởng đến các thầy Tỳ kheo. Đức Phật nghĩ rằng, các thầy Tỳ kheo như những ruộng phước để chúng sanh gieo trồng hạt giống Bồ đề; nếu các thầy tu tập giới đức thanh tịnh trang nghiêm, thì bản thân các thầy như mảnh ruộng tốt làm cho chúng sanh gieo giống được mùa. Bằng ngược lại, các thầy là mảnh đất cằn cỗi không đem lại nguồn sống tốt cho mọi người. Vì vậy, chiếc y các thầy Tỳ kheo, dù là y bá nạp hay cắt may đều phải thành từng ô vuông nhỏ kết lại mà không được mặc vải liền. Ý nghĩa y phước điền được xuất xứ từ ngày ấy.

Trước khi đến đỉnh núi Linh Thứu, chúng ta đi qua những địa điểm được đánh dấu là vị trí quan trọng. Khoảng nửa đoạn đường lên đỉnh được xác nhận nơi vua Tần Bà Sa La xuống kiệu để thân hành viếng thăm đức Phật. Qua đoạn đường dốc gần đến hương thất Phật ngự, chúng ta thấy hang động nhỏ, nằm bên tay phải lối đi, được cho là thạch thất của Tôn giả A Nan, vị thị giả suốt đời hầu cận trung thành bên Đức Thế Tôn. Phía trước thạch thất này, có tảng đá lớn và nhiều mảnh vỡ được đánh dấu đó chính là tảng đá mà xưa kia Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), người anh em chú bác của Phật, lăn xuống để hại Phật, lúc Ngài đi ngang qua lối hẹp này.

Nhờ oai thần của bậc đại giác, Đề Bà Đạt Đa đã không thực hiện thành công mưu đồ bất chính của mình. Phía trên thạch thất Tôn giả A Nan khoảng 15 bậc thêm thang, gần hương thất của Phật là thạch thất của Tôn giả Xá Lợi Phất (Sâriputta), vị tôn giả trí tuệ bậc nhất trong hàng môn đệ của Phật. Xung quanh khu vực này còn nhiều thạch thất khác của chư thánh đệ tử Phật như Tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Mục Kiền Liên.... Trên cùng là hương thất của Phật, gần mỏm đá được cho là giống cái đầu con chim kên kên, nơi đức Phật thường ngự khi Ngài dừng chân tại Linh Thứu. Đây là điểm cao nhất của ngọn núi này. Từ đây chúng ta có thể quan sát quanh khu vực này cho dù các cảnh vật rất xa. Hai chữ Hương thất là từ xưng tán công đức, giới hạnh của

Phật tỏa ngát như hương thơm bay khắp bốn phương, làm cho mọi người phải ngưỡng mộ một cách say sưa. Trong kinh Pháp Cú phẩm Hoa, Đức Phật dạy: “Trong các loài hoa, dù là hoa Chiên đàn, hoa Đa đà la hay hoa Mạc lợi, tuy thơm thật nhưng không thể bay ngược gió. Chỉ có mùi hương của người tu đức hạnh tuy ngược gió vẫn bay khắp muôn phương”. (PC - 54)

“Hương thơm hoa quý thua xa

Hương người đức hạnh chan hòa vượt trên

Xông lên mãi tận chư Thiên

Tỏa ra ngan ngát khắp miền trời cao”.

Ngày hôm nay, hương thất này không còn nữa, chỉ được người đời sau xây dựng một nền gạch tường niệm khoảng 3 mét vuông để đánh dấu vị trí chỗ thường ngự của Phật hơn 2.500 năm về trước. Các đoàn hành hương thường làm lễ và cầu nguyện trong phạm vi hương thất này. Các bản kinh thường được dùng để tụng đó là Phổ Môn, được trích từ kinh Pháp Hoa, phẩm Quan Thế Âm thứ 25.

Trong khoảnh khắc dừng chân ở tận đỉnh cao nơi hương thất của Phật, bốn bề gió lộng mênh mông, cảnh vật im lìm trong khoảng không bất tận, cho dù có người qua kẻ lại, nhưng ai cũng giữ chánh niệm, im lặng để cảm niệm hồng ân của đức Thế Tôn, lòng chúng tôi cảm thấy được an ủi đôi phần. Mặc dù không đủ duyên lành được sinh ra trong thời Phật còn tại thế để được dự phần trong Pháp hội Linh Sơn, nhưng cũng may mắn tận mắt chứng kiến, tường niệm và đánh lễ những nơi Đức Phật từng tu tập và giảng kinh thuyết pháp năm xưa, dù là trên đỉnh núi cao hay trong các hang động liên quan đến cuộc đời Ngài. Bốn mươi lăm năm hoằng hóa độ sanh với đôi chân trần bằng xương bằng thịt, đức Phật đã vân du khắp bốn phương trong xứ Ấn để hóa độ chúng sanh, cho dù là kẻ hạ tiện như Ni Đề, người làm nghề gánh phân, là công việc bán thịt nhất hay những người kỹ nữ như Ambapali... đều được sự che chở, thương yêu bình đẳng như các thánh đệ tử của Ngài. Một tấm gương sáng chói, một đức hạnh cao vời, chỉ có một và chỉ một lần trong lịch sử xuất hiện đáng cứu thế trong hiện kiếp này. Bằng chút tác lòng son, trọn đời chúng con quyết noi theo con đường của Phật, dầu không đạt đạo cũng nguyện từ đời này đến vạn kiếp sau ghi khắc mãi trong tim những lời vàng ngọc của Người, không cô phụ một đời gian nan, khổ cực của đấng cha lành đã tìm ra ánh đạo quang minh, tìm ra con đường

giải thoát khổ đau cho vạn loại hữu tình mà không có một con đường nào khác, một tôn giáo hay một học thuyết nào ngoài lời dạy của Phật có thể giải quyết tận gốc thâm kịch muôn đời của trần thế, tức giải thoát luân hồi tử sinh.

Bên phải Linh Thứu sơn là núi Sonagiri, trên đỉnh có một cái tháp cao màu trắng được gọi là tháp Hòa Bình của Phật giáo Nhật Bản, do Hòa thượng Nichidatshu Fuji, thuộc tông Thiên Thai, xây dựng với ước nguyện cầu cho thế giới hòa bình, chúng sanh an cư lạc nghiệp. Đây là một trong rất nhiều công trình được Hòa thượng xây dựng trên đất Phật, kể từ sau sự kiện hai quả bom nguyên tử ném xuống hai thành phố lớn trên xứ sở hoa anh đào của ngài: Hiroshima và Nagashaki vào tháng 8 năm 1945. Kiến trúc tất cả các tháp đều có kiểu dáng giống nhau, đều cấu trúc hình tròn và chóp nhọn ở đỉnh. Bốn mặt phân đều theo bốn hướng tôn trí 4 tượng Phật màu vàng, dựa trên bốn sự kiện trọng đại: Đản sanh, Thành đạo, Chuyển pháp luân và nhập Niết bàn.

Các đoàn hành hương, thường hay nhầm lẫn giữa núi Linh Thứu và núi Sonagiri, nơi có tháp Hòa Bình Nhật Bản, nếu không được quý thầy cô thường dẫn đoàn hay những người hiểu biết về di tích hướng dẫn. Cùng là khu vực quanh núi Linh Thứu, nhưng đường lên tháp Hòa Bình rất dễ vì đi bằng cáp điện treo (chairlift), còn đường lên núi Linh Thứu thì đi bằng bậc tam cấp. Vì vậy chúng ta cần phải tìm hiểu kỹ càng hoặc tư vấn với những người đã từng đi một cách tường tận, chính xác để khỏi phải xảy ra những điều đáng tiếc như chúng tôi năm xưa hăm hở lên tận tháp Hòa Bình mà cho rằng mình đã đến đỉnh núi Linh Thứu, bởi vì mình chỉ biết trong kinh điển chứ không biết được địa điểm thực tế. Khi hiểu ra thì mọi việc đã trôi qua hơn hai năm rồi. Đúng là chuyện dở khóc dở cười”. (7)

Đến nơi, mỗi người mua cây gậy để chống rồi cùng nhau lên núi. Đường lên núi không khó đi, vì có những bậc cấp là người ta làm nên cũng dễ bước lên. Tuy vậy, người trọng tuổi đi cũng thấm mệt. Từ dưới chân núi đi lên tới Hương Thất của Phật cũng hơi xa. Chúng tôi không rõ chính xác là khoảng bao nhiêu mét. Sáng sớm, leo núi thì thích hợp lắm. Vì đi như đi thể dục, phải nói rất tốt cho sức khỏe. Đi một đoạn ngắn, thỉnh thoảng chúng tôi dừng lại. Người nào thể lực khỏe mạnh, đôi chân vững chắc, thì cho người già yếu vịn nắm để có thêm sức bước lên. Tôi đã đi qua đây lần này là lần thứ ba, lần đầu (2003) thì ngồi cáp treo, lần thứ hai (2009) đi bộ và lần này (2011) thì cũng đi bộ. Tuy nhiên, lần này, chúng tôi cảm thấy đi mệt hơn lần trước. Thế mới biết mình đã già sức khỏe mỗi năm mỗi kém dần. Lần trước

đi khoảng cách xa mới dừng chân lại nghỉ thờ một chút. Lần này, thì không như thế, khoảng cách gần và nghỉ thờ nhiều hơn. Thế mà, có người từ dưới chân núi lên tới hương thất, họ đi ba bước lạy một lạy. Họ thật hành tam bộ nhưt bái để tỏ lòng thành cúng dường Đức Thế Tôn. Thật là đáng kính phục.

Khi chúng tôi lên đến Hương Thất, tôi thấy có một vài đoàn đã có mặt nơi đây rồi. Trong đó, có một phái đoàn từ Việt Nam sang, do quý thầy hướng dẫn. Nhưng đoàn của chúng tôi may mắn được hành lễ trước. Có điều buồn cười, là những chiếc chiếu do đoàn Việt Nam trải sẵn, mình lại tưởng lầm những chiếc chiếu do đoàn mình trải, nên mọi người đứng vào hành lễ. Do đó, mà họ không lầy đi đâu được và chờ khi đoàn mình làm lễ xong, thì họ mới lầy. Khi đó, mới biết là đoàn mình nhầm lẫn, tưởng là những chiếc chiếu đó là của đoàn mình. Vì đoàn mình cũng có đem theo chiếu để trải. Nhưng với tinh thần người Phật tử, dễ thông cảm bỏ qua, không ai để ý chấp nhưt vấn đề này. Dù vậy, mình cũng phải xin lỗi, vì đó là một sự lầm lẫn không cố ý. Tất cả đều hoan hỷ như không có chuyện gì.

Làm lễ xong, chúng tôi đi lần xuống nơi hang động của tôn giả Xá lợi phát. Lúc này, mặt trời chưa lên cao và nơi này không có ánh nắng rọi vào. Chúng tôi chọn nơi đây để thuyết giảng. Đề tài của buổi pháp thoại hôm nay, chúng tôi trình bày về: “Sự khác biệt giữa Thiên và Tịnh”. (Tất cả những bài thuyết giảng của chúng tôi đều có ghi âm lại hết). Sở dĩ chúng tôi trình bày đề tài này, là vì chính nơi đây, Đức Phật đã nêu cao lý Thiên và Tịnh. Thiên, theo thiên sử ghi lại là Đức Phật đã truyền trao: “Chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng”, cho sơ Tổ Ca Diếp, bằng cách niêm hoa vi tiếu. Còn Tịnh, thì cũng chính nơi đây, đức Phật đã thuyết kinh Vô Lượng Thọ để độ cho bà Vi Đề Hi thoát khỏi khổ đau dưới bàn tay ác độc của nghịch tử A xà thế. Như vậy, nơi ngọn núi thiêng này, rõ ràng là đức Phật đã nêu bày hai pháp môn: Thiên và Tịnh. Điều lý thú là hai pháp môn này, ngày nay đại đa số người nương theo hành trì. Đó là nội dung của buổi pháp thoại mà chúng tôi muốn trình bày để cho quý vị trong đoàn biết qua. Nhất là, phá tan những ý niệm tranh chấp Thiên khác, Tịnh khác, tạo thành chống báng và triệt hạ uy tín với nhau. Đó là điều thật đau lòng, chỉ làm tổn thương thêm cho đạo pháp mà thôi!

Trình bày xong, chúng tôi giải đáp một vài thắc mắc mà quý vị đó đã nêu ra. Đó cũng là một đề tài thảo luận rất lý thú khi ngồi trên đỉnh núi này. Chúng tôi trao đổi chia sẻ vấn đáp cho nhau trong chân tình cầu tiến học hỏi. Nhất là không để cho buổi hội thảo phiêu lưu vào thế giới huyền đàm, tạo thành lý thuyết tranh chấp hơn thua, mà chúng tôi vẫn cố đi sát vào thực tế

đặt nặng về phần thật hành nhiều hơn. Chúng tôi không ngờ buổi hội thảo nơi đây đã diễn ra thật là thú vị. Mọi người vui vẻ, hiểu và cảm thông nhau.

Sau đó, chúng tôi dành một ít thời gian để đi vào thiền quán tĩnh tọa chiêm nghiệm trong vài mươi phút. Qua những giây phút tĩnh lặng quán chiếu đó, chúng tôi từ từ trở xuống núi. Lúc này chúng tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 11 giờ 30 trưa. Thế là, chúng tôi đã dành trọn một buổi để hành lễ và sinh hoạt ở nơi đây. Chúng tôi xuống núi và rồi đi thăm một vài thánh tích khác. Điểm đầu tiên, chúng tôi dừng xe lại ghé thăm nền nhà của một vị cư sĩ lương y đại tài. Ông này có tên là Jivika.

Nhân lúc chiêm bái và sinh hoạt ở núi Linh Thứu, có một Phật tử cảm xúc sáng tác một bài thơ ghi lại nỗi lòng của mình. Bài thơ có tựa đề:

Linh Sơn Cảm Niệm

Con quỳ khẩn nguyện thoát trần ai

Kiểm huệ quyết mài khó chẳng nài

Phát nguyện Bồ Đề lòng không đổi

Nương theo pháp Phật chí chẳng thay

Thánh nhân réo gọi người lạc lối

Từ Phụ trông chờ kẻ đắm say

Linh Thứu ngàn năm còn đứng mãi

Người xưa như thế ở đâu đây.

Năm xưa (2003) nhân tham bái cảnh này, tôi cũng có làm bài thơ lưu niệm:

Linh Thứu Cảm Tác

Linh Thứu bao năm vẫn ước mơ

Đến nơi chiêm bái thật không ngờ

Tháp cao Đa Bảo người người lễ

Hương thất Phật xưa vẫn kính thờ

Diệu pháp viên âm tròn quả giác

Thọ kinh Vô Lượng thuyết tùy cơ

Thứ sơn âm hưởng siêu kim cổ

Cảnh đây người đây thỏa đợi chờ.

---o0o---

04.Jivika (hình số 27)

“Ông là vị lương y trứ danh thường ở gần Đức Phật để chăm lo sức khỏe cho Ngài. Lúc vừa ra đời mẹ ông đặt ông trong cái thùng rồi đem bỏ trên một đồng rác cạnh bên đường.

Hoàng tử Abhaya, con của vua Bình Sa Vương (Bimbisàra), tình cờ đi qua, thấy quạ bu xung quanh và khám phá rằng đứa bé còn sống (Jivati) nên đem về cho người nuôi dưỡng.

Vì lúc tìm ra, ông còn sống nên đặt tên là Jivika. Vì được hoàng tử đem về nuôi dưỡng nên người ta gọi là Komàbhacca.

Đến lúc trưởng thành ông là một lương y và một nhà giải phẫu đại tài. Sách ghi rằng, hai lần ông thành công mỹ mãn cuộc giải phẫu cho một nhà triệu phú mắc phải bệnh đau đầu.

Thường ngày ông đến hầu đức Phật 3 lần.

Nhận định rằng, ông sẽ được nhiều lợi ích nếu có một tu viện ở gần nhà nên ông cất một cái trong khu vườn xoài của ông. Sau khi hoàn thành công tác xây cất ông đặc quả Tu Đà Hoàn.

Sau khi vua A Xà Thế (Ajatasattu) giết cha, chính ông Jivika thúc giục đến yết kiến Đức Phật.

Cũng do lời thỉnh cầu của Jivika, Đức Phật kêu gọi chư Tỳ kheo nên hoạt động chân tay như quét nhà v.v...” (Đức Phật và Phật Pháp của Đại Đức Narada trang 177)

Khi nhìn khuôn viên nơi kỷ niệm đánh dấu nền nhà khu vườn xoài của ông, tôi cảm thấy bồi ngùi và rất tôn kính quý trọng ông. Không phải chỉ quý trọng vì ông đã thường chữa bệnh cho Đức Phật, mà tôi thật lòng quý trọng ông ở chỗ, ông không những là một vị lương y đại tài, (nên nhớ thời đó nền khoa học y thuật những dụng cụ nhằm chữa trị cho con người đâu có được như ngày hôm nay, nhất là những vấn đề chụp hình quang tuyến hay giải phẫu v.v...) chữa trị cho biết bao nhiêu người, mà ông còn là một vị thầy thuốc gương mẫu nêu cao lương tâm nghề nghiệp. Hơn thế nữa, ông còn chứng quả Tu đà hoàn, một quả vị đã được dự vào dòng thánh.

Điểm thứ hai mà chúng tôi đến thăm là nền nhà đánh dấu ghi lại nơi vua Tần Bà Sa La bị nghịch tử A xà thế bắt giam cho đến chết.

---o0o---

05. Ngục thất Bình Sa Vương (Bimbisàra) (hình số 28)

Vua Bình Sa Vương trị vì quốc vương Ma Kiệt Đà (Magadha), đóng đô tại kinh thành Ràjagaha, là vị thí chủ đầu tiên của Đức Phật trong hàng vua chúa. Lên ngôi lúc 15 tuổi, Bình Sa Vương làm vua được 52 năm.

Lúc Đức Phật rời khỏi hoàng cung thời gian tìm đạo chưa thành Phật, một hôm nhà vua trông thấy tướng hảo oai nghiêm của một vị khác lạ người đời, nên nhà vua cho người dò hỏi tông tích, hỏi ra mới biết đó là thái tử bỏ hoàng thành đi xuất gia. Nhà vua có đến viếng thăm và rồi ước hẹn sau khi thành Phật, Phật sẽ độ cho ông. Nhớ lời hẹn ước năm xưa, nên sau khi thành Phật trên đường hóa đạo Đức Phật có đến thăm ông và Phật thuyết pháp cho vua nghe, nghe xong ông liền chứng quả Dự Lưu. Sau đó, chính ông đã hiến cúng khu Trúc Lâm cho Đức Phật. Chính nơi đây Đức Phật và thánh chúng đã trải qua nhiều lần an cư. Về sau, thái tử A xà thế nghe lời xúi giục của Đề bà đạt đa nên hạ sát vua cha trong ngục thất.

Bình Sa Vương mặc dù là một vị minh quân, và có tâm đạo nhiệt thành, hết lòng ủng hộ Phật pháp, được thần dân quý mến, nhưng ông phải trả một nghiệp quả rất đau thương là chính do con của ông đã giết chết ông trong ngục thất.

Thái tử A xà thế (Ajàtasattu) vì nghe lời xúi giục của Đề bà đạt đa mưu sát hại vua cha để chiếm ngôi. Không may việc đã bại lộ, A xà thế bị bắt quả tang, không còn chạy chối, nhưng vì thương con, với tấm lòng bi mẫn của vua cha, nên Bình sa vương không nỡ xử phạt xứng đáng như quần thần xin.

Không những thế, mà vua cha còn nhường ngôi lại cho con, vì ông thấy con mình thèm khát muốn làm vua.

Để trả ơn, A xà thế vừa lên ngôi liền hạ lệnh bắt vua cha tống giam vào trong ngục thất và ra lệnh bỏ đói cho chết dần. Chỉ đặc biệt một mình bà hoàng thái hậu được phép vào thăm mà thôi. Mỗi lần thăm chồng, bà giấu thức ăn vào trong túi áo. A xà thế biết được chuyện này liền quở trách bà và lần sau bà lại giấu trong đầu tóc. A xà thế cũng biết được. Bây giờ, bà không biết phải làm sao, túng thế túng quyền, bà nghĩ ra một cách là tắm rửa sạch sẽ rồi thoa một thứ đồ ăn làm bằng mật ong, đường và sữa. Vua gọt lấy món ăn này để tạm nuôi sống qua ngày. Nhưng A xà thế cũng bắt được và cấm hẳn mẹ không cho vào thăm vua cha nữa.

Lúc ấy, Bình sa vương cam chịu đói, nhưng lòng cũng không oán trách con.

Vì đã đắc quả Tu đà hoàn, nên Bình sa vương vẫn thản nhiên, thường đi kinh hành trong lao ngục để thiền quán an định tinh thần, chứng nghiệm hạnh phúc, do đó mà ông đã kéo dài thêm mạng sống. Thấy cha vẫn vui tươi, A xà thế nhứt định hạ sát cho rồi, nên hạ lệnh cho người thợ cạo vào khám, lấy dao bén gọt gọt chân vua chạm xát dầu và muối vào rồi hơ trên lửa nóng.

Khi nhìn thấy người thợ cạo vào, Bình sa vương cứ ngỡ là A xà thế đã hối cải, cho người vào cạo râu tóc cho mình để rước về. Trái với điều ông nghĩ và ước mong, chàng thợ cạo vào chỉ đem lại cho Bình sa vương một cái chết vô cùng thâm.

Cùng ngày ấy vợ A xà thế hạ sanh một hoàng nam. Tin lành đến vua một lượt với tin vua Bình sa vương chết trong ngục.

Tin chánh hậu hạ sanh hoàng nam được báo trước. Nỗi vui mừng của A xà thế không sao kể xiết. Người ông vô cùng sung sướng, vì tình thương của người cha lần đầu tiên chớm nở trong lòng, mặn nồng sâu sắc, thấm thía vào từng đường gân xơ thịt tận xương tủy của ông. Đứa con đầu lòng đã đem lại cho người cha nhiều điều hy vọng vui mừng hơn hở. Vì đó là kết quả của bao nhiêu ngày tháng đợi mong. Được tin, tức khắc vua A xà thế vội vã chạy đi tìm người mẹ yêu dấu và hỏi:

Thưa mẫu hậu, khi con còn nhỏ, phụ hoàng có thương con không?

- “Tại sao con hỏi lạ vậy? Mẹ tưởng trên thế gian này không tìm đâu ra người cha lành như cha con. Để mẹ thuật cho con nghe. Lúc mẹ còn mang con trong lòng, ngày nọ mẹ nghe thềm lạ lùng một món kỳ quái. Mẹ thềm một vài giọt máu trong bàn tay mặt của cha con. Mà nào mẹ dám nói ra. Rồi càng ngày mẹ càng xanh xao, và sau cùng phải thú nhận với cha con. Khi nghe vậy cha con vui vẻ lấy dao rạch tay cho mẹ nút máu. Lúc ấy các nhà chiêm tinh trong triều tiên tri rằng con sẽ là người thù của cha con. Do đó, tên con là A xà thế (Ajatasattu , kẻ thù chưa sanh). Mẹ có ý định giết con ngay trong lòng nhưng cha con không cho. Khi sanh con ra, mẹ nhớ đến lời tiên tri, nên một lần nữa muốn giết con. Một lần nữa, cha con ngăn cản mẹ. Một hôm, con có cái nốt trên đầu ngón tay, nhứt nhối vô cùng, khóc suốt ngày đêm, không ai dỗ được. Cha con, đang cùng bá quan phân xử việc triều đình, nghe vậy cảm lòng không đậu bé con trong lòng và không ngần ngại ngậm ngón tay của con trong miệng, nhẹ nhẹ nút cho đỡ đau. Gớm thay! Cái nốt bẻ, máu mủ tuông ra trong miệng cha con và sợ lấy tay con ra con sẽ nghe đau, cha con nuốt luôn vào trong bụng cả mủ lẫn máu! Phải, người cha hết lòng thương yêu con, vì tình phụ tử đậm đà, nhẹ nhẹ nuốt hết vừa máu vừa mủ”.

Nghe đến đó bỗng vua A xà thế đứng phắc dậy, kêu lên như một kẻ điên dại:

Hãy chạy mau, thả ra lập tức người cha yêu quý của trẫm.

Than ôi, người cha yêu quý ấy đã quá ra người thiên cổ!

Tin thứ hai được tận tay trao đến vua A xà thế, vua xúc động rơi lệ đầm dề. Bây giờ ông mới nhận định rằng chỉ khi bắt đầu làm cha mới biết được tình cha thương con như thế nào. (8)

*Cha đã cho con cả cuộc đời
Nỡ nào hành hạ hỏi con ơi!
Giam cha ngục thất vì ngôi vị
Máu mủ còn đâu chỉ kêu trời!
Cha đã yêu con biết ngần nào
Sao con trả hiếu giết bằng dao!*

*Chết đi một cách không thương tiếc
Nghĩ đến tình người cha ngán ngao!
Cha chỉ vì con một tấm lòng
Thương con ngày tháng chỉ ước mong
Mong con khôn lớn nên danh phận
Rạng rỡ tương lai tợ ánh hồng
Ngày con còn nhỏ cha ẵm bồng
Ru con cha hát giữa mùa đông
Con ơi, con ngủ cho mau lớn
Phụ tử thâm tình trọn ước mong*

(Thích Phước Thái)

Vua Bình sa vương băng hà và tức khắc tái sinh vào cảnh trời Tứ Đại Thiên Vương (Cātummaharajika) tên là Janavasabha.

Sau khi quy y Phật và được Đức Phật cảm hóa, vua A xà thế trở thành một Phật tử thuần thành ủng hộ Phật pháp và tận lực xiển dương chánh pháp bằng cách đứng ra hỗ trợ tích cực cho công cuộc kết tập kinh điển lần đầu tiên. Việc làm đó, chứng minh ông đã đóng góp phần công đức lớn lao cho việc truyền bá chánh pháp.

Và chúng tôi cũng có ghé viếng thăm nơi vua Bình sa vương phát nguyện quy y Tam bảo. Việc nhà vua quy y Tam bảo cũng có lý do, thiết nghĩ chúng ta cũng nên biết sơ qua về lý do mà nhà vua gặp Phật và xin quy y.

Khi Đức Phật còn là thái tử thời gian tìm đạo, có lần gặp vua Bình sa vương. Và hai người có hẹn ước với nhau, sau ngày thành đạo, Đức Phật sẽ trở lại tìm nhà vua và sẽ hóa độ cho nhà vua. Theo lời hẹn ước, nên sau khi thành đạo Đức Phật cùng đi với một số các vị khất sĩ đến thành Vương Xá để gặp vua. Thành này tiếng Phạn gọi là La duyệt kỳ dà la, ý nghĩa chỉ cho chỗ cư xá của hàng vua chúa. Theo truyền thuyết, thì thuở xưa vua Quang

Xa được thần linh mách bảo rằng: Muốn tìm nơi địa cảnh tốt thì nên du ngoạn ngoài thành, tất sẽ được gặp. Một hôm nhân đi săn bắn, vua đuổi theo con nai cùng chạy đến vùng núi Kỳ xà quật, thấy nơi đây phong quang thanh tú, có rừng cây cao tốt, hoa đẹp suối trong, mới di cư tới bản địa và kiến lập thành quách cung xá. Con cháu của vua kế thừa ý chỉ tổ phụ, đời đời vẫn định cư ở đây.

Lại một truyền thuyết khác bảo: Thuở xưa nhân dân khi mới theo vua di cư về thành ấy, nhà cửa người nào vừa cất xong cũng đều bỗng tự nhiên phát hỏa cháy tiêu tan cả, duy có cung thất của vua là không bị cháy. Dân chúng đem việc ấy tâu lên, vua bảo: “Từ đây về sau, nếu có ai cất nhà đều phải nói lớn lên: Tôi cất nhà này cho vua!” Mọi người y lời, quả nhiên nhà cửa không bị cháy. Do hai sự tích trên, thành này được mệnh danh là Vương Xá. Đức Phật khi xuống thành Vương Xá thì hóa độ hàng tại tục, lúc lên đỉnh Thuru sơn lại thuyết pháp cho chúng xuất gia.

Hay tin lành Đức Phật đến, nhà vua và quần thần đồng đi đón rước Đức Phật. Khi gặp Phật, mọi người đều chào hỏi và cung kính đánh lễ. Nhà vua rất mừng rỡ khi gặp lại Đức Phật, đúng như lời hẹn ước không sai. Trong số những vị khất sĩ theo Phật, có Ngài Ma ha ca điếp. Mọi người không nhận ra ai là Thầy, duy chỉ có vua Bình sa vương biết rõ đó thôi. Đức Phật biết thế, liền lên tiếng hỏi Ngài Ca Diếp: Tại sao ông không thờ thần lửa nữa? Ngài Ca Diếp hiểu ý Đức Phật, trình bày rõ lý do mà Ngài từ bỏ lối tôn thờ này. Ngài nhấn mạnh, vì đó không phải là mục đích của sự giải thoát. Chỉ có con đường từ bỏ mọi vật dục ở thế gian, sống đời khổ hạnh, khắc phục chế ngự dục vọng, thì mới mong thoát khổ và đạt được quả vị Niết bàn. Đó mới thực sự là chơn hạnh phúc, ngoài ra, không có con đường nào dẫn đến thực sự hạnh phúc cả. Nói xong, tôn giả Ca Diếp cúi đầu đánh lễ Đức Phật. Thầy trò đã cảm thông và hiểu nhau.

Nhân cơ hội này, Đức Phật thuyết pháp cho mọi người nghe về tiền kiếp của Ngài Ca Diếp và Ananda. Bài pháp này về sau được ghi lại trong Túc Sanh Truyện. Sau khi nghe Phật nói, mọi người đều hớn hở vui mừng và riêng vua Bình sa vương đặc quả Tu đà hoàn, liền xin quy y Tam bảo với Đức Phật. Đồng thời, nhà vua cũng xin hiến cúng khu vườn Trúc Lâm để xây cất tinh xá cho Đức Phật và các thánh chúng. Khu vườn này là nơi vắng vẻ, mát mẻ có nhiều cây trúc, là nơi trú ẩn của các loài chim, đặc biệt nhiều nhất là loài sóc. Khi Đức Phật nhận khu vườn (Arama) này, thì nơi đây không có nhà cửa ai cả. Và cũng chính nơi đây, sau khi nhà vua xây cất tinh

xá được gọi là Tinh xá Trúc Lâm (Veluvanarama) thì Đức Phật và các đệ tử nhập hạ liên tiếp ba năm liên tại đây.

Sau khi tham quan nơi đây, chúng tôi đi thẳng về Bồ Đề Đạo Tràng để chiêm bái đánh lễ.

---o0o---

06. Bồ Đề Đạo Tràng (Bodha गया) (hình số 29)

“Theo lịch sử Phật giáo ghi lại, cây bồ đề này đã che mưa đỡ nắng cho Đức Phật khi Ngài thiền hành để thành đạo quả. Suốt thời gian 7 ngày đầu tiên khi thành đạo, Đức Phật ngồi không lay động dưới tàn cây để chứng nghiệm hạnh phúc giải thoát, suy niệm về Thập nhị nhân duyên theo chiều xuôi và ngược và những tuần tiếp theo đó cho đến hết bảy tuần nhật, Ngài đã suy niệm về Vi Diệu Pháp, chiến đấu với sự quyến rũ của 3 người con gái Ma Vương, được mãng xà vương Muncalinda quấn quanh che chở thân Phật khi trời giông tố. Để tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với cây Bồ Đề đã che chở cho Ngài suốt thời gian thiền hành để thành đạo quả. Ngài đã đứng cách khoảng xa để chăm chú nhìn cây Bồ Đề suốt một tuần liền không nháy mắt. Về sau, chính nơi này, vua Asoka đã dựng lên một tháp kỷ niệm gọi là Animisalocana Cetiva và đến nay vẫn còn.

Tuần thứ nhất, Đức Phật ngồi tại gốc cây Bồ Đề để nghiền ngẫm giáo lý duyên khởi, nhân chân thực tướng, nguyên nhân sanh diệt của các pháp.

Tuần thứ hai, Đức Phật đứng im, nhìn chăm chú không nháy mắt vào cội Bồ Đề với ánh mắt triu mến, tri ân cây che chở. Tại vị trí này, một ngôi tháp nhỏ có hình thể giống Đại tháp được xây dựng để đánh dấu sự kiện lớn ấy. Tháp nằm phía bên trái về hướng đông bắc và bên trong tháp hiện tồn trí một bộ kinh Hoa Nghiêm bằng tiếng Tây Tạng.

Tuần thứ ba, Ngài đi kinh hành dọc theo cây Bồ Đề, mỗi bước đi có một hoa sen hiện lên nâng bước chân Ngài. Khối đá Chankramenar phía bắc Đại tháp đánh dấu sự kiện này.

Tuần thứ tư, Đức Phật ngồi thiền định, nghiền ngẫm giáo lý nhân quả. Ngôi đền nhỏ (không có mái che) nằm trong sân là nơi đánh dấu.

Tuần thứ năm, Đức Phật ngồi dưới cây Ajapala để chứng nghiệm sự khinh an của giải thoát. Có một Bà la môn ngã mạn xuất hiện cật vấn, được Đức Phật giảng giải thế nào là ý nghĩa thật sự của Bà la môn.

Tuần thứ sáu, Đức Phật ngồi thiền bên hồ Mucalinda. Khi đó, trời bỗng mưa tầm tã, vua rồng Mucalinda hiện lên dùng thân che mưa cho Ngài.

Tuần thứ bảy, Đức Phật ngồi thiền dưới cây Rajayatana. Có hai thương gia đến dâng thực phẩm cúng dường và phát nguyện quy y hai ngôi báu Phật và pháp” (lúc này chưa có Tăng) (9)

Xét về lịch sử ghi lại ngôi Đại Tháp và cây Bồ Đề, theo một sử liệu khác cho chúng ta biết đại khái như sau:

“Theo những bia đá được tìm thấy tại Bồ Đề Đạo Tràng, một tu viện lớn với những đỉnh tháp được bao quanh bởi một tường rào cao 9 - 12 m (30 - 40 feet), được vua Meghavarna xây dựng. Vua này thuộc triều đại Siri Meghavana của Tích Lan vào năm 388 sau Tây lịch.

Người Miến đã trùng tu tháp Đại Giác vào khoảng năm 450 sau Tây lịch. Vào năm 600 sau Tây lịch vua Brahmin của xứ Bengal, người rất thù nghịch với Phật giáo, đã chặt và đốt phá cội Bồ đề. Hai mươi năm sau, năm 620 vị vua mộ đạo Phật, Raja Purna Varma đã phục sinh lại cội Bồ đề và xây dựng một tường rào cao 7m (24 feet) để bảo vệ. Từ đó, cội Bồ đề không còn bị phá hủy.

Trước thế kỷ thứ 7, không có sách vở nào gọi ngôi tháp tại Bồ Đề Đạo Tràng là tháp Đại Giác (Mahabodhi). Trên bia đá của vua A Dục đã đề cập tên ngôi tháp là tháp Đại Định (Sambodhi). Ngài Pháp Hiển đã đến đây vào năm 409 sau TL nhưng tiếc thay Ngài không đề cập đến tên ngôi tháp này trong bút ký của Ngài. Tuy nhiên, hai thế kỷ sau, tức thế kỷ thứ 7, Ngài Huyền Trang đã đến đây, thì lúc ấy ngôi tháp được gọi là tháp Đại Giác. Từ đó về sau tháp Đại Giác đã được đề cập trên một số bia đá phát hiện tại Bồ Đề Đạo Tràng. Tên tháp Đại Giác được đề cập lần cuối vào thế kỷ thứ 14.

Ngài Pháp Hiển, nhà chiêm bái đầu tiên của người Trung Quốc nói rằng: Những ngôi chùa được xây dựng khắp tất cả những nơi mà Đức Phật đã thật hành khổ hạnh và bảy tuần thất sau khi Ngài giác ngộ. Hơn nữa, Ngài còn nói: Nơi đức Phật chứng đắc được Phật quả, có ba tu viện mỗi nơi đều có tăng ni cư trú và nhận được sự cúng dường rất đầy đủ của Phật tử. Những nơi chính mà đức Phật đã đi qua khi Ngài còn tại thế và những nơi thánh địa

khác đều thật hành một nguyện ước chung của Phật giáo, thái độ cư xử hết sức nghiêm trang khi đi vào những nơi thánh địa và kéo dài đến ngày nay (ngày mà ngày Pháp Hiến đến thăm).

Đi từ phía tây nam của ngọn đồi Pragbodhi chúng ta đến cội Bồ đề. Cội Bồ đề được bao quanh bởi một lớp rào bằng gạch cao và chắc chắn. Chiều dài từ đông sang tây, chiều ngang từ nam sang bắc. Đi vòng quanh khoảng 500 bước chân. ..

Cội Bồ đề bên cạnh kim cương tòa như loại cây đa (Pippala). Ngày xưa khi đức Phật ngồi tọa thiền dưới cây này, cao hàng chục mét. Mặc dù bị chặt phá nhiều lần, nhưng cội Bồ đề vẫn cao từ 12 – 15 mét (40 – 50 feet). Đức Phật đã thiền định dưới cội cây này mà chứng đắc trí huệ tối thượng.

Cây Bồ đề trải qua đôi lần bị chặt phá, nhưng nó vẫn tồn tại, cây này bị đốn chặt, thì lại tự nó mọc lên ngay cội cây xưa.

- Vua Sasanka, vị vua theo đạo Ấn mang thành kiến ác ý với Phật giáo đã chặt phá cội Bồ đề vào thế kỷ thứ 6 sau TL. Thế rồi, lại mọc lên cây khác y như cũ. Đây là cội cây mà Ngài Huyền Trang đã đến chiêm bái vào năm 637 sau TL.

- Trong quá trình khai quật vào năm 1870, cây Bồ đề cũ đã ngã và một cây con được ông Cuningham trồng ngay vị trí nguyên thủy của nó. Đây là cội Bồ đề mà chúng ta thấy ngày nay” (10)

Ngày nay, ngôi tháp Đại Giác đã một lần nữa sống lại với sự viếng thăm của hàng triệu du khách hành hương chiêm bái trên toàn thế giới. Thanh thế của nơi thánh địa này hiện đã và đang lớn mạnh như thuở vàng son của Phật giáo.

Chung quanh vùng thánh địa này đã có nhiều ngôi chùa của các nước Phật giáo trên thế giới đã và đang xây dựng ngày càng gia tăng một cách rõ rệt. Đại khái gồm có những ngôi chùa tiêu biểu như sau:

---o0o---

07.Chùa Phật giáo Tây Tạng.

Vị trí của ngôi chùa này nằm về phía đông của ngôi bảo tháp. Không rõ chùa được xây dựng vào năm nào. Chỉ biết ngôi chùa này được xây dựng

theo lối kiến trúc thuần túy của Tây Tạng. Chánh điện nằm ở lầu một với nhiều hình tượng đầy màu sắc. Ai đến đây tham quan chiêm bái sẽ thấy rõ điều này. Ngoài ra, chùa còn có tôn trí nhiều tạng kinh điển và những pháp khí khác được tàng trữ lưu giữ bảo quản một cách cẩn thận. Đặc biệt còn có một bánh xe chuyển pháp luân thật lớn.

---o0o---

08.Chùa Phật giáo Trung Quốc

Vị trí của ngôi chùa này nằm về phía tây nam của ngôi bảo tháp. Chùa có tên Đại Giác, do Hội Phật giáo Trung Quốc xây dựng. Không rõ xây dựng vào lúc nào. Đây là ngôi chùa khá rộng lớn. Ngoài ngôi chánh điện chính thờ Phật ra, chùa còn có nhiều phòng ốc để cho du khách thuê. Khi đến Bồ Đề Đạo Tràng chúng tôi tạm trú trong ngôi chùa này. Chúng tôi thuê 16 phòng, mỗi phòng 2 người. Tất cả đều ở chung một tòa nhà, các phòng đều đối diện nhau. Phòng ốc sạch sẽ, đầy đủ tiện nghi, không thua gì một khách sạn. Hệ thống nước nóng cũng cung cấp đầy đủ, tắm giặt thoải mái. Chúng tôi ở đây 3 ngày 4 đêm.

Về thức ăn, hôm nào mình ăn, thì cho họ biết. Chúng tôi ăn ở đây chỉ có vài bữa ăn, ngoài ra, thì đi ăn ở nhà hàng. Chúng tôi ăn ở nhà hàng Thái hai bữa tối. Họ không cho mình sử dụng nhà bếp của họ. Dù mình cũng có thương lượng năn nỉ họ cho mình tự nấu và rồi sẽ trả tiền cho họ. Nhưng họ một mặt khước từ. Trong chùa chỉ có một vị sư trẻ người Hoa. Ngoài ra, không thấy ai khác. Và ở nhà bếp thì có một bà Phật tử tuổi trên sáu mươi quản lý. Bà này tánh tình cũng hơi khó khăn, gắt gỏng. Bà làm theo nguyên tắc cấp trên chỉ bảo. Điều đó, mình cũng không trách họ. Vì bà chỉ thi hành theo lệnh thượng cấp. Nhưng mà phải nói, bà quá chấp cứng cũng gây mất cảm tình không ít. Trong đoàn cũng có nhiều vị than phiền bà Phật tử này. Theo tinh thần, đạo xứ tùy nơn, ngộ giang tùy khúc, nhập gia tùy tục, thôi thì, cứ thế tùy duyên cho xong.

---o0o---

09.Chùa Phật giáo Thái Lan

Vị trí của ngôi chùa này nằm về hướng tây của ngôi Đại tháp. Chùa được chính phủ hoàng gia Thái Lan xây dựng vào năm 1957 và trùng tu vào năm 1970 – 1972. Chùa được xây dựng theo lối kiến trúc đặc thù của nền văn hóa Thái Lan giống như chùa đá hoa ở Bangkok. Ngôi chùa này có

Tượng Phật khổng lồ bằng vàng được tôn thờ ở chánh điện. Điều này cũng làm cho nhiều du khách muốn đến đây chiêm ngưỡng.

---o0o---

10.Chùa Phật giáo Nhật Bản

Chùa này có một lối kiến trúc rất đặc sắc, dĩ nhiên là họ xây dựng theo nền văn hóa đặc thù của họ. Vị trí của ngôi chùa này cách chùa Thái Lan không xa lắm về phía tay phải. Chùa được hội liên hữu Phật giáo quốc tế Nhật Bản xây dựng và khánh thành vào ngày 8 tháng 12 năm 1973. Ngoài ra, còn có một ngôi chùa Nhật Bản thứ hai nằm sát bên ngôi chùa Nhật Bản thứ nhất. Ngôi chùa này mang một vẻ đẹp khác, được Hội Daijokoyo xây dựng và khánh thành vào ngày 13 tháng 12 năm 1983.

Khi chúng tôi đến Bồ Đề Đạo Tràng, lúc đó khoảng 5 giờ chiều, do đó, chúng tôi chỉ vào đánh lễ Phật và ra cây Bồ Đề ngồi tụng một thời kinh ngắn và sau đó chúng tôi về khách sạn để nhận phòng và dùng cơm.

Ngày 12, tức ngày 28/10/2011/

Sáng nay, chúng tôi cũng thức dậy sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng như mọi khi. Hôm nay, mọi người sẽ ra Bồ Đề Đạo Tràng để chiêm bái đánh lễ tu tập. Từ khách sạn, tức ngôi chùa chúng tôi ở đi bộ ra ngôi Đại tháp khoảng độ 10 phút. Sáng sớm đi bộ thật là lý thú. Song có điều không khí không được trong lành lắm. Vì dân cư chung quanh vùng họ không mấy gì giữ gìn vệ sinh kỹ lưỡng. Dù nơi đây, đã được trang hoàng sạch sẽ, nhưng chỉ được có chung quanh trong phạm vi bảo tháp thôi. Ngoài ra, thì cũng vẫn còn dơ bẩn.

Khi đoàn chúng tôi đến đây, đã có những đoàn Phật giáo khác đến đây sớm hơn. Hai bên khoảng trống đối diện với cây Bồ đề, thì đã có người chiêm cứ và họ đang hành lễ. Do đó, chúng tôi phải đến nơi thánh tượng Quan Âm ở bên hông phía trước Đại tháp để tụng kinh. Tụng kinh xong, chúng tôi đi chung quanh Đại tháp thật hành tam bộ như bái. Cứ đi ba bước tất cả lạy một lạy. Mọi người vừa bước đi vừa chí thành đánh lễ. Đánh lễ xong, chúng tôi trở lại vị trí cũ để tĩnh tọa. Tuy mọi người tới lui qua lại nhộn nhịp, nhưng ai nấy chỉ có một tâm thành hướng về đấng Thế Tôn Đại Giác để cầu nguyện. Cầu nguyện Phật lực gia hộ cho chính mình và cũng cầu nguyện cho tất cả chúng sanh. Khi bước vào khung cảnh này, bên tai chỉ có nghe tiếng tụng kinh và niệm Phật. Đủ mọi sắc dân và đủ mọi thành phần.

Dù tụng niệm bằng nhiều thứ tiếng, nhưng tất cả như hòa hợp chỉ cùng một âm thanh. Thật là một khung cảnh không khác gì nơi cõi Cực lạc. Tiếng chim kêu, tiếng gió thổi, tiếng suối reo, nước chảy v.v... ngân ấy âm thanh đều tạo thành bản nhạc trầm hùng hướng lòng về niệm Phật, niệm Pháp, Niệm Tăng.

Vào đây, bạn sẽ quên hết những tiếng thị phi tranh chấp hơn thua ngoài đời. Ngoại cảnh đã tạo cho bạn tăng thêm niềm an lạc. Bạn đi đến đâu, cũng thấy người ta lễ bái hoặc vừa đi vừa niệm Phật. Những tiếng niệm Phật âm thanh vang dội như phá tan những phiền muộn trong lòng. Ngồi bên cạnh cội Bồ đề để bạn suy nghiệm đến sự hiện hữu của Đức Phật. Đồng thời bạn cũng suy nghiệm đến hạnh phúc những gì mà bạn hiện có. Bạn không cần phải khổ công tìm kiếm hạnh phúc ở đâu xa. Chính từ cội Bồ đề đã tỏa ra một mùi hương giải thoát mà hơn hai ngàn năm trước đã có một con người bằng xương bằng thịt ngồi đây thành tựu sự nghiệp đạo quả. Cội Bồ đề nhắc nhở bạn hãy quên đi những quá khứ và tương lai. Bởi Bồ đề là giác, bạn chỉ cần buông bỏ hết hai đầu: quá khứ và tương lai, bạn chỉ cần sống thật sâu vào ngay trong giây phút hiện tại nhiệm mầu, thì ông Phật sẽ hiển hiện xoa đầu bạn. Không có một sự cảm niệm sâu sắc nào bằng sự cảm niệm hiện hữu con người thật của bạn.

Trở về cội Bồ đề, chiêm ngưỡng ngôi Đại tháp, cũng chính là trở về với chính bạn và chiêm nghiệm thật kỹ, thật sâu vào tâm thức của bạn. Đó mới đích thực là bạn đang ngồi cận bên cội Bồ đề. Còn dính mắc vào sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là chúng ta vẫn còn cách rất xa và thật xa cội Bồ đề và Đại tháp. Có nghĩa là bạn và tôi sẽ không bao giờ thấy được hai hình ảnh đó. Dù hai hình ảnh vật tượng đó đang ở trước mắt bạn và tôi. Có thể dòng suy tư của tôi cũng đang đánh mất sự có mặt ở nơi tôi. Nếu tôi không có mặt trời ý thức soi sáng lúc đang suy tư. Tôi mời bạn cùng tôi hãy trở lại ngôi cội Bồ đề. Bây giờ không còn ngồi bên cạnh nữa, mà phải ngồi trên cội Bồ đề. Cũng như bạn và tôi không còn đứng bên ngoài nhìn ngôi Đại tháp nữa, mà chúng ta phải bước vào bên trong Đại tháp. Tôi biết bạn đang có sẵn cái Đại tháp đó. Và cái Đại tháp đó không lúc nào vắng mặt với bạn. Có vắng chẳng là những giây phút bạn đang suy tư về ngôi Đại tháp. Bây giờ, chúng ta hãy bước vào trong Đại tháp và rồi ngồi xuống để nhìn vào ngôi Đại tháp Đa Bảo của chính mình...

Sáng nay, chúng tôi không có về lại khách sạn ăn sáng. Chúng tôi mua thức ăn và ngồi dưới tàng cây lớn bên hông Đại tháp về phía tay mặt từ phía trước Đại tháp nhìn vào. Chúng tôi trải vài chiếc chiếu đủ số người ngồi. Coi

như chúng tôi đã chiêm trợn một bên của cái nền cao này. Dùng sáng xong, tôi nhờ Sư cô Huệ Hòa hướng dẫn đoàn đi tham quan một vài nơi chung quanh Đại tháp. Sư cô Huệ Hòa hướng dẫn và giải thích ý nghĩa từng nơi cho quý vị đó hiểu. Lúc đó không có thầy Minh Đức, nên tôi nhờ Sư cô Huệ Hòa. Vì sáng nay trong người tôi không mấy được khỏe. Và lại vào lúc 9 giờ, tôi có một thời giảng pháp tại đây. Thế nên, tôi ở lại thiền tọa để dưỡng sức. Người ở lại với tôi để coi đồ đó là bà bảy Diệu Thanh. Đó là Pháp danh bà mới có sau khi quy y nơi đây.

Đúng 9 giờ mọi người trở lại. Lúc đó, tôi thấy thầy Minh Đức hướng dẫn đoàn trở lại. Như vậy, khi mọi người đi ra thì gặp thầy Minh Đức nên Sư Cô Huệ Hòa lại nhờ thầy Minh Đức hướng dẫn và giải thích giùm. Đến nơi, mọi người ngồi xuống. Ổn định chỗ ngồi xong, tôi bắt đầu mời mọi người niệm Phật. Đề tài tôi thuyết giảng hôm nay là: “Sự khác biệt giữa sự nghiệp thế gian và sự nghiệp của người tu, đặc biệt là của người xuất gia”. Nói gọn hơn là người xuất gia lấy trí huệ làm sự nghiệp. Duy huệ thị nghiệp. Giảng xong, tôi dành thời gian để cho mọi người nêu ra câu hỏi. Những câu hỏi được nêu ra rất thực tế cho sự tu hành. Những gì họ thắc mắc nêu ra, tùy theo đó mà tôi giải đáp. Một buổi sinh hoạt thật là hào hứng bổ ích.

Sau đó, chúng tôi trở về lại khách sạn dùng cơm trưa. Dùng cơm xong, mọi người nghỉ ngơi và đúng 3 giờ chiều, chúng tôi trở ra Bồ Đề Đạo Tràng để tu tập.

Buổi chiều hôm nay, vắng người hơn buổi sáng, chúng tôi đến gần cội Bồ đề để tụng thời kinh A Di Đà Nghĩa. Tụng xong, tất cả đứng lên đi kinh hành niệm Phật. Sau đó, khoảng 4 giờ 40, mọi người tập trung nơi trước tôn tượng của sơ Tổ Ca Diếp để nghe chúng tôi trình bày đêm Đức Phật Thành Đạo. Chúng tôi xoáy mạnh vào “Tam Minh” để phân tích giải thích rộng ra cho mọi người dễ hiểu. Giảng xong, chúng tôi đi thiền hành chung quanh theo lối đi của khu vực vòng lớn bên trên của Bồ Đề Đạo Tràng. Xong rồi, trời cũng vừa sụp tối, chúng tôi trở về khách sạn dùng cơm chiều.

Ngày 13, tức ngày 29/10/2011/

Như thường lệ, sáng nay chúng tôi cũng thức dậy sớm vào lúc 4 giờ 30 sáng. Chúng tôi đi bộ ra Đại tháp đánh lễ và tụng thời kinh ngắn. Sau đó, kinh hành niệm Phật. Xong rồi, trở về chùa dùng sáng. Ăn sáng xong, đúng 8 giờ, chúng tôi lại đi ra Đại tháp. Đến nơi, mọi người quá đông nhìn quanh không thấy chỗ nào trống và vừa ý. Thời may, còn một chỗ không thấy bóng

dáng ai ở đó. Nơi đó chính là chỗ thờ tôn tượng của Sơ Tổ Ca Diếp. Thế là, chúng tôi đi đến đó ngay. Sau khi ổn định hàng ngũ, chúng tôi đánh lễ Tam bảo và tụng thời kinh Di Đà. Tương đối chỗ này ít nghe tiếng ồn. Vì khu vực này, chỉ có các nhà sư Tây Tạng và một vài người thuộc các sắc dân khác họ để những tấm ván dài đủ cho họ lễ bái. Nói đến cách lạy Phật, tùy theo mỗi nước có phong tục tập quán lạy khác nhau. Cách lạy của người Trung Hoa không giống cách lạy của người Tây Tạng. Người Tây Tạng khi lạy, họ lạy nằm dài xuống duỗi thẳng hai tay tới phía trước. Họ không có đứng lên lạy xuống như người mình hay người Trung Quốc. Cách lạy Phật của các nước theo Phật giáo Nguyên Thủy (Tiểu thừa) cũng khác với cách lạy của Phật giáo Phát Triển (Đại thừa). Tuy tôn thờ một đấng giáo chủ Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng tùy theo tập tục của mỗi tôn phái hay của mỗi quốc gia mà có những cách lạy khác nhau. Hiểu thế, thì chúng ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên. Vấn đề quan trọng, không phải ở nơi hình thức bề ngoài, mà quan trọng là ở nơi tấm lòng có thành kính hay không. Và ý nghĩa của sự lạy Phật, ngoài ý nghĩa biểu lộ lòng tôn kính biết ân Phật Tổ ra, nó còn nói lên ý nghĩa là hành giả phải dẹp bớt lòng cống cao ngã mạn. Bởi mình đem cái chỗ tôn kính nhứt trong thân thể của mình để mình dập đầu cúi sâu xuống lễ bái chư Phật. Đó là nói lên cái sự khiêm cung với mọi người. Mà muốn có sự khiêm cung, tất nhiên là chúng ta phải dẹp cái tâm kiêu khí hieu hieu tự đắc khinh người dưới mắt. Coi mọi người không ai ra gì. Đó là con đẻ của cái bản ngã tự cao tự đại. Hiểu ý nghĩa lạy Phật như thế, thì mới có lợi ích cho mình và tha nhân. Nếu luận sâu hơn, thì lạy Phật cũng có sự lạy và lý lạy. Ở đây, chúng tôi không muốn bàn sâu về vấn đề này.

Trong các vị Bồ tát mà chúng ta thường trì tụng kinh điển Đại thừa, có một vị Bồ tát mà chúng ta thường nghe nói đến, đó là Bồ tát Thường Bất Khinh. Vị Bồ tát này đã được Phật tán thán khen ngợi trong kinh Pháp Hoa. Và trong 28 phẩm, có một phẩm lấy tên của vị Bồ tát này mà đặt tên phẩm. Đó là Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát thứ hai mươi. Thường là nghĩa luôn luôn không xen hở gián đoạn, bất có nghĩa là chẳng, là không, đây là từ phủ định; khinh nghĩa là coi thường, khinh miệt xem kẻ khác không ra gì. Tên của vị Bồ tát này là luôn luôn chẳng dám khinh thường miệt thị khi dễ khinh chê ai. Điểm đặc biệt kỳ thú của vị Bồ tát này là đi đâu gặp bất cứ ai, Ngài cũng chấp tay xá chào lễ bái và nói câu: *“Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật”*. Sẽ thành Phật, vì mỗi người đều sẵn có tánh Phật. Đã thế, thì thử hỏi làm sao dám khinh thường ai?

Trở lại nơi đây, tụng kinh xong, mọi người ngồi xuống để nghe tôi trình bày vài nét về Tổ Ca Diếp. Đọc trong quyển Thập Đại Đệ Tử, tức mười vị

đệ tử lớn danh tiếng của Đức Phật, thì ai cũng biết qua về Ngài Ca Diếp. Điểm đặc biệt nổi bật sở trường tu tập của Ngài là Ngài tu hạnh Đầu Đà. Đây là một hạnh tu không phải dễ thật hành. Từ sự ăn mặc cho đến mọi vấn đề khác, tất cả đều không có ý mong cầu lợi dưỡng để hưởng thụ. Đây là một lối tu nhằm tránh xa vật dục thế gian. Bởi lòng tham của con người luôn đòi hỏi thèm khát những thứ nhu cầu cung ứng cho đời sống. Càng mong muốn để được hưởng thụ nhiều chừng nào thì con người sẽ càng đau khổ nhiều chừng nấy. Chỉ có nếp sống đơn giản, không bon chen, đua đòi, tham đắm, nhiễm trước, thì con người mới có những phút giây an lạc thoải mái.

Đó mới thực sự là hạnh phúc. Nhưng thực tế, con người không ai biết dừng lại. Không dừng lại thì cứ tiếp tục chạy đua tranh nhau, kẻ được thì người mất, kẻ hơn thì người thua v.v... cứ thế mà đấu đá chém giết tranh nhau quyết liệt, thế thì thử hỏi làm sao con người không đau khổ cho được? Nếu giàu sang, quyền cao chức trọng, danh vọng nhứt trên đời mà có hạnh phúc, thì mấy ông vua phải là hạnh phúc lắm. Thế nhưng, thử nhìn lại lịch sử của nơn loại, có ông vua nào ở trên ngai vàng, cai trị muôn dân mà có hạnh phúc chân thực không? Nếu có thì thái tử Sĩ Đạt Ta không có bỏ ngôi vị vương giả để đi xuất gia. Và thử hỏi những sự nghiệp của các ông vua quyền cao chức trọng đó, bây giờ có còn hay không? Chỉ có sự nghiệp của những con người dám buông bỏ hết mọi thứ vật dục thế gian, thì mới tồn tại trong lòng người muôn thuở mà thôi. Như từ Đức Phật cho đến chư vị Tổ sư mà trước mắt là Sơ Tổ Ca Diếp. Ngài sống cuộc đời cực kỳ đơn giản khổ hạnh để rồi ngày hôm nay, mọi người (trong đó có chúng ta) đến đây chiêm bái tu tập và noi theo tấm gương cao cả của các Ngài. Chớ đâu có ai nói tôi noi theo tấm gương của mấy ông vua hay mấy ông tướng giàu có quyền cao chức trọng bao giờ đâu! Đại khái, chúng tôi chỉ trình bày sơ qua một vài nét điển hình mà Phật Tổ đã thật hành qua và các Ngài đã để lại cho chúng ta một gia sản quý báu, tiêu mãi không cùng, xài hoài không hết.

---o0o---

11. Lễ phát nguyện quy y và gieo chủng duyên xuất gia (hình 30)

Sau buổi nói chuyện của chúng tôi, mọi người đi đến phía trước của cây Bồ đề để làm lễ quy y. Số người phát nguyện xin quy y nơi đây gồm có các vị: Lý Ngô Liêu, Phạm Thị Hưng, Nguyễn Thị Ngọc Tuyên, Đỗ Lan Hương. Ngoài ra, còn có một vài vị phát nguyện xuống tóc và những vị khác thì phát nguyện sẽ xuất gia tùy theo duyên nghiệp sớm hoặc muộn. Nói chung, hầu hết các vị này đều phát nguyện gieo chủng duyên xuất gia hiện đời này hoặc ở đời sau hay nhiều đời sau. Tuy nhiên, sự phát nguyện của các

vị đó rất mạnh, nhưng còn tùy theo duyên nghiệp của mỗi người. Chúng tôi và chư Tăng Ni hiện diện làm lễ cho quý vị đó được toại nguyện. Một buổi lễ diễn ra tuy giản đơn, nhưng không kém phần trang nghiêm và hết sức thành kính. Sự phát nguyện của quý vị đó trước cội Bồ đề và trước Đại tháp, nơi đánh dấu Đức Phật thành đạo, chắc chắn rằng Đức Phật sẽ chứng minh và long thiên hộ pháp sẽ gia hộ cho những vị đó sớm muộ n gì cũng sẽ được tròn ý nguyện.

Bồ Đề Tâm Cảm

Đến nơi Bồ Đề Đạo Tràng

Cuối thu có ánh nắng vàng lung linh

Giờ này trong buổi bình minh

Sương mờ ẩn hiện bóng hình Như Lai

Bảo tháp sừng sững tháng ngày

Tâm hương cúng Phật con quay trở về

Thâm nguyện vượt thoát biển mê

Tâm xao xuyên quá về quê cha lành

Nơi Ngài chánh quả viên thành

Con xin xưng niệm hồng danh Phật Đà

Nhớ lời Phật dạy thiết tha

Trọn đời giáo hóa Ta bà khổ đau

Nguyện cùng đất rộng trời cao

Giúp con mãi gặp đạo màu Thế Tôn

M.Q

---o0o---

12. Phát quà cho những hộ nghèo (hình số 31 & 32)

Sau buổi lễ phát nguyện đó, tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 11 giờ trưa. Thế là chúng tôi trở về chùa dùng cơm trưa và nghỉ ngơi, chiều lại sẽ đi phát quà cho 60 gia đình nghèo.

Đúng 3 giờ chiều, chúng tôi xuất phát đi đến một ngôi làng (không rõ tên) để phát quà và tiền. Những phần quà gồm có: Gạo, đường, đậu và muối, mỗi thứ vài ký lô, nhưng nhiều nhất là gạo. Mỗi hộ được 10 ký lô gạo. Phát cho mỗi gia đình 4 phần quà và \$250 rupies. Chúng tôi cho người phát phiếu cho họ trước. Có một anh người Ấn Độ đi theo chúng tôi để phụ giúp. Anh giúp cho chúng tôi bảo họ phải giữ trật tự, nhà ai nấy ở, không được đi lộn xộn. Khi chúng tôi tới, họ trình phiếu ra. Chúng tôi mang quà tặng đến từng mỗi gia đình. Họ chuẩn bị ở nhà chờ sẵn. Chúng tôi đi phát rất là trật tự.

Đây là một trong những ngôi làng mà người dân lao động sống trong hoàn cảnh rất chật vật nghèo nàn túng thiếu. Tôi không rõ họ sinh sống bằng cách nào. Nhưng nhìn cảnh nhà của họ thì đủ biết chắc là họ không đủ ăn. Những ngôi nhà ở đây đa số lợp mái tranh xơ xác, lụp xụp. Căn nhà thì nhỏ thấp, nhìn vào bên trong thì u ám chật hẹp. Người nào hơi cao một chút như tôi, mà muốn vào nhà thì phải cúi khom người sát xuống mới có thể chui vào được.

Mỗi khi chúng tôi đưa quà và tiền cho họ, họ rất cảm động vui mừng nhận lấy. Nhìn thấy họ vui vẻ, mình cũng cảm thấy vui lây theo. Khi phát mỗi hộ xong rồi, chúng tôi bảo họ tập trung các em nhỏ vào trong trường học. Vì ngôi trường ở gần đó. Có hai người dạy cho các em. Một thầy giáo và một cô giáo. Hai vị này còn trẻ trông rất dễ thương. Nhất là cô giáo vừa có duyên lại vừa hiền từ. Trong đoàn ai thấy cũng cảm mến. Sau khi tập trung các em xong, chúng tôi đưa tiền tận tay cho các em. Em nào nhận tiền xong là đi ra ngoài. Nhờ vậy mà việc phát tiền rất có trật tự. Ngôi trường thì nhỏ mà các em thì đông. Trường không có bàn ghế, nên các em phải ngồi bệt trên sàn nhà để học. Nhìn thấy cảnh này, ai cũng cảm thấy rất thương tâm. Thật là tội nghiệp cho các em! Nhưng luận cho cùng âu đó cũng do nghiệp quả của mỗi người mà thôi!

Phát quà xong, chúng tôi lên xe ra về mà lòng vẫn còn nghĩ đến hoàn cảnh của những người dân nghèo sống nơi đây. Nhưng ở đời mình chỉ có khả năng giúp gạt thôi, chớ không thể giúp nghèo được. Muốn hết nghèo, thì phải do tự mình giải quyết lấy. Xưa cũng như nay, không luận quốc gia

nào trên thế giới, giữa giàu và nghèo vẫn còn chênh lệch nhau rất nhiều. Người giàu thì muốn giàu thêm, còn người nghèo thì lại càng nghèo thêm. Bởi nghèo không đủ vốn luyến để sanh phương kiếm tiền. Nghèo thì phải chạy vay nợ, càng vay thì nợ càng nhiều. Cứ thế mà chồng chất, trả không nổi. Bởi thế, không sao góc đầu lên nổi.

Đúng 5 giờ chiều, chúng tôi trở về chùa dùng cơm và rồi đi ra Bồ Đề Đạo Tràng để tụng niệm tu tập. Khoảng 8 giờ tối, chúng tôi trở về chùa nghỉ ngơi...

Ngày 14, tức ngày 30/10/2011/

---o0o---

13.Kê Túc Sơn (hình số 33 & 34)

Theo chương trình ngày hôm nay, đoàn sẽ đi núi Kê Túc. Bởi vậy, chúng tôi phải thức sớm để chuẩn bị lên đường. Vì đường lên núi Kê Túc nhỏ hẹp, xe buýt lớn đi không được, nên chúng tôi phải thuê 5 chiếc xe nhỏ, mỗi chiếc chở 6 người.

Núi Kê Túc cách Bồ Đề Đạo Tràng khoảng 75 km (có tài liệu nói 45 km, không rõ tài liệu nào nói chính xác?) về hướng Đông Nam. Tọa lạc trên dãy Kukkutapada, nằm ở miền Trung Ấn Độ, lãnh thổ của quốc gia Magadha (Ma Kiệt Đà) xa xưa, có thành Vương Xá một thời huy hoàng tráng lệ. Theo Đại Đường Tây Vực Ký của Ngài Huyền Trang thì: “Sông Mạc Ha chảy về phía Đông, xuyên vào rừng sâu, qua hơn trăm dặm, đến núi Quật quật tra bàn đá, người dân địa phương gọi núi ấy là núi Kê Túc. hoặc núi Quật lô đá bà. Sở dĩ núi mang tên ấy là vì có 3 ngọn núi hình dáng giống như chân của một con gà nên được gọi là Kê Túc sơn hay Kê Phong”.

Kê Túc sơn không nằm trong Tứ động tâm mà là một Thánh địa của Phật Giáo Ấn Độ mang dấu ấn mâu nhiệm lạ kỳ và những huyền thoại đặc biệt gắn liền với tôn giả Maha Casapa (Ca Diếp). Nên mặc dù là một địa điểm rất xa, lại khó đi vì đường xấu, nhưng nó lại là một địa điểm quan trọng không thể bỏ qua trong chuyến hành hương chiêm bái Phật tích của những ai muốn nghiên cứu và tìm hiểu.

Từ lâu, chúng tôi đã nghe qua và ao ước muốn đến núi này một lần, nhưng hai lần trước, vì chưa đủ duyên nên cũng chưa có thể đến được. Lần này, chúng tôi nói với sư cô Phước Sinh, sắp xếp chương trình để đoàn có

dịp đi chiêm bái núi Kê Túc. Do đó, nên sư cô Phước Sinh đã đưa vào chương trình. Tuy nhiên, trước ngày rời khỏi Bồ Đề Đạo Tràng, chúng tôi mới đi chiêm bái núi này.

Theo sử liệu ghi lại, tôn giả Ca Diếp đã chọn ngọn núi này nhập định để chờ Đức Phật Di Lặc ra đời truyền trao y bát của Đức Phật Thích Ca. Trên đường đi, chúng tôi nhìn thấy có nhiều làng mạc rất nghèo, nhà cửa phần nhiều là xây bằng đất sét, lụp xụp, trước nhà thì nuôi trâu bò; có những rãnh nước rác rên ứ đọng dơ bẩn trông mất vệ sinh. Được biết, Bihar là một trong những tiểu bang nghèo nhất ở Ấn Độ. Dân cư chung quanh khu vực Gaya - gần Tháp Bồ Đề Đạo Tràng, dân cư sống chủ yếu bằng nghề nông, chăn nuôi gia súc. Ngoài ra, một nghề khác mà chúng ta thường thấy đó là nghề xòe tay xin tiền. Nghề này hiện nay ở các tụ điểm du khách hành hương đều rất thịnh hành. Họ tập trung ở những nơi này để kiếm sống. Phần nhiều, cha mẹ không có công ăn việc làm, thì khuyến bảo các con em của họ gia nhập vào đoàn quân “Cái Bang”. Có em sáng đi học chiều tham gia vào để kiếm thêm tiền cho gia đình. Có người nói, những du khách hành hương đã tạo cho họ một lối sống vừa kiếm tiền dễ dàng, vừa khỏi phải tốn sức lao động mệt xác. Cứ xin hết người này đến người kia, nhất là quý bà dù chặt da đến đâu, đeo theo xin riết rồi cũng phải xiêu lòng mà lòi tiền ra, vì cảm lòng không đậu. Nghề dạy nghề, lúc đầu thì họ có thể kinh nghiệm xòe tay, nhưng hành nghề lâu năm, tất nhiên họ có thừa kinh nghiệm moi túi. Có lần, sáng sớm, chúng tôi đi ra Bồ Đề Đạo Tràng để hành lễ, đi ngang qua những người ăn xin, tôi thấy họ ngồi co ro run rẩy một hàng dài, quần áo tả tơi, mền chiếu không có, họ nằm ngủ suốt đêm ngoài trời. Chúng tôi đi ngang qua, họ xòe tay xin tiền, thấy thật thương xót. Tôi nghĩ, hôm nay là ngày cuối tu học ở đây, thôi thì mình cho họ chút đỉnh tiền, trước khi từ giả đi nơi khác.

Bấy giờ, mới 5 giờ sáng, ít người qua lại, nhìn chung quanh không thấy ai, tôi liền móc tiền cho họ. Tôi cho được một vài người, người ngồi ở đầu hàng vừa nhận tiền xong, thì họ lại chạy xuống ngồi kế bên người cuối cùng để nhận thêm tiền nữa. Thấy thế, trong đoàn có người la lên, và bảo tôi, họ làm như vậy thầy đừng cho nữa. Thế là, tôi ngưng lại ngay. Kể ra, cũng thật tội nghiệp cho những người khác. Khi về, nghĩ lại, tôi cảm thấy lẽ ra mình không nên cho như vậy. Cho họ, chẳng khác nào mình gây thêm lòng tham cho họ. Đồng thời, họ ngồi trùm khăn kín mít, mình cũng không biết ai thiệt ai giả. Có những người họ tàn tật thiệt không làm được gì, thì chính những người giả vờ ăn xin đã làm hại lây họ rồi. Thế thì tại sao, chánh phủ không tập trung những người tàn phế bất lực như thế cho họ ở chung một chỗ để

nuôi dưỡng chăm sóc. Có thể thì mới giải quyết được tình trạng đời sống lang thang ăn xin của họ và đồng thời cũng ngăn chặn những kẻ ăn không ngồi rồi, lợi dụng lòng tốt của du khách thập phương mà chuyên hành nghề Cái Bang. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng biết chắc chánh phủ của họ đời nào mà làm thế!

Tới nơi, khi xe chúng tôi vừa ngừng đậu hẳn lại thì, có một số trẻ em và người lớn trong làng họ túa ra bu quanh như chào đón chúng tôi. Tôi rất ngạc nhiên, và thậm nghĩ, chắc là họ thấy mình lạ từ nước ngoài đến đây, nên họ hiếu kỳ chăm chú nhìn mình thế thôi. Kỳ thật, không phải như vậy. Vì họ biết chúng tôi đến đây chỉ có một việc là lên núi Kê Túc. Do đó, họ muốn đến giúp chúng tôi để họ kiếm chút đỉnh tiền, vì họ biết du khách ngoại quốc không thể nào để họ giúp không được. Làm sao họ giúp không chớ? Mình chưa trả tiền là họ cũng đã đòi tiền mình rồi. Đây cũng là cơ hội để họ kiếm sống. Nói cách khác những đoàn hành hương tới đây, họ mừng lắm, vì họ dễ kiếm tiền. Thế là họ đi theo bám sát chúng tôi, lớn có, nhỏ có. Thấy họ hiền lành, nhút là các trẻ em tội nghiệp trông thấy chúng cũng rất dễ thương. Ban đầu khi chưa lên núi, thì họ đi trước và một số thì đi bên cạnh mình để chỉ đường. Thật tình thì cũng nhờ họ dẫn đường, chớ mình mới tới đây lần đầu cũng đâu có biết đường nào lên núi. Tuy nhiên, cũng có một đoàn Việt Nam vừa tới trước chúng tôi. Cho nên, họ đi lên núi trước chúng tôi khoảng độ vài phút. Nói đúng ra, người già trọng tuổi cũng nhờ họ tiếp sức dìu dắt mới có thể đi được dễ dàng hơn. Điều buồn cười, tuy họ không định giá cả, nhưng khi trở xuống núi mình đưa tiền thì họ lại đòi giá cả hãn hoi. Mình đưa cho họ 100 rupies, họ còn chê ít đòi thêm. Trong đoàn có đem theo cái máy để phát thanh, khoảng chừng 5 ký lô, cho nên nhờ một em xách giùm. Khi xuống núi cho em 100 rupies, em chê ít, đòi 1000 rupies. Không ai trả, em cứ theo đòi hoài. Thấy thế, cô Nguyễn Nhật Tiến trả thêm cho em 300 rupies, em mới chịu lấy.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói thêm, đến Ấn Độ mà quý vị thấy người ăn xin, thương xót họ rồi cứ móc túi cho tiền họ. Đó là điều vô tình tạo cho họ một nghề mới là nghề xòe tay kiếm tiền. Họ không cần làm gì cực nhọc mắc công hao sức. Cứ đi hành cái nghề này kiếm sống khỏe hơn. Trước kia thì những người nhập môn phái “Cái Bang” của chủ môn Hồng Thất Công, chẳng có bao nhiêu. Có chăng cũng là những người thật sự phế tật, hoàn toàn không còn làm gì được. Hoặc những người già yếu bệnh tật không ai nuôi, nên mới đi ăn xin sống nhờ vào đồng tiền giúp đỡ của bá tánh. Nhưng bây giờ thì lại khác nhiều rồi. Hiện nay, đến Ấn Độ môn phái Cái Bang đệ tử của Hồng Thất Công nhiều lắm. Bởi họ thấy làm cái nghề

này dễ kiếm sống hơn. Đâu phải chỉ có một người cho, mà nhiều người cho. Những người này cũng gây trở ngại cho mình không ít. Nếu quý vị đụng đầu cho đó, thì quý vị sẽ không đi tới đâu được cả. Vì họ sẽ bu quanh quý vị khác nào như những con đĩa đói bu hút máu người. Bất cứ ai có dịp đến Ấn Độ cũng đều nhận thấy điều đó. Vì vậy tốt hơn hết, chúng ta không nên cho họ một cách bừa bãi, vì như thế vừa gây trở ngại cho đoàn mà cũng vừa tiếp tay cho họ lười biếng không kiếm việc làm. Bởi ở Ấn Độ hiện nay, vấn đề phân chia giai cấp không phải không còn. Tuy không phân chia rõ rệt ác liệt như thời đại trước Phật cũng như thời Phật. Nhưng họ vẫn còn có ranh giới phân chia thấy rõ. Những người thuộc giai cấp hạ tiện, thì muôn đời không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Bởi họ bị những giai cấp trên khinh bỉ coi thường. Một người ở giai cấp thấp hèn, đi làm công cho những người thuộc giai cấp trên, tiền lương của họ được trả một tháng chỉ có khoảng 200 rupies. Nên nhớ là một tháng chớ không phải một tuần. Tôi nghe quý tăng ni hiện đang du học bên đó nói mà tôi chỉ biết lắc đầu thôi. Cái lắc đầu của mình có nghĩa là mình không thích hay từ chối, ngược lại cái lắc đầu của người Ấn thì lại là bằng lòng. Cho nên khi tiếp xúc với họ chúng ta cũng nên để ý điều này. Khi đề cập đến đời sống của họ thì chúng tôi sẽ nêu ra một vài phong tục tập quán lâu đời và hiện nay của họ.

Bây giờ, tôi xin trình bày tiếp về vấn đề lên núi Kê Túc. Trong đoàn có vài người trọng tuổi, tưởng là không thể đi nổi, nhưng nào ngờ trẻ tới đâu thì già cũng tới đó, có khi còn vượt qua mặt trẻ nữa. Chẳng hạn như chú bảy, năm nay chú 76 tuổi, cái tuổi vượt qua thất thập cổ lai hy rồi. Cái tuổi này đi đường bằng phẳng còn cảm thấy mệt mỏi, nói chi đến việc leo núi. Tuy nhiên, phải công nhận ông già này dẻo dai gân thiết. Như tôi chỉ mới 68 tuổi thôi, vậy mà đi còn phải thở hổn hển, cứ một chập phải dừng lại nghỉ chân. Còn chú bảy thì ông đi phẳng phắc lại còn leo lên cao để chụp hình cho đoàn nữa chớ. Thấy thế, có người làm 4 câu thơ trêu chọc ông cho vui:

Tuổi già chẳng nệ dao phai

Trở tài leo núi cho dài chân ra

Hỏi trăng bao tuổi trăng già

Chớ trăng ông bảy trên đà đang lên.

Nếu nói đến ông bảy, thì cũng phải đề cập đến bà bảy. Bà bảy cũng không chịu thua ông bảy đâu, nghĩa là ông tới đâu thì bà cũng tới đó. Ông trèo hay, thì bà cũng đâu trèo dở. Bà đi không cần ai dìu dắt. Đó là hai người

tuổi cao mà lòng chẳng hề nao núng khi leo núi. Nói thế, để thấy sự quyết tâm lên núi chiêm bái cho kỳ được của mọi người. Họ trông cho mau tới để đánh lễ Sơ Tổ Ca Diếp. Đó là nói hai người lính già bạch y.

Còn trong hàng ngũ áo nâu thì sao? Quý sư cô cũng leo núi không thua kém ai. Dù tuổi tác cũng trên 60 hết rồi. Chỉ có sư cô Phước Trường thì hơi yếu chân, phải có người dìu dắt. Tuy vậy, nhưng cũng không đến nỗi chậm trễ để người ta phải chờ đợi. Cũng cố gắng vươn lên trên đỉnh cao, không chút sờn lòng nản chí. Đến hai cô Diệu Hòa, Diệu Phủ, cũng không chịu thua sút kém ai.

Nói chung, mọi người dù già hay trẻ, ai ai cũng cố gắng leo núi quyết lên cho tới nơi, để chiêm bái đánh lễ một vị Sơ Tổ mà theo truyền thuyết thì Ngài đang ngự trong núi linh thiêng này. Đúng là đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà chỉ khó vì lòng người ngại núi leo lên. Một khi đã đến ở trên, còn gì vui sướng cho bằng khác nào như lên cõi trời.

Riêng tôi, trong mấy ngày qua do bệnh cảm dây dưa kéo dài, nên hôm nay leo núi dốc cao, cảm thấy hơi mệt. Tôi biết mọi người để ý lo lắng cho tôi. Vì thế, dù mệt, tôi cũng cố gắng quyết lên tới đỉnh núi, để hướng dẫn mọi người tụng niệm đánh lễ. Hơn nữa, tôi cũng không muốn để lộ ra cho mọi người thấy sự mệt mỏi của tôi. Nếu thế, sợ mọi người đâm ra lo lắng chán nản. Nên tôi quyết không để lộ ra cho mọi người thấy. Tuy nhiên, tôi biết chắc rằng, dù tôi cố tỏ ra như thế, cũng không thể nào che giấu được cô Nguyên Nhật Tiến. Vì cô thường xuyên chăm sóc lo cho sức khỏe của tôi. Cô quan tâm lo lắng kể từ khi tôi bắt đầu ngã bệnh. Cho nên hôm nay, cô luôn đi bên cạnh tôi và thỉnh thoảng hay đưa nước cho tôi uống. Tôi chỉ uống chút ít không dám uống nhiều. Đường lên đỉnh núi chỗ có bậc tam cấp và có chỗ không. Được biết chính Phật giáo Tây Tạng đã làm con đường này để Phật tử dễ dàng lên núi chiêm bái. Đúng là: “Lên non mới biết non cao, nuôi con mới biết công lao mẫu tử”. Thật là thấm thía! Người xưa nói không bao giờ sai, vì đó là cả một kinh nghiệm của cuộc đời, làm sao sai trái được.

Trong lúc leo núi mệt mỏi như thế này, tôi liền nghĩ đến trong sách Nho có câu: “Tòng thiện như đặng, tòng ác như băng”. Đặng là lên, băng là xuống. Câu này có nghĩa là làm việc lành, việc tốt, việc phải, khác nào như người leo lên núi cao rất khó khăn. Cũng thế, người làm những việc lành tốt đẹp cũng không phải dễ làm. Ngược lại, làm việc ác như từ trên cao tuột xuống dốc thật là dễ dàng. Thật vậy, bạn leo lên thì khó, chớ bạn đi xuống thì khỏe thôi.

Nhớ lại, năm 2003, khi đi Ấn Độ rồi về Việt Nam, chúng tôi có ghé lại Hà Nội trước khi vào Sài Gòn. Mục đích là để tham quan chiêm bái các vị Tổ Sư ở trên núi Yên Tử. Núi Yên Tử ở thời điểm chúng tôi đi, thì phải nói còn khó đi hơn gấp mấy lần ở núi này. Nhưng lúc đó, phải nói sức khỏe của chúng tôi còn tốt, chưa có yếu kém xuống dốc như bây giờ. Do đó, mà chúng tôi leo lên núi chẳng thấy khó khăn gì. Mặc dù dốc núi thẳng đứng và trơn trượt khó đi.

Thế rồi, cuối cùng ai cũng đến tận nơi. Đứng là đỉnh núi không phụ lòng người. Tới nơi rồi, ai cũng cảm thấy vui khỏe nhẹ nhõm người ra, tươi cười hơn hở. Vì tự biết mình có đầy đủ phúc duyên lắm mới lên tận nơi này. Bằng không thì cũng khó mà lên được.

Ngày xưa khi học lịch sử thấy ghi là Ngài Ca Diếp dùng thần lực chế đôi ngọn núi đá, rồi đi vào bên trong. Đến đây, tôi mới chứng kiến thấy rõ dấu tích ấy vẫn còn. Nhìn vào bên trong thấy có một đường như là vách đá bị nứt ra làm hai. Khi đi vào bên trong thấy nhỏ hẹp dần. Chúng tôi phải nhờ đến ánh sáng của đèn pin mới thấy đường để đi. Những người ốm lách mình đi dễ dàng, ngược lại, những ai mập mạp to người quá thì hơi khó lách người để đi qua. Khi đến cuối đường phải rẽ trái, có một cái lỗ nhỏ để mọi người chui qua rồi lên phía trên. Tuy hơi khó đi, nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy như có một cái gì hết sức huyền bí. Tạo cho người ta có một cảm giác ấn tượng sâu. Thật sự, đây không phải là do thiên nhiên sáng tạo ra, mà chính do một vị tu hành đặc đạo tạo nên. Vì vậy đoàn người hôm nay, thật cảm thấy vừa thú vị mà cũng vừa hãnh diện. Hãnh diện vì đã được vào tận nơi đây để chiêm bái một bậc Thánh Nhân mà theo truyền thuyết Ngài hiện ở trong núi này.

Lên trên cao nhìn xuống thấp mới thấy ngọn núi khá cao. Và khi lên đến nơi rồi cảm thấy khỏe ỏi là khỏe. Việc gì cũng vậy, có trải qua khó khăn gian lao mới đánh giá được sức chịu đựng và lòng kiên nhẫn của con người. Nếu thấy khó khăn mà chán nản thôi chí, thì làm sao thành công được? Sư tu hành cũng thế. Không gì khó khăn hay gì đường xa diệu vợi mà thôi chí nản lòng. Nếu thế, thì không thể nào đi tới đích được. Như hôm nay, nếu không cố gắng leo lên núi thì làm gì mọi người hưởng được cái không khí kỳ bí tươi mát này. Và làm sao có thể đánh lễ được một vị Tổ Sư chứng quả Thánh. Có vượt qua thử thách mới đánh giá được sự kiên nhẫn của con người.

Khi chúng tôi lên đến nơi chỗ thờ Sơ Tổ Ca Diếp, thì phái đoàn Phật giáo Việt Nam đang hành lễ. Nơi chỗ thờ là một hang núi có một khoảng trống tuy không rộng lắm, nhưng cũng có thể dung chứa vài mươi người. Như đoàn chúng tôi ba mươi người tất cả đều vào được hết. Người ta cho rằng, chính nơi đây là chỗ Sơ Tổ ngồi nhập định. Do đó, nên người ta tôn thờ tượng của Ngài tại nơi đây.

Sau thời khóa lễ của phái đoàn Phật giáo Việt Nam, đến phái đoàn chúng tôi. Chúng tôi đánh lễ và tụng một thời kinh ngắn. Sau đó, tất cả tĩnh tọa khoảng vài phút đồng hồ. Ngồi yên để mọi người thiền quán chiêm nghiệm. Xong rồi, chúng tôi trở ra ngoài và leo lên trên chót đỉnh núi để chiêm bái bảo tháp. Bảo tháp được kiến trúc theo kiểu Phật giáo Tây Tạng và bốn mặt tháp đều có tạc tượng Phật. Mặc dù lúc này, trời trưa nắng, nhưng chúng tôi vẫn đứng trước bảo tháp để đánh lễ và sau đó đi nhiễu tháp niệm Phật ba vòng.

Xong rồi, chúng tôi trở xuống tìm một nơi có bóng mát để mọi người nghe chúng tôi trình bày về công hạnh tu hành của Sơ Tổ Ca Diếp. Chúng tôi ngồi chung quanh của những tảng đá to. Mọi người chăm chú lắng nghe chúng tôi trình bày. Một khung cảnh thật yên tĩnh và cũng chứa đựng đầy tình người và tình đạo. Hướng về Tổ Sư Ca Diếp, chúng tôi đánh lễ và xin phép Ngài cho chúng tôi có đôi lời kể lại vài nét khái yếu xuyên qua đời sống tu hành khổ hạnh của Ngài. Tôi biết chắc là Tổ sẽ chứng minh cho lòng thành của chúng tôi hôm nay.

Trong lúc tham quan chiêm bái nơi đây, Phật tử Minh Quang cảm hứng sáng tác bài thơ ghi lại cảnh này như sau:

*Hôm nay đoàn leo núi Kê Túc
Xe khởi hành vào lúc tinh sương
Mười lăm ngày cùng hành hương
Cho dù mệt mỏi vượt đường xa xôi
Qua đồng ruộng núi đồi nước Ấn
Nhưng cõi lòng phấn chấn thiết tha
Lên núi lạy Tổ Đầu Đà*

Ngài giữ y bát Thích Ca lưu truyền

Leo dốc cao, xuyên khe núi nhỏ

Chịu gian nan xin tỏ lòng thành

Cuộc đời dù có mỏng manh

Nguyện nay được toại duyên lành phùng tao

Dẫu biết rằng đạo màu khó thuyết

Có đến nơi mới biết huyền vi

Làm sao nói hết những gì

Những điều cảm nhận bước đi trở về.

Ni cô Huệ Thanh cũng có làm bài thơ diễn tả cảnh này:

Gập ghềnh dốc đá cheo leo

Đường lên Kê Túc đi theo lối mòn

Sơ Tổ Ca Diếp trên non

Đầu Đà khổ hạnh chẳng còn ai hơn

Kết tập giáo pháp chánh chơn

Truyền đăng tục diệm công ơn đức dày

Hang sâu thánh tích nơi này

Tìm về tưởng niệm phút giây hương thiền.

Sau khi chiêm bái nơi đây, chúng tôi trở về ghé viếng thăm Khổ hạnh lâm, nơi Đức Phật xưa kia tu khổ hạnh cùng với năm anh em Kiều trần như. Trên đường về, chúng tôi dừng xe lại ở trạm cây xăng để dùng cơm trưa. Chúng tôi ngồi ăn trên xe. Khi xe đậu lại, thì các trẻ con trong làng cùng chạy lại và bu quanh xe chúng tôi. Không phải trẻ con không mà cũng có trai trẻ và người lớn trong làng. Có lẽ, đây cũng là tánh hiếu kỳ và thói quen của

họ. Mỗi khi thấy có người phương xa lạ mặt đến, thì họ tò mò muốn biết mình làm gì thế thôi. Phải nói trẻ con nơi đây trông thật dễ thương chúng hiền từ lắm. Thấy thế, tôi nói với quý vị trong đoàn là nên cho tiền các em ở đây. Mọi người hoan hỷ và còn nói, thầy nên tập hợp chúng lại rồi phát tiền cho chúng nó. Thế là, tôi nhờ anh tài xế người Ấn Độ giúp giùm. Anh này biết nói tiếng Anh và nhờ cô Nguyễn Nhật Tiến nói chuyện với ông ta. Sau đó ông tập hợp các em và sắp xếp cho chúng ngồi xuống thành một hàng dài rất trật tự. Bây giờ tôi và thầy Phước Nhơn (từ Mỹ sang) lần lượt phát tiền cho các em. Chúng rất vui mừng và tất cả đều ngồi yên cho đến khi chúng tôi phát xong.

---o0o---

14.Khổ Hạnh Lâm (hình số 35)

Sau đó, chúng tôi vẫy tay chào họ và rời nơi đây đi thẳng đến Khổ hạnh lâm. Chúng tôi tới nơi đây khoảng hơn 2 giờ chiều. Vừa bước xuống xe chúng tôi đã gặp một trở ngại lớn là một số người dàn chào chúng tôi bằng những cái kiệu khiêng. Họ cứ chằng ràng trước mặt chúng tôi làm cản trở thật khó đi. Kiệu khiêng của họ làm thật đơn giản thô sơ. Chỉ có một cái ghế nhỏ vừa đủ người ngồi rồi họ cột hai thanh cây vào để khiêng. Hai người khiêng một cái. Họ bám sát theo chúng tôi kéo nài mãi. Trong đoàn đa số không ai chịu lên ngồi kiệu, chỉ trừ một vài vị chân yếu và sức khỏe kém. Có người đi sát nói nhỏ với tôi: “Mình đi hành hương tu học phải chịu cực khổ một chút, mà ngồi chễm chệ trên kiệu để người ta khiêng trông thật khó coi quá, thầy thấy trong đoàn mình đâu có ai chịu ngồi, chỉ có một cô chân bị yếu đi không nổi nên mới cho họ khiêng thôi”. Nghe thế, tôi chỉ biết mỉm cười và không nói chi cả.

Nhớ lại, cách đây hơn hai năm, tức vào năm 2009, chúng tôi có tới nơi đây, nhưng lần này tôi thấy cảnh trí chung quanh hơi khác lạ. Từ con đường lên trên núi cho đến những ngôi nhà nhỏ trên đó có đôi khác. Đến nơi, chúng tôi tìm chỗ ngồi nghỉ mệt trong giây lát, rồi lên trên chỗ thờ kỷ niệm nơi Đức Phật ngày xưa ngồi tu khổ hạnh để làm lễ. Vì hang động nhỏ hẹp, không chứa được nhiều người. Bên trong thì tối om, chỉ có một vài ngọn đèn ánh sáng lờ mờ không đủ sức soi tỏ chung quanh. Chúng tôi lặng lẽ bước vào trong lạy ba lạy rồi lui ra để người khác vào. Bởi khi chúng tôi tới đây, thì có phái đoàn Phật giáo Tích Lan đã có mặt nơi đây rồi. Phái đoàn của họ rất đông. Họ ngồi chung quanh ở phía trước đèn thờ. Chúng tôi tụng một thời kinh ngắn ở phía bên ngoài. Xong rồi, mọi người trong đoàn cùng ngồi

chung quanh để nghe tôi nói chuyện. Tôi nói sơ qua về thời gian Đức Phật khổ tu nơi đây. Và bây giờ chúng ta có dịp đến đây để đánh lễ tưởng niệm Ngài.

Tôi có đọc bài thơ của một thi nhân nào đó mà tôi không còn nhớ tên tác giả. Bài thơ diễn tả thời gian mà Ngài tu khổ hạnh ở nơi đây. Tôi đọc và giải thích cho đoàn nghe.

Sáu năm khổ hạnh chốn rừng già

Gan dạ ai bằng Sĩ Đạt Ta

Chim hót trên vai sưng phủ áo

Huru kê dưới gối tuyết đơm hoa

Si cơ tạo hóa hồn mê mẫn

Thấu nẻo huyền vi trí sáng lò

Thử hỏi ai tìm chân lý ấy?

Bên bờ sông giác Đức Thích Ca.

Chiêm bái xong, trở xuống núi, chúng tôi định sẽ phát tiền cho các em ở nơi đây. Dân làng lớn nhỏ họ tụ tập nơi đây rất đông. Họ không có trật tự gì cả, vì không ai nói họ nghe. Họ làm ồn lên thiếu điều muốn xé xác chúng tôi. Dù chúng tôi có nhờ người địa phương đứng ra sắp xếp trật tự giùm, nhưng họ không nghe chi cả. Tôi thấy không ổn, nên ra lệnh cho mọi người là đình chỉ phát tiền ngay và tất cả hãy mau lên xe. Thế là mọi người vội vã chạy ra xe, nhưng họ cũng không bỏ qua. Họ chạy theo chúng tôi ra xe, kẻ thì lôi, người thì kéo. Cũng may, mọi người nhanh chân lẹ cẳng đều lên xe được hết. Thật là hết sức hỗn độn, nhân viên an ninh ở đây cũng bất lực với họ. Thế mới biết lòng tham của con người. Một khi đói khổ thì họ bất chấp thứ gì. Nhân phẩm đạo đức cũng cách làm người, đối với họ không còn giá trị gì cả. Đối với trẻ con, thì mình còn có thể tha thứ chúng được, vì chúng chưa có ý thức được giá trị nhân phẩm con người, nhưng điều đáng trách là người lớn. Họ chỉ muốn được tiền mà quên hết mọi thứ. Nói lên điều này, cũng là một bài học kinh nghiệm cho những ai khi tới nơi đây muốn phát quà cho họ. Tôi nhớ lần trước, chúng tôi với thầy Huyền Diệu phân phát quà và tiền cho chúng, lúc đó chúng đâu có làm dữ như bây giờ. Tâm tham lam

của con người thật khó lường trước được. Cũng bởi do lòng tham, cuối cùng, họ chẳng được đồng nào.

---o0o---

15.Đền Thờ Sujata (hình số 36)

Chúng tôi may mắn rời khỏi nơi đây. Trên đường về, chúng tôi có ghé lại làng Sujata, một người chẵn cừu đã dâng cúng bát sữa cho Phật, khi Ngài chưa thành đạo. Tuy nhiên, đến đây, chúng tôi chỉ ngồi trên xe quan sát giây lát rồi đi đến ngôi đền kỷ niệm người nông phu dâng bó cỏ cúng Phật để cho Ngài làm tòa ngồi. Ngôi đền thờ này nằm bên cạnh dòng sông Ni Liên Thiên. Dòng sông hiện nay đã khô cạn, chỉ còn thấy đất cát mà thôi. Nơi đây, Đức Phật đã từng xuống dòng sông này tắm gội trước khi Ngài đến cõi Bồ đề. Sau đó, chúng tôi đi đến ngôi tháp tưởng niệm Sujata. Ngôi tháp tuy không cao lắm, nhưng chu vi thì khá rộng lớn. Khi tới đây, khoảng 5 giờ chiều, chúng tôi thấy có một số người cũng đã có mặt nơi đây. Chúng tôi đứng chụp chung một bô hình kỷ niệm, rồi sau đó đi đến một ngôi trường làng để phát quà cho các em học sinh. Chúng tôi nhờ thầy cô dẫn đi. Ngôi trường này tuy bề ngang không rộng lắm, nhưng bù lại là có chiều dài. Do đó, nên người ta phân ra thành nhiều lớp. Thầy cô tập hợp các em vào trong các lớp và ngồi yên. Chúng tôi lần lượt phát tiền cho các em. Vì bất ngờ, nên chúng tôi không có chuẩn bị sách vở. Xong rồi, chúng tôi từ giả mọi người đi thẳng về chùa.

---o0o---

16.Tặng quà các em mồ côi

Sau khi về tới chùa, chúng tôi tranh thủ thời gian để đi phát quà cho các em mồ côi. Việc phân phối phát quà cho các em mồ côi hôm nay là do sư cô Phước Sinh liên lạc và sắp xếp. Phần quà gồm có gạo, tập vở và tiền. Chúng tôi đi hai chiếc xe lam, mỗi chiếc ba người. Tôi ngồi ở phía trước gần tài xế. Từ chùa đến nơi phát quà thì không xa lắm, nhưng đường gập ghềnh, gồ ghề, ổ voi, ổ gà thật khó đi. Tôi ngồi phía trước bị dẫn còn chịu không nổi, nói chi đến những người ngồi phía sau. Mỗi lần dẫn, thật thót ruột thót gan. Tới nơi tôi mới tỉnh hồn. Khi vào trong nhà, nhìn thấy chỉ có khoảng mười mấy em thôi. Khi chuẩn bị thì chuẩn bị khoảng ba mươi em.

Theo sư cô Phước Sinh cho biết là nơi đây người ta nuôi các em mồ côi, tội nghiệp lắm. Tuy nhiên, chỉ nghe nói thôi, chớ sư cô Phước Sinh cũng

chưa tới đây lần nào. Do đó, mà có một việc xảy ra không hay. Số là, phần lớn các em không còn ở đây nữa, đã di chuyển đi nơi khác rồi. Còn lại một số rất ít, nhưng cũng chưa rõ là phải hay không? Vì căn nhà rất chật hẹp, và lại chúng tôi vào trong nhà lúc đó đã gần 7 giờ tối, đèn đuốc lờ mờ không đủ ánh sáng để nhìn thấy rõ. Thậm chí chúng tôi phải sử dụng đèn pin rọi vào mới nhìn thấy rõ mặt mày các em. Khi sư cô Phước Sinh liên lạc, thì họ không nói gì đến việc các em dời đi, khi đến nơi, thì họ mới cho biết. Thấy các em nhỏ quần áo xơ xác lem luốc thật tội nghiệp. Chúng tôi từ khoảng mười mấy tuổi trở xuống. Sư cô Phước Sinh hỏi ý kiến tôi bây giờ tính sao? Có lẽ mình đã bị họ gạt rồi. Tôi nói, đã lỡ rồi, thôi thì mình cứ tặng quà cho các em. Nhất là thấy các em thật đáng thương! Thế là, chúng tôi cho người mang gạo và tập vở vào rồi tự tay tôi phát tiền cho mỗi em. Chúng tôi cho mỗi em 100 đồng tiền rupies. Xong xuôi, chúng tôi trở về chùa và rồi cùng mọi người trong đoàn đi ra nhà hàng Thái dùng cơm tối. Nhà hàng này nằm ở góc đường phía bên tay trái khi đi vào Bồ Đề Đạo Tràng. Nhà hàng, tuy không chuyên nấu đồ chay, nhưng hôm nay họ nấu ăn cũng được lắm. Có thể tùy theo hương vị của mỗi món mà mỗi người thích khác nhau. Nhưng nói chung thì ai cũng thích. Bởi thế, nên chúng tôi ăn ở đây hai lần trong thời gian ở Bồ Đề Đạo Tràng.

Ngày 15, tức ngày 1 /11/2011/

---o0o---

17. Từ giả Bồ Đề Đạo Tràng

Hôm nay là ngày cuối ở chùa Đại Giác của Phật giáo Trung Quốc. Trước khi rời khỏi nơi đây, chúng tôi đến Bồ Đề Đạo Tràng để đánh lễ tụng kinh lần chót. Đặc biệt lần này, sư cô Phước Sinh mua hoa đưa cho mỗi người một cành hoa để dâng lên cúng Phật. Vì chúng tôi đến sớm khoảng 4 giờ 30 sáng, nên trong khuôn viên vắng ít người. Chúng tôi đi thẳng vào trong ngôi Đại Tháp để đánh lễ Đức Thế Tôn. Đồng thời, cả đoàn ngồi xuống và tụng một thời kinh ngắn. Sau đó, chúng tôi ra ngoài đi kinh hành niệm Phật ba vòng chung quanh bảo tháp. Xong rồi, chúng tôi về chùa ăn sáng. Vì kỷ luật nơi đây mình phải ăn đúng giờ, nếu trễ thì họ sẽ dẹp cất đồ ăn hết. Tất nhiên, mình cũng phải trả tiền một bữa ăn, dù mình không có ăn. Bởi thế, chúng tôi phải tranh thủ thời gian về cho kịp giờ.

---o0o---

18.Một buổi họp bất thường (hình số 37)

Dùng sáng xong, chúng tôi có một buổi họp bất thường ngay tại chỗ, để cho thủ quỹ báo cáo về những phần xuất tiền làm việc từ thiện trong mấy ngày qua. Bởi số tiền và số quà đã mua, còn lại rất nhiều, do đó, cần phải giải quyết trước khi rời khỏi nơi đây. Những phần quà như gạo, bột, đường và tập vở giấy viết v.v... mọi thứ đều còn tồn đọng lại rất nhiều. Những phần quà này phải nói là do cô Nguyễn Nhật Tiến nhờ thầy Minh Đức hướng dẫn để mua. Bởi đó cũng là tâm nguyện của cô. Cứ tưởng là mình sẽ phân phát hết cho các trẻ mồ côi, người nghèo đói, cũng như các trường học. Tuy nhiên, vì không đủ thời gian để làm việc này. Chính vì vậy, nên cũng gây trở ngại làm phân tâm cho sự tu học. Nhất là sư cô thủ quỹ Phước Hòa, rất than phiền về việc giữ tiền. Bởi tiền đô đổi ra tiền Ấn Độ rất nhiều. Do đó, cuộc họp này mục đích nhằm giải quyết cho hết những phần quà còn lại.

Sau khi nêu ý kiến bàn thảo, cuối cùng, với tư cách Trưởng Đoàn tôi quyết định là tất cả số quà này sẽ hiến tặng cho ngôi trường mà sư cô Tâm Từ đang điều hành. Vì thế, tôi nhờ một vị điện thoại mời sư cô tới. Trong khi đó, với số tiền hiện có, cũng như phát tâm ủng hộ thêm, tôi quyết định ủng hộ cho các em mồ côi ở tại trường cũng như những em ở ngoài vào trường đó học tập. Đó là chúng tôi muốn tạo chút ít phương tiện cho sư cô Tâm Từ tiện bề trong việc điều hành cơ sở và giúp các em. Số tiền hiến tặng là một trăm ngàn tiền rupies. Chúng tôi trao tận tay cho sư cô Tâm Từ trước mặt mọi người trong đoàn khi đang họp. Còn tất cả những phần quà thì sư cô sẽ kê xe đến chở. Theo như sư cô Tâm Từ cho chúng tôi biết thì, hiện ngôi trường của sư cô đang dạy có khoảng 700 em.

---o0o---

19.Cúng dường tịnh tài và đạo phở

Sau buổi họp, tôi và thầy Phước Nhơn trở ra Bồ Đề Đạo Tràng để cúng dường tịnh tài cho quý sư Tây Tạng cũng như một vài vị sư thuộc các sắc dân khác. Số tiền cúng dường này, do quý vị trong đoàn đóng góp. Trong khi đó, thì có một số quý cô lợi dụng thời gian này để đi dạo shop mua sắm chút ít đồ dùng. Phần lớn là những cửa tiệm bày bán những đồ lặt vặt chung quanh Bồ Đề Đạo Tràng. Bồ Đề Đạo Tràng là nói chung, nhưng khi du khách đến đây sẽ thấy hai nơi rất khác biệt. Nghĩa là khu vực bên trong và khu vực bên ngoài. Có thể nói, đó là nội viện và ngoại viện. Nội viện, thì mọi người vào đây đều hướng tâm tu hành, một không khí tạo cho người ta

có nhiều thú vui an lạc. Nghĩa là nghiêng hẳn về đời sống tâm linh. Còn ở ngoại viện, tức ở bên ngoài đạo tràng, thì thật là nhộn nhịp, kẻ qua người lại, kẻ bán, người mua, tạo nên một không khí nghiêng hẳn về đời. Đã nói là mua bán tất nhiên là phải có sự cạnh tranh với nhau về hàng hóa và giá cả. Người Phật tử đến đây, họ chỉ muốn đi tìm cái không khí tươi mát tâm hồn và hướng nội để tìm lại nguồn sống chân thật thiêng liêng của chính mình. Còn ở bên ngoài, chẳng qua cũng chỉ là để mua vui giải trí chút thôi.

Chơn đế và tục đế, hay đời và đạo, thật sự, cũng không có gì khác biệt, nếu người khéo biết ứng dụng biết tu hành. Bởi tất cả thế gian pháp đều là Phật pháp. Chính ngay cái tục đế để tìm lại cái chơn đế. Nói cách khác, ngay nơi sanh tử để nhận ra Niết bàn; ngay nơi sanh diệt, nhận ra cái bất sanh bất diệt. Tuy nhiên, đến đây phải là hạng người xuất cách mới có thể làm được. Thông thường, thì chúng ta đều bị cái tục đế nó lôi cuốn chúng ta mất hình mất dạng. Đó là chúng ta chạy theo dòng đời và bị quay cuồng trong quỹ đạo vật chất, không biết bao giờ mới có thể thoát ra. Như những vị đi mua sắm hôm nay, cũng bị bao nhiêu thứ đồ chưng bày lôi cuốn mà quên đi ngày giờ. Đó là bị sức hút của vật chất, của những sự hào nhoáng bên ngoài. Ít có ai nhận ra được cái thực thể của vạn pháp, mà chỉ nhận những hiện tượng của vạn pháp. Chính đó là cái đau khổ triền miên của con người.

---o0o---

20. Ga xe lửa Ga Ya (hình số 38)

Đi đâu thì đi, nhưng tất cả phải nhớ là đúng 11 giờ phải có mặt tại chùa để dùng cơm trưa. Tất cả đều giữ đúng giờ. Dùng trưa xong, chúng tôi phải ra xe để chuẩn bị ra ga xe lửa đi chuyến vào lúc 2 giờ chiều. Tuy nhiên, tất cả hành lý nặng, mọi người đều mang xuống xe sau khi dùng sáng. Vì vậy, ăn trưa xong, chỉ mang hành lý xách tay lên xe thôi. Ra đến ga xe lửa, thì mới có 12 giờ trưa. Thế là phải ngồi chờ khoảng 2 tiếng. Vì hành lý nhiều cần phải đi sớm để có rộng thời gian thu xếp. Nhưng khổ nỗi, chuyến xe lửa 2 giờ bị đổi phải dời lại đi chuyến 5 giờ chiều. Như vậy, đoàn phải chờ thêm 3 tiếng đồng hồ nữa. Tuy 2 giờ chiều mà trời vẫn còn nắng gay gắt. Nắng nóng như thiêu đốt thật khó chịu. Không gì khổ bằng ngồi chờ đợi dưới cơn nắng nóng như thế này. Những chỗ dành cho hành khách chờ đợi, đều đông chật cả người. Đã vậy, còn phải hít thở bụi bặm, thật là khó thở.

Thời may, đoàn đi tìm kiếm được một nơi tương đối có chút bóng mát. Tất cả đều ngồi chung quanh bên hành lý để chờ đợi. Bảy giờ, sư cô Phước

Sinh đi tới, đi lui để hỏi chỗ bán vé mua thêm vé. Vì sợ như chuyến đi không có chỗ để hành lý. Nhưng đi kiếm hoài mà cũng không ra. Hỏi đầu này thì họ chỉ lại đầu kia. Cứ thế mà đi tới lui mãi. Lúc đó, tôi đang đứng để nhìn mọi người ở phía bên kia đường rầy xe lửa. Bỗng tôi nghe tiếng gọi thầy, nhìn lại thấy sư cô Phước Sinh. Cô nói với tôi là chỗ kia (vừa nói cô vừa chỉ), có căn nhà đặc biệt dành cho du khách ngoại quốc, thầy có thể đến đó nghỉ mát. Nghe thế, tôi liền đi theo cô. Quả thật, căn nhà có trang bị máy lạnh thật mát mẻ. Khi tôi bước vào, chỉ thấy có một hai người ngoại quốc ngồi đó. Tôi không rõ họ là người nước nào. Vì họ không có nói tiếng Anh, họ nói tiếng thổ ngữ của họ.

Chờ đợi lâu, có được căn nhà mát rượi này, và lại ngoài trời rất nóng, nên tôi ngã lưng trên ghế dài cảm thấy rất khỏe. Vừa nằm xuống một chút, thì có hai người bước vô. Tôi không nhìn, chỉ nghe tiếng nói của hai người, đó là cô Diệu Phủ và cô Nguyễn Nhật Tiến. Nghe hai cô bước vào tôi ngồi dậy. Chúng tôi chuyện trò với nhau cho đến gần 5 giờ. Giờ này xe lửa sắp đến, chúng tôi rời căn nhà này để đi đến chỗ mấy người đang chờ đợi. Về đến đây, tôi cảm ơn sư cô Phước Sinh và tôi cũng cảm ơn căn nhà này. Nhờ đó, mà tôi cảm thấy khỏe hơn. Bởi mấy ngày qua bệnh cảm của tôi cũng vẫn chưa thiệt hết.

Xe lửa đến, mọi người kéo hành lý lên xe. Nhờ lần trước mà lần này có kinh nghiệm hơn. Thay vì kéo để hành lý một chỗ như trước, lần này hành lý của ai người nấy kéo đi. Do đó, hành lý được phân tán mỏng, chỗ ai người đó tự sắp xếp để vào, miễn sao cho gọn là được. Chiếc xe lửa này so với chiếc trước, thì thoáng sạch, rộng rãi và sáng sủa hơn. Nhờ khéo sắp xếp mà tất cả hành lý được gọn gàng ngăn nắp, không choáng chỗ làm trở ngại người khác. Quả đúng với câu nói: “Thất bại là mẹ đẻ của thành công”. Một triết gia nào đó cũng nói: “Ai đã từng chiến thắng mà không từng chiến bại, ai đã nên khôn mà chẳng đại đôi lần”. Chúng tôi chỉ đại lần đầu thôi, lần thứ hai đã học khôn rồi.

Sau khi mọi việc đã ổn định, Ban trai soạn lại lo thức ăn cho đại chúng bữa ăn tối. Hai sư cô: Phước Sinh Và Huệ Hòa, cũng như một vài Phật tử nữ như các cô: Nguyễn Nhật Tiến, Nguyễn Nhật Huyền, Chân Tuệ Bửu, Nguyễn Thị Thời v.v... đều phụ lo giúp cho mọi người. Nói theo như cô Diệu Phủ thì, “chúng tôi đã quen với những bữa ăn đạm bạc “bụi đời”, nên ai cũng không thấy ái ngại ngượng ngùng gì cả. Ăn xong cũng có trái cây tráng miệng dồi dào thật là vui, với đầy đủ tình người thân thương thật ấm cúng”. Cô Diệu Phủ năm nay tuy bước qua cái tuổi “nhơn sanh thất thập cổ

lai hy”, tức qua cái tuổi bảy mươi, thế mà thần trí của cô vẫn còn minh mẫn sáng suốt. Sức khỏe của cô cũng tốt. Ai tới đâu thì cô cũng tới đó. Chỉ có một lần khi còn ở trong khách sạn Buddha Hotel thuộc vùng Kusinagara rừng Câu Thi Na nơi Đức Phật nhập Niết bàn, thì cô bị say nắng nên phải nằm nghỉ dưỡng sức buổi chiều không có đi chiêm bái cùng với đại chúng.

Và chỉ có một lần duy nhất đó thôi. Trong khi đi, tôi có nhờ ba vị ghi chép lại, cô là một trong số ba người đó. Phải nói, cô ghi rất kỹ từng chi tiết mỗi ngày trong quyển nhật ký của cô. Nhờ đó, nên giúp cho chúng tôi rất nhiều chi tiết trong việc ghi lại trong quyển sách này. Nhân đây, tôi cũng xin cảm ơn cô nhiều.

Ngoài cô Diệu Phủ ra, còn có ni cô Huệ Thanh và chú Minh Quang. Hai người này thường hay làm thơ và mỗi lần sáng tác được bài thơ nào đều có đưa cho chúng tôi xem, để chúng tôi đọc lên cho mọi người nghe. Riêng ni cô Huệ Thanh, thì tôi nhờ cô ghi rõ ngày giờ và địa điểm ở mỗi nơi. Đến nơi đâu, làm gì, thì ghi lại tóm tắt những việc xảy ra. Nhờ đó, cũng giúp cho chúng tôi trong khi ghi chép.

Chuyến tàu đêm này, hỏi ra ai nấy đều ngủ ngon lành thẳng giấc. Riêng tôi, hơi khó ngủ, mà lần này tôi cũng ngủ vùi mê mẫn luôn. Mặc dù cái giường chỗ tôi nằm lại sát với cánh cửa ra vào nơi phòng vệ sinh. Kể tới, người qua cũng đều đẩy cánh cửa đó. Có vị sợ tôi không ngủ được nên nói với thầy Minh Đức tìm chỗ khác để cho tôi ngủ. Tôi nói không sao đâu khỏi tìm mắc công. Mình ngủ không được, thì người khác cũng đâu có ngủ được. Cứ để tôi nằm đây được rồi. Giả như một đêm không ngủ cũng không sao. Tôi nói với họ như vậy. Thú thật, mở cửa qua lại thì tôi không sợ lắm, chỉ sợ họ hay kéo tấm màn của mình, không thì thỉnh thoảng qua lại họ quẹt chân mình. Như thế thì thử hỏi làm sao ngủ được?

Lần trước, tôi đã bị như thế. Cái giường mà tôi ngủ hôm nay thì không có tấm màn kéo ngang qua. Do đó, Nguyên Nhật Tiến lấy một cái mền lớn che lại. Vì nếu không che lại, thì ánh sáng của ngọn đèn rọi vào thật khó ngủ. Tôi nằm giường dưới, còn Phật tử Chánh Giác nằm trên. Chánh Giác và người bạn đời là cô Chân Tuệ Bửu kỳ này nghe tôi tổ chức hướng dẫn đi tu tập, hai ông bà liền hưởng ứng xin ghi tên tham gia. “Chánh Giác là người trông rất hiền từ, nói năng chậm chạp từ tốn. Trông ông có vẻ đạo đức lắm.

Tánh tình cũng dễ mến”. Đó là lời nhận xét của thầy Phước Nhơn nói với tôi. Chánh Giác và Chân Tuệ Bửu thường tham dự các khóa tu học xuất gia ngắn hạn ở Tổ Đình Phước Huệ. Những khóa tu này, tôi cũng thường hướng dẫn. Chánh Giác cũng theo học một vài kỳ với tôi. Chánh Giác nói

với tôi là khóa tu xuất gia ngắn hạn năm nay, con và bà xã sẽ xin Hòa Thượng Thích Phước Huệ xuất gia thực thụ luôn. Nghe nói, tôi cũng chúc mừng cho hai người.

Chúng tôi nằm theo kiểu giường chông. Lần này khác hơn lần trước, tôi không còn nghe tiếng kèn tây, kèn ta gì nữa cả. Ngược lại, có thể là người khác nghe tiếng kèn thổi của tôi nữa không chừng. Không biết Minh Quang có ngủ được không, mà lại có nhã hứng viết một bài thơ với tựa đề là: “Chuyến Tàu Đêm”. Viết xong, chú đưa cho tôi xem. Chú Minh Quang thì thích làm thơ lắm. Tới đâu chú cũng làm thơ. Làm được bài thơ nào thì đưa cho tôi xem bài thơ ấy. Tôi cũng thường khuyến khích chú nên ghi lại để kỷ niệm. Thơ tuy không hay lắm, nhưng ít ra cũng nói lên được cái nỗi lòng cảm nghĩ sâu kín của mình. Tôi nói với chú, làm thơ hay hay dở không thành vấn đề. Mình làm theo sự cảm quan của mình thôi. Còn chuyện hay hoặc dở, đó là tùy độc giả nhận xét. Mình cũng không quan tâm chi vấn đề đó. Làm thơ cũng là một trong những cái thú vui tiêu khiển của con người.

Chiều nay đến trạm Ga Ya

Xuôi về thủ phủ đoàn ta lên đường

Ra đi lòng vẫn vấn vương

Cội Bồ đề với mùi hương của trầm

Giường, chông chẵn gối ta nằm

Suốt đêm thao thức trầm ngâm chẳng sầu

Con tàu chạy suốt đêm thâu

Qua bao đồng ruộng nương dâu núi đồi

Chập chờn giấc ngủ nửa vời

Lắng nghe sâu cạn từng hơi mỗi người

Già nua cùng với đôi mươi

Trông bình minh tới ngày tươi nắng hồng

Từng giây từng phút chẳng mong

Trở về đất Phật thông dong một thời

Bên nhau vui sống thanh thoi

Đồng hành cùng nói những lời yêu thương

Mai đây mỗi kẻ mỗi đường

Tàu đêm hai chuyến vô thường qua mau

Mai này biết có phùng tao

“Động Tâm” mãi nhớ chuyến tàu không quên.

Trong tập nhật ký, cô Diệu Phủ có ghi lại một đoạn diễn tả thời gian ở trên xe lửa như sau:

“Trải qua một đêm và cả buổi sáng trên xe lửa, chúng tôi cảm thấy cũng không lâu lắm. Có lẽ một phần lúc nào trên đó cũng sinh động kẻ đi tới người đi lui từ các toa khác. Những người bán hàng rong đồ ăn nước uống qua qua lại lại rao mời. Mọi người không trò chuyện thì ăn uống không ngừng. Mới tảng sáng quý sư cô đã cho ăn khoai luộc. Sau đó, tự túc nấu mì ăn liền tại chỗ. Phương tiện nấu nước thật khó khăn chật vật, vậy mà cũng có một buổi điểm tâm bỏ túi ngon lành. Phòng ngủ của chúng tôi và 2 giường sát cửa sổ của thầy Phước Thái và Phật tử Chánh Giác. Tọa chúng tôi ngủ được may mắn nhất là phòng tôi được gần gũi Thầy để nghe Thầy nói chuyện này kể chuyện nọ vừa vui vừa bổ ích”.

Ngày 16, tức ngày 2/10/2011/

---o0o---

21.Trên đường về khách sạn

Chúng tôi đến Tân Đề Li vào lúc 11 giờ 30 trưa. Thế là, phải mất 20 tiếng đồng hồ mới tới. Lần này, ngồi trên xe buýt trở về lại Tân Đề Li, tự nhiên tôi lại bồi ngùi nhớ đến một bậc cao Tăng đã an nhiên tự tại xả báo thân nơi thành phố lịch sử Tân Đề Li này. Bậc cao Tăng đó không ai khác hơn chính là Sư Cụ Huệ Quang (tên gọi ở miền Nam). Tôi nhắc lại một vài thành tích mà Ngài đã đóng góp trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền nam. Dù rằng, lúc đó, tôi không nhớ rõ những chi tiết, tôi chỉ nhớ đại khái

mà khi xưa, tôi có dịp được nghe qua một vài bậc tôn túc đã kể lại. Và sau này, tôi có dịp đọc lại lịch sử ghi lại thời bấy giờ. Nên bây giờ tôi vẫn còn nhớ chút đỉnh. Nhân đó, tôi trình bày đại khái cho mọi người trên xe nghe. Có thể nói, Ngài là một trong những bậc cao Tăng đã đóng góp công lao rất nhiều cho sự vận động thống nhất Phật giáo thời đó. Túc vào khoảng năm 1937, Ngài đã viết trong tạp chí Duy Tâm kêu gọi các hội Phật giáo nên có một Đại Hội Phật Giáo toàn quốc vạch ra đường hướng và chương trình hoạt động thống nhất.

Ngày 11 tháng 11 năm 1956, Ngài đã lãnh đạo phái đoàn Phật Giáo Việt Nam đi dự hội nghị lần thứ tư của hội Thế Giới Phật Giáo Liên Hữu (World Fellowship of Buddhists) tổ chức tại Nepal từ ngày 15 đến ngày 21 tháng mười năm 1956.

Sau khi cùng phái đoàn đi tham quan chiêm bái một vài nơi Phật tích, do T.T Minh Châu (danh xưng thời đó) hướng dẫn, vì lúc đó HT Minh Châu đang du học ở Ấn Độ. Phái đoàn rời phi trường Kathmandu trở về NewDehli dự lễ Buddha Jayanti do chính phủ Ấn Độ tổ chức.

Sau buổi lễ bế mạc, Ngài cảm thấy trong người khó chịu và tức tốc đưa Ngài vào bệnh viện Willingdom ngay để chữa trị. Nhưng không còn kịp nữa rồi, vì Ngài đã bị đứt một gân máu. Ngài viên tịch vào lúc 18 giờ 15 ngày 2.12.1956 tại bệnh viện Willingdom.

Chúng tôi vừa nói xe vừa chạy ngang qua thành phố nổi tiếng với những nét mang đầy màu sắc cổ kính. Nơi đây, Phật tử Minh Quang cũng có viết một bài thơ nói về thành phố này. Bài thơ với nhan đề là:

Tân Đề Li

Tân Đề Li vô cùng náo động

Nhạc ca vang vọng pháo đì ùng

Xe qua lại cát bụi tung

Lễ hội ánh sáng khắp cùng mọi nơi

Nơi Huệ Quang tịch khi hành pháp

Tưởng niệm Ngài lay đáp thâm ơn

*Đến đây mới rõ nguồn cơn
Có đến mới biết giang sơn xứ người
Tân Đề Li hoa tươi vườn rộng
Đêm ngày náo động phố người đông
Đến đây cứ mãi cầu mong
Nhơn sinh bớt khổ bụi hồng bớt bay
Tạo hóa khéo bày trò tang tóc
Cho bao người nhe nhóc làm than
Nguyện cầu giáo chủ Lạc bang
Độ người quy hướng đạo vàng Như Lai*

Sau khi về tới khách sạn, tắm rửa xong, nhà bếp khách sạn nấu không kịp để dùng trưa, thế là có một số quý cô còn khỏe rữ nhau đi dạo shop. Người nào không khỏe và không thích dạo shop thì nằm nhà nghỉ. Vì những dãy shop gần khách sạn, nên họ đi dạo mua sắm chút ít đồ, xong rồi, mọi người trở về khách sạn dùng cơm. Vì gấp quá, nên họ nấu thức ăn cũng sơ sài. Do đó, nên hai sư cô trong Ban Trai soạn phải luộc rau thêm. Vì ai cũng thích ăn rau luộc để nuốt.

---o0o---

VIII.Tân Đề Li (lần thứ 2)

01.Thời Kinh cầu nguyện (hình số 39)

Dùng cơm xong, mọi người nghỉ ngơi và đến 5 giờ chiều, chúng tôi đến một ngôi chùa Tây Tạng ở gần đó để tụng kinh cầu nguyện cho thế giới hòa bình chúng sanh an lạc. Đồng thời cũng để tưởng niệm ân đức sâu dày của Cố Hòa Thượng Huệ Quang. Vì Ngài đã viên tịch nơi đây như đã nói ở trên. Buổi lễ tụng niệm thật trang nghiêm. Mọi người như để hết tâm thành vào việc tụng niệm này. Trước khi bắt đầu hành lễ, tôi có thưa qua vài lời. Tôi nói thêm mà những gì khi sáng trên xe tôi chưa trình bày hết. Mọi người chú tâm theo dõi lắng nghe. Chúng tôi nghĩ, đến đây mà mình không biểu lộ chút

lòng thành dâng lên cúng dường một bậc cao Tăng tài đức vẹn toàn và một sự đóng góp lớn lao cho Phật giáo Việt Nam thời đó, thì thật là một thiếu sót rất lớn. Chúng ta là những kẻ hậu học được thừa hưởng một gia tài sự nghiệp quý báu do các bậc tôn túc đã dày công tạo dựng để lại, chúng ta phải có nhiệm vụ duy trì bảo vệ và phát triển, bằng cách là mỗi người phải gia công tu học, nhất là phải chịu khó nghiên tầm học hỏi, nêu cao xiển dương chánh pháp Phật Đà, để xứng đáng làm con cháu của các Ngài. Buổi lễ diễn ra hết sức trang trọng và thành kính.

Làm lễ xong, chúng tôi đại diện trong đoàn dâng lên chút ít tịnh tài để cúng dường Tam Bảo và cúng dường chư Tăng ở nơi đây. Một vị sư Tây Tạng nhận lấy, rất tiếc là vị sư này không nói được tiếng Anh. Trên đường về lại khách sạn, có một vài vị nhờ tôi lựa giùm một vài cái chuông. Tôi còn nhớ có ba vị thỉnh ba cái chuông nhỏ. Có điều cũng lạ, có một người Tây phương có thể là người Anh hơi trọng tuổi, ông thấy chúng tôi lựa chuông, ông cũng muốn thỉnh một cái và ông nhờ tôi lựa giùm. Đây là lần đầu tiên tôi mới gặp.

Hôm nay chúng tôi dùng cơm trễ hơn mọi khi, hơn 7 giờ tối, chúng tôi mới dùng. Ăn xong, mọi người về phòng nghỉ ngơi để chuẩn bị cho một cuộc hành trình kế tiếp.

Ngày 17, tức ngày 3/11/2011/

---o0o---

02. Thời công phu khuya

Đặc biệt buổi sáng hôm nay, chúng tôi thức dậy vào lúc 4 giờ 30 như thường lệ, sau đó, chúng tôi lên trên lầu 3 để công phu khuya. Sở dĩ có buổi công phu khuya này, là vì tôi có nhờ cô Nguyễn Nhật Tiến hỏi giùm văn phòng ở đây xem có chánh điện thờ Phật hay không? Bởi ở đây không phải thuần túy là khách sạn không thôi, mà còn là chùa nữa. Chùa thì phải có chánh điện thờ Phật chứ. Sau khi hỏi, mới biết trên lầu 3 có điện Phật. Thế là, chúng tôi thông báo đại chúng khuya lên công phu. Khi lên chùa còn khóa cửa, nên Nguyễn Nhật Tiến phải đi hỏi để mượn chìa khóa. Có một vị sư đến mở khóa cho chúng tôi. Ông này còn sắp bỏ đoàn cho chúng tôi ngồi tụng kinh. Nơi đây, thật là thanh vắng yên tịnh, nhất lại là buổi sáng sớm không nghe tiếng động. Chúng tôi tụng chú Lăng Nghiêm và Đại Bi Thập Chú theo đúng nghi thức của thời công phu khuya trong thiền môn. Mọi

người đều tập trung lên đây tụng niệm, không có ai viện có lý do gì để nằm ngủ tiếp. Đó là điều tinh tấn thật đáng khen.

Cần nói thêm, cách thiết trí tôn thờ của họ nơi đây hơi khác lạ. Không giống như các chùa khác mà chúng tôi đã đi qua. Ngoài việc thờ tôn tượng Phật Thích Ca ra, mỗi nơi họ đều có để thờ chân dung của đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 hiện tại. Họ để tượng của đức Đạt Lai Lạt Ma phía trước tượng Phật Thích Ca. Tôi hơi ngạc nhiên và trầm nghĩ, thường thì các vị tổ sư sau khi viên tịch, người ta mới thiết trí tôn thờ. Mà chỉ tôn thờ ở bàn hậu tổ thôi, chứ đâu có ai thờ trên bàn Phật chánh điện bao giờ.

Còn đức Đạt Lai Lạt Ma, Ngài hiện còn sống mà sao người ta lại thờ chung với Đức Phật? Nếu như họ treo trên tường hoặc tôn trí nơi đâu để chiêm ngưỡng thì không nói, nhưng ở đây, họ lại thờ chung với tượng Đức Phật, mà lại để Ngài phía trước tượng Đức Phật nữa, điều đó, thú thật, tôi vô cùng ngạc nhiên. Không lẽ đức Đạt Lai Lạt Ma hơn Phật sao? Bởi khi làm lễ người ta phải lạy chân dung của Ngài trước, rồi sau mới tới Phật. Hiện Ngài còn sống mà sao người ta lại thờ như thế? Tuy thắc mắc trong lòng, nhưng tôi không có nói ra. Sự thật thì không biết như thế nào, cho nên không dám nói cho ai biết. Vì mình chưa rõ tập tục sự tôn thờ của họ ra sao. Cũng có thể họ coi trọng đức Đạt Lai Lạt Ma như là ông Phật sống chẳng! Mà dẫu có coi như là ông Phật sống đi nữa, thì đức Đạt Lai Lạt Ma chả lẽ hơn Đức Phật sao? Vì Ngài cũng đang tu và thật hành theo gương công hạnh của Đức Phật kia mà! Thật là khó hiểu. Vì thấy cách thờ phụng hơi lạ đối với tôi, nên tôi đâm ra chút thắc mắc đó thôi.

Sau giờ công phu sáng, chúng tôi về phòng chuẩn bị dùng điểm tâm. Tôi không ngờ, buổi ăn sáng hôm nay nhà bếp lưu động lại cho mỗi người một tô phở ngon lành. Song có điều mạnh ai nấy bung về phòng ăn. Bởi mình không có nấu công khai, vì họ đâu có cho mình mượn bếp. Đã vậy, mà còn thêm cái luộc và bắp trái nữa. Thật là một bữa điểm tâm thịnh soạn quá chừng.

Dùng xong, tôi nhờ ni cô Huệ Thanh và Nguyên Nhật Tiến giúp tôi về việc ký phiếu phát quà cho 500 hộ nghèo. Theo sư cô Phước Sinh cho biết, có một xóm rất nghèo túng, nhà cửa xập xệ, cơm không đủ ăn áo không đủ mặc. Nhiều lúc cô nghĩ muốn giúp họ mà không biết phải làm sao giúp được, vì không có tiền bạc. Tôi nói, nếu thế, thì mình ghi phiếu rồi đến tận nơi phát tiền cho họ. Tuy nhiên, phải nhờ người địa phương giúp mình. Tôi nghĩ, chỉ cần có người đứng ra kêu gọi dàn xếp cho có trật tự, rồi mình tới

lần lượt phát tiền cho họ, thế là yên xuôi. Để tránh giả mạo không tốt, tôi phải ký 500 phiếu đến tận mỗi gia đình phát cho họ. Mỗi người phụ giúp một tay, kẻ cắt giấy, người ghi chữ, tôi thì cặm cụi ký tên. Cứ thế mà làm cũng phải mất mấy tiếng đồng hồ mới xong.

---o0o---

03.Nhà hàng Đại Hàn

Theo chương trình, chiều nay, đoàn sẽ đi Nam Ấn để tham quan hai hang động nổi tiếng là Ajanta và Ellora. Tuy nhiên, trước khi đi, chúng tôi cần phải có một bữa ăn cho lạ khẩu vị một chút. Vì vậy, bữa ăn trưa hôm nay chúng tôi đến nhà hàng Đại Hàn để dùng bữa. Nhà hàng này, đúng hơn như là một cái quán bán cà phê, vì chỗ để bàn ghế không được rộng lắm. Đoàn chúng tôi vào đã chiếm hết chỗ và bàn ghế. Người chủ nhà hàng là người Hàn quốc nên cách tiếp đãi xử sự của họ rất là vui vẻ và lịch sự. Đầu tiên, họ bung ra mấy đĩa dưa kim chi. Hai người một đĩa như để khai vị. Sau đó, là một đĩa cơm, bún xào và mỗi người thêm một chén soup. Tuy đồ ăn cũng thường thôi, nhưng đối với xứ này thì cũng cảm thấy lạ miệng. Ăn vừa xong, họ đem ra mỗi người một tô kem trái cây có đá bào lót dưới. Đây là món tráng miệng đặc biệt của họ. Chưa hết, còn thêm một món chè nữa. Người nào mạnh sức chuyên chờ thì tiêu thụ nổi, còn người nào yếu sức thì chỉ còn có nước là phải take away thôi.

---o0o---

04.Phi trường chờ đợi

Sau đó, chúng tôi trở về lại khách sạn để chuẩn bị lên đường. Theo vé máy bay là đúng 3 giờ chiều máy bay cất cánh, thế nhưng họ cho biết là phải trễ đến 5 giờ. Vì đi chỉ có hai ngày nên chúng tôi cũng không có mang hành lý nhiều, chỉ hành lý xách tay là đủ. Do đó, nên làm thủ tục giấy tờ rất nhanh. Xong rồi, chúng tôi vào bên trong chờ đợi. Thấy thời giờ còn rộng, bụng lại đói, nên tôi kêu thầy Phước Nhơn và Chánh Giác đi tìm thức ăn bỏ bụng. Chúng tôi tìm được Mc Donald mỗi người mua một cái bánh, đến bàn ngồi ăn. Ăn xong, chúng tôi trở lại chỗ mọi người đang chờ. Họ ngồi chòm nhum chuyện trò tâm sự. Nhờ chuyện trò mà thời gian chờ đợi cũng qua mau. Đến giờ, chúng tôi kẻ xách, người mang hành lý lên vai để lần lượt lên máy bay. Thời gian chỉ hơn 1 tiếng đồng hồ là tới phi trường. Vì nội địa nên đi rất nhanh. Từ phi trường chúng tôi ra xe bus để về nhà trọ.

IX.Aurangabad - Nam Ấn

01.Nhà trọ

Tới nhà trọ nhìn đồng hồ tay chưa tới 9 giờ tối. Mọi người đứng ngoài sân chờ đợi để nghe kêu tên lấy chìa khóa nhận phòng như thường lệ. Đến mỗi nơi nhà trọ là như thế. Nhưng lần này có khác. Vì nhà trọ này, họ chia làm hai nơi, tức hai tòa nhà riêng biệt. Một số thì ở tòa nhà phía trước và một số thì ở phía sau. Theo thầy Minh Đức cho biết cách đây 4 năm, thầy có đến đây và ở nhà trọ này, nhưng bây giờ không ngờ nó có sự thay đổi như thế. Việc ở trước, ở sau, không thành vấn đề. Vì ở đâu cũng được miễn có chỗ nghỉ ngơi là được rồi. Tuy nhiên, có một điều xảy ra không ổn, là khi nhận phòng vào để tắm rửa ngủ nghỉ, (khở nổi không có nước nóng), thì có người phát hiện la lên giường nệm có rệp, không phải tất cả phòng đều như thế. Tôi chỉ nghe một vài người than phiền thế thôi.

Việc đó sẽ giải quyết sau, trước mắt là chúng ta phải lo kiếm chỗ giải quyết cái bao tử cho no đã. Tôi nói với mọi người như thế. Thế là cả đoàn đi tìm nhà hàng để vào ăn. Đông quá đâu có nhà hàng nào làm thức ăn cho mình có ăn liền được. Tất nhiên, là phải đặt trước và chờ đợi hơi lâu. Thầy Minh Đức tìm nhà hàng để đặt thức ăn. Chúng tôi lên phòng nghỉ ngơi khoảng 1 tiếng đồng hồ sau, thì mọi người kéo nhau đến nhà hàng Ấn Độ gần đó để ăn.

Ăn xong cũng hơn 11 giờ. Trên đường trở về nhà trọ, tôi bàn với mọi người trường hợp có rệp như thế thì làm sao ngủ được? Bởi sức khỏe là trên hết. Thế nên, bây giờ phải tìm cách thuê khách sạn khác. Đã gần nửa đêm, biết khách sạn nào còn trống đâu mà thuê? Nhưng thuê đâu phải chỉ một hai phòng, mà phải 16 phòng mới đủ. Thật là khó khăn tấn thối lưỡng nan. Tôi mới bảo Nhật Tiến thử đi tìm hỏi coi có khách sạn nào trống đủ số phòng thì mình mượn. Có mắc chút đỉnh cũng không sao, miễn mọi người vui vẻ yên ngủ là được rồi. Lúc đầu có một cái khách sạn còn trống được đâu 7 hay 8 phòng gì đó. Họ nói nếu mình chịu thì họ sẽ đem giường vô thêm, mỗi phòng 3 hoặc 4 người. Tôi không chịu vì như thế e cũng khó ngủ và chật chội. Cũng tội nghiệp cho Nguyễn Nhật Tiến, nhờ nói tiếng Anh khá, nên cô cố gắng chạy hỏi tìm cho được. Thời may, có một khách sạn phòng còn trống đủ số phòng cho mình mượn. Từ nhà trọ cũ qua nhà trọ này không có xa. Thế là chúng tôi quyết định phải dọn đi. Trở về, tôi nói với thầy Minh

Đức là trả phòng lại cho họ mình không thuê nữa, lý do là vì phòng không sạch sẽ, nước nóng không có, lại thêm có rệp nữa, không ai hài lòng cả.

Thầy Minh Đức thay mặt đoàn thương lượng nói chuyện với họ, cuối cùng, mình phải chịu mất tiền phòng một đêm. Lúc đầu họ đòi phải trả cho họ hai đêm, vì mình thuê hai đêm, thật là phi lý, không ở mà phải trả tiền, chúng tôi đòi nhờ đến luật pháp can thiệp, nếu họ còn đòi như thế. Khi nói đến pháp luật, thì họ mới chịu cho mình trả một đêm. Thế là chúng tôi dọn hành lý đi qua khách sạn mới. Khách sạn này có tên là Great Punjab. Lúc đó khoảng 12 giờ khuya. Để diễn tả lại cảnh này, Minh Quang có làm bài thơ với tựa đề là:

Nửa Đêm Ngoài Phố

Trên trời có nửa vầng trăng

Đường vắng mờ ảo đường giăng phố lâu

Thầy trò nhẹ bước về đâu?

Nửa đêm ngoài phố canh trâu không nhà

Lữ hành nào trẻ với già

Gót chân mệt mỏi Ta bà chán chê

Chùng nào thực sự trở về

Nửa đêm ngoài phố tỉnh mê đạo đời

Trên trời có nửa vầng trăng

Ngàn sao lấp lánh giăng giăng thiên hà

Về đây hòa hợp tăng già

Gặp nhau câu pháp quê nhà Như Lai

Rảo đi ngoài phố đêm nay

Đồng hành ghi nhớ những ngày bên nhau

Có người còn diễn tả thê thảm xác thực hơn:

Nửa đêm dạo phố ngoài trời

Có người rệp cắn ai ơi khổ sầu

Nửa đêm không biết ngủ đâu

Đi tìm khách sạn mong sao có phòng

Hành lý tay xách vào trong

Hai người chung ngủ một phòng rất ngon

Dù cho sông cạn đá mòn

Không quên ngoài phố món ngon nhà hàng

Nhà hàng tuy chẳng khách sang

Cà ri Mì Hải(Thượng Hải) ăn toàn đồ chay

Dù cho mệt nhọc chẳng nài

Quyết tâm tu học ngày ngày an vui

Thương cho nhà bếp lui cui

Sáng trưa lo nấu an vui chẳng phiền

Hành hương chiêm bái bình yên

Nửa đêm ngoài phố chẳng phiền chẳng than

Hai ngày chiêm bái động hang

Ajanta với Ellora kỳ quan tuyệt vời.

Chuyến đi lịch sử để đời

Vượt qua gian khổ sáng ngời đạo tâm

*Đến đâu kinh kệ thậm thâm
Ngồi thiền, tụng niệm hướng tâm đạo màu
Đất Phật chiêm bái cao sâu
Hành trình đất Phật nơi đâu cũng nhàn
Một lòng quy hướng Lạc Bang
Chỉ thành niệm Phật Tây phang mau về.*

---o0o---

02.Hang động Ajanta (hình số 40)

Sau một ngày và nửa đêm mệt mỏi, sáng nay, mọi người thức trễ hơn mọi khi để lấy thêm sức. Tuy nói trễ, nhưng cũng khoảng 6 giờ sáng. Khách sạn này, họ cho chúng tôi mượn nhà bếp tùy ý sử dụng. Bữa điểm tâm hôm nay mọi người hài lòng, vì nhà bếp lưu động cho ăn cũng đủ thứ. Nào mì, phở gói, bánh mì nướng, trứng gà chiên, cà chua, rau cải, dưa leo v.v... tùy sở thích của mỗi người mà nhận thức ăn.

Theo chương trình, hôm nay chúng tôi sẽ đi tham quan chiêm bái các hang động ở Ajanta. Chúng tôi bắt đầu khởi hành vào lúc 8 giờ sáng. Trên đường đi, chúng tôi ghé lại một nhà hàng để dùng cơm. Nói nhà hàng cho oai, chớ thật ra giống như một cái quán ăn bình dân bên đường ở Việt Nam. Lúc đó, là 11 giờ 30 trưa. Quán ăn nơi đây, họ làm cũng nhanh. Bữa thức ăn mình kêu cũng đơn giản thôi. Những gì mình thấy họ có thể làm nhanh thì mình kêu. Ăn xong, chúng tôi tiếp tục lên đường. Từ quán ăn này đến hang động không xa lắm. Tới nơi, chúng tôi đi bộ vào một đồi và rồi mua vé xe buýt địa phương đưa chúng tôi vào. Vì từ chỗ đậu xe đi tới hang động cũng hơi xa. Do đó, phải đi xe buýt.

Ajanta là một di tích lịch sử lâu đời. Đây là những hang động mang màu sắc thuần túy Phật giáo. Tuy nhiên, trải qua một thời dài hàng mười mấy thế kỷ không ai biết tới. Nó đi vào lãng quên trong tư tưởng của nhơn loại. Mãi đến đầu thế kỷ thứ 19 người ta mới khám phá ra. Điều kỳ lạ sự khám phá này chỉ là một sự tình cờ. Thật ra, không ai nghĩ tới để tìm kiếm. Dù trước đó nó có mặt trải qua cũng vài thế kỷ. Người khám phá đầu tiên, chính là đại úy John Smith. Ông này chỉ uy một đội kỵ mã thứ 28 của đoàn kỵ binh

người Anh nằm trong đoàn quân viễn chinh. Từ dưới chân núi nhìn lên anh thấy có những cửa hang trên vách đá. Anh để ý tò mò khám phá. Anh biết rằng, những hang động không phải do thiên nhiên tạo thành mà do tay người đục khắc làm ra. Anh bắt đầu tìm cách leo lên rất khó khăn. Tuy nhiên vì anh thường đi săn bắn và cũng đã quen trèo núi rồi. Do đó, dù có khó khăn cách mấy, anh cũng tìm cách trèo lên cho bằng được. Khi khám ra, anh ta ngạc nhiên vô cùng. Những hang động tuyệt đẹp như thế này mà sao không ai biết cả. Anh ta lấy bút chì ghi tên mình và ngày tháng vào một góc kín đáo trên một trụ đá ở cửa hang lớn. Nét bút chì đó hiện nay vẫn còn mờ mờ. Đó là vào ngày 8 tháng 4 năm 1819.

Cách năm năm sau, một viên trung úy khác tên là James Alexander, anh này thuộc đội quân xung kích thứ 16 cũng nằm trong đoàn quân viễn chinh Anh quốc. Anh xin nghỉ phép vài hôm để cùng đồng đội rủ nhau đi săn. Viên trung úy trẻ này rất say mê săn bắn. Tuy có nhiều thú dữ mà anh đã được dân làng cảnh báo, nhưng anh vẫn không nao núng sợ hãi. Anh nhờ một người thợ săn chuyên nghiệp địa phương dẫn đường. Trong lúc đi vào hẻm sâu hang núi, tình cờ anh phát hiện ra những hang động trên những vách đá này. Anh biết đây là do bàn tay của con người tạo ra. Anh tiếp tục khám phá chui lách mình vào những hang đá lớn nhỏ. Càng khám phá anh càng giật mình và kinh ngạc, không hiểu sao mà người ta có thể tạo ra được như thế này. Trên tường trong hang có nhiều bức tranh vẽ tuyệt đẹp và có nhiều tượng Phật đục đẽo quá sắc xảo tinh vi. Anh không thể nghĩ ra. Thế là cả đội săn bắn hôm đó không còn ai tha thiết gì đến việc đi săn nữa, mà tất cả say mê nhìn những cảnh tượng trong các hang động này. Sự khám phá của anh được ghi lại là vào tháng 2 năm 1824. Anh cho rằng chính anh đã khám phá ra một kỳ quan chưa từng có. Và anh cũng không biết rằng, trước anh đã có người khám phá ra rồi.

Từ đó tin đồn việc khám phá của viên trung úy này được loan truyền đi khắp nơi. Tin truyền đi đến tai của các nhà khảo cổ học, bằng mọi giá họ phải tìm đến đây tham quan cho kỳ được. Đến nơi, sau khi sát nghiệm, họ xác nhận đây là một trung tâm Phật giáo lâu đời và đồ sộ chưa nơi nào sánh kịp. Các nhà khảo cổ bèn mượn tên của ngôi làng gần nhất có tên là Ajanta. Họ lấy tên làng này để đặt tên cho khu vực của các hang động ở đây. Đó là nguyên ủy xuất phát của tên gọi Ajanta.

“Ajanta là một tu viện Phật giáo gồm 29 hang động đục sâu vào vách núi tạo thành các "ngôi chùa" và "tịnh xá". Vách núi là đá basalt, một loại đá núi lửa rất cứng. Trong số 29 hang động có ba hang còn bỏ dở dang chưa

hoàn tất. Theo cách bố trí thì các hang được chia làm hai loại: loại thứ nhất là các hang "chính điện" hay "thiền đường" (chaitya) bên trong cùng là bệ thờ và nơi bệ thờ có một bảo tháp (stupa). Loại hang thứ hai là các hang "tịnh xá" (vihara) là nơi nghỉ ngơi và trú ngụ của tăng đoàn, gồm có một gian tập thể và nhiều phòng nhỏ.

Cách kiến trúc, tranh vẽ và điêu khắc trong hang cho thấy là Ajanta được thực hiện vào hai thời kỳ cách nhau khá xa. Thời kỳ thứ nhất kéo dài từ thế kỷ thứ II trước Tây lịch đến từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch và chịu ảnh hưởng rõ rệt của Phật giáo Nguyên thủy (Theravada). Cách trang trí trong thời kỳ này khá đơn giản và kém phần hoa mỹ, đặc biệt nhất là không có một biểu tượng nào tượng trưng cho Đức Phật. Thời kỳ mở mang thứ hai thuộc vào thế kỷ thứ V và chịu ảnh hưởng của Phật giáo Bắc tông, thời kỳ xây dựng này tuy ngắn ngủi nhưng đã thực hiện được nhiều hang động thật đồ sộ, với cách thiết kế phức tạp hơn, trang trí cũng phong phú và màu mè hơn. Các hang động Ajanta có thể đã bị bỏ hoang từ thế kỷ thứ VI, tuy nhiên, theo một vài tư liệu khác thì tăng đoàn vẫn còn lưu lại tại Ajanta cho đến thế kỷ thứ VIII trước khi rời bỏ nơi này". (11)

Ngày nay, theo sự tìm hiểu nhận xét đánh giá chung của các nhà khảo cổ, thì họ cho rằng quá trình thành lập Ajanta trên bình diện tổng quát thì các hang động 9,10,19,26,29, là các hang chánh điện (chaitya) còn lại tất cả đều là các tịnh xá (vihara). Theo ông Hoàng Phong cho rằng: "Ajanta đã được thành lập qua hai thời kỳ khác nhau: thời kỳ thứ nhất kéo dài từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch; thời kỳ thứ hai khá ngắn ngủi thế kỷ thứ V sau tây lịch. Trong đợt phát triển thứ nhất, thì Ajanta có thể chỉ là các tịnh xá dùng làm nơi trú ngụ tạm thời cho các vị tỳ kheo Nam tông trong mùa kiết hạ, sau đó thì các tăng đoàn mới lưu lại lâu dài hơn và sinh hoạt thường xuyên hơn. Giai đoạn thứ hai, được phát triển vào thời kỳ bành trướng lớn của Bắc tông và Ajanta đã trở thành một đại học Phật giáo. Sau cùng thì Ajanta trở nên hoang phế và chìm vào quên lãng từ thế kỷ thứ VI (hay thứ VIII tùy theo tư liệu) cho đến ngày đại úy John Smith đi tuần tra ngang đó vào tháng tư năm 1817, tổng cộng lại thì Ajanta đã ngủ yên trong rừng sâu hơn một ngàn hai trăm năm".

Sau khi xem qua các hang động ở nơi đây, có người thắc mắc hỏi tôi: Tại sao một kỳ công tuyệt hảo như thế này mà người ta lại lãng quên suốt hàng bao nhiêu thế kỷ? Và tại sao nó lại suy tàn chôn vùi như thế này? Do ai gây ra sự suy tàn sau những thế kỷ hưng thịnh ở nơi đây?

Để trả lời cho sự thắc mắc này, tôi xin nêu ra đây một đoạn mà tác giả Hoang Phong viết về Ajanta, đã nói rõ nguyên nhân của sự suy tàn của Ajanta như sau:

“...Ấn độ thì có lẽ cần phải nhìn vào bối cảnh chung của lịch sử quốc gia này vào thời bấy giờ. Vào thế kỷ thứ V, các đạo quân Hung nô xâm lăng Ấn độ đã tàn phá hầu hết các trung tâm Phật giáo lớn trong vùng tây bắc của nước này. Rất nhiều tư liệu cho biết là các đạo quân xâm lược Hung nô rất thù ghét Phật giáo, giết tăng ni và tàn phá chùa chiền, nhưng lại không giải thích vì lý do gì. Tuy nhiên, người ta có thể nghĩ rằng người Hung nô rất thù ghét người Hán và đã gián tiếp không thích tôn giáo của họ tức là Phật giáo. Sự xâm lăng của các đạo quân Hung nô vào miền bắc Ấn độ làm cho đế quốc Gupta phải tan rã. Khi toàn thể miền bắc Ấn bị chia cắt thành nhiều vương quốc và giặc giã nổi lên khắp nơi thì người dân phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn của mình để chạy loạn và đã đổ dồn về các vùng miền đông và trung Ấn. Sự sãi cũng chạy theo và có lẽ sự phát triển và xây dựng Ajanta cũng vì thế mà phải ngưng lại vào thời kỳ này tức là vào cuối thế kỷ thứ V hay đầu thế kỷ thứ VI. Sự sinh hoạt của tăng đoàn nơi các hang động Ajanta cũng bị thu hẹp và hai thế kỷ sau thì hoàn toàn trở thành hoang phế. Ajanta chìm vào quên lãng hơn một ngàn năm cho đến tháng 2 năm 1824 khi trung úy James Alexander trong một cuộc săn bắn đã khám phá ra một cách thật tình cờ.

Sau một thời kỳ giặc giã triền miên suốt hơn hai trăm năm và mãi cho đến thế kỷ thứ VII thì nhà vua Harsavardhana (606-647) dưới triều đại Pusyabhuti mới thống nhất được miền bắc Ấn. Mặc dầu triều đại này khá ngắn ngủi nhưng việc giao hảo với các quốc gia khác lại rất tích cực, nhất là đối với Trung quốc. Chính vào thời kỳ này Trung quốc đã đưa nhiều nhà sư sang tu học tại Ấn và trong số đó có ngài Huyền Trang. Trong tập **Đại Đường Tây vực ký**, ngài Huyền Trang có cho biết là một đại luận sư Phật giáo là ngài Trần Na (Dignaga, 440-520) đã từng đến Ajanta. Trong giai đoạn lịch sử này miền nam nước Ấn bị chia làm ba quốc gia khác nhau là Calukya thuộc tây nam, Pallava thuộc đông nam và Pandya thuộc cực nam. Các quốc gia này đều thấm nhuần nền văn hóa Dravidien của người Tamoul (ngôn ngữ và văn hóa rất khác với miền bắc). Mặc dù các quốc gia miền nam không thù nghịch với Phật giáo nhưng không hề ủng hộ Phật giáo như các quốc gia miền bắc. Khi các đạo quân Hồi giáo tràn vào bắc Ấn thì một số nhà sư Phật giáo thường lánh nạn lên Tây Tạng hoặc vượt biển sang Indonêxia và đã mang Phật giáo đến các nơi này.

Vào thế kỷ thứ VIII một đế quốc mới là Pala được thành lập tại các vùng miền bắc gồm có Ma-kiệt-đà (Magadha) và Orissa (miền cực đông thuộc cửa sông Hằng) và triều đại này đã đánh dấu thời kỳ hưng thịnh cuối cùng của Phật giáo tại bán lục địa Ấn độ. Dưới triều đại Pala có một số đại học Phật giáo lớn được thành lập như Somapura và Odantapuri dưới sự quản lý của một tông phái Phật giáo mới là Tan-tra thừa còn gọi là Kim cương thừa. Tông phái này được truyền vào Tây tạng kể từ thế kỷ thứ VIII.

Triều đại Pala chưa kịp củng cố lãnh thổ thì các đạo quân Hồi giáo từ Afghanistan lại tràn vào bắc Ấn đốt phá chùa chiền, giết hại sư sãi. Đại học Na-lan-đà bị san bằng vào năm 1199, sư sãi bị giết, thư viện bị đốt sạch và biển cổ này đã đánh dấu trang cuối cùng của lịch sử Phật giáo kéo dài mười bảy thế kỷ trên phần đất này của địa cầu”.

Sở dĩ chúng tôi dẫn chứng và trình bày dài dòng như thế, để cho chúng ta thấy rằng, giá trị cao quý tuyệt vời của Ajanta đã hơn một thời đi vào trong quên lãng. Nay chúng tôi có dịp đến tận nơi để mục kích chứng kiến tận mắt. Thật chúng tôi không ngờ với sức người mà đã tạo nên những kỳ công tuyệt hảo như thế. Tùy theo nhãn quan của mỗi người mà đánh giá nhận xét qua mỗi hang động có khác nhau. Với con mắt thường như chúng tôi, thì thật khó nhìn ra được những nét tinh hoa sắc xảo văn vẻ tỉ mỉ của nó. Qua mỗi hang động đều có những nét điêu khắc đục chạm tạo thành những hình tượng lớn nhỏ khác nhau. Điều quan trọng đối với tôi, là một khối đá khổng lồ mà người ta đã đục đẽo như thế nào để tạo thành một khoảng không gian rộng lớn, khác nào như trong một ngôi chánh điện lớn. Những dụng cụ đập phá đục đẽo để khai phá ngày xưa cách đây mấy ngàn năm, chắc chắn là phải đơn sơ lắm. Không như ngày nay, những dụng cụ khai thác bằng những máy móc tinh vi sắc xảo thật khó lường được. Thế mới biết năng lực và trí óc thông minh của người xưa thật không phải vừa. Có những hang động rộng lớn có khả năng dung chứa cả trăm người. Trong lúc tham quan có người trầm trồ nói với tôi, thầy ơi, nếu như ở đây mà mình mở khóa tu để lễ bái, tụng niệm, kinh hành niệm Phật, thì chao ôi! chắc là lý tưởng lắm! Bởi một không gian rộng lớn không có tường cột gì chắn ngang làm cản trở lối đi cả.

Chúng tôi không muốn nói gì thêm, bởi tài liệu trên đã nói rõ cho chúng ta biết toàn bộ cảnh trí nơi đây rồi. Tuy nhiên, vì có nhiều hang động mà thời giờ tham quan thì ít, do đó, nên chúng tôi chỉ quan sát đại khái qua mỗi hang động thôi. Thỉnh thoảng, chúng tôi dừng lại ngồi nghỉ mệt, lợi dụng chút thời gian nghỉ xả hơi này. chúng tôi nói sơ qua một vài đặc điểm

những sinh hoạt tu học của chư tăng thời xưa ở nơi đây. Vì nơi đây là một trung tâm Phật giáo hưng thịnh thời xưa. Đó là chúng tôi dựa vào một vài tài liệu lịch sử đã ghi lại.

Tham quan đền động cuối cùng, có một tượng Phật nhập Niết bàn mà người ta đục khắc chạm trong đá thật là tuyệt mỹ. Đến đây, chúng tôi lặng lẽ ngồi xuống để thiền quán chiêm nghiệm, như để tưởng niệm đến cái công trình tạo dựng của người xưa. Tất cả đều biểu hiện rõ nét đánh giá cao độ của một thời đại chuyên sâu nội quan để trưởng dưỡng đời sống tâm linh. Trải qua một quá trình gian khổ, dù dưới dạng thức nào: vua chúa hay thần dân, quan chức hay công thợ, tu sĩ hay cư sĩ v.v... tất cả như cùng một ý hướng lý tưởng cao đẹp để tạo nên một kỳ quan thẩm mỹ bằng sức người. Nhìn vào những hang động này, chúng ta thấy rõ nét tinh hoa sắc xảo mỹ quan của một thời đại, mà người xưa muốn hiến tặng trao truyền những cái tinh hoa cốt lõi tinh thần cao thượng của một nền văn hóa Phật giáo siêu việt đó cho người sau hưởng dụng. Cụ thể là chúng ta tham quan chiêm bái hôm nay.

Những hang động này dù đã trải qua một thời kỳ bị đập phá bởi bọn hung nô hay những người Hồi Giáo. Rồi trải qua một thời gian lâu xa đi vào trong quên lãng trong tâm trí của con người. May mắn thay! tất cả không thể nào phá hoại tiêu diệt hết được. Những vết tích bị sứt mẻ qua các hình tượng Phật, Bồ Tát, đã chứng minh nói lên lòng dạ của con người vẫn còn quá sâu hiểm ác độc. Tuy nhiên, Với tấm lòng từ bi vị tha bao dung của Phật giáo, vẫn không bao giờ oán ghét thù hận một ai, dù người đó ác tâm tìm cách hại mình.

Dù có lưu luyến đến đâu, cuối cùng cũng phải rời khỏi nơi đây. Đó là luật định xưa nay mà. Có đến thì phải có đi, có sanh thì phải có diệt. có hợp thì phải có tan. Tuy nhiên, những gì tồn đọng trong ký ức của người xem hôm nay, dù trải qua thời gian vật đổi sao dời, biến thiên lịch sử, thanh suy thăng trầm theo dòng thời gian, nhưng những dư âm và hình ảnh tuyệt vời ở nơi đây, hẳn không thể nào phai mờ trong tâm trí.

Chúng tôi rời khỏi nơi đây về lại khách sạn để dùng cơm chiều và nghỉ ngơi...

Ngày 18, tức ngày 4/11/2011/

---o0o---

03.Hang động Ellora (hình số 41)

Sáng sớm hôm nay, tôi đứng cuối hành lang của lầu hai trong khách sạn, nhìn xuống con đường phía trước thấy xe cộ và mọi người tới lui qua lại dập dìu. Mọi cảnh vật bắt đầu hoạt động của một ngày nắng mới. Nhìn lên bầu trời trong vắt không một áng mây. Nắng buổi sáng tuyệt đẹp. Tôi đứng hít thở không khí trong lành của buổi sáng. Dù sao buổi sáng không khí cũng tươi mát hơn. Tôi tập thể dục một vài động tác thông thường cho khỏe.

Hôm nay, theo chương trình là đoàn đi tham quan chiêm bái ở Ellora. Buổi sáng hôm nay, mọi người tự túc để cho nhà bếp nghỉ khỏe một bữa. Từ khách sạn nơi chúng tôi tạm trú, đến hang động Ellora thì không xa lắm, khoảng hai mươi cây số đường. Xe buýt đến đúng giờ như chúng tôi đã định.

Đoàn khởi hành vào lúc 7 giờ 30 sáng. Chiếc xe buýt tương đối cũng không đến nổi tệ lắm. Chỉ không có máy lạnh và quạt thôi. Nhưng khí hậu ở đây cũng không đến nỗi nóng. Đường xá tương đối không xấu lắm, nên xe chạy ít dằn. Không bao lâu chúng tôi đã tới nơi. Tất cả xuống xe và đi thẳng lên trên hang động. Những người buôn bán hàng rong và chụp hình dạo lầy liên cũng bám sát theo chúng tôi. Đây là thói quen nghề nghiệp của họ. Đường vào hang động rộng rãi tráng nhựa sạch sẽ lại có nhiều cây cối tàng lá sum suê đủ che mát cho khách lữ hành dừng chân nghỉ mệt. Các động chạy dài từ đông sang tây. Tuy có những hang động cũng giống như những hang động ở Ajanta. Nhưng những nét điêu khắc chạm đục không tinh xảo bằng một vài hang động ở Ajanta. Ngoài những hang động của Phật giáo ra, còn lại là những hang động của một vài tôn giáo khác, như Ấn Giáo, Hồi Giáo và Kỳ Na Giáo...

Riêng những động Phật giáo thì tính từ động số 1 cho đến động số 12. Từ động 1 đến số 8 được tạo lập vào thế kỷ thứ VII. Động thứ 11 và 12 được thành lập vào thế kỷ thứ VIII. Phần lớn là hệ thuộc trường phái Đại Thừa (Mahayana School). Những hang động này bao gồm 7 tịnh xá (vihara) và chỉ có một ngôi chánh điện (Chaityas – chapels)

Ngoài các động Phật giáo ra, nối tiếp là các động của Hồi Giáo. Bắt đầu từ động số 13 đến động số 29. Các động của Kỳ Na Giáo (Jain) bắt đầu từ động số 30 tới 34.

“Hồi giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ đông thứ hai trên thế giới với khoảng 1,5 tỷ tín đồ chủ yếu tập trung ở Trung Đông, Bắc Phi, Trung Á và rải rác khắp nơi trên trái đất. Hồi giáo ra đời vào thế kỷ thứ 7, do

Muhammad sáng lập. Muhammad là Đấng Tiên Tri chứ không phải là thần thánh như Jesus Christ đối với người Kitô giáo. Ngài là Đấng Tiên Tri cuối cùng sau các Đấng Tiên Tri trước đó là Adam, Abraham, Moses và Jesus Christ. Vai trò của Muhammad là ghi lại lời của Thượng Đế và kinh Koran được các tín đồ coi là lời răn của Đấng Chí Tôn. Cũng giống Kitô giáo, Hồi giáo tin rằng có địa ngục, thiên đàng và ngày phán xét, mọi người có trách nhiệm giải thích trước Thượng Đế về những việc làm của mình trên trần thế. Tín đồ Hồi Giáo cũng thường nhận trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ đức tin, chống lại mọi đe dọa và trong một số trường hợp, giáo lý này của Hồi giáo được sử dụng để biện minh cho các cuộc thánh chiến”. (12)

Nói chung, những hang động ở Ellora mang tính hũa đồng của các tôn giáo hơn là ở Ajanta. Nhưng hang động đầu tiên là của Phật giáo. Trong các hang động của Phật giáo người ta chú ý nhất là hang động số 10. Vì hang động này có một chánh điện rộng lớn. Ngôi chánh điện này có 2 tầng, chiều rộng là 26 mét, chiều cao 13 mét và có tất cả 28 cây cột (columns). Đặc biệt tầng trên, thời xưa là dành cho các vị tăng sĩ ở. Nhưng bây giờ thì không có. Nhìn qua, chúng ta thấy quả đây là một kỳ công của người xưa khai sơn phá thạch tạo dựng nên một kỳ quan của vũ trụ.

Điểm đầu tiên gây cho người ta chú ý đến là mấy chú Vượn trắng. Các chú chuyen nhảy lẫng xẫng lung tung từ chỗ này sang chỗ khác không bao giờ các chú đứng yên. Nhìn thấy các chú vượn ngoài mà nghĩ đến cái chú vượn lòng của mình. Chú vượn lòng của mình cũng chuyen nhảy lẫng xẫng phan duyên nơi sáu trần đâu có thua gì mấy con vượn ngoài. Không biết đến bao giờ vượn lòng của mình mới hết chuyen nhảy lẫng xẫng lung tung. Nó càng chuyen nhảy chừng nào thì mình lại càng khổ đau nhiều chừng nấy. Trong kinh thường nói: “Tâm viên ý mã” là vậy. Nghĩa là vượn lòng ngựa ý. Muốn cho nó đừng chuyen nhảy lẫng xẫng lung tung nữa thì phải có cách trị nó. Cách trị đầu tiên là dùng giới luật và dùng câu niệm Phật hay một đề mục thiền quán nào đó để trị. Có thể, lâu ngày nó mới chịu thuận phục và nằm yên được. Khi nó không còn hoạt động nữa, thì lòng mình mới an định và sẽ chấm dứt khổ đau. Nhưng biết bao giờ nó mới chịu nằm yên đây?!

Khi chúng tôi trở xuống còn chút luyến tiếc nhìn lên, thì thấy toàn khu động này giống như một tòa lâu đài vĩ đại kiên cố và lộng lẫy. Càng về trưa, du khách càng đến đây tham quan tấp nập kẻ qua người lại dập diu rất vui. Phần lớn là những du khát nước ngoài như Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện và một vài sắc dân khác. Hầu hết, họ đều chú ý đến đoàn chúng tôi, bởi họ thấy ăn mặc có vẻ khác thường. Tất cả đều mặc đồng phục áo tràng lam và

đầu đội nón lá. Họ chú ý nhiều nhất là những chiếc nón lá đặc sắc như chúng tôi đã có nói qua.

Tham quan xong, chúng tôi về chùa dùng trưa và chuẩn bị ra phi trường để về lại Tân Đề Li. Dùng trưa xong, chúng tôi nghỉ ngơi và khoảng 2 giờ chúng tôi ra phi trường. Tuy nhiên, giờ chót chúng tôi nhận được tin là máy bay trễ nên trong khi chờ đợi chúng tôi ghé một siêu thị lớn để tham quan và sắm chút ít đồ. Siêu thị nào cũng giống nhau. Nhưng có điều giá cả những vật phẩm ở đây thì có khác. Nếu một đôi giày tính ra tiền Úc khoảng 100 đô, ngược lại, ở đây chừng khoảng 40 đô. Như tôi mua đôi giày giá bên đó là 2000 rupies, nếu so tiền Úc thì chỉ 40 đô. Đôi giày da rất đẹp và chắc. Vì vậy, mà có một số quý cô thích mua sắm đồ ở đây. Sắm thì dễ, nhưng mang về mới là khó. Bởi vali không còn chỗ để chứa.

Loay hoay thời gian cũng đã đến. Chúng tôi ra phi trường về lại Tân Đề Li, tới nơi chờ xe buýt khá lâu. Khổ nỗi, ông tài xế không nói được tiếng Anh, nên cô Phước Sinh phải nhờ người Ấn nhân viên phi trường liên lạc giùm. Liên lạc để cho ông biết vị trí nơi đoàn đang chờ để ông đến chở về khách sạn. Bởi vậy, chúng tôi về tới khách sạn khoảng 9 giờ đêm.

Ngày 19, tức ngày 5/ 11/2011/

Hôm nay, theo chương trình chúng tôi đi tham quan một vài nơi ở thành phố Tân Đề Li, trước khi lên đường về Úc. Theo lịch trình đặt vé thì chúng tôi sẽ ở Thái Lan tham quan 4 ngày, nhưng giờ chót đã hủy bỏ vì nơi đó có bão lụt.

---o0o---

XX. Tân Đề Li (lần thứ 3)

01. Mộ Thánh Gandhi (hình số 42)

Điểm đầu tiên, chúng tôi đến viếng thăm là ngôi mộ Thánh Gandhi. Nơi đây, muốn vào phải mua vé. Chúng tôi dừng lại trước cổng để chờ mua vé. Xong rồi, mọi người lần lượt đi bộ vào trong. Buổi sáng hôm nay, trời trong mát rất đẹp. Cây kiểng chung quanh khuôn viên được chăm sóc rất chu đáo. Cảnh trí giống như một công viên cây cối hoa lá xanh tươi. Mới sáng sớm vậy mà cũng có một vài đoàn thể đến tham quan. Nhất là các em học sinh được thầy cô hướng dẫn đi trong nghiêm trang và trật tự.

Thánh Gandhi đã được dân tộc Ấn tôn xưng là một bậc Thánh nhân tại thế. Ngoài những đức tánh hiền hòa khiêm cung đạo đức của ông ra, ông còn là một người rất mực thương dân yêu nước. Khi bị người Anh thống trị, ông nhứt quyết tranh đấu tới cùng. Ông đã kêu gọi toàn dân đứng lên tranh đấu dành độc lập. Đường lối tranh đấu của ông là chủ trương ôn hòa bất bạo động. Ông là một nhân vật lịch sử yêu chuộng hòa bình và đã được thế giới ca ngợi vinh danh ông. Dân Ấn đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi đấu tranh của ông, dù phải bị tán thân mất mạng. Miễn sao họ thoát khỏi ách thống trị khồng chế của ngoại bang. Ông đã biết bao lần vào tù ra khám. Nhưng ông không bao giờ tỏ ra nản chí sờn lòng hay khuất phục trước sức mạnh của bạo lực. Ông từng nói: *“Bạo động là cá tánh của loài thú và bất bạo động mới là cá tánh của loài người”*. Vì chủ trương đường lối tranh đấu ôn hòa, nên ông cương quyết tuyệt thực. Ông đã nhịn đói để chống đối lại sự cai trị ác độc của người Anh. Từ đó, ông nổi danh là một bậc thánh nhân anh hùng, dám xả thân hy sinh vì đại nghĩa, quyết lòng bảo vệ nền độc lập tự do dân chủ và đòi chánh quyền Anh phải trao trả quyền tự do dân chủ cho dân tộc ông.

Ông đã trở thành lãnh tụ của phong trào quốc gia Ấn Độ từ năm 1920 và sau đó thì trao lại cho J. Nehru (1928)

Hôm nay, chúng ta được đủ duyên lành đến đây thấp nén hương lòng cúi đầu đánh lễ tưởng niệm một vị anh hùng lớn lao của dân tộc Ấn. Một người đã làm vẻ vang rạng rỡ cho đất nước và người dân Ấn. Chúng ta hãy cùng nhau kính cẩn nghiêng mình thành kính tưởng niệm ông. Đó là những lời tôi nói khi đứng trước ngôi mộ của ông. Mọi người đứng chung quanh rất ngạc nhiên, thấy một vị tu sĩ Phật giáo Việt Nam, mặc áo nâu đang đứng trước ngôi mộ của vị thánh của họ, nói những lời chí thành để biết ân và tưởng niệm. Nói xong, chúng tôi đồng xá ba xá và rồi đi chung quanh ngôi mộ ông một vòng. Và tôi biết những lời tôi nói hôm nay, chắc chắn là ông sẽ chứng minh cho lòng thành kính của chúng tôi.

Sau đó, chúng tôi từ giả ngôi mộ ông để đi nơi khác. Chúng tôi đi đến thăm viếng viện bảo tàng. Nghe nói, viện bảo tàng này nổi tiếng ở thành phố Tân Đề Li. Nổi tiếng qua nhiều phương diện. Đặc biệt nhứt là trong đó có tôn trí Xá lợi Phật. Từ lâu nghe danh, hôm nay chúng tôi mới có dịp đến đây để thưởng lãm.

02. Bảo Tàng Viện (Newdehli) (hình số 43)

Bầu trời trong xanh, ánh nắng chan hòa, cảnh vật xanh tươi, lòng người rộng mở. Thật vậy, đến đâu cũng thấy bóng dáng người đến tham quan những nơi thắng cảnh nổi tiếng. Vừa vào cửa, chúng tôi phải dừng lại vì có nhiều đoàn thể nhất là các em học sinh đang đứng sắp hàng chờ đợi. Chúng tôi mỗi người lòn lách để đi qua, cuối cùng, ai cũng được lọt vào bên trong hết. Đầu tiên, chúng tôi đi thẳng đến nơi tôn thờ xá lợi Phật để đánh lễ dâng hương và tụng một thời kinh ngắn. Xá lợi được tôn thờ trong một cái bảo tháp. Đặt một nơi rất thích hợp trang nghiêm, đủ vị trí để mọi người lễ bái. Ở đây, họ cũng dễ dàng. Họ cho chúng tôi tụng niệm thoải mái. Tất cả đều nghiêm trang trong y phục chỉnh tề và đồng quỳ xuống dâng hương kính nguyện. Sau giây phút niệm hương, chúng tôi đứng lên đánh lễ và tụng một thời kinh.

Xong rồi, chúng tôi đảo qua một vòng để quan sát những bảo vật cổ quý chung bày. Nhất là có những bức tượng Phật lâu đời. Tham quan bên trong xong, chúng tôi bước ra bên ngoài, xem một chiếc xe cũ kỹ thời xưa. Thời mà các vua chúa còn ngự trên ngai vàng. Dù không ai nói ra, mọi người cũng đều thán phục chiếc xe tròn lớn và cao, trang bị nét cổ kính thì chỉ có vua mới đi mà thôi. Chớ thần dân làm gì có được cái xe sang trọng như thế này. Mọi người đứng chung quanh nhìn chiếc xe rồi chắc lưỡi trầm trồ khen ngợi. Nhìn vào chiếc xe cũng đủ để đánh giá một thời đại văn minh cổ kính.

---o0o---

03. Nhà Hàng Ấn Độ

Xem xong, chúng tôi lên xe dạo phố và rồi đến một nhà hàng người Ấn để dùng cơm trưa. Thức ăn hôm nay là do sư cô Phước Sinh đặt trước. Phố này, bày bán đủ loại hàng hóa tiêu dùng. Đặc biệt nơi đây, chỉ có những người khá giả giàu có mới vào đây mua sắm. Bởi vì giá cả rất cao so với những nơi phố thị khác. Như một món đồ cỡ khác bán năm đồng, thì ở đây họ bán 10 đồng. Nghĩa là giá cả nhân lên gấp đôi. Ngay như nhà hàng chúng tôi ăn ở đây hôm nay, tính ra mỗi người tốn 20 Úc kim. Tính tiền Ấn Độ là 27,000 rupies. Chúng tôi gồm có 28 người (2 người ở lại khách sạn vì không khỏe) và thức ăn thì 6 món, tính luôn phần cơm. Một phần 20 Úc kim cũng khá nhiều so với ở đây. Thử hỏi người dân nghèo lao động kiếm sống từng ngày, thì làm sao dám mon men vào đây để ăn.

04.Akshardham, Nơi Tổng Hợp Văn Hóa Ấn (hình số 44)

Dùng xong, chúng tôi tập trung đứng chờ xe để đi đến một nơi tham quan rất đặc biệt. Nơi đó chính là Akshardham. Nói đặc biệt, là vì cảnh trí ở đó là một quần thể có nhiều đền đài nguy nga tráng lệ, trông rất xinh lịch đẹp mắt. Một khuôn viên có diện tích rất rộng lớn. Được biết, nơi đây tập trung tất cả những tinh hoa của một nền văn hóa đặc thù của dân tộc Ấn. Trước khi vào cửa, họ xét rất kỹ. Họ xét từng người còn hơn an ninh hải quan xét người và đồ ở phi trường nữa. Du khách không thể đem bất cứ thứ gì vào trong được cả, ngay đến cầm một chai nước uống cũng không được. Họ muốn bảo vệ an toàn cho du khách, vì nơi đây du khách từ các nơi đổ xô về đây tham quan rất đông. Không phải chỉ có du khách nước ngoài không thôi, mà ngay cả những người dân bản xứ, họ cũng tới đây để thưởng ngoạn. Bởi trong đây có nhiều cái lý thú gây cho người xem không bao giờ biết chán. Vì là một văn hóa tổng hợp, nên không dành riêng cho bất cứ một tôn giáo triết phái nào. Tôn giáo, triết học, y khoa, thần linh v.v... nói chung, là những đặc sản văn hóa từ thời tiền sử xa xưa cũng như hiện đại của dân tộc Ấn, người ta đều đem ra triển lãm trưng bày cho mọi người xem.

Công trình kiến tạo của toàn bộ mô hình ở nơi đây, qua các lãnh vực kỹ thuật chuyên môn phải mất thời gian là năm năm, bắt đầu từ năm 2005 và với con số hơn công làm việc thiện nguyện mỗi ngày là 55.000 người. Đó là chưa kể những thợ thầy chuyên môn qua mỗi phân vụ. Như các kiến trúc sư, các khoa học gia, các mỹ thuật gia, các kỹ thuật gia v.v... Không biết bao nhiêu người mà nói. Quả đây là một công trình thiết kế quá lớn lao, với một kinh phí tốn kém không biết bao nhiêu mà tính. Hiện chúng tôi chưa có một con số thống kê nào rõ ràng, nên chúng tôi không biết chi phí tất cả là bao nhiêu. Nơi đây thật không thể nào dùng bút mực mà có thể diễn tả hết những công trình tỉ mỉ, những kỹ thuật tinh vi, những đường nét hoa văn nghệ thuật sắc xảo... Thật là hấp dẫn mỗi nơi đều có một hấp lực riêng của nó.

Thú vị nhất là chúng tôi ngồi trên một chiếc thuyền khoảng chừng mười người đi vòng quanh khu vực triển lãm, thời gian khoảng 10 phút. Chiếc thuyền này đưa du khách thưởng ngoạn quan sát các nghệ thuật qua các lãnh vực: tôn giáo, thần linh, triết học, y học, khoa học, nhạc văn, thiên văn v.v... từ thời cổ đại trên mấy ngàn năm cho đến hiện nay và kể cả những dự đoán tương lai nữa. Với con mắt nhà nghề có chút kiến thức qua mọi lãnh

vực như đã nêu trên, thì may ra mới có thể hiểu được chút ít, bằng không thì chỉ coi hình người và tranh ảnh mà thôi.

Thật là kỳ thú, du khách vào đây không muốn đi ra chút nào. Bởi mỗi nơi, mỗi cảnh, đều có sức hấp dẫn lôi cuốn người ta dõi mắt trông theo để nhìn. Như những màn biểu diễn sống động qua các phim ảnh, nhất là qua âm thanh của người xướng ngôn điều khiển, khi trầm, khi bổng, gây cho người ta luôn để tâm chú ý theo dõi. Đó là một nghệ thuật và cũng là một hoạt cảnh trông rất thú vị đẹp mắt. Người xưa nói, tai nghe không bằng mắt thấy. Chỉ có khi nào chứng kiến tận mắt, thì mới có thể thấy hết được những gì xảy ra nơi đây. Cũng như có trực tiếp nếm hương vị thức ăn thì, chúng ta mới biết được mùi vị của nó như thế nào. Nếu như ai đến thủ phủ Tân Đề Li mà không đến nơi này để xem qua, thì thật là đáng tiếc. Nói thế, không có nghĩa là chúng tôi quảng cáo nơi đây, mà đó chẳng qua chúng tôi chỉ muốn mọi người có cơ duyên đến đây cũng nên đi xem qua một lần cho biết.

Chưa hết, khi trở ra ngoài, chúng tôi còn thưởng thức một màn biểu diễn thật ngoạn mục. Đó là những vòi phun nước. Họ điều khiển theo điệu nhạc, khi trầm, khi bổng, khi lên cao, lúc xuống thấp, làm cho người nghe rất hồi hộp. Những du khách ngồi trên những bậc cấp cách xa tầm nước phun lên. Điểm thú vị nhất là những ngọn nước bắn lên tung tóe có cái cao, cái thấp, pha lẫn đủ màu sắc như rồng bay phụng múa. Cứ thế cho đến khi hết bản nhạc mới chấm dứt. Hàng ngàn con mắt chăm chú theo dõi, khi âm thanh dồn dập mạnh liên hồi, trái tim của người xem hồi hộp như muốn nhảy ra ngoài.

Xem xong, trời đã tối, chúng tôi lần lượt ra xe về lại khách sạn.

Ngày 6, tức ngày 20/11/ 2011/

---o0o---

05.Phát Quà

Hôm nay là ngày cuối của chuyến đi, tối lại, chúng tôi sẽ lên đường trở về Úc. Nhưng trước khi về Úc, chúng tôi có một vài việc cần làm. Thứ nhất, là chúng tôi sẽ đi phát quà cho năm trăm hộ nghèo như đã dự tính. Hôm trước, ghi và ký tên phiếu để phát, còn lại một số chưa xong. Đồng thời, số tiền chúng tôi cũng chưa có để vào bao thư. Tôi liền mời một vài vị đến phụ giúp. Như các sư cô: Phước Liễu, Phước Hòa, ni cô Huệ Thanh và hai Phật tử: Nguyễn Nhật Tiến, và cô Huỳnh Diệp Hoa đến phòng tôi để phụ giúp.

Công việc xong xuôi, tôi giao trách nhiệm cho sư cô Phước Sinh và Nguyễn Nhật Tiến đi phát phiếu trước. Tôi dặn, khi phát xong, thì gọi điện thoại về để báo tin. Tôi cho các vị trong phái đoàn đến phát tiền cho họ. Chúng tôi mang theo \$500.000 rupies (năm trăm ngàn rupies). Số tiền hơi nhiều nên phải đựng trong một cái bao. Chúng tôi đi bằng xe taxi, vì cái hẻm nhỏ nên xe lớn chạy vô không được. Chúng tôi yên trí là mọi việc đã sắp xếp yên xuôi, nhưng không ngờ khi chúng tôi đến nơi, dân làng kẻ lớn, người nhỏ, họ chạy túa ra nhất là các trẻ em, họ đứng chung quanh bao vây chúng tôi. Thấy không ổn, tôi đưa máy phát thanh cho một người địa phương để họ nói chuyện dàn xếp cho có trật tự. Bảo tất cả ngồi xuống và lần lượt từng người trình phiếu để phát. Dù ông ấy la lớn, nhưng họ vẫn không đếm xỉa gì tới. Mạnh ai nấy la, rồi chen lấn làm ồn lên như ở ong vỡ tổ. Thật là một quang cảnh rất hỗn độn và vô trật tự. Thấy tình hình bất ổn, không còn cách nào khác, chỉ còn có cách duy nhất là “Tam thập lục kế, vĩ đào vi thượng”.

Tôi ra lệnh cho mọi người phải tháo chạy ra ngoài ngay. Và phải bảo vệ chú giữ bao tiền. Chúng tôi đi sát với nhau để thủ thế liên đới yểm trợ cho nhau. Cũng may, tất cả chúng tôi đều chạy thoát ra ngoài hết. Coi như thoát được vòng vây. Những người đi đường, họ trở mắt nhìn chúng tôi, không biết chuyện gì xảy ra mà trông chúng tôi có vẻ hốt hoảng như thế. Chao ôi! đã thoát được nạn lớn! Thật tôi không ngờ họ lại đến độ như vậy. Người xưa nói: “kiến tài ám nhãn”. Tuy nhiên, ở đây mình chưa có cho họ thấy tiền đâu. Họ mới chỉ thấy cái tờ giấy phiếu thôi. Chúng tôi cẩn thận sợ họ thấy tiền thì mình mệt. Họ có thể giựt lấy của mình. Cho nên chúng tôi bỏ tiền vào trong bao thư trông có vẻ đàng hoàng và trang trọng.

Thế nhưng, họ không cần biết gì cả. Qua việc này, chúng tôi rút thêm được một bài học làm việc từ thiện ở cái xứ này. Đi làm việc từ thiện mà gặp cái kiểu này thì thật là khổ khổ. Nói lên điều này để quý vị nào khi có dịp hành hương Ấn Độ, nếu muốn làm việc từ thiện giúp người, (nhứt là những người ở gần phố xá phải nói họ rất hung dữ và ngang ngược) thì phải cẩn thận. Nếu không, thì coi chừng sẽ mất cả chùy lẫn chày. Nghĩa là mất tiền thì mình không nói, nhiều khi mất mạng nữa không chừng. Chúng tôi đi phát quà cho những người ở thôn quê, trông họ có vẻ hiền từ dễ thương lắm. Mình cho bao nhiêu thì họ lấy bấy nhiêu. Họ không có chen lấn hay giành giựt với nhau. Các trẻ em cũng thế. Chúng tôi cũng đã phát quà qua một vài nơi, đâu có nơi nào xảy ra tình trạng vô trật tự hỗn độn như thế này.

06.Món bánh canh đặc sản

Bữa ăn trưa hôm nay, vì là ngày cuối nên nhà bếp lưu động cho chúng tôi dùng bữa bánh canh đặc biệt lần cuối. Nhớ lại, ngày đầu khi chúng tôi mới tới, thì quý sư cô cũng cho ăn bánh canh. Nhà bếp phân phát cho mỗi người một tô rồi đem về phòng ăn. Đó là điều rất vui. Bởi không có chỗ ăn tập thể. Nồi bánh canh hôm nay, do những tay thiện nghệ cùng làm. Mỗi người làm một việc. Khi có việc, tôi đến phòng sư cô Huệ Hòa (không biết có đúng không) gõ cửa, thì có người mở cửa ra, tôi nhìn thấy có mặt thầy Phước Nhơn trong đó và thầy đang cạo bột để nấu. Đúng như lời cô Diệu Phủ đã nói: “Bữa ăn tình nghĩa sao mà nó ngon đậm đà! Chắc ai cũng phải thêm một tô, hay một chén nữa để nhớ hoài hương vị quê hương nơi xứ người”.

---o0o---

07.Đi Shop mua quà

Sau khi dùng trưa xong, còn thời giờ rảnh rỗi, một số người rủ nhau đi dạo phố. Ai thích thì đi, không thích thì ở lại khách sạn. Có một vài vị cùng đi với chúng tôi. Bên chư tăng ni, ngoài tôi ra còn có hai thầy nữa là thầy Minh Đức và thầy Phước Nhơn. Thầy Minh Đức thì hướng dẫn mọi người. Quý sư cô gồm có: Sư cô Phước Trường, sư cô Phước Liễu và sư cô Phước Hòa. Quý Phật tử thì gồm có 5 người. Tôi chỉ còn nhớ ba vị: Cô Diệu Phủ, cô Nguyễn Nhật Tiến và Nguyễn Nhật Huyền. Từ khách sạn đến khu shop, khoảng đường cũng hơi xa. Chúng tôi trả lệ phí xe ba người là \$50 rupies (một đô Úc). Bởi chiếc xe chỉ chở tối đa là ba người. Tới nơi, chúng tôi vào phố, mỗi người kiếm mua chút ít đồ để làm quà tặng. Phần nhiều là mua khăn choàng. Vì đây là loại khăn đặc biệt ở Ấn Độ. Tôi cũng lựa mua vài cái, mỗi cái là \$500 rupies.

Dạo shop một hồi cảm thấy mỏi chân và đói bụng, nên chúng tôi ghé vào Mc Donald để mua vài cái bánh và chip. Chúng tôi ngồi quay quần chung một bàn. Ăn xong, mọi người đi kiếm xe về lại khách sạn.

---o0o---

08.Buổi tiệc chia tay

Chiều lại, lẽ ra có một buổi tiệc chia tay ở nhà hàng, nhưng vì có buổi họp trước khi chia tay, nên chúng tôi đặt pizza đem đến khách sạn để khi

họp dùng luôn cho tiện. Tất cả mọi người tập họp tại phòng tôi. Buổi họp hôm nay gồm có hai chủ đề chính: Mỗi người phát biểu cảm tưởng chuyến đi và tổng kết mọi việc trong chuyến đi. Nói chia tay là vì, ngoài ba vị đang du học ở Ấn Độ ra, còn lại ba nhóm đi ba đợt khác nhau. Nhóm thứ nhất, gồm có khoảng 15 người về lại Melbourne, nhóm này đông nhất. Nhóm thứ hai, gồm có: ba sư cô: Phước Liễu, Phước Trường, Phước Hòa và thầy Phước Nhơn. Ba sư cô về Sydney và thầy Phước Nhơn về lại Việt Nam. Nhóm thứ ba, gồm có khoảng 5 người về Việt Nam. Khi đến, thì chung một chuyến bay, nhưng khi về thì lại chia đi từng nhóm khác nhau. Lý do, là vì vé đi thời gian của mỗi nhóm mỗi khác. Do bất nhất như vậy, nên mới thành ra có ba nhóm đi khác nhau.

Ngoài ra, cuộc họp nhằm vào phần báo cáo tài chánh trong việc thu chi cho rõ ràng. Sư cô Phước Sinh là người chịu trách nhiệm lo toàn bộ trong việc thu chi này. Do đó, nên sư cô báo cáo rõ ràng qua từng chi tiết trong việc thu xuất. Sư cô Phước Hòa thì báo cáo tổng số tiền thu xuất do quý Phật tử gửi cúng và Phật tử trong đoàn cúng dường. Tất cả đều được báo cáo qua từng điều khoản chi dụng minh bạch.

Sau đó là phần phát biểu cảm tưởng chia sẻ những buồn vui trong suốt cuộc hành trình chiêm bái tu học. Phần này, cô Diệu Phủ đã ghi lại trong quyển nhật ký của cô. Chúng tôi xin được ghi lại nguyên văn như sau:

“Cùng tâm trạng, cùng cảm nghĩ, nên ngày giờ phút chia tay thấy ai cũng có vẻ quyến luyến bùi ngùi. Thầy cầm 3 phong bì dày trên tay, bất ngờ thầy ngó xuống đại chúng và thầy bảo tôi lên đại diện cho toàn thể đại chúng nói cảm tưởng của mình sau 20 ngày tu học, cùng sinh hoạt, cùng ăn chung, ở chung. Tất cả vui buồn ngọt ngào đắng cay đều cùng ở bên nhau và cùng chia sẻ. Bởi vậy thấy luyến tiếc thời gian ngắn ngủi còn lại ở đây làm sao! Tất cả đã đi qua đời mình đều là kỷ niệm cho dù nó thế nào mình cũng thấy nhớ nhớ thương thương và trân quý. Có thể nói, ai cũng thỏa mãn chuyến đi này. Phải nói là rất thành công và lợi lạc, nhất là về tâm linh. Học được nhiều đức tính cao cả, hy sinh, đạo đức của giới xuất gia gần gũi nhất là của quý thầy, quý sư cô.

Về vật chất thực tiễn là tập nếp sống giản dị, sống không đòi hỏi hơn thua. Ăn uống chay lạt thanh đạm thiếu thốn vẫn thấy bình thường, an lạc nữa là khác. Trong đoàn có mấy người chưa hề đi chùa, chưa hề ăn chay, vậy mà chỉ trong thời gian ngắn được sống trong môi trường thực tế gần gũi với Phật pháp, nghe và thấy được sự mâu nhiệm của đạo Phật, tiếp xúc

những gì huyền bí thiêng liêng nơi đất Phật; của chư thiên, chư Phật, chư Bồ tát nên đã tự nguyện xin quy y. Ngoài ra, còn luyện cho mỗi người có được ý chí kiên cường quyết tâm đi tới nơi tới chốn. Do đó, luyện được đôi chân cứng cáp và sức chịu đựng bền bỉ dẻo dai.

Thời gian như ngừng lại ở đây. Bầu không khí hơi nặng nề khó thở, vì ai cũng im lặng nhìn nhau. Chốc chốc có tiếng thở dài vì không biết nói gì khi tôi bày tỏ cảm tưởng về sự hy sinh, sự gian lao vất vả của Ban Tổ Chức mà chúng tôi không biết dùng lời lẽ thế nào để nói hết sự cảm phục lòng triu mến và sự biết ơn của chúng tôi. Không biết lấy gì đền đáp cho tương xứng. Vật chất tịnh tài không thể đánh đổi sự hy sinh cao cả bất vụ lợi của Ban Tổ Chức nên khi tôi đại diện cầm ba phong bì để chuẩn bị trao cho ba vị tôi cũng rất ái ngại. Tôi đã lặp đi lặp lại nhiều lần, đại chúng hiện diện nơi đây xin tri ân Ban Tổ Chức. quý thầy, quý sư cô mà không dám đề cập đến “báo ân”. Vì biết lấy gì báo ân đây. Thật là khó xử. Không khí căng thẳng vì không ai chịu nhận mặc dù thầy Trưởng Đoàn đã giải thích tình lý hãn hoi và cố gắng thuyết phục đủ mọi cách cũng không thành. Hầu như mọi người đều buồn và thầy cũng buồn hui. Không ai có một nụ cười. Thành linh ông bảy bước ra xin có đôi lời cảm ơn Thầy, cảm ơn ba vị trong Ban Tổ Chức rồi cầm ba phong bì từ tay bà bảy đưa lên. Ông bảy bỏ lại trước mặt sư cô Huệ Hòa, ông quỳ thẳng gối hai tay cầm bao thơ kính cẩn dâng lên với lời lẽ thiết tha. Sư cô im lặng không cầm lấy. Ông bảy tiếp tục thuyết phục với nhiều lời lẽ vui tươi dí dỏm. Mọi người cười khúc khích phá tan bầu không khí nặng nề được một lúc. Sau đó cũng trở lại im lặng lẫn bùi ngùi xúc động khi sư cô Phước Sinh thành thật bày tỏ tâm nguyện của mình. Cuối cùng ông bảy thành công khi nhấn mạnh: “Đây là tình chớ không phải tiền”. Mọi người thở phào nhẹ nhõm.

Tiếp theo, có một vài Phật tử đứng lên xin phát biểu cảm nghĩ của mình về chuyên đi tu học này. Thật là một thiếu sót lớn khi người đại diện đại chúng lại quên không đề cập đến công ơn lớn lao của thầy Trưởng Đoàn. Con thành thật xin lỗi Thầy và thành tâm sám hối. Thầy đã đầu tư cả trí tuệ và tấm lòng suốt cả một cuộc hành trình trên đất Phật. Thầy phải bỏ công sức rất nhiều để nghiên cứu, hoạch định để thảo ra một chương trình sinh hoạt có quy củ hợp tình hợp lý, hầu đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh của chúng con.

Thầy mong mỗi mọi người sau ba tuần lễ tu học sẽ có kết quả thực tiễn trong đời sống sinh hoạt cả hai mặt: đời và đạo. Bởi vậy, thầy không nề gian nan vất vả, không quan tâm đến sức khỏe của thầy, dù thầy đang bị đuối sức

vì làm việc nhiều ngày liên tục không có thời giờ nghỉ ngơi. Ngay cả lúc thật sự bệnh, thầy cũng rán cố gắng lướt qua, nhưng sức người có hạn, thầy phải tạm nghỉ dưỡng. Cả đoàn đều lo lắng hoang mang vì đường còn dài không biết thầy có vượt qua nổi không. Với ý chí đồng mãnh quyết đương đầu với mọi trở lực cộng thêm sự hộ trì của Tam Bảo nên thầy đã bình phục rất nhanh mặc dù không hoàn toàn, chưa dứt hẳn thầy vẫn cố sinh hoạt bình thường với mọi người. Nhưng nhiều lúc vì khan tiếng không nói được, thầy phải nhờ người khác thay thầy hướng dẫn niệm Phật, đọc lịch sử Đức Phật lúc trên xe di chuyển.

Với oai nghi phong cách nghiêm trang của thầy, có đôi khi muốn phát biểu hay muốn nói năng điều gì, người ta rất cẩn thận e dè rụt rè, vì kính nể. Có lẽ hiểu được tâm lý đó, nên ngoài giờ tu tập thầy rất vui vẻ cởi mở và hòa mình với đại chúng để khuyên nhủ thức nhắc, động viên mọi người cố gắng tu hành. Vì vậy ai cũng xem thầy như sư phụ hướng dẫn trong sự tu học. Thầy luôn quan tâm đến hoàn cảnh hiểu trình độ biết về đạo của Phật tử để thầy dẫn dắt vào đường đạo. Dù không phải chức năng của thầy trong việc lo lắng sức khỏe, miếng ăn, giấc ngủ cho đại chúng, nhưng thầy thể hiện qua vai trò một người cha cho nên nhiều Phật tử rất cảm kích những nghĩa cử của thầy. Như những lúc xe đang chạy, Phật tử thấy bên đường có bán đồ ăn, trái cây tỏ vẻ mừng rỡ, thầy liền ra lệnh dừng lại để mua. Những lúc phải ăn trưa tự túc dọc đường, chưa đợi ai lên tiếng, thầy đoán là mọi người đói nên bảo lo bữa ăn. Về chỗ ở thầy cũng rất lo, khi có người không vui, không thích. Duy chỉ có một việc mà thầy không thuận theo ý của mọi người, đó là ngủ liền sau khi ăn trên xe, hoặc nói những chuyện tạp nhạp phù phiếm thể gian không lợi ích. Thầy bắt buộc phải có những sinh hoạt như ca hát hay kể những mẫu chuyện vui cho tiêu com. Vì vậy, xe buýt vừa như là một ngôi chùa lưu động mà cũng vừa là nơi sân khấu vui chơi giải trí thoải mái.

Buổi tiệc chia tay rồi cũng được khép lại ai về phòng nấy chuẩn bị đồ đạc vô vali, túi xách để di chuyển lần xuống đất, đợi khuôn vác ra xe buýt, có một chút vắn vương khi rời khách sạn ra phi trường. Lúc đi thì đông đảo vui vẻ, chia tay giờ chót thật là buồn thảm. Số người về Úc là 15 người. Hai Sư cô Phước Sinh và Huệ Hòa cùng thầy Minh Đức cũng đi ra phi trường để tiễn đưa chúng tôi. Thật là xúc động! Những giây phút còn lại trên xe, có bộc lộ cho hết nỗi niềm luyến tiếc, cũng như mến thương...

Tới phi trường, điều đáng buồn là những vị tiễn đưa chúng tôi không được đi vào bên trong, nên chỉ đứng bên ngoài vẫy tay chào chúng tôi lần sau cùng khi từ giả. Vẫn biết cuộc họp mặt nào cuối cùng rồi cũng phải chia

tay kẻ ở người đi. Tuy nhiên, không có cuộc chia tay nào mà không gây ấn tượng trong lòng người ta một nỗi buồn mền tiếc lưu luyến.

Biết nói gì đây lúc giả từ

Lệ nào tuôn chảy buốt tâm tư

Chia tay lưu luyến niềm thương mền

Nhớ lại tình thâm nghĩa đệ sư

Chỉ biết nhìn nhau phút chia tay

Mắt buồn luyến tiếc lệ chảy dài

Ra đi biệt biệt ngăn xa cách

Ở lại ngậm ngùi nhớ lắm thay!

Lưu luyến thương nhiều cũng chia ly

Chúc người thượng lộ lúc ra đi

Bao nhiêu kỷ niệm người luôn nhớ

Đất Phật bao ngày vẫn khắc ghi.

---o0o---

09. Trên máy bay

Vào phi trường chờ đợi, vì chưa tới giờ bay, nên chúng tôi ngồi ở những hàng ghế dành cho du khách. Minh Quang đem mấy cái bánh pizza khi chiều còn lại, phát cho mỗi người một miếng ăn cho đỡ đói. Khoảng 11 giờ đêm, chúng tôi lên máy bay. Đến 11 giờ 30 máy bay cất cánh đến phi trường Bangkok Thái Lan. Ngồi trên máy bay từ phi trường Tân Đề Li đến phi trường Bangkok, chỉ mất thời gian khoảng hơn 3 tiếng đồng hồ. Tuy thời gian không dài so với từ phi trường Bangkok về Úc. Tuy nhiên, khi ngồi trên máy bay, có thể mỗi người có những nếp suy tư khác nhau.

Có người suy tư về một cuộc hành trình trải qua thời gian hai mươi ngày trôi qua thật nhanh Niềm luyến tiếc như còn vương vấn trong lòng. Vì

nhớ lại những chuỗi ngày đầy kỷ niệm bên nhau. Mới hôm nào tới đây mọi người đón chào vui vẻ, không bao lâu rồi lại chia tay kẻ ở lại người ra đi trong sự buồn thương lưu luyến. Cuộc đời này đến và đi giống như canh bạc. Đến thì vui, đi thì buồn. Họp thì mừng, tan thì bi lụy khóc than. Được thì vui cười hớn hở, mất thì sầu thảm bi ai. Nhưng theo định luật vô thường thử hỏi có mấy ai thoát khỏi? Sống trong vòng nghiệp thức theo những hiện tượng diệt sinh, thì không ai tránh khỏi cảnh buồn vui trong tâm thức. Tâm tùy cảnh phát sanh. Cảnh tùy tâm biến hiện. Tâm và cảnh từ xưa đã là hệ phược liên quan mật thiết với nhau.

Sự biến dịch của vô thường là một định giá như sinh tìm về nguồn chơn an trú. Vạn pháp thế gian đều phải tuân theo trong một chu trình biến diệt. Có gì định hình đứng nguyên mà không đổi thay. Không đổi thay sinh diệt, thì cuộc sống thật là vô vị buồn chán! Bởi không có gì đổi mới tiến bộ. Nhưng ngẫm lại ở đời, đâu có ai muốn mình bị đổi thay hay mất mát thứ gì. Muốn mình trẻ mãi không già. Muốn gia đình mình mãi hạnh phúc bên nhau. Nhưng nếu tất cả đều như ý mình muốn hết thì, cuộc đời này đâu có gì là đau khổ. Và như thế, chắc cũng không ai tu hành làm gì. Bởi muốn gì được nấy, ước đâu được đó, tu chi cho thêm khổ mệt xác.

Cái gì thuận theo bản ngã của mình thì mình vui, ngược lại là mình buồn. Buồn vui chỉ là trên mặt hiện tượng theo dòng sống đổi thay sinh diệt của cuộc đời. Chỉ có những ai nhận chân được lý vô thường sinh diệt, không dính mắc vào hữu tướng của vạn pháp, thì mới mong thoát khỏi vòng hệ lụy khổ đau. Bằng không, thì tất cả vẫn còn quay cuồng trong quỹ đạo của vòng luân hồi sanh tử khổ đau bất tận.

Cũng có người không cần phải suy tư gì hết, cứ nhắm nghiền đôi mắt lại rồi thả hồn phiêu lưu nơi chân trời nào đó, khi tới nơi biết mình sẽ chuyển máy bay để mau về tới nhà. Bởi có những người nhà đang trông đợi mình về, để được tặng một món quà lưu niệm. Đơn giản chỉ có thế thôi.

Dù nghĩ thế nào đơn giản hay sâu cạn khác nhau, tùy theo nhận thức của mỗi người mà định hướng suy tư mỗi khác. Nhưng bằng cách nào rồi cũng tới phi trường Bangkok. Đến phi trường, chúng tôi chờ chuyển máy bay về Úc. Khi đến phi trường Bangkok, nhìn thấy quang cảnh nơi đây thật là ảm đạm ưu sầu. Ai cũng biết Thái Lan vừa mới xảy ra một trận thiên tai bão lụt ác liệt, gây thiệt hại sinh mạng và tài sản rất nặng nề. Cho nên, du khách tới lui nơi đây rất ít. Khác hơn thường lệ phi trường hôm nay vắng vẻ ít người. Nhìn thấy cảnh tang thương này, không ai lại không bùi ngùi chạnh

tủi, dù biết đó là thiên tai không ai muốn. Hiện tượng thiên tai khổ nạn ngày nay, xảy ra khắp nơi trên thế giới. Đã thế, mà con người vẫn chưa chịu thức tỉnh thương yêu và tương trợ cho nhau. Chẳng những thế mà người ta lại còn gây thêm tang tóc làm khổ đau cho nhau nữa. Đó mới là điều đáng buồn đáng trách!

Khi lên máy bay, nhìn thấy máy bay thật thưa thớt ít người. Đoàn chúng tôi 15 người ai cũng ngã lưng nằm dài hết. Bởi một mình ngồi luôn cả 3 ghế trống. Thế là mạnh ai nấy nằm ngủ. Như tôi khó ngủ nhưt những khi đi xe hay máy bay, thế mà hôm nay, tôi thiếp đi khi nào cũng không hay.

Đến khi, các tiếp viên đánh thức mọi người dậy để dùng bữa ăn đơn giản, bấy giờ mới thức dậy để dùng. Dùng xong, thời gian còn dài chưa tới thì lại ngủ tiếp. Có lẽ, những ngày hành trình qua mọi người quá thắm mệt, nên được cơ hội tốt như thế này, thì tội gì mà không ngủ cho khỏe. Mình ngủ thì khỏe rồi, nhưng cũng tội nghiệp cho hãng máy bay. Nhất là những tiếp viên người Thái, trông thấy họ như đang giấu kín một nỗi buồn da diết trong lòng. Không buồn sao được, chuyện không may xảy ra trên đất nước của họ, máu chảy ruột mềm, làm sao mà họ có thể an nhiên dững dưng cho được?!

Bởi do ngủ, nên không ai còn nghĩ tới chuyện dài chuyện ngắn gì nữa, do đó, mà tới phi trường Melbourne khi nào không hay. Máy bay đáp xuống phi trường khoảng 9 giờ đêm, nhưng sau khi làm thủ tục giấy tờ nhập cảnh cũng phải mất thời gian hơi lâu. Sau đó, mọi người lại từ giả nhau thêm một lần nữa mạnh ai nấy về. Có người được người nhà ra đón, tay bắt mặt mừng, vui cười hớn hở cùng nhau lên xe về nhà. Tôi đi về chung xe cùng Nguyễn Nhật Tiến. Tới nhà nhìn đồng hồ tay là hơn 11 giờ đêm.

---o0o---

C. Nhìn Lại

Trải qua 20 ngày hành trình trên đất Phật, dĩ nhiên mỗi người có mỗi cảm niệm nhận xét khác nhau. Như có một Phật tử đã viết bằng tất cả tâm tư nhận xét của mình khi hồi tưởng nhìn lại:

Về đây cách nửa vòng trái đất

Nhớ Ấn đêm về trăng nửa vàng

Ở đó bụi trần bay muôn lối

Vạn dặm muôn trùng cõi phù vân
Hai mươi ngày đi thăm thánh tích
Lần tìm dấu vết của Như Lai
Sa la rừng rậm con sông cũ
Nước cạn, sậy, lao, con gió lay
Đắp lên tôn tượng Ngài y mới
Ánh nến chiếu lên thật huy hoàng
Đội nón lá che đầu tóc bạc
Thu chẳng heo may, không lá vàng
Án cuối thu mây ngàn tan tác
Ngày nắng chang chang gió bụi bay
Rảo bước đi tìm tăng đoàn cũ
Để nhờ khai ngộ tỉnh cơn say
Sáng nọ tóc ai vừa mới cạo
Để sạch não phiền những ngày qua
Bên cội Bồ Đề con phát nguyện
Đầy đủ duyên lành quyết xuất gia
Hạt nắng từ cao rơi xuống thấp
Đi tìm Tịnh độ bầu trời trong
Hoa giấy khoe màu trong rừng trúc
Đi tìm từ phụ bước thong dong

*Nhớ áo vàng, lam quanh tháp cổ
Đồng niệm Như Lai bước kinh hành
Trên núi cao, bên hồ thanh tịnh
Cầu nguyện cho Phật đạo chóng thành
Sau hai mươi ngày trăng hết khuyết
Từ giả con về vượt biển xanh
Úc Châu sắp sửa sang mùa hạ
Trăng rằm chiếu sáng giữa thâu canh*

Vạn vật trải qua ngàn năm luật vô thường chi phối, biến dị, hủy diệt, nhưng những lời vàng ngọc chân thật của Đức Tôn Sư Thích Ca Như Lai cũng như chư Phật sinh từ trí huệ, từ bi vẫn còn nguyên vẹn muôn đời. Lời giáo hóa, di huấn của đấng Cha Lành trong kinh điển vẫn còn lưu truyền cho đến ngày nay. Điều quan trọng là phải tư duy, quán chiếu, áp dụng lời Phật dạy vào đời sống thường nhật để tìm được nguồn an lạc và giải thoát khỏi những đau khổ, ràng buộc trong nếp nhân sinh. Mỗi người hành hương tại xứ Phật xưa nay đều có những ý nguyện, mong ước, nguyện cầu hay lãnh hội khác nhau. Riêng tôi, sau khi trải qua hai mươi ngày nơi đất Phật đã giúp tôi thêm niềm tin, nghị lực để tham cầu học hỏi chánh pháp và tiếp tục soi mình, sám hối tội nghiệp. Biết bao kiếp rồi trôi lăn trong ba đường sáu nẻo, bây giờ đang lặn hụp trong biển hồng trần, may mắn gặp được chiếc phao nổi Phật pháp mình phải cố gắng ôm chặt để vượt thoát. Đời đau khổ xin tự độ, như vậy một ngày kia lìa bỏ cõi đời này sẽ nở nụ cười mãn nguyện.

Qua hai mươi ngày hành trình và tu học ở đất Phật, tôi có được những bài học sống thực. Tôi đã nhìn thấy cảnh địa ngục, ngạ quỷ và thiên đàng ngay trên đất nước Ấn Độ. Bước chân tôi bước đến những nơi mà xưa nay địa danh đó tôi chỉ đọc tụng với văn tự được chú thích ở cuối trang. Tôi đã có dịp bước vào các hang động ở giữa núi rừng bao la hoang vắng, nơi các bậc Thánh nhơn xưa kia đã từng sinh hoạt tu hành và đắc quả. Tôi có cơ hội để thể nghiệm được những sinh hoạt khổ nhọc, hy sinh to lớn của Đức Phật và tăng đoàn trên bước đường giáo hóa chúng sanh tại miền Bắc Ấn Độ. Tôi cũng đã thể nghiệm được sự vô giá của các thánh tăng tạc tượng cúng dường chư Phật ở miền Nam Ấn Độ. Tôi đã nhận ra “Với sức người đá cũng phải

mềm thoi”. Khi chiêm ngưỡng những kỳ công ở các động Ajanta và Ellora mà ngày nay Liên Hiệp Quốc được xếp vào các kỳ quan trên thế giới.

Lạy tạ chư Phật, Bồ Tát mười phương đã hộ trì cho con vượt qua những chướng duyên thử thách và chuyến đi này được thành tựu. Kính xin đa tạ thâm ân thầy Trưởng Đoàn, chư tôn đức tăng ni đã cho phép và hướng dẫn chúng con trong những ngày qua. Cuối cùng kính xin cảm ơn các bạn đồng tu đã cho tôi có một cơ duyên cùng đồng hành trên những đoạn đường thiên lý trong suốt hai mươi ngày qua”.

Một Phật tử khác khi hồi tưởng nhìn lại hai mươi ngày qua đã không ngần ngại hạ bút viết: “Thật là một cơ duyên may mắn cho chúng tôi. Lần đầu tiên được bước chân đến xứ Phật. Xưa nay, tôi chỉ đọc sách hoặc nghe nói về những nơi Phật ra đời ở vườn Lâm tỳ ni, sinh trưởng ở thành Ca tỳ la vệ, xuất gia tu hành khổ hạnh ở Khổ hạnh lâm, thành đạo dưới cội cây Bồ Đề, nói pháp ở vườn Lộc uyển và cuối cùng nhập Niết bàn ở rừng Câu thi na v.v... Còn nhiều nơi thánh tích khác như núi Kê Túc, núi Linh Thứu, Tinh xá Kỳ Hoàn, Tinh xá Trúc Lâm, trường Đại học Nalanda... Ngày nay, theo gót chân thầy, tôi có dịp đến tận những nơi này để mục kích tham quan chiêm bái.

Trong suốt thời gian hành trình hai mươi ngày của chuyến đi mục đích là để tu học, bản thân tôi đã được học hỏi rất nhiều. Trước hết là học những đức tánh tốt ở nơi thầy bạn. Thầy Trưởng Đoàn đã bỏ công sức ra rất nhiều để hướng dẫn dìu dắt chúng tôi. Thầy luôn luôn quan tâm đến sự tu học, tụng niệm, sức khỏe, ăn uống, ngủ nghỉ, giải trí, đi đứng cho chúng tôi. Những lúc ở trên xe, thầy cũng đã tạo cho chúng tôi có dịp để niệm Phật, nghe kể chuyện về cuộc đời của Đức Phật, những tập tục đời sống của người dân Ấn Độ xưa cũng như nay, rồi văn nghệ hát ca cho khuây khỏa tâm trí để cho mọi người vui vẻ. Thầy thường nói là phải tận dụng thời gian, chớ để thời gian trôi qua một cách phí uổng vô ích. Vì vậy mà chúng tôi được học hỏi rất nhiều. Ngoài thầy Trưởng Đoàn ra, đối với quý thầy, quý sư cô trong Ban Tổ Chức, cũng đã hết lòng lo lắng cho chúng tôi. Đến các bạn đồng hành, cũng hết lòng thương yêu nhau và tận tâm giúp đỡ cho nhau. Thật tôi không biết nói sao cho hết những gì mà trong đoàn đã hết lòng lo lắng giúp đỡ cho nhau. Từ việc ăn uống, ngủ nghỉ, du hành, sức khỏe v.v... hề thấy người nào gặp khó khăn gì thì người khác nhảy vô phụ giúp ngay, không cần phải lên tiếng nhờ tới rồi mới giúp. Tinh thần hỗ trợ đồng đội cho nhau thật là thân tình thâm thiết. Tôi nghĩ dù cho thân nhân ruột thịt cũng chưa chắc được như thế. Nhiều lúc tôi nghĩ có phải đây là một nhân duyên từ nhiều đời

nhiều kiếp không? Biết đâu chúng tôi cũng đã từng đi như thế này ở một kiếp xa xôi nào đó trong quá khứ, nên nay mới được hội tụ cùng đi chung như thế này. Có lúc chúng tôi đi hoặc ngồi bên cạnh nhau tâm tình kể chuyện thoải mái rất vui. Thầy Trưởng Đoàn chỉ nhắc nhở chúng tôi trong những lúc sinh hoạt hành lễ hoặc lúc tới những nơi chiêm bái. Còn những lúc khác, tôi thấy thầy rất cởi mở vui tánh hòa mình với mọi người. Thầy tỏ ra thương yêu chúng tôi thật sự chớ không phải bề ngoài. Ai cũng cảm mến và kính nể thầy cả.

Ngoài ra, đến những nơi chúng tôi được nghe thầy và quý thầy, quý sư cô cũng đã giảng thuyết cho chúng tôi nghe. Đến những nơi thánh tích quan trọng, lúc nào thầy Trưởng Đoàn cũng giảng pháp có khi một thời có khi hai thời, tùy theo thời gian mà thầy giảng. Như ở vườn Lộc Uyển và nơi Phật nhập Niết bàn thầy giảng hai thời pháp. Ai cũng rất thích nghe thầy giảng. Tôi thấy có những nơi thánh tích đến nay vẫn còn như hoang phế, không hiểu sao chánh phủ không chịu sửa sang lại. Như ở thành Ca tỳ la vệ, cây cối cỏ dại mọc hoang vu um tùm, như một đám rừng. Đi vào người ta rất sợ rần rít ở dưới chân. Khi tới Tứ Động Tâm hay Tứ Thánh Địa, tôi có cảm tưởng như Phật vẫn còn ở đâu đây. Và Ngài như đang hiện hữu chỉ giáo cho chúng tôi. Thật lòng tôi có cảm giác như thế. Nếu tới những nơi này không nhờ quý thầy giảng giải khai thông cho chúng tôi, thì chắc chắn chúng tôi cũng không hiểu biết gì nhiều. Chỉ thấy cảnh trí như vậy thôi. Nhờ có quý thầy, quý sư cô hướng dẫn chỉ dạy nên chúng tôi mới hiểu biết được chút ít. Con cảm ơn quý thầy quý sư cô nhiều lắm. Nhất là thầy Trưởng Đoàn con không bao giờ quên được cái công ơn lớn lao của thầy đã tận tâm hết lòng hướng dẫn dìu dắt chúng con.

Nói tóm lại, trong hai mươi ngày qua, tôi học được rất nhiều điều lợi ích. Lợi ích trong sự tu học và lợi ích biết được nhiều thứ ở nơi đây. Từ sự nghèo nàn đói khát của những người dân, mà họ đi ăn xin và ngủ ở ngoài trời không mền không chiếu, sống lang thang nhờ vào tấm lòng thương xót bố thí của mọi người. Vì đói khổ, nên họ khởi nhiều lòng tham và làm cho mất đi những đức tánh tốt của con người. Tuy không biết họ là những người đi xin ăn thật hay giả, dù sao cũng cho tôi một bài học về đạo làm người. Kiếp này không lo tu nhân tích đức, làm lành lánh dữ, cúng dường bố thí, thương người thương vật, thi ân giúp đỡ, thì kiếp sau coi chừng mình cũng giống như họ. Nghĩ đến đó mà tôi giật mình! Hình ảnh của họ đã gây cho tôi có nhiều suy tư về bản thân mình và cuộc đời. Hôm nay mình không như họ, bởi do đời trước mình có biết tu hành chút đỉnh. Rồi tôi trộm nghĩ, biết đâu

họ thức nhắc mình ráng lo tu niệm để sau này đừng giống như họ mà chịu nhiều đau khổ. Cho nên tôi không dám khinh thường họ.

Đến Bồ Đề đạo tràng, chào ôi, tôi thấy một không khí thật là mát mẻ cho tâm hồn. Vào đây như sống trong cõi Cực lạc ở thế giới Tây phương. Thấy rõ sự khác biệt giữa hai thế giới đời và đạo. Ai cũng tụng kinh niệm Phật, kẻ thì lễ bái, người thì ngồi yên lặng tham thiền quán tưởng, và bên tai lúc nào cũng nghe tiếng tụng kinh, niệm Phật hoặc giảng pháp đều đều của chư tăng ni thuộc các tông phái khác nhau. Như vậy không lúc nào là không nhắc nhở mình niệm Phật, niệm Pháp, và niệm Tăng. Đâu có khác gì thế giới Cực lạc? Thật là một khung cảnh tạo cho người ta có nhiều an lạc. Trên thế gian này, khó tìm ra được một khung cảnh thù thắng lợi ích thiết thiết nào như thế này. Mỗi khi vào đây, thú thật tôi không muốn đi đâu hết. Chỉ muốn ngồi đây để suy tư, để lắng nghe âm thanh tụng niệm và nhìn những hình ảnh của mọi người chí thành lễ bái. Ngàn ấy, đã gây cho tôi một cảm giác tâm niệm sâu đậm thật khó quên.

Lời cuối, con không biết phải nói gì hơn, kính cảm ơn quý thầy, quý sư cô, nhất là thầy Trưởng Đoàn đã tạo cho con có cơ hội dịp may tốt đến được xứ Phật và học hỏi rất nhiều điều hay. Học ở thầy, ở bạn ở tất cả mọi người, nhất là đối với những người dân bản xứ đủ mọi thành phần, đã giúp cho con hiểu được những điều hay dở ở nơi mỗi người. Tôi cũng xin cảm ơn các bạn đồng hành đã tương trợ giúp đỡ cho tôi những điều mà tôi chưa hiểu, còn thiếu sót. Cầu nguyện cho chư tôn liệt vị thân tâm thường lạc vạn sự tốt đẹp an lành”.

Đó là những tâm tư, những nguyện vọng thiết tha của người con Phật. Họ đã cuu mang hoài bão hướng vọng về nơi đất Phật từ lâu. Nay có dịp đến tận nơi tham quan chiêm bái, học hỏi, tu tập. Bởi hơn ai hết, bất cứ người Phật tử nào cũng luôn mang tâm nguyện, ít nhất một lần trong cuộc đời, đến Ấn Độ để mục kích tận mắt những gì tai nghe mà mắt chưa thấy. Họ đã từng đọc lịch sử diễn tả cuộc đời của Đức Phật từ khi sanh ra cho đến khi nhập Niết bàn. Họ thừa biết, Đức Phật không phải là một vị thần linh, và vượt hơn bất cứ một vị giáo chủ nào khác. Họ cũng đã từng đọc và nghiên cứu qua nhiều kinh sách của các tôn giáo, nhưng họ chưa thấy có một tôn giáo nào mà vị giáo chủ là một con người, đích thực là một con người dám từ bỏ tất cả mọi thế lực quyền uy, giàu sang tột bực, đời sống xa hoa, cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, cung phi mỹ nữ, kẻ hầu người hạ, nói chung, không có một thứ lạc thú nào ở trên đời mà Ngài không có. Vậy mà, Ngài vứt tất cả

ra đi không một chút luyến tiếc. Ngài dám từ bỏ những gì mà ở thế gian người ta hằng ao ước thềm thường khát vọng.

Khi nghiên cứu về cuộc đời của Đức Phật, ngoài các sử gia Đông Tây kim cổ nổi tiếng khắp thế giới ra, còn có các nhà đạo học, các triết gia, các khoa học gia, các tâm lý gia v.v... họ đều ca tụng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một con người vĩ đại vượt hơn tất cả những con người. Trong cuốn Đức Phật Và Phật Pháp, có đoạn Đại Đức Narada viết: “Sanh ra là một con người, sống như một con người. Đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện, đạo quả Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Nhưng Ngài không dành giữ sự liễu ngộ siêu phàm cho riêng mình mà công bố trước thế gian rằng tâm có khả năng và oai lực bất khuất. Không khi nào tự hào rằng chỉ có Ngài là người duy nhất đắc quả Phật vì đạo quả Phật không phải là ơn huệ đặc biệt dành riêng cho một cá nhân tốt phước nào đã được chọn trước.

Thay vì đặt trên con người một thần linh vạn năng vô hình và cho con người một địa vị khép nép rụt rè, Ngài chứng minh rằng con người có thể thành đạt trí tuệ cao siêu và đạo quả tối thượng, do sự cố gắng của chính mình. Và như vậy, Đức Phật nâng cao phẩm giá con người. Ngài dạy rằng muốn thoát ra khỏi vòng trầm luân khổ não chính ta phải tự mình gia công cố gắng chớ không phải phục tùng tùy thuộc nơi một thần linh hay một nhơn vật nào làm trung gian giữa ta và vị thần linh ấy. Trong thế gian ngã chấp, lấy mình làm trung tâm của vũ trụ, và chạy theo quyền thế, Đức Phật dạy chúng ta lý tưởng cao quý của sự phục vụ bất cầu lợi. Ngài chống đối tệ đoan phân chia giai cấp trong xã hội - chỉ làm trở ngại sự tiến hóa của loài người – và luôn luôn bình vực công lý, khuyến dạy bình đẳng giữa người và người.

Ngài tuyên bố rằng cánh cửa thành công và thanh vượng phải rộng mở cho tất cả mọi người, ai cũng như ai, dầu cao thấp sang hèn đạo đức hay tội lỗi, nếu người ấy cố công cải thiện nếp sống, hướng về con đường trong sạch.

Ngài nâng đỡ hoàn cảnh của người phụ nữ lúc bấy giờ bị xã hội khinh thường, không những bằng cách đem phẩm giá của người đàn bà lên đúng tầm quan trọng mà còn sáng lập giáo hội đầu tiên trong lịch sử cho hàng phụ nữ. Cũng lần đầu tiên trong lịch sử nhơn loại, Ngài đứng lên cố gắng đánh đổ chế độ nô lệ (chế độ mua tôi bán mọi) . Ngài bãi bỏ phong tục đem những con vật xấu số ra giết để cúng tế thần linh và nới rộng tâm từ bao trùm luôn cả loài thú. Không bao giờ Đức Phật cưỡng bách tín đồ phải làm nô lệ cho giáo lý Ngài hay cho chính Ngài. Những ai bước theo dấu chơn Ngài đều được tự do tư tưởng. Ngài khuyến dạy hàng môn đệ không nên nhắm mắt chấp nhận những lời của Ngài vì kính nể tôn trọng, nhưng phải xem xét,

ngiên cứu, suy niệm cẩn thận cũng như người trí tuệ muốn thử vàng phải “đốt, cắt và chà vào đá”.

Đức Phật nâng đỡ những bà mẹ bạc phước như Patacara và Kisagotami bằng những lời khuyên lon an ủi. Đức Phật tự tay chăm sóc những người bệnh hoạn cô đơn như Putigatta Tissa Thera. Đức Phật giúp đỡ người nghèo đói và bị bỏ rơi, không nơi nương tựa như Rajjumala và Sopaka và cứu những vị này khỏi chết oan thê thảm. Đức Phật nâng cao đời sống đạo đức của hạng tội lỗi sát non như Angulimala và hạng giang hồ như Ambapali. Ngài khuyến khích kẻ yếu, đoàn kết người chia rẽ, đem ánh sáng đến cho người vô minh tăm tối, dắt dẫn kẻ mê muội lầm đường, nâng đỡ người thấp kém và tăng cao phẩm giá người cao quý, người nghèo, người giàu, người lương thiện và người tội lỗi, tất cả đều quý mến Ngài như nhau. Những bậc vua chúa tàn bạo độc tài và những vị minh quân chánh trực, những hoàng tử vinh quang hiển hách và những người sống cuộc đời tối tăm, không ai biết đến, những nhà triệu phú giàu lòng quảng đại, và những vị keo kiệt bòn sẻn, những học giả khiêm tốn và những người kiêu căng tự đắc, hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bán thú, hạng sát non, hạng người thường bị khinh bỉ, tất cả đều có hưởng những lời khuyên đầy trí tuệ và từ bi của Đức Phật. Gương lành cao quý của Ngài là nguồn gợi cảm, là niềm khích lệ cho tất cả. Ngài là vị đạo sư giàu lòng bi mẫn và rộng lượng khoan dung hơn tất cả.

Ý chí sắt đá, trí tuệ cao siêu, lòng bi mẫn vô biên, đức vị tha phục vụ thoát ly chưa từng có, đời sống gương mẫu, những phương pháp toàn thiện mà Ngài đã áp dụng để truyền bá giáo lý, và sự thành công tối hậu của Ngài - tất cả những yếu tố ấy đã khiến một phần năm non loại tôn thờ Ngài là vị giáo chủ siêu việt nhưt tự cổ chí kim”.

Đề tỏ lòng tôn kính thâm cao của mình đối với Đức Phật. Sri Radhakrishnan viết: “*Nơi đức Phật Cô Đàm ta nhận thấy một tinh hoa toàn thiện của người phương Đông. Ảnh hưởng Ngài trong tư tưởng và đời sống non loại là một kỳ công hy hữu, cho đến nay không thua kém ảnh hưởng của bất cứ vị giáo chủ nào trong lịch sử. Mọi người đều sùng kính, tôn Ngài là người đã dựng nên một hệ thống tôn giáo vô cùng thâm cao huyền diệu. Ngài thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới. Ngài là kết tinh của người thiện trí, bởi vì, đứng về phương diện trí thức thuần túy, đạo đức trang nghiêm và tinh thần minh mẫn, chắc chắn là một trong những bậc vĩ nhân cao thượng nhưt của lịch sử*”.

Trong quyển “Three Greatest Men in History” nhà học giả H.G Wells ghi nhận như sau:

“Nơi đức Phật ta thấy rõ ràng là một con người giản dị, có tâm đạo nhiệt thành, một mình tự lực phát huy ánh sáng tươi đẹp, một nhân vật sống, một con người như mọi người chứ không phải một nhân vật thần thoại ẩn hiện trong nhiều truyền thuyết hoang đường. Ngài cũng ban bố cho nhơn loại lời kêu gọi có tánh cách phổ thông. Bao nhiêu quan niệm của thế hệ tân thời đều tương hợp với giáo lý ấy. Đức Phật dạy rằng tất cả những gian lao sâu khổ và bất hạnh trong đời đều do lòng ích kỷ sanh ra. Trước khi có thể trở nên vắng lặng con người cần phải ngừng sống cho giác quan mình, nghĩa là cho chính mình. Rồi từ đó, vượt lên trên tất cả mọi người, Ngài sống cuộc đời siêu nhơn. Năm trăm năm trước Chúa Kitô xuyên qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, Phật giáo đã kêu gọi con người nên tự quên. Đứng về một vài phương diện, giữa ta (là người Âu) và những nhu cầu của chúng ta và Phật giáo có nhiều quan điểm gần nhau. Đối với tầm quan trọng của con người trong sự phục vụ, Ngài tỏ ra sáng suốt hơn và đối với vấn đề trường tồn bất hoại của kiếp nhơn sinh. Ngài ít lúng túng trong biện thuyết mập mờ hơn Chúa Kitô”.

Nhà thi sĩ Tagore tôn Ngài là bậc vĩ nhơn cao quý nhất trên thế gian.

Một triết gia người Đan Mạch, ông Fausboll, tán dương đức Phật với những lời lẽ như sau:

“Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài”.

Một người tín đồ từ tôn của đức Phật sẽ nói:

“Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài. Càng quý mến tôi càng hiểu biết Ngài”.

Qua những lời dẫn chứng trên, cho chúng ta một kết luận khiêm tốn rằng: “Đức Phật quả là một tấm gương sáng chói qua nhiều phương diện, thật đáng cho cả nhơn loại quy kính noi theo”. Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Nếu chúng sanh đi đúng theo lộ trình của Ngài đã vạch sẵn, thì tất cả sẽ đạt được mục đích tối hậu như Ngài.

Nhìn lại, hai mươi ngày qua, tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng cho chúng ta nhiều bài học vô cùng quý giá qua những gì mà Đức Phật và các thánh đệ tử đã để lại. Tất cả như có một nguồn năng lực tạo thành sức mạnh trong ý

hướng tu tập. Hơn thế nữa, là một dấu ấn sâu đậm thật khó phai nhòa trong tâm trí của mỗi người.

Mong sao những hình ảnh thân thương đầy chất liệu tình người và tình đạo này, chúng ta sẽ giữ mãi mãi bên nhau để kết duyên lành là những thiện hữu tri thức hành Bồ tát đạo, cùng nắm lấy tay nhau, quyết tâm vượt qua mọi chướng duyên thử thách để hoàn thành tâm nguyện: “Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn” vậy.

Soạn xong ngày 1 tháng 12 năm 2011.

(Nhằm ngày 7 tháng 11 năm Tân Mão)

Tịnh Lạc Niệm Phật Đường

Kính ghi

Thích Phước Thái

---o0o---

HẾT